

Viet Kien Nong
Việt Kiến Nông

LI-BASED AGRO-ARCHITECTURE
LÝ-HỌC KIẾN-NÔNG
建農理學



From Bipolarity to Multipolarity: Sectoral Economic Development
within the Dual Framework of Architecture and Agriculture in Vietnam's Central Highlands

*Từ lưỡng cực đến đa cực: Phát triển kinh tế ngành trong khuôn khổ kép
của kiến trúc và nông nghiệp tại Tây Nguyên, Việt Nam*

Version 2025
Phiên bản năm 2025

INTRODUCTION BY MASTER HONG TRIEN LUU

LỜI GIỚI THIỆU CỦA THẦY LƯU HỒNG TRIỂN

During my visit to Seoul, South Korea, in 2004, I attended the Korean Agriculture Exhibition Hall. Upon entering the main hall, I encountered a large fabric banner, approximately three meters in length and half a meter in width, inscribed with a prominent Confucian maxim:

農者天下之大本

Nóng zhě tiānxià zhī dàběn

“Agriculture is the great root of all under heaven”

This banner was displayed in a solemn and highly visible position within the hall. Its presence immediately recalled to me similar expressions I had encountered in Vietnamese texts, emphasizing the fundamental importance of agriculture. Yet it also raised a series of questions: What is the true depth of the concept of farming? Do all people perceive it in the same way? What inspired the original author to formulate such an idea - an idea that has continued to resonate, not only in Korea but also in Vietnam? In Vietnam, where nearly 70 percent of the population remains directly engaged in agriculture, the relevance of this maxim is profound. It compels us to reflect on the scope of agricultural progress and its cultural, social, and philosophical implications. The author, Viet Kien Nong - originally trained as an architect - eventually turned his intellectual focus toward the categories of Soil (Thổ) and Earth (Địa). After years of reflection, he now introduces his theory as a contribution to broadening our understanding and appreciation of agriculture as both a practice and a philosophical foundation.

Trong chuyến đi đến Seoul, Hàn Quốc, năm 2004, tôi có dịp tham quan Korean Agriculture Exhibition Hall. Ngay khi bước vào sảnh chính, tôi bắt gặp một tấm phướn bằng vải lớn, dài khoảng ba mét và rộng nửa mét, trên đó có khắc một câu danh ngôn Nho giáo:

農者天下之大本

Nông dã thiên hạ chi đại bản

“Nông là cái gốc lớn của thiên hạ.”

Tấm phướn này được trưng bày trang trọng ở vị trí dễ thấy nhất trong sảnh, gợi nhớ cho tôi đến những câu chữ tương tự trong sách vở Việt Nam, nơi nông nghiệp cũng luôn được đề cao như nền tảng. Tuy vậy, nó đồng thời đặt ra nhiều câu hỏi: Thực chất khái niệm nông mang nội hàm sâu xa thế nào? Liệu mọi người có cùng một cách cảm nhận về nó? Điều gì đã thôi thúc một học giả xưa khẳng định quan điểm ấy - một quan điểm được lan truyền rộng rãi, không chỉ ở Hàn Quốc mà cả trong văn hiến Việt Nam? Tại Việt Nam, nơi gần 70% dân số còn trực tiếp gắn bó với nông nghiệp, câu chữ này càng trở nên thâm thúy. Nó buộc ta phải suy tư về tầm vóc tiến bộ của nông nghiệp cũng như những hàm nghĩa văn hóa, xã hội và triết học mà nó gợi mở. Tác giả Việt Kiến Nông - vốn xuất thân là một kiến trúc sư - sau nhiều năm nghiền ngẫm đã chuyển hướng sang phạm trù Thổ (Soil) và Địa (Earth). Giờ đây, câu ấy giới thiệu học thuyết của mình như một nỗ lực mở rộng tầm hiểu biết và trân trọng đối với nông nghiệp, không chỉ như một hoạt động sản xuất, mà còn như một nền tảng triết học.

Closing Statement:

"I am honored to introduce this work." / *Xin trân trọng giới thiệu,*

Vietnam, September 11, 2023 / *Việt Nam, ngày 11 tháng 9 năm 2023*

– Hong Trien Luu / *Luu Hồng Triền.*

ACKNOWLEDGMENTS

LỜI CẢM ƠN

This work would not have been possible without the contributions of numerous individuals and organizations committed to advancing agriculture in Vietnam. I wish to express my profound gratitude to mentors, collaborators, and colleagues who have shared their insights, offered constructive feedback, and supported this endeavor from its inception. In particular, I acknowledge my foster father, whose inspiration shaped the initial ideas of this study, as well as the agricultural communities of the Central Highlands, who welcomed me generously and shared their knowledge, experiences, and resources. To all who continue to believe in and contribute to the development of Li-based Agro-Architecture, I extend my sincerest appreciation. Together, we strive toward a vision of sustainable agriculture—one that honors both the earth and those who cultivate it.

Công trình này sẽ không thể thực hiện được nếu thiếu đi sự đóng góp của nhiều cá nhân và tổ chức tận tâm với sự phát triển nông nghiệp tại Việt Nam. Tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến các bậc cố vấn, cộng tác viên và đồng nghiệp đã chia sẻ tri thức, đưa ra phân hồi xây dựng, và đồng hành cùng công việc này ngay từ những ngày đầu. Đặc biệt, tôi trân trọng ghi nhận công lao của người cha nuôi, người đã khơi nguồn cảm hứng cho những ý tưởng ban đầu của nghiên cứu này, cũng như các cộng đồng nông nghiệp Tây Nguyên đã rộng lòng tiếp đón và chia sẻ tri thức, kinh nghiệm cùng nguồn lực quý báu. Xin gửi lời cảm ơn chân thành nhất đến tất cả những ai vẫn luôn tin tưởng và đóng góp cho sự phát triển của Lý-học Kiến-Nông. Cùng nhau, chúng ta hướng đến một tầm nhìn về nền nông nghiệp bền vững – nơi tôn vinh cả đất đai và những con người canh tác trên đó.

SPECIAL THANKS

LỜI CẢM ƠN ĐẶC BIỆT

From the age of twelve, when I was in seventh grade, my foster father began to cultivate my thinking by introducing me to a range of ideas and reflections. At our family meals and over tea, he would often remind me: “My child, to accomplish anything, you must possess both will and ability.” This guiding principle of “will and ability” has accompanied me since those formative years. I owe my deepest gratitude to my foster father, Doctor of Literature, Van Loi Bui. One day, I, too, aspire to continue his legacy—through writing, through teaching literature, and by carrying forward the torch of thought to inspire future generations of inquiring minds.

Từ năm mười hai tuổi, khi còn học lớp bảy trung học cơ sở, tôi đã được cha khai mở tư duy bằng cách gợi dẫn nhiều ý tưởng và suy niệm. Trong những bữa cơm gia đình, những lúc uống trà, cha thường nhắc nhở tôi: “Con à, muốn làm được điều gì đều phải có cả ý chí và nghị lực.” Nguyên lý dẫn đường “ý chí và nghị lực” đã theo tôi từ những năm tháng hình thành nhân cách ấy. Tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc nhất đến cha tôi, Tiến sĩ Văn chương Bùi Văn Lợi. Một ngày nào đó, tôi cũng mong được tiếp nối di sản của cha—bằng viết văn, bằng giảng văn, và bằng việc truyền ngọn đuốc tư tưởng để khơi mở cảm hứng cho những thế hệ khát vọng tri thức.

Signed / Ký tên

"Viet Kien Nong." / Việt Kiến Nông.

PRAISE FOR THE BOOK

LỜI KHEN TẶNG DÀNH CHO SÁCH

“Much like many younger colleagues, I have guided Viet Kien Nong in matters concerning international trade and the management of agricultural export supply chains. What distinguishes him is his diligence in carefully implementing my instructions step by step. Whenever uncertainties arose, he would call me for clarification, or send a message if I was unavailable. While my own commitments often limited the immediacy of my responses, I consistently sought to provide him with guidance whenever possible, so that he could continue his work without interruption. Over time, Viet Kien Nong presented me with the manuscript Li-based Agro-Architecture. I was deeply impressed, for beyond practicing what he had learned, he had taken the effort to meticulously document each stage of his journey. I acknowledge his perseverance, and I hope that his dedicated work and careful record-keeping will serve as a meaningful resource for others who follow on this challenging yet profoundly valuable path of agricultural development.

Cũng như nhiều người em, tôi đã hướng dẫn Việt Kiến Nông trong các vấn đề liên quan đến thương mại quốc tế và quản lý chuỗi cung ứng nông sản xuất khẩu. Điểm nổi bật ở Việt là sự cẩn trọng trong việc thực hành từng bước theo đúng hướng dẫn. Mỗi khi gặp điều chưa rõ, Việt đều gọi để hỏi, hoặc nhắn tin khi không liên lạc được. Dù bận rộn khiến tôi không phải lúc nào cũng trả lời ngay, nhưng mỗi khi có thể, tôi luôn cố gắng phản hồi để em có thể tiếp tục công việc một cách liền mạch. Theo thời gian, Việt Kiến Nông đã gửi cho tôi bản thảo Lý-học Kiến-Nông. Tôi thực sự ấn tượng, bởi ngoài việc thực hành, em đã dành công sức ghi chép tỉ mỉ từng chặng đường đã trải qua. Tôi ghi nhận sự kiên trì của em, và hy vọng rằng những nỗ lực cũng như sự ghi chép cẩn trọng này sẽ trở thành nguồn tham khảo hữu ích cho những người tiếp bước trên con đường phát triển nông nghiệp đầy thử thách nhưng cũng vô cùng đáng trân trọng.”

Engineer - Businessman The Lam Ung / Kỹ sư - Thương gia Ung Thế Lâm.

“Viet Kien Nong was once a young student of mine, who studied with me only briefly but has remained remarkably persistent in inquiry, steadfast in his goals, and committed to lifelong learning. Since first attending my lecture “What is Business Strategy?” at the YUP Entrepreneurship Academy more than a decade ago, Viet has continued to reflect, to explore, and to connect, drawing upon his professional foundation in architecture - a discipline that integrates technical reasoning with aesthetic sensibility. He has been notably successful in applying the lessons imparted, particularly with respect to the LTC Business Strategy and the LTC Enterprise House models that I taught and guided him through. Viet possesses a profound passion for integrating knowledge - Eastern and Western, ancient and modern - in order to support farmers and advance the development of Vietnam’s agriculture. He has shown special interest in the methods, principles, and frameworks I have distilled and simplified. Throughout his journey of engaging with rural communities - especially in the Central Highlands - to cultivate the notion of the Agricultural Entrepreneur (Doanh Nông - 營農), Viet has continuously reflected, experimented, and refined what has come to be known as Li-based Agro-Architecture (建農理學). At every milestone or challenge, he would share with me his insights or questions, always seeking deeper understanding as a foundation for sustainable development. He translated my

LTC Enterprise House model into the quartet of Owner - Employee - Customer - Community (領人客會) for the training of farmers and cooperatives. Likewise, he reinterpreted the LTC Business Strategy GAP Planning model into the Soaring Dragon Model (Dịch Long - 易龍), inspired by the Pure Qian hexagram. Similarly, the Four Potentials Framework (latent ability, capacity, skill, and talent) was reformulated into the accessible set Potential-Capacity-Skill-Talent (Tiềm-Khả-Kỹ-Tài - 潛可技才) for agricultural entrepreneurs. When I taught him about the internal operations of an enterprise, Viet distilled the essence into the concise model Operation - Object - Static - Active (Sự Vật Tĩnh Động - 事材靖動), capturing its true nature. Over the past eleven years, we have shared, discussed, and refined together both thought and language. The principles distilled in Sino-Vietnamese conceptual terms - such as Three Determinants (Tam Định - 三定), Four Determinants (Tứ Định - 四定), Three Times (Tam Thời - 三時), Threefold and Fourfold Relations (Tam đối - 三對, Tứ đối - 四對), and Four Potentials (Tứ Năng - 四能) - have been integrated by Viet into rural life, deeply imbued with the agricultural culture of Vietnam's wet-rice civilization. Recently, when Viet said to me: "Teacher, from the success of these applied models, may I now begin to articulate the theory of Lý Trường Chiến Economics?" - I was truly surprised. At that moment, I realized that I had not spent enough time observing how Li-based Agro-Architecture had evolved and been applied from its inception to the present day. Now that it has gained wider recognition in Vietnam and begun to reach beyond, I feel both proud and confident that Viet will continue along this path, advancing the vision we once shared from the very beginning. I believe Viet has the time, dedication, and capacity to develop Li-based Agro-Architecture into deeper and broader dimensions. I therefore entrust him with this opportunity and will continue to accompany and support him in advancing Lý Trường Chiến - Viet Kien Nong Economics, which he has so painstakingly contemplated, applied, and refined. And now, I invite you, the reader, to embark on this journey of thought - of agricultural development from its earliest and most rudimentary stages - through each word and each page. My hope is that you will discover a part of yourself within this work, and that you may extract, apply, and adapt its insights along your own journey."

"Việt Kiến Nông là một học trò nhỏ học với tôi rất ngắn nhưng kiên trì tìm hiểu, kiên định mục tiêu và liên tục học hỏi học hành trong cuộc sống. Từ những tiếp nhận chính thức qua bài giảng "Chiến lược kinh doanh là gì?" của tôi tại Học viện Khởi nghiệp YUP hơn 10 năm trước đây, Việt đã trải qua tìm tòi học hỏi kết nối, với chuyên môn nền ngành kiến trúc có tư duy kỹ thuật tích hợp mỹ thuật. Việt đã rất thành công trong việc triển khai ứng dụng và thực hiện được nội dung bài học, cụ thể về: Chiến lược kinh doanh LTC và Ngôi nhà doanh nghiệp LTC mà tôi đã truyền giảng và hướng dẫn. Việt có một đam mê cháy bỏng trong việc tích hợp kiến thức đông tây kim cổ giúp cho nông dân phát triển ngành nông nghiệp nước nhà. Việt đặc biệt yêu thích các phương pháp, nguyên tắc, mô hình được tôi đúc kết, rút gọn. Trong suốt hành trình tìm hiểu để giúp nông dân ở nông thôn đặc biệt là vùng đất Tây Nguyên phát triển thành Doanh Nông, Việt luôn suy tư, thực nghiệm và hoàn thiện Lý Học Kiến Nông. Mỗi khi đạt một cột mốc mới nào, hay gặp khúc mắc nào Việt đều chia sẻ hay hỏi tôi cận kề để hiểu sâu sắc hơn làm cơ sở cho sự phát triển bền vững. Mô hình Ngôi nhà doanh nghiệp LTC của tôi đã được Việt chuyển ngữ thành bộ tứ Lãnh Nhân Khách Hội để đào tạo cho nông dân, hợp tác xã. Mô hình Chiến lược kinh doanh LTC dạng GAP planning đã được Việt chuyển dịch thành Mô hình Dịch Long (nghĩa là con rồng bay như được tả trong quẻ Thuần Càn). Rồi mô hình khai phát Tứ Năng LTC (tiềm năng, khả năng, kỹ năng, tài năng) được viết thành bộ Tiềm Khả Kỹ Tài giúp cho doanh nông dễ hiểu dễ nhớ dễ áp dụng. Đặc biệt, khi tôi giảng riêng cho Việt về sự vận hành trong doanh nghiệp

thì Việt chuyển lược thành bộ Sự Vật Tĩnh Động tinh gọn, đúng bản chất. Trong hành trình 11 năm qua, chúng tôi đã chia sẻ, thảo luận, liên tục hoàn thiện và hòa quyện với nhau về tư duy và ngôn ngữ. Những nguyên lý nguyên tắc được chắt lọc đúc kết qua các thuật ngữ Hán Việt: Tam Định, Tứ Định, Tam Thời, Tam đối Tứ đối, Tứ Năng,... được Việt ứng dụng gắn kết vào đời sống, nông thôn và đậm sắc thái văn hóa nông nghiệp của nền Văn minh lúa nước Việt. Gần đây, khi Việt nói: Thầy ơi, qua thực tế các mô hình đã ứng dụng thành công, em biên soạn học thuyết Kinh tế Lý Trường Chiến nha? thì tôi thật sự bất ngờ. Tôi chợt nhận ra rằng: tôi đã chưa dành đủ thời gian để thấy Lý Học Kiến Nông, Việt phát triển và ứng dụng từ ngày bắt đầu đến nay. Hôm nay, khi Lý Học Kiến Nông đã được biết rộng rãi hơn tại Việt Nam và từng bước đi ra với thế giới, tôi tự hào và tin rằng Việt sẽ tiếp tục đi xa làm được điều tâm huyết mà thầy trò chúng tôi đã thảo luận cùng nhau từ những ngày đầu. Tôi chúc và tin rằng Việt còn đủ thời gian, tâm huyết và năng lực để đưa Lý Học Kiến Nông phát triển cao sâu hơn và vươn xa hơn. Tôi đồng ý trao cho Việt cơ hội và sẽ tiếp tục đồng hành hỗ trợ Việt phát triển "Kinh tế học Lý Trường Chiến - Việt Kiến Nông" với những kỳ công Việt đã dày công nghiên ngẫm, ứng dụng và phát triển. Và bây giờ, mời bạn hãy bắt đầu tham gia hành trình khai phát tư duy về phát triển nông nghiệp từ những ngày đầu rất ban sơ qua từng con chữ và từng trang sách. Tôi hi vọng bạn sẽ tìm thấy một phần của chính mình và sẽ rút tỉa, ứng dụng được ít nhiều trong hành trình này."

Master. Truong Chien Ly / Santa-Claus Ly/ 李長戰 - Thầy Lý Trường Chiến

INTRODUCTION TO LI-BASED AGRO-ARCHITECTURE (LAA)

GIỚI THIỆU VỀ LÝ-HỌC KIẾN-NÔNG

In the contemporary context of deep globalization, Vietnam's economy must define its core comparative advantages to sustain competitiveness with both developed and emerging economies. Rooted in its traditional wet-rice civilization, Vietnam possesses inherent agricultural strengths that enable participation in international supply chains and the capacity to meet global demand for agricultural products and food.

To respond to the requirements of the green and circular economy, Vietnamese agricultural products must meet international standards of integration. Accordingly, the agricultural sector must be standardized in the direction of industrialization, ensuring traceability and achieving high levels of consistency in productivity, form, and quality.

Planned agricultural development requires a systematic reassessment and redesign of both existing agricultural and rural infrastructure. This process must be accompanied by a long-term state strategy to enhance farmers' knowledge and technical skills. While innovation within agriculture is a direct necessity, its practical realization demands an interdisciplinary approach - integrating education, transportation, industry and trade, construction, and related domains - towards achieving shared objectives.

Beyond international support in markets, finance, and technology, it is imperative to cultivate internal resources - public knowledge, civic spirit, and social welfare - sufficient to sustain production, ensure social stability, and stimulate the vigorous growth of both domestic and foreign trade. A vital component of this intrinsic strength resides in Vietnam's traditional language and culture, which must be carefully preserved and strategically advanced.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa sâu rộng hiện nay, nền kinh tế Việt Nam cần xác định lợi thế so sánh cốt lõi để duy trì năng lực cạnh tranh với cả các quốc gia phát triển lẫn đang phát triển. Xuất phát từ nền văn minh lúa nước truyền thống, Việt Nam sở hữu thế mạnh nông nghiệp vốn có, đủ khả năng tham gia vào chuỗi cung ứng quốc tế và đáp ứng nhu cầu toàn cầu về nông sản, thực phẩm.

Để đáp ứng những yêu cầu của kinh tế xanh và kinh tế tuần hoàn, nông sản Việt Nam cần đạt các chuẩn hội nhập quốc tế. Theo đó, ngành nông nghiệp phải được chuẩn hóa theo hướng công nghiệp hóa, bảo đảm truy xuất nguồn gốc và đạt tính đồng đều cao về năng suất, hình thái và chất lượng.

Để phát triển nông nghiệp có kế hoạch, cần quy hoạch và thiết kế lại một cách hệ thống hạ tầng nông nghiệp và hạ tầng nông thôn. Quá trình này phải đi kèm với chiến lược dài hạn của Nhà nước nhằm nâng cao tri thức và kỹ năng của người nông dân. Dù đổi mới trong nông nghiệp là một yêu cầu trực tiếp, việc hiện thực hóa nó trên thực tế đòi hỏi một cách tiếp cận liên ngành - kết hợp giáo dục, giao thông, công thương, xây dựng và các lĩnh vực liên quan - hướng đến mục tiêu chung.

Bên cạnh các hỗ trợ quốc tế về thị trường, tài chính và công nghệ, điều cốt yếu là xây dựng nội lực - dân trí, dân khí và dân sinh - đủ mạnh để duy trì sản xuất, bảo đảm ổn định xã hội và thúc đẩy sự phát triển

mạnh mẽ của cả nội thương và ngoại thương. Một yếu tố quan trọng của nội lực này nằm ở ngôn ngữ và văn hóa truyền thống Việt Nam, cần được bảo tồn cẩn trọng và phát huy có chiến lược.

Vietnamese Language, Thought, and Agricultural Foundations

Ngôn ngữ, Tư duy và Nền tảng Nông nghiệp Việt Nam

The spoken Vietnamese language developed first, reflecting the cognitive patterns of the Vietnamese people throughout history. A crucial dimension of this linguistic and intellectual development is tied to the history of agriculture within the wet-rice civilization. Written forms of the language emerged in successive historical periods, documenting and preserving this oral tradition.

The Vietnamese language embodies numerous binary pairs of yin-yang oppositions (such as long–short, high–low), as well as structured “Four-Word” sets (e.g., scholar–farmer–artisan–merchant / sĩ–nông–công–thương). Within the framework of Viet Confucianism, these sets are concisely expressed as Tứ-Tự (四字).

The Tứ-Tự, rooted in the Confucian tradition, has been applied and innovated for thousands of years as a means of enhancing clarity and efficiency in agricultural communication. If systematically developed, it can evolve into a powerful instrument for technological and managerial information exchange.

From simple expressions such as “xem sơ rồi tính” (“**look first, then decide**”), “làm thử xem sao” (“**try it out**”), and “phải làm mới hiểu” (“**one must do to understand**”), to experience-based knowledge such as “nước–phân–cần–giống” (“**water–fertilizer–care–seeds**”) and “lấy thực làm sơ” (“**take the practiced as fundamental**”), the Four-Word method has historically condensed practical wisdom. In the modern era, these can be elevated into structured industrial processes: “kê biên cung chính” (“**list–description–supplier–specification**”), “nghiên định thỏa dụng” (“**R&D–branding–customer experience–sales channel**”), “cân kết lưu thuyết” (“**balance sheet–income statement–cash flow statement–notes**”), and “tài sức trí tác” (“**operating profit–financial health–strategic leadership–environmental impact**”).

When formalized into management software processes, the Four-Word language system advances to a new level - serving not only Vietnam but also other nations striving to accelerate agricultural modernization - by becoming an effective instrument for agricultural communication and knowledge transfer.

Tiếng nói của người Việt xuất hiện trước, phản ánh tư duy của dân tộc xuyên suốt lịch sử. Một khía cạnh cốt lõi của quá trình hình thành ngôn ngữ và tư duy này gắn liền với lịch sử phát triển nông nghiệp trong nền văn minh lúa nước. Chữ viết được hình thành sau đó trong các thời kỳ lịch sử kế tiếp, nhằm ghi chép và lưu giữ lại ngôn ngữ nói.

Trong tiếng Việt có nhiều cặp khái niệm đối đãi âm-dương (ví dụ: dài-ngắn, cao-thấp), cùng với những tổ hợp “Tứ-Tự” (chẳng hạn: nho-y-lý-số, sĩ-nông-công-thương). Trong khuôn khổ Việt Nho, các tổ hợp này được viết gọn thành Tứ-Tự (四字).

Tứ-Tự, bắt nguồn từ truyền thống Nho học, đã trải qua hàng nghìn năm ứng dụng và cách tân như một phương tiện gia tăng tính minh bạch và hiệu quả trong giao tiếp nông nghiệp. Nếu được phát triển một cách hệ thống, nó có thể trở thành công cụ hữu hiệu cho việc trao đổi thông tin công nghệ và quản lý.

Từ những biểu đạt giản dị như “xem sơ rồi tính”, “làm thử xem sao”, “phải làm mới hiểu” đến những kinh nghiệm quý giá như “nước-phân-cân-giống”, “lấy thực làm sơ”, phương pháp Tứ-Tự đã có động tri thức thực tiễn. Trong thời hiện đại, chúng có thể được nâng cấp thành quy trình công nghiệp có cấu trúc: “kê biên cung chính”, “nghiên định thỏa dụng”, “cân kết lưu thuyết”, “tài súc trí tác”.

Khi được chuẩn hóa thành quy trình để tích hợp vào phần mềm quản lý, hệ thống ngôn ngữ Tứ-Tự phát triển lên một tầm cao mới - không chỉ phục vụ Việt Nam mà còn hỗ trợ các quốc gia đang đẩy mạnh hiện đại hóa nông nghiệp - trở thành công cụ hữu hiệu cho truyền thông và chuyển giao tri thức nông nghiệp.

Research and Methodological Foundations in the Central Highlands

Cơ sở Nghiên cứu và Phương pháp tại Tây Nguyên

After seven years of continuous experimental research in Vietnam’s Central Highlands, I developed a methodology for documenting industrial processes according to British Standards, drawing upon my professional experience in multinational corporate environments. This methodology was then adapted and applied to the daily agricultural activities of farmers in the region.

The initial outcome was to render agricultural activities and objects more comprehensible, systematically organized, and subject to planning. Subsequently, these processes were progressively standardized to align with the requirements of banks and financial institutions. To ensure accessibility, the processes were translated from English into colloquial Vietnamese, making them understandable to rural workers. Thereafter, they were further refined to meet international integration standards.

In the tripartite structure of agriculture-farmers-rural areas, the Li-based Agro-Architecture (LAA) framework emphasizes the rural component, specifically agricultural infrastructure. Within LAA, agricultural infrastructure is examined in relation to both agriculture and farmers. The Pure Qian hexagram in the Principle of Change in Agro-Architecture (PCAA) outlines the developmental principle guiding the infrastructure owner - represented by the agricultural entrepreneur (the junzi 君子) - in shaping infrastructure across successive stages.

Sau bảy năm nghiên cứu thử nghiệm liên tục tại Tây Nguyên, tôi đã phát triển một phương pháp viết quy trình công nghiệp theo tiêu chuẩn Anh, dựa trên kinh nghiệm chuyên môn tích lũy trong môi trường công ty đa quốc gia. Phương pháp này đã được điều chỉnh và áp dụng vào các hoạt động nông nghiệp hằng ngày của nông dân trong khu vực.

Kết quả ban đầu là giúp các sự vật và hoạt động trong nông nghiệp trở nên sáng rõ hơn, có thể sắp xếp được và lên kế hoạch cụ thể. Tiếp theo, các quy trình này đã được chuẩn hóa dần để phù hợp với các yêu cầu của ngân hàng và tổ chức tài chính. Để bảo đảm tính dễ tiếp cận, các quy trình được Việt hóa từ Anh ngữ sang ngôn ngữ bình dân, gần gũi với người lao động nông thôn. Sau đó, chúng tiếp tục được tinh chỉnh để đáp ứng yêu cầu chuẩn hội nhập quốc tế.

Trong tam-nông gồm nông nghiệp - nông dân - nông thôn, Lý-học Kiến-Nông (LAA) chú trọng phần nông thôn, cụ thể là hạ tầng nông nghiệp. Trong khuôn khổ LAA, hạ tầng nông nghiệp được xem xét trong mối quan hệ với nông nghiệp và nông dân. Quê Thuần Cần trong Dịch-lý Kiến-Nông (PCAA) nêu ra nguyên lý phát triển, định hướng cho chủ hạ tầng - đại diện là doanh nông (người quân tử, 君子) - tác động lên hạ tầng theo từng giai đoạn kế tiếp.

Definition of the Agricultural Entrepreneur (Doanh-Nông) in LAA

Định nghĩa Doanh-Nông trong LAA

Within the framework of Li-based Agro-Architecture (LAA), the term doanh-nông (營農) or "agricultural entrepreneur" refers to the individual who organizes production and business activities. This figure bears the responsibility of making strategic and operational decisions based on the model's characteristic system of values. One central role of the agricultural entrepreneur is to determine the remuneration allocated to manual laborers in both the agricultural and food industries. By adopting the concise expression doanh-nông, discussions and exchanges surrounding this role become significantly more efficient and precise.

The introduction of the doanh-nông concept situates agricultural labor organization within a modern theoretical framework, while simultaneously preserving the cultural-linguistic heritage of Viet Confucianism. In this sense, LAA not only provides a model for agricultural practice but also articulates a language that enhances communication, reduces ambiguity, and bridges traditional thought with contemporary management.

In the current Vietnamese culture in rural areas, "manual laborers in the agricultural and food industry" are called "laborer". When there are no people to hire for manual labor in the agricultural and food industry, people say there are no "laborer". Agricultural entrepreneur hires laborers to do their agricultural and food production. In areas with low population density, agricultural entrepreneur find it difficult to find laborers who are strangers, but have to find laborers who are acquaintances, so hiring and paying wages has a local cultural character in labor relations.

Next step, LAA researches the rationale in the culture of hiring and paying wages in low-popular-density areas. The research environment of Viet Kien Nong for this topic is the Central Highlands of Vietnam. LAA documents were compiled and shared with the community for the first time after 9 years of living in the Central Highlands of Viet Kien Nong. The main opposite binary principle in LAA is 'agricultural entrepreneur / agricultural infrastructure'. The structure consisting of two main components, agricultural entrepreneur and agricultural infrastructure, is commonly referred to as the agricultural model. The operation of the agricultural model is based on the rationale of 'agricultural entrepreneur / agricultural infrastructure'.

Trong khuôn khổ Lý-học Kiến-Nông (LAA), khái niệm doanh-nông (營農) hay "agricultural entrepreneur" chỉ người tổ chức các hoạt động sản xuất và kinh doanh. Người này chịu trách nhiệm đưa ra các quyết định chiến lược và vận hành dựa trên hệ giá trị đặc trưng của mô hình. Một vai trò trọng yếu của doanh-nông là quyết định mức thù lao dành cho lao động chân tay trong ngành nông nghiệp và thực phẩm.

Việc sử dụng khái niệm ngắn gọn doanh-nông giúp cho các cuộc trao đổi và thảo luận về vai trò này trở nên gọn gàng và chính xác hơn nhiều.

Việc đưa vào khái niệm doanh-nông đặt việc tổ chức lao động nông nghiệp trong một khung lý thuyết hiện đại, đồng thời gìn giữ di sản văn hóa-ngôn ngữ của Việt Nho. Theo nghĩa này, LAA không chỉ cung cấp một mô hình thực hành nông nghiệp mà còn kiến tạo một ngôn ngữ giúp nâng cao hiệu quả giao tiếp, giảm thiểu sự mơ hồ, và gắn kết giữa tư tưởng truyền thống với quản trị đương đại.

Trong văn-hóa Việt Nam tại nông-thôn hiện nay, “người lao động chân tay trong ngành nông nghiệp và thực phẩm” được gọi là “công”. Khi không có người để thuê làm lao động chân tay trong ngành nông nghiệp và thực phẩm thì mọi người nói là không có “công”. Doanh-nông thuê công để làm cho mình về việc sản xuất trong nông-nghiệp và thực-phẩm. Tại nơi có mật độ dân cư thấp, doanh-nông khó kiếm công là người lạ, mà phải tìm công là người quen nên việc thuê và trả công có tính văn-hóa địa-phương trong quan-hệ lao-động.

Tiếp theo hạ-tầng nông-nghiệp, LAA nghiên-cứu lý-lẽ trong văn-hóa thuê và trả công tại khu-vực có mật-độ dân-cư thấp. Môi-trường nghiên-cứu đề-tài này của Việt Kiến Nông là vùng Tây Nguyên, Việt Nam. Tài liệu LAA được biên-soạn và chia-sẻ ra cộng đồng lần đầu sau 9 năm sống trong vùng Tây Nguyên của Việt Kiến Nông. Lý đối-đãi chính trong LAA là doanh-nông / hạ-tầng nông-nghiệp. Cấu-trúc gồm hai thành-phần chính là doanh-nông và hạ-tầng nông-nghiệp thường được gọi nôm na là mô-hình nông-nghiệp. Sự vận-hành của mô-hình nông-nghiệp lấy lý đối-đãi doanh-nông / hạ-tầng nông-nghiệp làm cơ-sở.

Definition of the Agricultural Model in LAA

Định nghĩa mô hình nông nghiệp trong LAA

The agricultural model is defined as a system composed of two interrelated components:

1. Structure, consisting of two principal elements - namely, the agricultural entrepreneur and agricultural infrastructure.
2. Organism, based on the dialectical binary of ‘agricultural entrepreneur / agricultural infrastructure’.

In short: System = Structure + Organism.

To constitute a fully articulated agricultural model, at least two essential elements must be present: agricultural infrastructure and the agricultural entrepreneur. The model therefore embodies the dualism of ‘agricultural infrastructure / agricultural entrepreneur’, alongside its “dynamic operation” (bipolarity).

From this bipolar foundation, the agricultural model evolves into a multipolar structure through the progressive development of relationships - whether internal to each pole or across both poles. Accordingly, economic reasoning in LAA can be broadly characterized as a mode of thought that advances “from bipolarity to multipolarity”.

Mô hình nông nghiệp được định nghĩa là một hệ thống gồm hai thành tố liên kết: 1. Cấu trúc, bao gồm hai yếu tố chính: doanh nông và hạ tầng nông nghiệp. 2. Sự vận hành, dựa trên nguyên lý đối đãi “doanh nông / hạ tầng nông nghiệp”.

Tóm lược: Hệ thống = Cấu trúc + Sự vận hành.

Để hình thành một mô hình nông nghiệp được ghi chép đầy đủ, cần tối thiểu hai thành phần: hạ tầng nông nghiệp và doanh nông. Mô hình này do đó chứa đựng tính lưỡng cực “hạ tầng nông nghiệp / doanh nông” cùng “sự vận hành” của nó. Từ nền tảng lưỡng cực này, mô hình nông nghiệp phát triển thành đa cực thông qua sự mở rộng của các mối quan hệ - cả trong từng cực riêng lẻ lẫn trong sự tương tác chung giữa hai cực. Vì vậy, tư duy kinh tế trong LAA có thể khái quát là tư duy “từ lưỡng cực đến đa cực”.

Theoretical Implication

Hàm ý lý thuyết

The conceptualization of the agricultural model in LAA carries several theoretical implications.

First, by framing agriculture as a system = structure + organism, it situates economic reasoning within both material (infrastructure) and human (entrepreneur) dimensions. This dualism establishes a dialectical basis for analyzing agricultural development not merely as resource allocation, but as the dynamic interaction between actors and structures.

Second, the principle of bipolarity evolving into multipolarity provides a methodological lens to trace transitions in economic organization. Relationships within and across the two poles expand the system’s complexity, allowing for a progression from basic binary structures to multi-layered networks of interaction.

Third, this framework demonstrates how agricultural models can be documented, standardized, and scaled in ways consistent with both local realities and global integration.

Thus, LAA does not only describe an agricultural system but also proposes a conceptual pathway for economic thought in transitional societies.

Khái niệm mô hình nông nghiệp trong LAA hàm chứa nhiều ý nghĩa lý thuyết.

Thứ nhất, với cách định nghĩa hệ thống = cấu trúc + sự vận hành, nó đặt tư duy kinh tế trong cả hai chiều kích: vật chất (hạ tầng) và con người (doanh nông). Lưỡng cực này trở thành cơ sở biện chứng để phân tích phát triển nông nghiệp không chỉ như sự phân bổ nguồn lực, mà còn như sự tương tác động giữa chủ thể và cấu trúc.

Thứ hai, nguyên lý từ lưỡng cực đến đa cực cung cấp một phương pháp luận để theo dõi sự chuyển đổi của tổ chức kinh tế. Các mối quan hệ bên trong và giữa hai cực làm gia tăng độ phức hợp của hệ thống, qua đó thúc đẩy sự chuyển từ cấu trúc nhị nguyên sang mạng lưới đa tầng.

Thứ ba, khung này cho thấy mô hình nông nghiệp có thể được ghi chép, chuẩn hóa và mở rộng theo cách vừa phù hợp với thực tiễn địa phương vừa đáp ứng hội nhập toàn cầu.

Như vậy, LAA không chỉ mô tả một hệ thống nông nghiệp, mà còn đề xuất một lộ trình khái niệm cho tư duy kinh tế trong các xã hội chuyển tiếp.

Summary

Tổng hợp

This document consolidates the author’s principal initiatives and solutions in developing processes for agriculture and business management. Together with colleagues, I will continue to

refine the framework of Li-based Agro-Architecture (LAA) so that it may serve the present economy with greater effectiveness.

The LAA is presented bilingually in English and Vietnamese, accompanied by annotations from Viet Confucianism. This reflects our methodological trajectory: engaging first with English-language studies of the I Ching and subsequently translating them into Vietnamese. Such an approach enables those who have studied the I Ching in Vietnamese (Quốc Ngữ alphabet) to better access English-language interpretations.

Two key references were particularly influential:

Classic of Changes, Columbia University Press, March 2004.

“Chinese Philosophy of Change (Yijing),” Stanford Encyclopedia of Philosophy, updated 18 September 2023.

Viet Kien Nong examined the linguistic structures of these works and, subsequently, of the Studied Textbook of Change, to refine innovative interpretations. He further applied the principles of the I Ching and British Standards to the design of agricultural and food-industry processes in Vietnam’s Central Highlands. These concepts were then systematized into a Four-Word linguistic framework for agriculture, termed the Four-Word Thinking of the Field (知田四字). This framework facilitated the precise formulation of the PCAA, the FWP, and the integrated administration of SFAM.

Following a year of constructive feedback from teachers, colleagues, customers, and readers, the work was refined into the book Li-based Agro-Architecture (LAA) - 建農理學.

Tài liệu này đúc kết những sáng kiến và giải pháp chủ yếu của tác giả trong việc xây dựng quy trình nông nghiệp và quản trị doanh nghiệp. Tôi cùng cộng sự sẽ tiếp tục hoàn thiện khung lý thuyết Lý-học Kiến-Nông (LAA) để phục vụ nền kinh tế đương đại hiệu quả hơn.

LAA được biên soạn song ngữ Anh-Việt, kèm theo chú giải Việt Nho, phản ánh tiến trình phương pháp luận: tiếp cận trước hết các nghiên cứu bằng tiếng Anh về Kinh Dịch, sau đó diễn dịch sang tiếng Việt. Cách làm này giúp những người đã từng học Kinh Dịch bằng Quốc ngữ tiếp cận tốt hơn với các bản dịch tiếng Anh.

Hai nguồn tư liệu có ảnh hưởng quan trọng gồm:

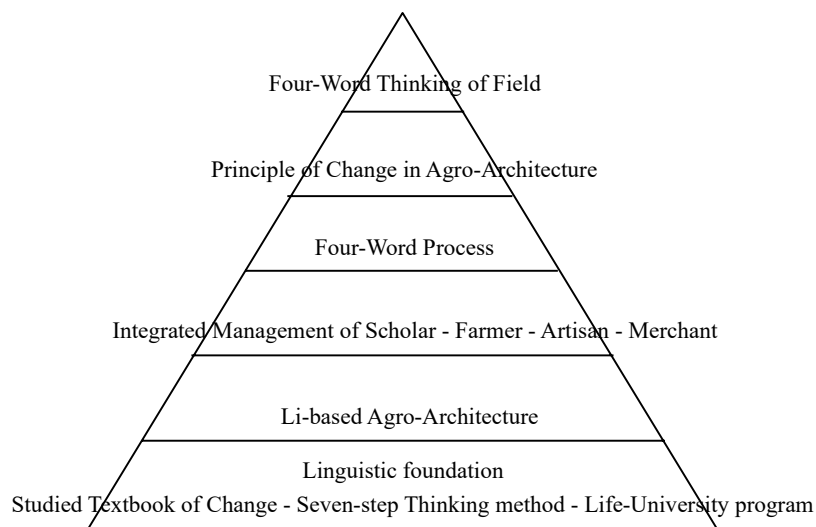
Classic of Changes, Nhà xuất bản Đại học Columbia, 3/2004.

“Chinese Philosophy of Change (Yijing),” Stanford Encyclopedia of Philosophy, cập nhật 18/9/2023.

Việt Kiến Nông đã khảo cứu ngôn ngữ được sử dụng trong các tác phẩm này và trong Giáo trình Dịch Học, qua đó tinh chỉnh các diễn giải mang tính cách tân. Ông cũng ứng dụng nguyên lý Kinh Dịch và Tiêu chuẩn Anh vào quy trình trong ngành nông nghiệp và thực phẩm tại Tây Nguyên, chuyển hóa thành bộ ngôn ngữ Tứ Tự trong bối cảnh nông nghiệp, gọi là Tứ-Tự Tri Điền (知田四字). Khung này giúp hệ thống hóa chính xác các nội dung: Dịch-lý Kiến-Nông (PCAA), Quy-trình Tứ-Tự (FWP), và Quản trị tích hợp SNCT (SFAM).

Sau một năm tiếp nhận phản hồi từ thầy cô, đồng nghiệp, khách hàng và độc giả, công trình được tinh chỉnh và xuất bản thành sách Lý-học Kiến-Nông - Li-based Agro-Architecture (LAA) – 建農理學.

THINKING PYRAMID OF LAA AND 05 FUNDAMENTAL DEFINITIONS



Four-Word Thinking of Field (FWTF) refers to a linguistic system composed of four-character sets, initially employed in agriculture and progressively extended to related domains.

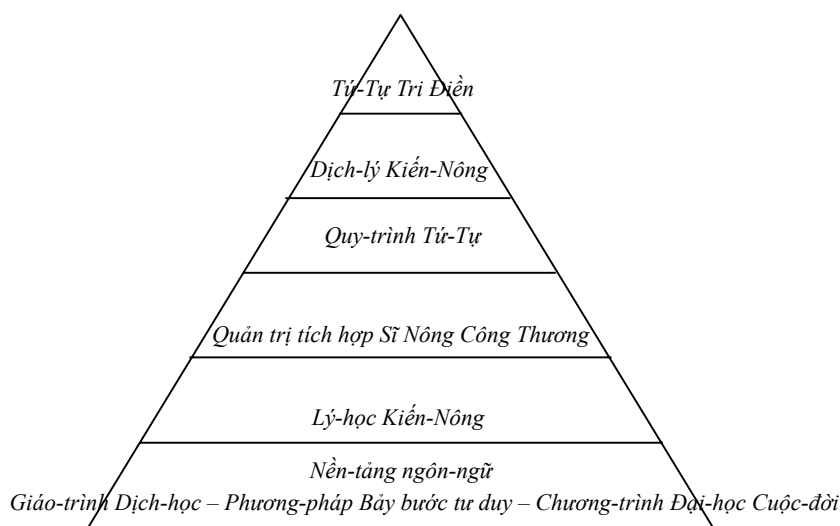
Principle of Change in Agro-Architecture (PCAA) denotes a set of principles derived from the I Ching, designed to assist agricultural entrepreneurs in improving, upgrading, and developing agricultural infrastructure, as well as enhancing their negotiation capacity through such infrastructure. Within the Central Highlands, PCAA interprets 78 hexagrams of the I Ching using images and events drawn from agricultural life in this region of Vietnam.

Four-Word Process (FWP) is a structured methodology that decomposes complex tasks into discrete, actionable steps. Each step is expressed through a single word, thereby simplifying communication and promoting shared understanding across teams. Rooted in Confucian philosophy, this method has been adapted to address the practical demands of contemporary agriculture.

Integrated Management of Scholars, Farmers, Artisans, and Merchants (SFAM) constitutes a management framework that integrates the traditional roles of agricultural labour in Vietnam into a modern administrative system, thereby facilitating comprehensive agricultural governance. Each role embodies distinct competencies and responsibilities, collectively contributing to the success of agricultural enterprises.

Li-based Agro-Architecture (LAA) represents a theoretical framework for agricultural development. Originating from the bipolar relation of “Architecture-Agriculture,” this framework evolves into a multipolar system of reasoning, in which bipolar pairs emerge either from the architectural pole, the agricultural pole, or their integration. LAA is compiled in English, the Vietnamese alphabet, and Viet Confucianism, with three primary objectives: (i) to inherit the intellectual legacy of Vietnamese Li Studies accumulated over the past 250 years; (ii) to incorporate international management principles developed in the same period; and (iii) to remain accessible to labourers engaged in agricultural production and food processing in low-population-density areas.

THÁP TƯ-DUY LÝ-HỌC KIẾN-NÔNG VÀ 05 ĐỊNH-NGHĨA CĂN BẢN



Tứ-Tự Tri Điền (FWTF) là hệ thống ngôn ngữ gồm các bộ bốn chữ, ban đầu được sử dụng trong lĩnh vực nông nghiệp và dần mở rộng ra các lĩnh vực liên quan.

Dịch-lý Kiến-Nông (PCAA) là bộ nguyên tắc có nguồn gốc từ Kinh Dịch, giúp doanh-nông cải tạo, nâng cấp và phát triển hạ tầng nông nghiệp, đồng thời nâng cao năng lực đàm phán dựa vào hạ tầng đó. Tại Tây Nguyên, PCAA giảng giải 78 dịch-tượng trong Kinh Dịch thông qua các hình ảnh và sự kiện trong đời sống nông nghiệp tại khu vực này.

Quy-trình Tứ-Tự (FWP) là phương pháp tiếp cận có cấu trúc, chia nhỏ các nhiệm vụ phức tạp thành các bước rõ ràng và khả thi. Mỗi bước được diễn đạt bằng một từ duy nhất, giúp đơn giản hóa giao tiếp và đảm bảo sự hiểu biết chung giữa các nhóm. Phương pháp này bắt nguồn từ triết học Khổng học, được điều chỉnh phù hợp với nhu cầu nông nghiệp hiện đại.

Quản trị tích hợp Sĩ-Nông-Công-Thương (SFAM) là một tập hợp nguyên lý quản trị kết hợp các vai trò truyền thống của lao động nông nghiệp Việt Nam vào khuôn khổ hành chính hiện đại, từ đó hỗ trợ quản lý nông nghiệp toàn diện. Mỗi vai trò đại diện cho một tập hợp kỹ năng và trách nhiệm riêng, góp phần vào thành công chung của các doanh nghiệp nông nghiệp.

Lý-học Kiến-Nông (LAA) là bộ môn nghiên cứu về lý-lẽ trong phát triển nông nghiệp. Từ lưỡng-cực “Kiến trúc - Nông nghiệp,” LAA phát triển thành hệ thống lý lẽ đa-cực, trong đó các cặp lưỡng-cực hình thành từ cực Kiến trúc, cực Nông nghiệp hoặc sự tích hợp cả hai. LAA được biên soạn bằng Anh ngữ, Quốc ngữ ABC và Việt Nho với ba mục tiêu chính: (i) kế thừa tinh hoa Lý học Việt Nam trong 250 năm qua; (ii) tiếp thu tinh hoa quản trị quốc tế trong cùng giai đoạn; và (iii) gắn gũi với lao động trong ngành sản xuất nông nghiệp và chế biến thực phẩm tại các khu vực có mật độ dân cư thấp.

ABOUT USING VIET CONFUCIANISM WORDS IN LAA

VỀ VIỆC DÙNG TỪ VIỆT NHO TRONG LÝ-HỌC KIẾN-NÔNG

The Li-based Agro-Architecture (LAA) serves as a bridge between the knowledge of Vietnam's feudal past—predominantly recorded in Viet-Confucian script—and the modern intellectual frameworks developed after the August Revolution, commonly written in the Romanized Vietnamese alphabet. The LAA text is presented bilingually in English and Vietnamese, with significant Viet-Confucian terms included. English is deliberately adopted as the primary medium to enhance international accessibility and integration of the knowledge on agricultural development in Vietnam compiled and advanced by Viet Kien Nong and his collaborators.

In this book, English terminology is consistently accompanied by Vietnamese equivalents, enabling readers to cross-reference both languages upon first encountering new concepts within the LAA framework. By interweaving classical and modern thought, as well as Western and Asian perspectives, the work seeks to foster a deeper understanding of these concepts and to facilitate their immediate application in agricultural development.

The Viet-Confucian terms included in the text are grounded in the scholarship of Kim Dinh, who frequently rendered these concepts into French. Accordingly, the author has consulted the French versions of Kim Dinh's works in producing the English translation. The accompanying volume, 360 Fundamental Viet-Confucian Characters in the Li-based Agro-Architecture of Vietnam's Central Highlands (LAA360), provides essential reference materials for readers seeking to further examine Confucianism, Viet-Confucianism, and specifically Vietnamese dimensions of the terminology employed in LAA.

The incorporation of Viet-Confucian script has further streamlined processes of reading, writing, listening, and speaking in relation to LAA. This conciseness proves particularly valuable when analyzing dynamic situations that demand timely and decisive responses.

Lý-học Kiến-Nông (LAA) giữ vai trò cầu nối giữa học vấn của thời kỳ phong kiến Việt Nam - chủ yếu được ghi chép bằng chữ Việt Nho - và học vấn hiện đại hình thành sau Cách mạng tháng Tám, thường được viết bằng chữ Quốc ngữ La-tinh. Văn bản LAA được trình bày song ngữ Anh-Việt, kèm bổ sung những thuật ngữ Việt Nho quan trọng. Anh ngữ được chọn làm ngôn ngữ chính nhằm nâng cao khả năng tiếp cận và hội nhập quốc tế cho toàn bộ tri thức về phát triển nông nghiệp tại Việt Nam do Việt Kiến Nông và cộng sự thu thập, xây dựng.

Trong sách, các thuật ngữ bằng tiếng Anh đều đi kèm với đối chiếu tiếng Việt, giúp người đọc có thể so sánh ngôn ngữ ngay từ lần đầu tiếp xúc với các khái niệm trong LAA. Bằng cách hòa quyện giữa tư duy cổ-kim và giao thoa giữa văn kiến Âu-Á, tác phẩm hướng đến việc giúp người đọc thấu hiểu sâu sắc các khái niệm, đồng thời áp dụng chúng ngay vào phát triển nông nghiệp.

Chữ Việt Nho trong sách dựa trên nghiên cứu của học giả Kim Định, người đã diễn giải nhiều thuật ngữ này sang tiếng Pháp. Do đó, khi dịch sang tiếng Anh, tác giả tham khảo các bản Pháp ngữ của Kim Định. Tập sách 360 chữ Việt Nho nền tảng trong Lý-học Kiến-Nông tại Tây Nguyên, Việt Nam (LAA360) đi

kèm LAA, cung cấp đầy đủ tài liệu tham khảo cho độc giả muốn tìm hiểu sâu hơn về Nho giáo, Việt Nho, cũng như những yếu tố thuần Việt trong ngôn ngữ được sử dụng trong LAA.

Việc ứng dụng chữ Việt Nho đã giúp các thao tác nghe, nói, đọc, viết liên quan đến LAA trở nên ngắn gọn, tiết kiệm thời gian hơn, đặc biệt hữu ích trong việc phân tích những tình huống động cần đưa ra quyết định nhanh chóng.

Example 1. A person who organizes agricultural and food production, manages business operations, and - based on the characteristic value systems of the model - determines the level of wages paid to manual labourers is defined as an “agricultural entrepreneur” (ýing nóng - 營農). The use of this term renders communication and scholarly discussion on ýing nóng significantly more concise and precise.

Ví dụ 1. Người tổ chức sản xuất - kinh doanh nông nghiệp và thực phẩm, đồng thời dựa vào các hệ giá trị đặc trưng của mô hình để quyết định mức thù lao trả cho người lao động chân tay, được định nghĩa là “doanh-nông - 營農”. Việc sử dụng thuật ngữ này giúp cho quá trình trao đổi và thảo luận học thuật về doanh-nông trở nên gọn gàng và chính xác hơn.

Example 2. A “language system composed of four-character sets, primarily applied in agriculture and progressively extended to related domains,” is abbreviated as zhī tián sì zì – 知田四字 – Four-Word Thinking of Field. The adoption of this abbreviation substantially enhances the efficiency and precision of academic exchange.

Ví dụ 2. “Hệ thống ngôn ngữ gồm các bộ bốn chữ, được sử dụng chủ yếu trong lĩnh vực nông nghiệp và dần mở rộng sang các lĩnh vực liên quan” được gọi tắt là Tứ-Tự Tri-Điền – 知田四字. Việc sử dụng cách gọi tắt này góp phần nâng cao hiệu quả và tính chính xác trong trao đổi học thuật.

Example 3. The set gēn cái rén guǎn - 根財人管 - Foundation-Funding-Human Resource-Management provides a concise framework for discussing the asset structure of individual enterprises and specific projects, thereby facilitating more efficient scholarly and professional exchange.

Ví dụ 3. Bộ Căn-Tài-Nhân-Quản - 根財人管 cung cấp một khung khái niệm ngắn gọn để trao đổi về cấu trúc tài sản của từng doanh nghiệp và từng dự án, qua đó nâng cao hiệu quả trong trao đổi học thuật và chuyên môn.

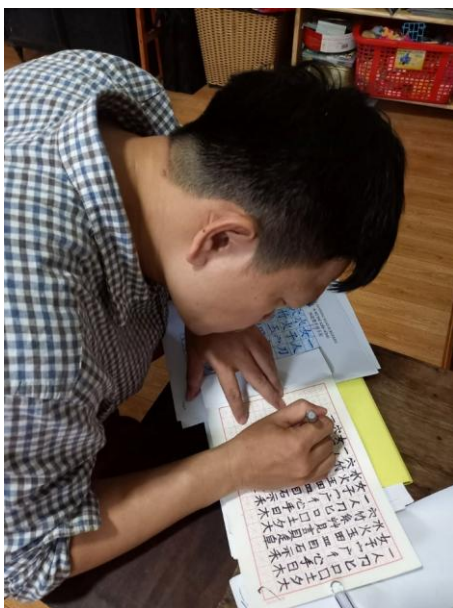
Since this book has been compiled by the author with the assistance of many contributors, the pronoun “we” is employed to acknowledge and show respect to all who have provided support. In passages that directly concern Viet Kien Nong, however, the author uses “I” in order to convey the circumstances with precision.

Regarding the use of hyphens in compound constructions: Viet Kien Nong employs hyphens in compound words and polysyllabic terms whenever clarification of meaning is required, such as in definitions or in key arguments. Beyond these specific contexts, readers are kindly asked to be indulgent towards occasional textual ambiguities that may arise from the absence of such hyphenation.

Vì sách này được tác giả biên soạn với sự hỗ trợ của nhiều người, tác giả chọn xưng “chúng tôi” để thể hiện sự trân trọng với tất cả những người đã cùng tham gia hỗ trợ. Tuy nhiên, ở những đoạn sự kiện chỉ

trực tiếp liên quan đến Việt Kiến Nông, tác giả sử dụng “tôi” để người đọc có thể hiểu tình huống một cách chính xác.

Về việc dùng dấu gạch nối trong các từ ghép: Việt Kiến Nông sử dụng gạch nối trong các từ ghép, từ đa âm, trong những trường hợp cần làm rõ nghĩa, chẳng hạn như trong định nghĩa hoặc trong các lập luận quan trọng. Ngoài những trường hợp này, mong độc giả lượng thứ cho những điểm có thể chưa thật chuẩn xác hoặc rõ ràng về mặt văn bản do không có gạch nối.



Viet Kien Nong has just compiled LAA and re-learned Viet Confucianism words
from the beginning according to the LAA 360 series

Việt Kiến Nông vừa biên soạn Lý-học Kiến-Nông vừa học lại chữ Nho từ đầu theo bộ LAA 360

ABBREVIATIONS

CÁC THUẬT NGỮ VIẾT TẮT

- [1] FWTF: Four-Word Thinking of Field / *Tứ-Tự Tri Điền*
(知田四字) (2)
- [2] PCAA: Principle of Change in Architecture-Agriculture / *Dịch-lý Kiến-Nông*
(建農易理)
- [3] FWP: Four-Word Process / *Quy-trình Tứ-Tự*
(四字規程)
- [4] SFAM/SNCT: Scholar - Farmer - Artisan - Merchant / *Sĩ Nông Công Thương*
(士農工商)
- [5] LAA: Li-based Agro-Architecture / *Lý-học Kiến-Nông*
(建農理學)
- [6] LAA 360: 360 fundamental Viet Confucianism words in the Li-based Agro-Architecture / *360 chữ Việt Nho nền-tảng trong Lý-học Kiến-Nông*.
- [7] WAA: works in agro-architecture - Things to do in the architectural-agricultural bipolarity / *việc kiến nông - những việc cần làm trong lưỡng-cực kiến trúc - nông nghiệp*.
- [8] VKN: Viet Kien Nong (mean: man develop mindset of architectural-agricultural bipolarity in Vietnam) - penname of the author Thanh Viet Vo
/ Việt Kiến Nông (越建農) (ý nghĩa là người phát triển tư-duy lưỡng-cực Kiến trúc - Nông nghiệp tại Việt Nam) - bút danh của tác giả Võ Thanh Việt.
- [9] SME: Small and Medium Enterprise / *Doanh-nghiệp nhỏ và vừa*
- [10] IDE: Innovation-Driven Enterprise / *Doanh-nghiệp sáng chế đột phá*
- [11] LVRE: Leaf veins real estate / *Bất động sản gân-lá*
- [12] LBRE: Leaf blade real estate / *Bất động sản phiến-lá*
- [13] IDE: Innovation-Driven Enterprises / *Doanh-nghiệp sáng-chế đột-phá*
- [14] SME: Small and Medium Enterprises / *Doanh-nghiệp nhỏ và vừa*
- [15] DDM: Data-Driven Management / *Quản-lý theo định-hướng dữ-liệu*
- [16] SDI: Sustainable-Driven Investment / *Đầu-tư hướng đến sự bền-vững*
- [17] DEC: Data Entry Clerk / *Nhân-viên nhập-liệu*

[18] GEP: Green Economics Practitioner / *Chuyên-gia kinh tế xanh*

[19] SEP: Sustainable Economics Practitioner / *Chuyên-gia kinh tế bền vững*

[20] GCA: Green Chief Accountant / *Kế toán trưởng xanh*

[21] STC: Studied Textbook of Change / *Giáo-trình Dịch-học*

[22] AECH: Agricultural Entrepreneur in the Central Highlands of Vietnam /
Doanh-nông Tây Nguyên - Việt Nam

APPENDIX: KEY TERMS IN LI-BASED AGRO-ARCHITECTURE

PHỤ LỤC: CÁC THUẬT NGỮ CHÍNH TRONG LÝ-HỌC KIẾN-NÔNG

This appendix provides a glossary of key terms used throughout the document, offering definitions and explanations to help readers understand the principles and methodologies of Li-based Agro-Architecture.

Phụ lục này cung cấp danh mục thuật ngữ chính được sử dụng trong toàn bộ tài liệu, đưa ra định nghĩa và giải thích để giúp người đọc hiểu các nguyên tắc và phương pháp luận của Lý-học Kiến-Nông.

[1] Four-Word Method (FWM): A concise framework for organizing and executing tasks, based on the Confucian tradition of four-character phrases.

Phương-pháp Tứ-Tự: Một khuôn khổ ngắn gọn để tổ chức và thực hiện nhiệm vụ, dựa trên truyền thống cụm từ bốn chữ của Nho học.

[2] Viet Confucianism Quartet (VCQ): A set of four virtues central to Viet Confucianism values, applied in agriculture to promote ethical agricultural practices.

Bộ-tứ Việt Nho: Một bộ bốn tính chất cốt lõi trong các giá trị của Nho-giáo Việt Nam, được áp dụng trong nông nghiệp để thúc đẩy các hoạt động nông nghiệp có tính đạo đức.

[3] SFAM (Scholar-Farmer-Artisan-Merchant): An integrated framework representing traditional roles that contribute to a balanced approach in agricultural management.

SNCT (Sĩ - Nông - Công - Thương): Một khuôn khổ tích hợp đại diện cho các vai trò truyền thống góp phần tạo nên cách tiếp cận cân bằng trong quản lý nông nghiệp.

[4] Principle of Change: A philosophical approach emphasizing adaptability and harmony with natural cycles, essential for sustainable agriculture.

Dịch Lý: Một cách tiếp cận triết học nhấn mạnh vào khả năng thích ứng và sự hài hòa với chu kỳ tự nhiên, điều cần thiết cho nền nông nghiệp bền vững.

[5] Seven-Step Thinking Method (SSTM): A structured approach to decision-making and problem-solving, helping agricultural practitioners address challenges logically and systematically.

Phương pháp Bảy bước tư duy: Một cách tiếp cận có cấu trúc để ra quyết định và giải quyết vấn đề, giúp những người làm nông nghiệp giải quyết các thách thức một cách hợp lý và có hệ thống.

This glossary provides a foundation for understanding and applying LAA concepts, ensuring that readers can utilize these principles in their agricultural practices.

Từ điển này cung cấp nền tảng để hiểu và áp dụng các khái niệm của LAA, đảm bảo rằng người đọc có thể sử dụng các nguyên tắc này trong hoạt động nông nghiệp của mình.

THIS DOCUMENT IS INTENDED FOR

ĐỐI TƯỢNG ỨNG DỤNG TÀI LIỆU NÀY

Agricultural Entrepreneurs in the Central Highlands of Vietnam!

Doanh-nông tại Tây Nguyên, Việt Nam!

An agricultural entrepreneur refers to an individual who organizes production and business activities and, based on the characteristic value systems of the business model, determines the level of wages paid to manual workers in the agricultural and food industries. In applying the I Ching and British Standards to the synthesis of agricultural processes in the Central Highlands, Viet Kien Nong identified four essential roles within agricultural and food enterprises that are fundamental for sustainable enterprise development:

Data Entry Clerk (DEC): Professionals with a strong understanding of processes based on British Standards and proficiency in data entry using industry-standard business management software.

Green Economics Practitioner (GEP): Managers responsible for documenting and managing processes in accordance with British Standards, while also overseeing environmentally responsible practices.

Sustainable Economics Practitioner (SEP): Managers specializing in sustainable economic practices, tasked with organizing and administering enterprises and projects in the agricultural and food sectors.

Green Chief Accountant (GCA): Senior accountants who organize and manage accounting departments in compliance with IFRS standards, while also adhering to circular economy principles, SEP's sustainability framework, and green finance practices.

The Li-based Agro-Architecture (LAA) functions as a support tool for applying both the I Ching and British Standards in process development. It is designed to enhance the efficiency of DEC, GEP, SEP, and GCA, while clarifying the organic relationships among these roles within the same enterprise or project. These roles correspond to three traditional Viet Confucianism quartets: Gentleman - Mentor - Assistant - Messenger (Quân - Thần - Tá - Sứ), Ngu - Tieu - Canh - Doc (Ngu - Tiểu - Canh - Độc), and Scholar - Farmer - Artisan - Merchant (Sĩ - Nông - Công - Thương), as follows:

Data Entry Clerk (DEC): Messenger / Độc / Scholar

Green Economics Practitioner (GEP): Assistant / Ngu / Farmer

Sustainable Economics Practitioner (SEP): Gentleman / Canh / Artisan

Green Chief Accountant (GCA): Mentor / Tiều / Merchant

Accordingly, agricultural entrepreneurs in the Central Highlands - who engage daily with counterparts performing functions equivalent to DEC, GEP, SEP, and GCA - will find the LAA framework particularly effective in advancing sustainable agricultural development.

Doanh-nông là người tổ chức hoạt động sản xuất - kinh doanh và, dựa trên các hệ giá trị đặc trưng của mô hình kinh doanh, quyết định mức trả công cho lao động chân tay trong ngành nông nghiệp và thực phẩm. Trong quá trình áp dụng Kinh Dịch và Tiêu chuẩn Anh vào việc tổng hợp quy trình nông nghiệp tại Tây Nguyên, Việt Kiến Nông đã xác định bốn vai trò thiết yếu trong doanh nghiệp nông nghiệp và thực phẩm, có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển bền vững:

Nhân viên nhập liệu (DEC): Chuyên gia hiểu rõ quy trình theo Tiêu chuẩn Anh và thành thạo nhập dữ liệu bằng phần mềm quản lý doanh nghiệp theo chuẩn công nghiệp.

Chuyên gia kinh tế xanh (GEP): Nhà quản lý chịu trách nhiệm ghi chép, quản lý quy trình theo Tiêu chuẩn Anh, đồng thời giám sát các hoạt động xanh.

Chuyên gia kinh tế bền vững (SEP): Nhà quản lý tập trung vào thực hành kinh tế bền vững, chịu trách nhiệm tổ chức và quản trị doanh nghiệp, dự án trong ngành nông nghiệp và thực phẩm.

Kế toán trưởng xanh (GCA): Người tổ chức và quản lý phòng kế toán theo chuẩn IFRS, đồng thời tuân thủ nguyên tắc kinh tế tuần hoàn, mô hình bền vững của SEP và các thực hành tài chính xanh.

Lý-học Kiến-Nông (LAA) giữ vai trò công cụ hỗ trợ việc áp dụng Kinh Dịch và Tiêu chuẩn Anh trong quá trình biên soạn quy trình. LAA giúp DEC, GEP, SEP và GCA làm việc hiệu quả hơn, đồng thời hiểu rõ các mối quan hệ hữu cơ giữa các vai trò này trong cùng một công ty hoặc dự án. Bốn vai trò trên có sự tương ứng với ba bộ tứ Việt Nho: Quân - Thần - Tá - Sứ, Ngự - Tiều - Canh - Độc, và Sĩ - Nông - Công - Thương:

Nhân viên nhập liệu (DEC): Sứ / Độc / Sĩ

Chuyên gia kinh tế xanh (GEP): Tá / Ngự / Nông

Chuyên gia kinh tế bền vững (SEP): Quân / Canh / Công

Kế toán trưởng xanh (GCA): Thần / Tiều / Thương

Do đó, các doanh-nông tại Tây Nguyên - những người hằng ngày tương tác với các vai trò tương tự DEC, GEP, SEP và GCA - sẽ thấy LAA đặc biệt hiệu quả trong việc thúc đẩy phát triển nông nghiệp bền vững.

NOTES ON VERSION 2024

GHI CHÚ VỀ PHIÊN BẢN 2024

Table of contents of 2023 version of Four-Word Thinking of Field

Mục lục trong phiên bản 2023 của Tứ Tự Tri Điền

Chapter 1: Linguistic Foundation - The Philosophy of Changes of Mr. Hong Trien Luu

Nền tảng ngôn ngữ - Dịch học Lưu Hồng Triền

Chapter 2: Four-Word Thinking of Field

Tứ Tự Tri Điền

Chapter 3: Agritectural Philosophy of Changes

Dịch Học Kiến Nông

Chapter 4: Four-Word ISO

Tutuiso

Chapter 5: Integrated Administration of Intellectual - Farmer - Engineer - Businessman

Quản trị tích hợp SNCT

Chapter 6: Seven Steps of Thinking

Bảy bước tư duy

Overall, the 2024 version focuses on clarifying the quartets, explaining the principles behind the formation of the Viet Confucianism quartet, and demonstrating how to build innovative quartets by VKN to meet the agricultural management needs of agricultural entrepreneurs in the Central Highlands. Concepts that have expanded from these quartets, such as Agritectural Philosophy of Changes, Four-Word ISO, and Integrated Administration of Intellectual - Farmer - Engineer - Businessman, will continue to be researched and developed in future versions.

Specific updates in the 2024 version include:

- The book titled The Philosophy of Changes of Mr. Luu Hong Trien, initially published internally, has been renamed Studied Textbook of Change.
- Dịch học Kien Nong was renamed Dich-ly Kien-Nong by VKN. Its English title, Agritectural Philosophy of Changes, was updated to Principle of Change in Architecture-Agriculture.
- The terms Scholar - Farmer - Artisan - Merchant (originally Intellectual - Farmer - Engineer - Businessman) were updated to better reflect traditional meanings.
- The concept of Truong Son Farmer - 長山農夫, denoting a leadership role in agricultural economic development analogous to the 'gentleman - 君子' in the I Ching, was replaced

with “Agricultural entrepreneur in the Central Highlands - 西原營農”. This term aligns with the transition from the SME orientation of Truong Son Farmer to the IDE orientation of agricultural entrepreneur in the Central Highlands, as green, digital, circular, cashless economy, and net-zero 2050 goals are progressively applied (hexagon: Step-by-step - 漸) in economic activity.

- The term 'development' has been used more frequently in the 2024 version to reflect the agricultural entrepreneur's activities in the context of the 'new normal' economy.
- The author expresses gratitude to those who contributed information and efforts to complete this 2025 version.

Về tổng thể, phiên bản 2024 tập trung biên tập rõ về các bộ-từ, giải-thích nguyên-lý hình-thành bộ-từ Việt Nho và từ đó chỉ ra cách xây dựng các bộ-từ Cách-tân của VKN để đáp-ứng nhu-cầu quản-trị nông-nghiệp của doanh-nông tại Tây Nguyên. Những khái-niệm phát-triển mở-rộng từ các bộ-từ như: Triết Dịch Kiến Nông, Tutuiso, Quản trị tích hợp SNCT sẽ được tiếp tục đào sâu nghiên cứu và biên soạn vào các phiên bản tiếp theo.

Các cập nhật cụ thể trong phiên bản 2024 bao gồm:

Sách “Dịch học Lưu Hồng Triễn” sau khi phát hành nội bộ đã được thay đổi thành “Giáo-trình Dịch-học”.

Dịch học Kiến Nông được VKN thay đổi thành Dịch-lý Kiến-Nông. Bản Anh ngữ: “Agritectural Philosophy of Changes” được đổi thành “Principle of Change in Architecture-Agriculture”.

Bộ sĩ nông công thương từ “Intellectual - Farmer - Engineer - Businessman” đổi thành “Scholar - Farmer - Artisan - Merchant” để giữ ý nghĩa gốc trong truyền-thống hơn.

Khái niệm Nông phu Trường Sơn - 長山農夫, biểu thị vai trò lãnh đạo trong phát triển kinh tế nông nghiệp tương tự như “quân tử - 君子” trong Kinh Dịch, đã được thay thế bằng “Doanh-nông Tây Nguyên - 西原營農”. Thuật ngữ này phù hợp với sự chuyển đổi từ định hướng SME của Nông dân Trường Sơn sang định hướng IDE của doanh-nông Tây Nguyên, khi các mục tiêu xanh, kỹ thuật số, tuần hoàn, không dùng tiền mặt và mục tiêu phát triển kinh tế Netzero2050 đang dần được áp dụng (quẻ Tiệm - 漸) trong hoạt động kinh tế.

Thuật ngữ “phát triển - development” được sử dụng nhiều hơn trong phiên bản 2024 để diễn đạt khái quát được công việc của doanh-nông trong bối cảnh kinh tế “bình thường mới”.

Tác giả bày tỏ lòng biết ơn đến những người đã đóng-góp thông-tin và công-sức để hoàn-thành phiên bản 2025 này.

Table of contents

Mục lục

Chapter 1: Linguistic foundation

Nền-tảng ngôn-ngữ

Chapter 2: From Four Images (四象) to Four-Word (四字), and Viet Confucianism quartet (越儒四字)

Từ Tứ-Tượng đến Tứ-Tự và Bộ-tứ Việt Nho

Chapter 3: Criteria for selecting quartets in the set of 36 Fundamental Quartets

Tiêu chí chọn các bộ-tứ trong bộ 36 Bộ-tứ Nền-tảng

Chapter 4: 18 Viet Confucianism quartets (越儒四字)

18 bộ-tứ Việt Nho

Chapter 5: 18 Innovative quartets (革新四字)

18 bộ-tứ Cách-tân

Chapter 6: Principle of Change in Agro-Architecture (建農易理)

Dịch-lý Kiến-Nông

Chapter 7: Four-Word Process (四字程式)

Quy-trình Tứ-Tự

Chapter 8: Integrated management of SFAM

Quản trị tích hợp SNCT

Chapter 9: Seven-step thinking method (七步思維方法)

Phương pháp Bảy bước tư duy

Chapter 10: 360 fundamental Viet Confuciansim letters in LAA

360 chữ Việt Nho nền tảng trong Lý-học Kiến-Nông

Conclusion

Kết luận

Chapter 1
Chương 1

LINGUISTIC FOUNDATION
NỀN TẢNG NGÔN NGỮ

1.1 About language in Studied Textbook of Change

Về ngôn ngữ trong Giáo trình Dịch Học

1.2 About language in Life-University course program - Coach Vas

Về ngôn ngữ trong Chương trình khóa học Đại học Cuộc đời - Coach Vas

1.3 The relationship between the Studied Textbook of Change and the Life-University course program in LAA

Mối quan-hệ giữa Giáo-trình Dịch-học và chương-trình khóa-học Đại-học Cuộc-đời trong Lý-học Kiến-Nông

1.1 About Language in the Studied Textbook of Change

Về ngôn ngữ trong Giáo-trình Dịch-học

Master Hong Trien Luu dedicated his entire life to the study of the I Ching. After more than thirty years of teaching the I Ching to his students, he came to the realization that it was necessary to rewrite the text into a structured document that could better support their learning. Yet the challenge remained: how could one write in such a way as to clarify the principles of change while avoiding redundancy in comparison with the vast body of I Ching literature that has accumulated over more than two millennia? He spent long periods of time living on a farm, simultaneously reflecting on his knowledge and observing the dynamic rhythms of everyday life. There has always been a discernible gap between the principles of change and the realities of life in motion. The pressing question for him was: What do these writings contribute to human life?

To compose a single satisfactory sentence, he often had to reread an entire book - sometimes many books. He wrote for himself, as writing became a way to confront and refine his own thoughts. He wrote for his students, ensuring that each passage was clear enough to serve as a cognitive foundation for the extensive body of knowledge he imparted through his lectures. And he wrote for a wider audience, so that everyone might come to feel the essence of Change.

咸者感也

To be connected is to feel.

Although Master Luu repeated this teaching many times, it often took years for his words to truly resonate, producing deep and lasting emotions in his students. For Viet Kien Nong, that process took nine years. Before studying the I Ching, he could not understand why “Combination” (咸) corresponded to “Feeling” (感). Only when one is capable of feeling can true combination be achieved. A union without genuine feeling will inevitably dissolve. Yet once two beings truly feel one another, distance cannot break the bond, and reunion becomes inevitable. Good combination arises from full feeling!

Thầy Lưu Hồng Triễn đã dành trọn cuộc đời để nghiên cứu Dịch học. Sau hơn ba mươi năm giảng Dịch học cho học trò, thầy nhận thấy cần phải viết lại thành một tài liệu có hệ thống để giúp học trò học Dịch tốt hơn. Nhưng khó khăn đặt ra là: viết thế nào để sáng tỏ dịch lý, đồng thời không trở nên thừa thãi so với một khối lượng sách Dịch đồ sộ đã hình thành trong suốt hơn hai nghìn năm lịch sử phát triển? Thầy đã dành nhiều thời gian sống tại trang trại, vừa nghiên ngẫm sở học, vừa quan sát nhịp sống sôi động hằng ngày. Giữa kinh điển của Dịch lý và hiện thực đời sống luôn tồn tại một độ vênh. Vậy những trang viết này giải quyết điều gì cho cuộc đời?

Để viết ra một câu đặc ý, nhiều khi thầy phải đọc lại cả một cuốn sách, thậm chí nhiều cuốn. Thầy viết cho chính mình - viết là cách để đối diện và gọt giũa tư tưởng của bản thân. Thầy viết cho học trò - mỗi đoạn văn phải đủ rõ để trở thành nền tảng nhận thức cho hệ tri thức đồ sộ mà thầy truyền đạt qua nhiều bài giảng. Và thầy viết cho mọi người - để ai cũng có thể “cảm” được Dịch.

咸者感也

Hàm giả cảm dã!

Gắn kết được, ấy là do đã cảm nhận được vậy!

Dù đã nhiều lần nghe thầy Lưu giảng câu ấy, mỗi người vẫn cần một quãng thời gian đủ dài để những thanh âm ấy va đập vào nhau, tạo ra cảm xúc sâu lắng và khắc ghi. Với Việt Kiến Nông, quãng thời gian đó là chín năm. Khi chưa học Dịch, ông không hiểu tại sao “Hàm” (咸 – gắn kết) lại ứng với “Cảm” (感 – cảm nhận). Chỉ khi cảm được mới có thể hàm được. Có hàm mà không cảm thì cũng rời ra. Một khi đã cảm nhau rồi, thì dù xa cách mấy cũng sẽ có ngày hàm lại. Hàm giả cảm dã!

Understanding Naming Concepts

Hiểu các khái niệm về đặt tên

Humans communicate in order to share and understand each other's ideas (意). The two primary modes of communication are spoken language (sound) and written language (visual), commonly referred to as speech and language (言, 語). These processes involve four organs of the human body: the mouth, ears, eyes, and hands. Communication operates through socially agreed-upon and standardized signs. Because language is intrinsically tied to the living body, it carries the property of being “alive” (langue vivante). Consequently, language may also “die” or disappear along with human life, becoming a dead or ancient language. Speech and writing - words (字) - function as representations of objects (物) and events (事), which together are referred to as phenomena (事物). The universe is comprised of such phenomena, collectively called the “ten thousand things” (萬物).

The universe (space-time) is structured as follows: “above-below,” “east-west,” and “north-south” constitute space (宇), while “past” and “future” constitute time (宙). Together, space and time form the cosmos (宇宙), which contains the ten thousand things.

All things and phenomena are named: objects are labeled with nouns (static), while actions are expressed through verbs (dynamic), and are referred to as events (事). These categories are interwoven within human thought (思) and observation. From this process, thought develops into a system of reason (智). Words serve as anchors for ideas (意); accumulated ideas collectively form thinking (思). The continuous stream of thought is called knowing (知), while the structured operation of this knowing becomes intellect (智). Together, these processes establish the triad of Intellect - Knowing - Ideas (智-知-意).

Metaphors vividly describe these dynamics. The phrase “the monkey-mind and the horse-idea” (心猿意馬) illustrates the restless movement of thoughts. The monkey, with its agile hands, symbolizes the quick shifts of the mind, while the horse, constantly in motion, represents the ceaseless flow of ideas. Together, they capture the endless, unrestrained activity of human thought.

Loài người giao tiếp để chia sẻ và hiểu ý (意) của nhau. Hai phương tiện chủ yếu là ngôn ngữ nói (âm thanh) và ngôn ngữ viết (thị giác), thường gọi chung là ngôn và ngữ (言, 語). Những phương tiện này vận dụng bốn cơ quan của cơ thể: miệng, tai, mắt và tay. Các hình thức giao tiếp dựa trên những ký hiệu đã được xã hội khế ước và chuẩn hóa. Ngôn ngữ gắn liền với cơ thể sống, nên mang tính chất “sinh ngữ” (langue vivante). Vì thế, ngôn ngữ cũng có thể “chết” hoặc biến mất theo dòng sống con người, trở thành tử ngữ hoặc cổ ngữ. Ngôn (tiếng) và chữ (字) là để biểu đạt vật (物) và sự (事), gọi chung là sự vật (事物). Vạn vật trong vũ trụ được cấu thành bởi những sự vật ấy, nên được gọi chung là “vạn vật” (萬物).

Vũ trụ (không-thời-gian) được cấu trúc như sau: trên-dưới, đông-tây, nam-bắc gọi là vũ (宇); đã qua và sắp tới gọi là trụ (宙). Vũ và trụ hợp lại thành vũ trụ (宇宙), bao hàm vạn vật.

Mọi sự vật, hiện tượng (現象) đều có tên (名): vật, đồ vật được gọi bằng danh từ (tĩnh), hành động được diễn đạt bằng động từ (động), gọi là sự (事). Các khái niệm này hòa quyện trong suy nghĩ (思) và quan sát của con người. Từ đó, suy nghĩ phát triển thành hệ thống trí (智). Từ là nơi neo của ý (意); các ý tích lũy hợp lại thành nghĩ hay suy nghĩ (思). Sự suy nghĩ liên miên ấy gọi là tri (知), còn toàn bộ hoạt động của tri chính là trí (智). Tất cả hợp thành bộ ba Trí – Tri – Ý (智-知-意).

Người xưa dùng ẩn dụ để miêu tả: “Tâm viên – Ý mã” (心猿意馬). Tâm như con vượn, luôn chuyển càngh; ý như con ngựa, chân không ngơi nghỉ. Vượn và ngựa là hình ảnh cho sự vận động không ngừng của tâm (心) và ý (意), diễn đạt dòng suy nghĩ bất tận trong trí óc con người.

On the Fluidity of Names and Uses

Về tính lưu động của tên gọi và công dụng

Here I sit at a table with a glass upon it. By social convention, we call this object a glass, because its primary use (yòng 用) is to hold water. Yet, if a peeled candy lies nearby and a fly lands on it, making it unhygienic, I may invert the glass to cover the candy - at that moment, the glass becomes a lid. During a presentation, if papers are blown about by a fan, I may use the glass to press them down - here it functions as a paperweight. In a heated dispute, one person might seize it and throw it to harm another - then the glass has become a weapon. Thus, the glass takes on multiple uses depending on circumstances.

Its name rests upon an agreed convention, but ultimately, it serves as no more than a placeholder.

Suppose the glass breaks, and shards are picked up to scrape wood smooth; now it becomes a tool, a wood scraper. Who can measure the number of possible uses? Each arises from its interaction with other beings and things in this universe. Boundless, without end. The name glass persists in the mind, shaped by prior cognition, what we may call prejudice - a fixed conceptual habit. This prejudice causes us to cling to the first, conventional name (glass), overlooking its other possible names: lid, paperweight, weapon, wood scraper. When our perception shifts to recognize these alternative functions, we experience a release from fixation - breaking prejudice - and our minds are freed from rigid associations.

This exercise reveals that all things lack a fixed name and instead possess a true nature (體) that transcends labels. Until we apprehend the nameless, we rely on names; but the essence is called nature (體). Since all things share this essence, the ancients described it as “the ten thousand things are of one homogeneous nature” (萬物同一體).

To reach this understanding is called attaining the Tao (得道). The Tao (道) is expressed through principle (理), hence the phrase Principle of the Tao (道理).

Such wisdom acknowledges the fluidity of nature and allows one to act with versatility across domains, recognizing the capacity of each object for multiple functions - one nature, many uses. This principle is encapsulated in the character Change (易), composed of the sun (日) and moon (月), symbolizing the ceaseless cycles of transformation in the world.

Tôi ngồi đây, trước mặt là một chiếc bàn, trên bàn có một cái ly. Theo quy ước xã hội, chúng ta gọi nó là cái ly, vì công dụng (dụng 用) chính của nó là để đựng nước. Nhưng giả sử có một viên kẹo đã bóc vỏ, ruồi đến đậu làm mất vệ sinh, tôi có thể úp chiếc ly xuống để che, khi đó ly trở thành cái nắp. Trong lúc thuyết trình, quạt máy thổi bay giấy tờ, tôi dùng ly để giấy, nó trở thành vật chặn giấy. Trong một cuộc tranh luận căng thẳng, nếu ai đó cầm ly ném đi gây thương tích, ly trở thành vũ khí. Như vậy, cái ly có nhiều công dụng khác nhau tùy hoàn cảnh.

Tên gọi chỉ là quy ước chung, thực chất chỉ là một từ giữ chỗ.

Nếu ly bị vỡ, mảnh vỡ có thể được nhặt lên để nạo gỗ, làm tròn và nhẵn, khi đó nó là cái bào nạo gỗ. Không ai có thể đếm hết số công dụng của nó - tất cả phát sinh từ sự tương tác với các sự vật khác trong vũ trụ. Bất tận, bất tận, không có điểm dừng. Cái tên ly tồn tại trong trí não như một “thành kiến” - cái thấy đã thành thói quen. Thành kiến ấy khiến ta bám chặt vào tên gọi ban đầu, không để ý đến những tên gọi khác như cái nắp, cái chặn giấy, cái vũ khí, cái bào gỗ. Khi tâm trí chuyển sang nhận diện các công dụng khác, đó chính là phá chấp - giải phóng trí não khỏi những liên tưởng cố định.

Bài tập này cho thấy rằng mọi sự vật đều không có tên cố định và đều có thể (體) - bản chất vượt lên trên mọi nhãn gọi. Chỉ khi nắm được cái vô danh thì mới chạm tới thể. Vì mọi sự vật đều có thể, nên người xưa nói: “Vạn vật đồng nhất thể” (萬物同一體).

Khi trí tuệ đạt đến mức này gọi là đắc đạo (得道). Đạo (道) biểu hiện qua lý (理), nên gọi là Đạo lý (道理).

Trí tuệ ấy công nhận tính lưu động của tự nhiên, cho phép con người ứng xử linh hoạt trong nhiều lĩnh vực, nhận ra tiềm năng đa dạng của mỗi sự vật - nhất thể, bách dụng. Nguyên lý này được cô đọng trong chữ Dịch (易), gồm nhật (日) và nguyệt (月), biểu tượng cho chu kỳ biến hóa liên tục của vũ trụ.

Wisdom and the Principle of Uni-Nature, Multi-Use

Trí tuệ và nguyên lý Nhất Thể, Bách Dụng

Wisdom reaches its depth when it apprehends that the essence (nature, 體) is inherently flexible. To grasp the essence is to recognize its multiple uses (yòng, 用), which enables one to

act across diverse fields with adaptability. This capacity for responsiveness is termed contingency ability - to “achieve the use” (dé yòng, 得用).

Accordingly, the designation glass is merely a provisional stopping point, the initial label conventionally attached to the object. Once the glass interacts with something else within space-time, however, it acquires a new and specific designation. In totality, the glass does not possess a single name; it has countless names, each emerging from context and interaction. Thus, we cannot simply call it only a glass. All objects and operations within this universe are of the same nature. Collectively, they may be described under the general designation of “No Name.” Moreover, the glass does not interact solely with humans. If water remains inside it for a long time, mosquitoes may lay eggs within, transforming it into a breeding ground for larvae. If left in damp conditions, it may also foster the growth of mold. These examples illustrate the innumerable interactions that exist within space-time.

That which has no fixed name is called Nature (體).

Conversely, that which acquires a name in relation to its function is called Use (用).

Together, these concepts are expressed in the maxim “Uni-Nature, Multi-Use” (一體百用).

This wisdom acknowledges the fluidity of nature and permits individuals to act with versatility across different domains, recognizing the potential of each object to serve in multiple capacities - uni-nature, multi-use.

Trí tuệ đạt đến chỗ thâm sâu khi cảm được rằng thể (體) vốn linh động vô cùng. Cảm được thể tức là nắm được cái đa dụng (用), từ đó có thể hành xử linh hoạt trên nhiều lĩnh vực khác nhau. Khả năng ấy gọi là tánh quyền biến, tức là đắc dụng (得用).

Do đó, cái tên cái ly chỉ là một mốc dừng tạm thời, tên ban đầu gán cho vật thể này. Nhưng một khi cái ly tương tác với một sự vật nào đó trong không-thời-gian, nó sẽ có một tên mới, đặc trưng cho công dụng mới ấy. Tổng thể mà nói, nó không chỉ có một tên gọi, mà có vô vàn tên gọi khác nhau. Vì vậy, chúng ta không thể chỉ gọi nó là cái ly. Tất cả các sự và vật trong vũ trụ đều như thế. Chúng có một tên chung là “không có tên”. Hơn nữa, cái ly đâu chỉ tương tác với con người. Nếu để nước lâu ngày, muỗi sẽ đẻ trứng sinh ra lăng quăng, biến nó thành ổ đẻ muỗi. Hoặc trong môi trường ẩm thấp, nó trở thành nơi sinh sôi của nấm mốc. Đó là vô vàn mối tương tác trong vũ trụ này.

Cái không có tên gọi được gọi là Thể (體).

Cái có tên gọi theo công dụng của nó được gọi là Dụng (用).

Hai khái niệm này hợp lại thành nguyên lý “Nhất thể, bách dụng” (一體百用).

Trí tuệ ấy thừa nhận tính lưu động của tự nhiên và cho phép con người hành xử linh hoạt trong nhiều lĩnh vực, nhận ra tiềm năng của mỗi sự vật để phục vụ trong nhiều khả năng khác nhau – nhất thể, bách dụng.

The word "Change" is written in Confucian letters as 易. Consisting of two parts, the upper letter is a Chinese character 日: sun and the lower part is moon 月 deformed 勿.

Humans live on the earth. In this case, we don't call "sphere of earth" because maybe the predecessor did not have the perception that the earth is a floating ball in space). But the predecessor already felt that it was a huge carriage 輿地.

In the past, we called it (old) geography (Yu di - 輿地), while geomancy was called Feng Shui (風水). Today in the West, people have Geomancy equivalent to Feng Shui if using the name Feng Shui.

People realize that two things on earth are bigger than all other things that are interchanging and shining in this world. One thing is bright and one thing is dark, keep rotating so that humans have these two giant lamps to light up their lives for the entire lifetime. From one life to another. Eternal existence is eternal operation. So the two letters of sun-moon represent the principle of change of the world. The one that goes first, the one that follows should be arranged vertically (vertical), sun above - moon below. As for the two objects being equal horizontally (horizontal), it means that the sun and the moon are also bright 日月並明 (sun - moon - also - bright), and it generally means bright 明.

Everything (events + objects) in this space-time changes. It is a principle, a postulate (principle-axiom) but it changes according to the law (loi, law) and those laws do not change phenomena, variations but they are governed by certain principles and laws. Objects change from one to another, the events are different, but the principle is the same. Everything-uni-principle.

There are some scholars who believe that the word "Change" is translated hieroglyphically from a drawing of a gecko, its skin changes color when it is in different surroundings. Take that color change event to say the meaning of change. That's okay, it makes sense, but the generality isn't high. Using that as a metaphor is fine, but generality is poor. So we should accept it as a combination of two letters sun-moon.

Change is transformative but also immutable: Change is invariant but also variant 易變 也不變也. This definition is very classic. Why does it sound like I agree with everyone, it's absurd. No, it is not.

For example, the law of conservation of energy is "energy can neither be created nor destroyed" ~ "Rien ne se perdre, rien ne se créer". It's all about turning from one form of energy to another.

Those forms of energy operate according to laws (loi).

Chữ Dịch viết bằng chữ Nho là 易. Gồm hai phần hợp lại, chữ ở bên trên là chữ Nhật 日: mặt trời, chữ ở dưới là nguyệt 月 biến dạng 勿 mặt trăng.

Con người sống trên đất. Ở đây, chúng ta không nói quá đất, vì biết đâu rằng tiền nhân lúc xa xưa đã chưa có cái cảm nhận đất là một quả cầu lơ lửng trong không gian). Nhưng những bậc tiền bối đã cảm nhận rằng nó là một chiếc xe vận tải lớn: địa dư. Dư: 輿. By the way, we are talking about geography (Địa lý - 地理).

Nhân tiện ở đây ta bàn về môn địa lý học (geography). Ngày trước ta gọi là địa dư học, còn môn địa lý học là môn Phong Thủy. Ngày nay bên Tây phương, người ta có môn Geomancie tương đương như môn phong thủy nếu dùng cái tên phong thủy.

Con người nhận thấy hai cái ở ngoài đất to lớn hơn hết thấy mọi vật khác cứ đắp đổi nhau mà chiếu sáng trên cõi đời này. Một sáng một tối cứ thế xoay vần để loài người có hai ngọn đèn khổng lồ này thấp sáng mà sinh hoạt cả một kiếp người. Hết kiếp người này sang kiếp người khác. Đời đời hiện hữu đó là sự vận hành vĩnh cửu. Thế cho nên hai chữ nhật nguyệt nói lên lẽ vận hành chuyển dịch của thế gian này. Cái đi trước, cái đi sau nên sắp xếp theo chiều dọc (vertical). Nhật trên - Nguyệt dưới. Còn hai vật để ngang bằng nhau theo chiều ngang (horizontal) nó có ý là nhật nguyệt tịnh minh 日月並明 (trời trăng đều sáng) nên nó có nghĩa chung quy lại là minh 明.

Có một số học giả cho rằng chữ dịch được tượng hình từ hình vẽ con tắc kè, da của nó đổi màu khi nó ở những môi trường xung quanh khác nhau. Lấy sự kiện đổi màu ấy nói lên cái ý nghĩa biến đổi. Thế thì cũng được thôi cũng chẳng vô lý gì, nhưng tính phổ quát không cao. Lấy cái đó làm ẩn dụ cũng được, nhưng tính phổ quát kém. Nên chúng ta nên chấp nhận đó là hai chữ nhật nguyệt ghép thành.

Dịch là biến đổi mà cũng là không biến đổi: Dịch biến đã bất biến đã 易變也不變也. Câu định nghĩa này rất kinh điển. Sao nghe ra nó ba phải thế, vô lý nhĩ. Không phải thế đâu.

Vạn vật (sự + vật) trong vũ trụ này đều biến đổi. Đó là một nguyên lý, một định đề (principle-axiom) nhưng nó biến đổi theo qui luật (loi, law) và những qui luật ấy không thay đổi các sự và vật là các hiện tượng, biến tướng nhưng nó chi phối bởi các nguyên lý và các định luật nhất định. Vật chuyển dạng vật này sang vật khác, sự thì khác nhau nhưng lý vẫn là một. Vạn sự nhất lý.

Thí dụ nguyên lý bảo toàn năng lượng “không có cái gì sinh ra mới, cũng không có cái gì biến mất” Rien ne se perd, rien ne se crée. Tất cả chẳng qua chỉ là biến từ dạng năng lượng này sang dạng năng lượng khác.

Các dạng năng lượng ấy vận hành theo các qui luật, định luật (law - loi).

INTRODUCTION TO I CHING BOOK

GIỚI-THIỆU VỀ CUỐN KINH-DỊCH

The I Ching, also known as the Book of Changes, dates back to the Zhou Dynasty, established by King Wen of Zhou. However, it was his son, King Wu, who brought the dynasty into full power. A major contributor to this work was King Wen's son, known as the Duke of Zhou, who expanded on the foundational concepts. The contributions of later scholars, including Confucius, also helped develop the I Ching into what we know today.

The I Ching initially contained hexagrams (symbols) attributed to the legendary ruler Fu Xi, who lived around 5000 BC. King Wen later expanded these symbols into a philosophical system that the Duke of Zhou further refined.

Kinh Dịch, còn được gọi là Sách về những thay đổi, có nguồn gốc từ thời nhà Chu, do vua Văn của nhà Chu lập ra. Tuy nhiên, chính con trai của ông, vua Vũ, đã đưa triều đại lên nắm toàn quyền. Một người đóng góp chính cho tác phẩm này là con trai của vua Văn, được gọi là Chu Công, người đã mở rộng các khái niệm nền tảng. Những đóng góp của các học giả sau này, bao gồm cả Khổng Tử, cũng đã giúp phát triển Kinh Dịch thành những gì chúng ta biết ngày nay.

Kinh Dịch ban đầu chứa các quẻ (biểu tượng) được cho là của vị vua huyền thoại Phục Hy, sống vào khoảng năm 5000 trước Công nguyên. Sau đó, vua Văn đã mở rộng các biểu tượng này thành một hệ thống triết học mà Chu Công đã tinh chỉnh thêm.

Commentary of Hexagrams created by King Wen

Thoán từ (卦辭) là của Văn Vương

Interpretation of Line created by the Duke of Zhou

Hào từ (爻辭) là của Chu Công Đán

Ten Wings belongs to Confucius

Thập dục (十翊) là của Khổng Tử

翊-Yi are the wings of a bird: literally means auxiliary, the adding supporting part.

Dục là cái cánh của con chim 翊. phụ, giúp là những phần phụ giúp vào.

The lines: broken (--) and unbroken (—) existed in the Fu Xi period in the years 5000 BC.

Riêng các vạch: vạch liền, vạch đứt đã có từ thời Phục Hi (伏羲) khoảng 5000 trước công nguyên.

Before the reign of King Wen, there were two more dynasties: the Xia Dynasty and the Shang Dynasty (An). Each of these dynasties also compiles words like the later Zhu dynasty, called the Change of Xia and The Change of Shang with the words those two dynasties but now lost, historians have mentioned these two titles as "Qui Tang " and "Lian Shan".

The character King Wen was a Mandarin working at the end of the Shang Dynasty during the reign of Zhu King. This brutal suzerain and the benighted king had imprisoned him in the cave "Duu Ly" for 9 years. Since then, it was later overthrown and established a new dynasty called Zhu. This is a new intellectual corporation that has come to rule. Among them is the wise old man, Jiang Tu Ya, also known as La Vong, who is called the "patriarch". The Zhu Dynasty was only really established by the son of King Wen, Zhu Wu Wang and the soul of that community was the Duke of Zhou (who wrote the indications of lines of the I Ching).

Perhaps, a bit arbitrary, King Wen, when locked in Duu Ly cave, practiced meditation to maintain his health, so he became wise and compiled these commentaries of hexagrams. In fact, it is a myth that people often assume that the cultural outcome of a period is that of a dynasty of a person. We should understand that it is the culture and civilization of a community (King Wen, Jiang Tu Ya, the Duke of Zhou ...). Like the New Vietnamese Language, not only created by

Alexandre de Rhodes but also by Mr. Pinay, Admiral, and other Vietnamese scholars... at that time. It is more accurate to say that Mr. A. De Rhodes is a Set of Great Commentary.

Fu Xi was the one who drew the logic of change with broken and unbroken lines, King Wen wrote the Commentary of Hexagrams, the Duke of Zhou wrote the Interpretation of Line, and Confucius wrote the Ten Wings. These four people are called the four saints of the Set of Great Commentary of the I Ching.

Confucius greatly idolized the Duke of Zhou and admired him very much, so he often said "I respect Zhu", or when he was emotional, he said, "I haven't dreamed of Zhu Gong for a long time".

Trước đời Văn Vương có hai triều đại nữa: nhà Hạ 夏, nhà Thương 商 (Ân). Mỗi triều đại này cũng sáng tác lời như đời Chu sau này, gọi là Dịch nhà Hạ và Dịch nhà Thương bằng các lời của hai triều đại đó, nay thất truyền không còn, các nhà dịch sử có nhắc đến hai tên sách dịch đó là “Qui Tàng 歸藏” và “Liên Sơn 連山”.

Về nhân vật Văn Vương, ông là quan làm việc ở cuối đời nhà Thương đời vua Trụ. Ông vua này là hôn quân bạo chúa đã giam cầm ông trong hang “Đữu Lý” chín năm. Từ đó sau này đã bị lật đổ và lập nên triều đại mới có tên là Chu. Đây là tập đoàn trí tuệ mới lên nắm quyền cai trị. Trong đó có bậc trí tuệ lão làng là ông Khương Tử Nha 姜子牙 còn gọi là Lã Vọng 呂望, ông này được xưng tụng là “Thượng Phụ” 尚父. Nhà Chu chỉ thực sự được xác lập từ người con của Văn Vương là Chu Võ Vương và người linh hồn của cộng đồng ấy là ông Chu Công Đán (người viết ra các hào từ của Kinh Dịch).

Có lẽ, hơi vô đoán một tý, ông Văn Vương khi bị nhốt trong hang Đữu Lý ông tập thiền để giữ gìn sức khỏe nên ông trở nên sang trí mà làm ra các lời thoán. Thực ra đó là huyền sử người ta thường mặc định hóa thành quả văn hóa của một thời kỳ là của một triều đại của một con người. Chúng ta nên hiểu rằng đó là nền văn hóa, văn minh của một cộng đồng (Văn Vương, Khương Tử Nha, Chu Công...). Cũng như Việt Ngữ Mới chẳng phải riêng gì do Alexandre de Rhodes mà còn các ông Pinay, Admèral và các nhà trí thức Việt Nam...lúc bấy giờ. Nói rằng ông A. De Rhodes là tập đại thành thì chính xác hơn.

Ông Phục Hi là người vẽ ra lý dịch bằng các vạch liền vạch đứt, ông Văn Vương viết lời thoán 卦辭, ông Chu Công viết ra các lời hào 爻辭, ông Khổng Tử viết thập lục 十翼. Bốn người ấy được xưng tụng là tứ thánh tập đại thành Kinh Dịch.

Ông Khổng Tử rất thần tượng ông Chu Công, rất ngưỡng vọng ông này nên ông thường nói “ta tôn Chu”, hoặc những lúc ông xúc cảm mà nói “lâu nay ta không còn nằm mơ thấy Chu Công nữa”.

Confucius's ten wings include the following categories:

Thập Dục của ông Khổng Tử gồm các mục:

1/ Classical Chinese (文言傳)

Văn ngôn

2/ & 3/ Commentary includes the first and second books (彖上傳, 象下傳)

Thoán truyện

4/ Great Images (大象)

Đại tượng truyện

5/ Little Images (小象)

Tiểu tượng truyện

6/ Interpretation of Line (說卦傳)

Thuyết quái truyện

7/ the Sequence of the Hexagrams (序卦傳)

Trị quái truyện

8/ the Assorted or Miscellaneous Hexagrams (雜卦傳)

Tạp quái truyện

9/ & 10/ the Commentary on the Appended Phrases includes the first and the second book (繫辭上傳, 繫辭下傳).

Hệ từ (thượng và hạ).

Through the Ten Wings he wrote, it can be concluded that all the essence of his doctrine lies here.

The I Ching has gone through the ages and has been annotated to this day, all over the world, Europeans approached Eastern culture and translated it into their own languages. The Germans started this.

There are many commenting scholars in China through many dynasties, but the most outstanding is in the Song Dynasty. Only two dynasties Han and Song tried to add Confucian letters named Han-Confucian and Song-Confucian. The excellent author Song-Confucian, there are two cousins Cheng: Cheng Yi, Cheng Hao, and the group of Chu Hi, Zhou Dunyi, Zhang Hengjiu, Shao Kangjie...

Kong's door but Trinh's yard.

In Vietnam, there are many famous and unique masters such as Binh Khiem Nguyen (Ruan Bingqian - 阮秉謙), Trai Nguyen (Ruan Zhi - 阮鵬), and Quy Don Le (Li Gui Dun - 黎貴惇)..., but our country is often invaded by the north, so it is lost a lot.

Thông qua phần ông viết Thập Dục có thể nhận định rằng tất cả tinh hoa học thuyết của ông đều nằm ở đây cả.

Bộ Kinh Dịch trải qua nhiều thời đại và được chú giải đến ngày nay rộng khắp cả thế giới, người Âu châu tiếp xúc với văn hóa đông phương, dịch sang tiếng nước họ. Khởi đầu việc này là người Đức.

Tại Trung Quốc trải qua nhiều triều đại có nhiều học giả bình luận, nhưng xuất sắc nhất là vào thời nhà Tống. Chỉ hai triều đại Hán và Tống có gắng thêm chữ Nho là Hán Nho 漢儒, Tống Nho 宋儒. Về tác giả Tống Nho xuất sắc có hai anh em họ Trình: Trình Di 程頤, Trình Hạo 程顥 và nhóm Chu Hư, Chu Đôn Di 周敦頤, Trương Hoành Cừ, Thiệu Khang Tiết 邵康節...

Cửa thì Khổng mà sân thì lại sân Trình.

Ở Việt Nam có rất nhiều danh sư như Nguyễn Bình Khiêm, Nguyễn Trãi, Lê Quý Đôn ... độc đáo nhưng đất nước chúng ta thường bị phương Bắc lấn chiếm đô hộ nên bị mai một rất nhiều.

WHAT DOES NEO-CONFUCIANISM MEAN?

LÝ-HỌC LÀ GÌ?

(Wikipedia)

Neo-Confucianism (Chinese: 宋明理學; pinyin: Sòng-Míng lǐxué, often shortened to lǐxué 理學, literally "School of Principle") is a moral, ethical, and metaphysical Chinese philosophy influenced by Confucianism, which originated with Han Yu (768–824) and Li Ao (772–841) in the Tang dynasty, and became prominent during the Song and Ming dynasties under the formulations of Zhu Xi (1130–1200).

After the Mongol conquest of China in the thirteenth century, Chinese scholars and officials restored and preserved neo-Confucianism as a way to safeguard the cultural heritage of China.

Neo-Confucianism could have been an attempt to create a more rationalist and secular form of Confucianism by rejecting mystical elements of Taoism and Buddhism that had influenced Confucianism during and after the Han dynasty. Although the neo-Confucianists were critical of Taoism and Buddhism, the two did have an influence on the philosophy, and the neo-Confucianists borrowed terms and concepts. However, unlike the Buddhists and Taoists, who saw metaphysics as a catalyst for spiritual development, religious enlightenment, and immortality, the neo-Confucianists used metaphysics as a guide for developing a rationalist ethical philosophy.

Lý học (tiếng Trung: 宋明理學; bính âm: Sòng-Míng lǐxué) là triết lý Trung Quốc chịu ảnh hưởng của Nho giáo, khởi nguồn từ Hàn Dũ và Lý Cao vào đời Đường và trở thành cường thịnh vào đời Tống và Minh nhờ Chu Hi.

Sau khi người Mông Cổ chinh phục Trung Quốc vào thế kỷ XIII, các học giả và quan chức Trung Quốc đã khôi phục và bảo tồn Lý-học như một cách bảo vệ di sản văn hóa của Trung Quốc.

Lý-học có thể là nỗ lực hợp lý hóa và thể tục hóa Nho giáo bằng cách loại bỏ các mê tín và sự huyền bí của Đạo giáo và Phật giáo đã được đưa vào Nho giáo trong và sau đời nhà Hán. Tuy các nhà Lý-học chỉ trích Đạo giáo và Phật giáo, nhưng họ vẫn mượn những thuật ngữ và khái niệm của hai đạo này do đó Lý-học chịu ảnh hưởng của cả Đạo giáo lẫn Phật giáo. Nhà Lý-học khác với Phật tử và Đạo gia ở phương diện Phật tử và Đạo gia xem siêu hình học là thúc đẩy phát triển tinh thần, mở mang óc tôn giáo và sự bất tử, còn nhà Lý-học thì dùng siêu hình học làm kim chỉ nam để sáng tạo triết lý đạo đức duy lý.

Origin

Nguồn gốc

Neo-Confucianism has its origins in the Tang dynasty; the Confucianist scholars Han Yu and Li Ao are seen as forebears of the neo-Confucianists of the Song dynasty. The Song dynasty philosopher Zhou Dunyi (1017–1073) is seen as the first true "pioneer" of neo-

Confucianism, using Taoist metaphysics as a framework for his ethical philosophy. Neo-Confucianism was both a revival of classical Confucianism, updated to align with the social values of the Song dynasty, and a reaction to the challenges of Buddhism and Taoism philosophy and religion which emerged during the Zhou and Han dynasties. Although the neo-Confucianists denounced Buddhist metaphysics, Neo-Confucianism did borrow Taoist and Buddhist terminology and concepts.

Lý-học mở nguồn từ đời nhà Đường, có hai nhà Nho Hàn Dũ và Lý Cao được nhận là tiền bối của các nhà Lý-học vào đời Tống. "Người sáng lập" chân chính của Lý-học được nhận là triết gia Tống tên Chu Đôn Di (1017–1073), ông dùng lý thuyết siêu hình của Đạo giáo làm cơ sở cho luân lý của ông. Lý-học vừa phục hưng Nho giáo cổ điển có cách tân cho hợp với xã hội của đời nhà Tống, vừa đáp lại các thách thức của Phật giáo và Đạo giáo xuất hiện vào đời Chu và Hán. Mặc dù các nhà Lý-học phủ nhận lý thuyết siêu hình Phật giáo, nhưng họ vẫn vay mượn thuật ngữ và khái niệm của Đạo giáo và Phật giáo.



Confucius, Buddha and Lao Tzu tasted vinegar together

Khổng Tử, Phật và Lão Tử cùng nếm giấm

One of the most important exponents of neo-Confucianism was Zhu Xi (1130–1200), his teachings were so influential that they were integrated into civil-service examination from approximately 1314 until 1905. He was a rather prolific writer, maintaining and defending his Confucian beliefs of social harmony and proper personal conduct. One of his most remembered was the book Family Rituals, where he provided detailed advice on how to conduct weddings, funerals, family ceremonies, and the veneration of ancestors. Buddhist thought soon attracted him, and he began to argue in Confucian style for the Buddhist observance of high moral standards. He also believed that it was important to practical affairs that one should engage in both academic and philosophical pursuits, although his writings are concentrated more on issues of theoretical (as opposed to practical) significance. It is reputed that he wrote many essays attempting to explain how his ideas were not Buddhist or Taoist and included some heated denunciations of Buddhism and Taoism.

After the Xining era (1068–1077), Wang Yangming (1472–1529) is commonly regarded as the most important Neo-Confucian thinker. Wang's interpretation of Confucianism denied the rationalist dualism of Zhu's orthodox philosophy.

There were many competing views within the neo-Confucian community, but overall, a system emerged that resembled both Buddhist and Taoist (Daoist) thought of the time and some of the ideas expressed in the I Ching (Book of Changes) as well as other yin yang theories associated with the Taiji symbol (Taijitu). A well known neo-Confucian motif is paintings of Confucius, Buddha, and Lao Tzu all drinking out of the same vinegar jar, paintings associated with the slogan "The three teachings are one!"

While neo-Confucianism incorporated Buddhist and Taoist ideas, many neo-Confucianists strongly opposed Buddhism and Taoism. Indeed, they rejected the Buddhist and Taoist religions. One of Han Yu's most famous essays decries the worship of Buddhist relics. Nonetheless, neo-Confucian writings adapted Buddhist thoughts and beliefs to the Confucian interest. In China, neo-Confucianism was an officially recognized creed from its development during the Song dynasty until the early twentieth century, and lands in the sphere of Song China (Vietnam, Korea, and Japan) were all deeply influenced by neo-Confucianism for more than half a millennium.

Chu Hy (1130–1200) là một trong các nhà Lý-học quan trọng nhất, đến cả lời dạy dỗ của ông cũng được mang vào kỳ thi khoa cử từ khoảng năm 1314 đến năm 1905. Ông là nhà văn viết nhiều, luôn luôn duy trì bảo vệ tư tưởng nhà Nho về sự hài hòa xã hội và ứng xử cá nhân đúng đắn. Một trong các tác phẩm nổi tiếng nhất của ông là quyển Gia lễ (家禮), nội dung cung cấp các lời dạy về cách cử hành đám cưới, đám tang, nghi lễ gia đình và việc tôn kính tổ tiên. Phật giáo sớm thu hút Chu Hy, và ông bắt đầu tranh luận kiểu Nho giáo rằng Phật tử nên giữ tiêu chuẩn đạo đức cao. Ông cũng tin rằng mọi người nên theo đuổi cả học thuật lẫn triết học do nó có lợi cho công việc thực tế, mặc dù sách vở của ông thiên về những vấn đề lý thuyết hơn những vấn đề thực tiễn. Có tin là ông viết nhiều bài luận cổ giải thích lý do ý tưởng của ông không phải là ý tưởng Phật giáo hoặc Đạo giáo mà công kích gay gắt cả Phật giáo lẫn Đạo giáo.

Sau thời Tây Ninh (1070), Vương Dương Minh (1472–1529) thường được nhận là nhà tư tưởng quan trọng nhất của Lý-học. Ông phủ nhận thuyết của Chu Hy là triết lý chính thống bấy giờ.

Dù có nhiều quan điểm ganh đua nhau trong làng Lý-học, nhưng đại khái thì một triết lý mới đã hình thành, giống Phật giáo Đạo giáo đương thời và vài ý tưởng trong quyển Kinh Dịch với các học thuyết âm dương. Một mô típ Lý-học nổi tiếng là cánh vẽ Khổng Tử, Phật và Lão Tử cùng ném giỏ với khẩu hiệu "Tam giáo đồng nguyên".

Mặc dù Lý-học dung hợp các ý tưởng Phật giáo và Đạo giáo, nhưng nhiều nhà Lý-học vẫn phản đối mạnh hai đạo; nói thẳng là họ bác bỏ cả Phật giáo lẫn Đạo giáo: một trong các bài luận nổi tiếng nhất của Hàn Dũ chê bai việc thờ cúng các di tích Phật giáo. Đồng thời họ vẫn sửa các tư tưởng Phật giáo cho hợp Nho giáo. Ở Trung Quốc, Lý-học được công nhận rộng rãi là quốc giáo từ lúc ra đời vào đời nhà Tống đến đầu thế kỷ 20, và các vùng đất chịu ảnh hưởng của Trung Quốc như Việt Nam, Triều Tiên và Nhật Bản đều theo Lý-học trong hơn nửa thiên niên kỷ.

Philosophy

Triết lý

Neo-Confucianism is a social and ethical philosophy using metaphysical ideas, some borrowed from Taoism, as its framework. The philosophy can be characterized as humanistic and

rationalistic, with the belief that the universe could be understood through human reason, and that it was up to humanity to create a harmonious relationship between the universe and the individual.

The rationalism of neo-Confucianism is in contrast to the mysticism of the previously dominant Chan Buddhism. Unlike the Buddhists, the neo-Confucians believed that reality existed, and could be understood by humankind, even if the interpretations of reality were slightly different depending on the school of neo-Confucianism.

But the spirit of Neo-Confucian rationalism is diametrically opposed to that of Buddhist mysticism. Whereas Buddhism insisted on the unreality of things, Neo-Confucianism stressed their reality. Buddhism and Taoism asserted that existence came out of, and returned to, non-existence; Neo-Confucianism regarded reality as a gradual realization of the Great Ultimate... Buddhists, and to some degree, Taoists as well, relied on meditation and insight to achieve supreme reason; the Neo-Confucianists chose to follow Principle.

The importance of li in Neo-Confucianism gave the movement its Chinese name, literally "The study of Li".

In the view of Neo-Confucians, the true form of Confucianism had been lost after Mencius as "later" Confucians were more concerned with the vehicles of knowledge such as Classics or literary writing rather than the "values that all should share," They claimed that "later" Confucians focused on correct governance (found in the canonical texts) to the exclusion of "correct learning," the necessary basis for moral order. Their ideal of moral order, which could be inculcated by scholars outside of government, stood in contrast with previous ideas of moral instruction by ruling authorities. Neo-Confucians could be distinguished by their stronger concern with personal ethics and morals. Politically, Neo-Confucians also opposed centralization in the imperial court and instead argued for more local autonomy and the creation of lateral, community-centred institutions for social improvement. These voluntary local literati organizations focused on local education and local relief instead of aligning with the requirements of government service or government officials. The growing numbers of literati who did not serve in government but saw themselves as the equals of officials, capable of bottom-up collective action, constrained the authority of the local officials.

Lý-học là triết lý xã hội và đạo đức dùng các ý tưởng siêu hình có khi mượn từ Đạo giáo làm cơ sở. Triết lý này có thể được mô tả là mang tính nhân văn và duy lý, với niềm tin rằng vũ trụ có thể được hiểu thông qua lý trí của con người, và chính con người phải tạo ra mối quan hệ hài hòa giữa vũ trụ và cá nhân.

Tính duy lý của Lý-học trái ngược với sự thần bí của Thiên tông đã phổ biến trước đây. Khác với Phật tử, nhà Lý-học tin rằng hiện thực tồn tại và có thể được con người hiểu, mặc dù cách hiểu khác nhau tùy thuộc vào trường phái Lý-học.

Nhưng tính duy lý của Lý-học hoàn toàn trái ngược sự thần bí của Phật giáo. Trong khi Phật giáo nhấn mạnh tính không thật của mọi vật, thì Lý-học chú trọng tính chân thật của mọi vật. Phật giáo và Đạo giáo khẳng định rằng tồn tại phát sinh từ, và quay trở về, không tồn tại; Lý-học coi hiện thực là sự hình thành

dần dần của Thái cực ... Phật tử, và Đạo gia đến mức độ nhất định, đều dựa vào thiên định và sự sáng suốt để đạt được lý trí tối cao; nhà Lý-học chọn theo Lý.

Sự quan trọng của cái lý là lý do thuyết tên tiếng Hoa là Lý-học, nghĩa đen là "nghiên cứu lí lẽ."

Theo quan điểm của những nhà Lý-học, hình thức thực sự của Nho giáo đã bị mất sau thời Mạnh Tử vì những người theo Khổng giáo "sau này" quan tâm nhiều hơn đến các phương tiện tri thức như Kinh điển hoặc văn chương hơn là "các giá trị mà tất cả mọi người nên chia sẻ". Họ tuyên bố rằng những người theo Khổng giáo "sau này" tập trung vào sự quản lý đúng đắn (có trong các văn bản kinh điển) để loại trừ "học vấn đúng đắn", nền tảng cần thiết cho trật tự đạo đức. Lý tưởng về trật tự đạo đức của họ, có thể được các học giả bên ngoài chính phủ truyền bá, trái ngược với những ý tưởng trước đây về sự chỉ dạy đạo đức của các nhà cầm quyền. Những nhà Lý-học có thể được phân biệt bởi mối quan tâm mạnh mẽ hơn của họ đối với đạo đức và luân lý cá nhân. Về mặt chính trị, những nhà Lý-học cũng phản đối sự tập trung quyền lực trong triều đình và thay vào đó, họ tranh luận về quyền tự chủ địa phương nhiều hơn và việc thành lập các thể chế ngang hàng, lấy cộng đồng làm trung tâm để cải thiện xã hội. Các tổ chức tri thức địa phương tự nguyện này tập trung vào giáo dục địa phương và cứu trợ địa phương thay vì tuân theo các yêu cầu của dịch vụ chính phủ hoặc các quan chức chính phủ. Số lượng ngày càng tăng của những người tri thức không phục vụ trong chính phủ nhưng tự coi mình ngang hàng với các quan chức, có khả năng hành động tập thể từ dưới lên, đã hạn chế quyền lực của các quan chức địa phương.

WRITE ABOUT THE LETTER 理

VIẾT VỀ CHỮ LÝ 理

Structure of the letter 理 - Principle

Cấu tạo chữ 理 – LÝ

King 王. Combined with Village 里 (temporarily called Lǐ). Forms the word Principle 理

Vương 王 (Vua). Ghép với Lý, Lí 里 (tạm gọi là Lý, Lý làng). Làm thành chữ Lý 理

Example:

Ví dụ:

Arrange 整理 - Chỉnh lý / sắp đặt cho ngay ngắn

Repair 修理 - Tu lý / sửa sang

Management 管理 - Quản lý / coi sóc

PRINCIPLE IN REAL LIFE

LÝ TRONG ĐỜI SỐNG THỰC

01/ The social organization that issues provisions to guide and punish wrongdoing is Legal - 法理.

Tổ chức xã hội ban hành ra những điều khoản để định hướng và xử phạt hành vi sai trái là Pháp- lý - 法理

(Law- 法律 - Pháp luật)

(Justice - 公理 - Công lý)

02/ To have many: suitable, smooth, reasonable is what Reasonable - 合理

Để nhiều: phù hợp, hanh thông, thuận lẽ thì là những gì Hợp-lý - 合理

03/ Experience drawn from (in, for) life is Philosophy 哲理

Kinh nghiệm đúc kết từ (trong, cho) cuộc sống là Triết-lý 哲理

04/ What is confirmed and recognized by everyone as True is Real is Truth 真理

Điều được mọi người xác nhận, công nhận là Đúng là Thực là Chân-lý 真理

Note: Truth still changes as people find more correct truths, so there are things that initially only one or a few people recognize as TRUE.

Lưu ý: Chân Lý vẫn có sự thay đổi khi người ta tìm ra sự thật đúng hơn nên có những điều ban đầu chỉ một hoặc vài người công nhận nó ĐÚNG.

05/ Like the starting path, leading to the meaning of life. It carries both linearities: dialectical & spiritual, natural & social. That is the Principle of Tao 道理

Tựa như con đường khởi đầu, dẫn đầu cho lẽ sống. Điều mang cả hai tuyến tính: biện chứng & tâm linh, tự nhiên và xã hội. Đó là Đạo-lý 道理

Summary:

Tổng kết:

In the 5 Principles mentioned above and most Principles in general, every Principle has meaning and value.

Trong 05 Lý nói trên và hầu hết các Lý nói chung thì Lý nào cũng có ý nghĩa & giá trị.

BUT take special note of the following two Principles in following:

NHƯNG lưu ý đặc biệt hai Lý sau:

- Rationality is what brings better results in all work and relationships.

Sự Hợp-lý là thứ đem lại kết quả tốt hơn trong mọi công việc cũng như các mối quan hệ.

- Compliance with the Law is the fundamental foundation for the physical freedom of each individual in a social organization.

Tuân thủ Pháp-lý là nền tảng cơ bản cho tự do Thân Thể của mỗi người trong một tổ chức xã hội.

Finally, there are many issues related to Principle. Some examples:

Cuối cùng, còn nhiều vấn đề liên quan đến Lý. Một số ví dụ:

不理 - Unreasonable - Bất lý / vô lý

理由 - Reason - *Lý do*

代理 - Agency - *Đại lý*

佐理 - Assistant - *Tả lý / hỗ trợ*

倫理 - Ethics / the common way people must follow - *Luân lý / Cái đạo thường người ta phải noi theo.*

受理 - Accept - *Thụ lý*

地理 - Geography - *Địa lý*

定理 - Theorem - *Định lý*

掌理 - Attorney General - *Chương lý*

整理 - Edit - *Chỉnh lý*

案理 - Judgment - *Án lý*

理解 - Explain - *Lý giải*

理趣 - Interesting - *Lý thú*

生理 - Physiologic - *Sinh lý*

病理 - Pathology - *Bệnh lý*

管理 - Management - *Quản lý*

總理 - General - *Tổng lý*

至理 - Judgematic - *Chi lý*

處理 - Handle / Treatment - *Xử lý*

逆理 - Paradox - *Nghịch lý*

The term “Li Studies” in LAA

Thuật ngữ Lý-học trong Lý-học Kiến-Nông

- Li Studies is a contemporary interpretive and epistemological framework inspired by the classical East Asian notion of Li (理), often translated as "principle", "pattern", or "cosmic order". Rooted in Neo-Confucian metaphysics and extended into modern contexts such as ecological philosophy, agrarian knowledge systems, and cosmotechnics, Li Studies seeks to re-engage ancient cosmological reasoning with contemporary challenges.
- As a transdisciplinary inquiry, Li Studies emphasizes the relational structure of reality, the embeddedness of human activity within natural patterns, and the cultivation of harmonious knowledge practices. It provides a foundation for rethinking development,

sustainability, and agriculture not through mechanistic models, but through a lens of principled interdependence, resonance, and moral ecology.

Lý-học (Li Studies) là một khung tư duy và nhận thức luận hiện đại, được phát triển từ khái niệm cổ điển Đông Á về Lý (理) – thường được hiểu là “nguyên lý”, “trật tự”, hoặc “mẫu hình vũ trụ”. Dựa trên nền tảng siêu hình học Tống Nho và được mở rộng sang các lĩnh vực như triết học sinh thái, tri thức nông nghiệp và kỹ thuật học vũ trụ (cosmotronics), Lý-học hướng đến việc tái kết nối tư duy vũ trụ cổ đại với những thách thức đương đại.

Là một hướng tiếp cận xuyên ngành, Lý-học nhấn mạnh vào tính quan hệ của thực tại, sự gắn bó của hành vi con người trong các mẫu hình tự nhiên, và việc tu dưỡng tri thức hài hòa. Nó tạo nền tảng để tái định hình cách hiểu về phát triển, bền vững và nông nghiệp – không theo mô hình cơ giới hóa, mà qua lăng kính của sự tương thuộc có nguyên tắc, cộng hưởng và đạo sinh thái.

Research scope of LAA

Phạm-vi nghiên-cứu của Lý-học Kiến-Nông

LAA studies Li Studies in Vietnam and extends references to East Asia to build a set of principles for contemporary agricultural development. In Vietnam, LAA refers from the milestone of author Quy Don Le onwards. The original reference is the book “Fubian Miscellanies”.

Quy Don Le was born in 1726 and died in 1784. The book Fubian Miscellanies was published around 1776. Thus, LAA studied Vietnamese Li Studies for about 250 years to thoroughly understand the principles and historical lessons on agricultural development.

Lý-học Kiến-Nông nghiên cứu về Lý-học tại Việt Nam và mở rộng tham khảo ra vùng Đông Á để xây dựng bộ các nguyên tắc dành cho việc phát triển nông nghiệp đương đại. Tại Việt Nam, Lý-Học Kiến-Nông tham khảo từ cột mốc tác gia Lê Quý Đôn trở về sau. Tài liệu tham khảo gốc là sách “Phủ biên tạp lục”.

Lê Quý Đôn sinh năm 1726, mất năm 1784. Sách Phủ biên tạp lục ra đời khoảng năm 1776. Vậy, Lý-học Kiến-Nông nghiên cứu Lý-học Việt-Nam trong khoảng 250 năm qua để thấu đáo các nguyên tắc và các bài học lịch sử về phát triển nông nghiệp.

Quy Don Le is often mentioned by Vietnamese people today with the saying:

Lê Quý Đôn hay được người Việt Nam ngày nay nhắc đến với câu nói:

非農不穩 - No agriculture, no stability / Phi nông bất ổn

非智不興 - No wisdom, no prosperity / Phi trí bất hưng

非工不富 - No technology, no wealth / Phi công bất phú

非智不活 - No commerce, no active / Phi thương bất hoạt

This is a set of fundamental principles that LAA uses as a fulcrum for subsequent studies.

Đây là một bộ nguyên-tắc nền-tảng mà Lý-học Kiến-Nông dùng làm điểm tựa cho những nghiên-cứu tiếp theo.

In 2016, Viet Kien Nong said:

Năm 2016, Việt Kiến Nông phát biểu:

Multidisciplinary thinking / *Tư duy đa ngành*

Continuous structure / *Cấu trúc liên hoàn*

Inter-regional cooperation / *Hợp tác liên vùng*

Global connection / *Kết nối toàn cầu*

It is also a continuation of the descendants with the predecessors in the process of national agricultural development.

Đó cũng là một sự tiếp nối của hậu bối với tiền nhân trong diễn trình phát triển nông nghiệp quốc gia.

(Excerpt: Tricky words: Is 'No business, no wealth' the wrong way to write? Thanhnien.vn newspaper, February 18, 2023)

(Trích: Lắt léo chữ nghĩa: 'Phi thương bất phú' là cách viết sai? Báo thanhnien.vn ngày 18/2/2023)

On November 29, 2017, in an article in the People's Army newspaper (Vietnam, Chinese version), there was a sentence: "非农不稳; 非工不盛; 非商不富; 非智不兴" . It mean “No agriculture, no stability; No wisdom, no prosperity; No technology, no rich; No commerce, no active”.

Ngày 29.11.2017, trong một bài viết trên báo Quân đội nhân dân (Việt Nam, bản Trung văn) có câu: "非农不稳, 非工不盛, 非商不富, 非智不兴", phiên Hán Việt là "Phi nông bất ổn, Phi công bất thịnh, Phi thương bất phú, Phi trí bất hưng";

We believe that if Quy Don Le (or someone else) is the author of the above sentence, then this sentence is also developed from the ancient Chinese proverb: "无农不稳 · 无工不富 · 无商不活" (No agriculture, no stability; No technology, no wealth; No commerce, no active), quoted from the Chinese Proverb Dictionary (new edition), edited by Wen Duan (p.941, Shanghai Cishu Publishing House, 2011).

Chúng tôi cho rằng nếu Lê Quý Đôn (hoặc ai đó) là tác giả của câu trên thì đây cũng là câu phát triển từ ngôn ngữ cổ đại của Trung Quốc: "无农不稳, 无工不富, 无商不活" (Vô nông bất ổn, vô công bất phú, vô thương bất hoạt), nghĩa là "không có nông nghiệp thì không ổn định, không có việc làm thì không thể giàu, không có buôn bán thì xã hội không hoạt động", trích Trung Quốc tục ngữ đại từ điển (bộ mới), Ôn Doan chính chủ biên (tr.941, Thượng Hải từ thư xuất bản xã, 2011).

(End of excerpt / Kết thúc trích đoạn)

From the scope of this study, the author can study and learn the principles of agricultural development in the region including Vietnam and East Asia that took place in parallel with the West during the same period of time to have a multi-dimensional perspective on the issue.

Từ phạm vi nghiên cứu này, tác giả có thể nghiên cứu học hỏi những nguyên lý phát triển nông nghiệp tại khu vực gồm Việt Nam và Đông Á diễn ra song song với Phương Tây trong cùng khoảng thời gian để có thể có một góc nhìn đa chiều về vấn đề.

Summary of item 1.1

Tóm-tắt mục 1.1

The key insights in Item 1.1 focus on the foundational philosophy of language and naming in the context of agricultural development. Language serves as a bridge between ideas and actions, with names acting as temporary placeholders rather than fixed labels. Recognizing the adaptability of language and naming enables more flexible thinking, which is essential for innovation.

Through the principles of the I Ching, we see that change is a natural and essential aspect of life, and that adaptability is key to managing this change. By understanding the potential for multi-use within objects and ideas, we can approach agriculture and other fields with a mindset that is open to evolving possibilities.

Những hiểu biết sâu sắc chính trong Mục 1.1 tập trung vào triết lý nền tảng của ngôn ngữ và cách đặt tên trong bối cảnh phát triển nông nghiệp. Ngôn ngữ đóng vai trò là cầu nối giữa ý tưởng và hành động, với tên đóng vai trò là chỗ giữ chỗ tạm thời thay vì nhãn cố định. Nhận ra khả năng thích ứng của ngôn ngữ và cách đặt tên cho phép tư duy linh hoạt hơn, điều này rất cần thiết cho sự cách tân.

Thông qua các nguyên tắc của Kinh Dịch, chúng ta thấy rằng thay đổi là một khía cạnh tự nhiên và thiết yếu của cuộc sống, và khả năng thích ứng là chìa khóa để quản lý sự thay đổi này. Bằng cách hiểu được tiềm năng sử dụng đa dạng trong các đối tượng và ý tưởng, chúng ta có thể tiếp cận nông nghiệp và các lĩnh vực khác với tư duy cởi mở với các khả năng đang phát triển.

1.1 About language in Life-University course program - Coach Vas

Về ngôn-ngữ trong chương-trình khóa-học Đại-học Cuộc-đời - Coach Vas

April 2018, Viet Kien Nong and Nguyen My Ngoc Nguyen joined Combo 06 course - Life University - Coach Vas. By July 2019, we graduated with 03 degrees:

Tháng 4 năm 2018, Việt Kiến Nông và Nguyễn Nguyễn Mỹ Ngọc tham gia khóa Combo 06 - Đại học Cuộc đời - Coach Vas. Đến tháng 7 năm 2019, chúng tôi tốt nghiệp với 03 văn bằng:

- Certified Practitioner & Therapeutic Coach of Neuro-Linguistic Programming. Approved by American Board of NLP and NLP University.
Chuyên gia thực hành & Huấn luyện viên trị liệu được chứng nhận về Lập trình ngôn ngữ thần kinh. Được Hội đồng NLP Hoa Kỳ và Đại học NLP chấp thuận.
- Certified Practitioner of Time Line Therapy. Approved by the Time Line Therapy Association, USA.
Chuyên gia thực hành được chứng nhận về Liệu pháp dòng thời gian. Được Hiệp hội Liệu pháp dòng thời gian, Hoa Kỳ chấp thuận.
- Certified Gypnotherapist. Approved by American Board of Hypnosis and recognized by HTI Ca L ACHE.

Chuyên gia trị liệu phụ khoa được chứng nhận. Được Hội đồng thời miễn Hoa Kỳ chấp thuận và được HTI Ca L ACHE công nhận.

During his study time, coach Vas helped us understand a lot of knowledge in English. Thanks to that, we have overcome our inferiority complex about our English ability. In step 3 - Ignite your life, when coach Vas taught about SMARTgoal, we realized that we had not clarified our mindset in agricultural development to be able to implement it.

Trong suốt thời gian học tập, thầy Vas đã giúp cho chúng tôi hiểu nhiều kiến thức bằng Anh Ngữ. Nhờ đó, chúng tôi đã thoát khỏi tự ti về năng lực Anh Ngữ. Trong bước 3 - Thắp sáng cuộc đời, khi thầy Vas dạy về SMARTgoal, chúng tôi nhận ra chúng tôi đã chưa làm rõ suy nghĩ về phát triển nông nghiệp của mình để có thể thực hiện nó.

S - Specific - đặc thù.

M - Measurable - đo lường được.

A - As if now - ngay bây giờ.

R - unRealistic - không thể tin là điều đó có thể thành hiện thực được.

T - Timeline - lịch trình.

The characteristic of SMARTgoal - coach Vas is to replace "realistic" with "unRealistic", when we understand that "something so unbelievable can still be done", then we can really take strong and immediate action.

Đặc trưng của SMARTgoal - coach Vas là thay "realistic" thành "unRealistic", khi chúng ta hiểu là "điều khó tin như vậy đó mà vẫn có thể làm được đấy" thì chúng ta mới thực sự hành động mạnh mẽ, tức thời.



Since we understood SMARTgoal according to the characteristics of Vas coach, we have practiced to develop this thinking to become deeper. From then on, we thought back on our entire journey of agricultural development and carefully wrote down the right / wrong things he had done. Later, when studying the "Problem - Release - SMARTgoal - Providing continuous support

(jiǎn - xiè - kuí - jiā rén)” set from master Hong Trian Luu, we quickly recognized that NLP had been applied and implemented in detail for the operation of “jiǎn- xiè- kuí- jiā rén” very well.

蹇 (jiǎn): having difficulty; similar to the word “problem” in the Life University Course.

解 (xiè): release; similar to the word “peaceful place”.

睽 (kuí): both similar and different; similar to making the difference between similar problems using the “SMARTgoal” process.

家人 (jiā rén): Dwelling People; similar to a “coach” who always helps customers with a professional attitude. “Because I am here, you will be fine!” is the first outstanding mindset that Vas teacher emphasizes in step 5 “Mindsets of Excellence”. “Because I am here, you will be fine!”: is providing continuous support so that the supported person becomes fine.

The analysis of the translation of the “jiǎn- xiè- kuí- jiā rén” series by us into “Problem - Release - SMARTgoal - Providing continuous support” according to the operating principles we learned from the Life-Uni program shows that the language in this program has built a good foundation for us to be able to compile the “Li-based Agro-Architecture” book. The reason we chose to compile English-Vietnamese is to help us make sure that we have understood the LAA in agricultural development applications already and can teach it to others. That is the “train the trainer” mindset of coach Vas. Only when the learner can teach the next person to understand can he be sure that he has learned his lesson already.

Từ khi chúng tôi hiểu SMARTgoal theo đặc trưng của coach Vas, chúng tôi đã rèn luyện để phát triển tư duy trở nên sâu sắc hơn. Cũng từ đó, chúng tôi suy nghĩ lại toàn bộ hành trình phát triển nông nghiệp đã qua và viết lại kỹ lưỡng những việc đúng / sai mà chúng tôi đã từng làm. Sau này, khi học bộ Kiến - Giải - Khuê - Gia nhân từ thầy Lưu Hồng Triền, chúng tôi đã nhận diện ra nhanh NLP đã ứng dụng và triển khai chi tiết cho lý vận hành Kiến - Giải - Khuê - Gia nhân rất tốt.

Kiến: gặp khó khăn; tương tự chữ “vấn đề - problem” trong Khóa học Đại học Cuộc đời.

Giải: giải thoát; tương tự chữ “nơi chốn bình yên - peaceful place”.

Khuê: vừa có cái giống vừa có cái khác (đồng nhi dị); tương tự như để làm chính xác sự khác biệt của những vấn đề gần giống nhau bằng quy trình “SMARTgoal”.

Gia nhân: người nhà; tương tự như người “coach” luôn luôn giúp đỡ khách hàng với một thái độ chuyên nghiệp. “Because I am here, you will be fine!” là tư duy xuất chúng đầu tiên mà thầy Vas nhấn mạnh trong bước 5 “Tư duy xuất chúng”. “Vì tôi ở đây nên bạn sẽ ổn thôi!”: là việc cung cấp sự hỗ trợ liên tục để người được hỗ trợ trở nên ổn.

Phân tích về việc bộ “Kiến - Giải - Khuê - Gia nhân” đã được chúng tôi dịch ra “Problem - Release - SMARTgoal - Providing continuous support” theo lý vận hành mà chúng tôi đã học được từ chương trình Life-Uni thể hiện ngôn ngữ trong chương trình này đã xây dựng cho chúng tôi một nền tảng tốt để có thể biên soạn sách Lý-học Kiến-Nông. Việc chúng tôi chọn biên soạn Anh-Việt là để giúp chúng tôi chắc chắn là mình đã hiểu được Lý-học Kiến-Nông trong ứng dụng phát triển nông nghiệp và có thể dạy lại được cho người khác. Đó là tư duy “train the trainer” của coach Vas. Chỉ khi nào người học có thể dạy lại cho người tiếp theo hiểu được thì mới chắc chắn rằng anh ta đã học xong bài học của mình.

About Life-University - Graduation courses

Giới-thiệu về Life-University - Các khóa-học tốt-nghiệp

Vision: “One day, all human beings will have a notion of graduating from life and to live every moment as a celebration and blessing.

Vas wrote:

“This vision has compelled me to make radical changes to how I have been delivering his training courses. Essentially, I have been following the general design guided by the founding bodies of NLP to which I am closely associated with, namely, NLP & ABNLP.

As this is not the intention and with the pull coming from my new vision, there is now a whole new game-changing process. I have decided to consolidate my experiences over last 15 years and created Life University, from which comes, a spanking new process for Graduating from life, in sync with my new vision. The platform from which we will deliver the “graduating from life” program is now born and it’s called, “Life University”.

Vas NLP & Mind-Sciences - As a Master Trainer, Consultant & Developer of NLP, Vas has helped hundreds of thousands of people from Asia improve their lives. With the refinement in his Vision, while maintain the core principles coming from NLP, Vas has created a step by step process for Graduating from life.”

Tầm nhìn: “Một ngày nào đó, tất cả con người sẽ có khái niệm tốt nghiệp cuộc sống và sống từng khoảnh khắc như một lễ kỷ niệm và phước lành.”

Vas đã viết:

“Tầm nhìn này đã thúc đẩy tôi thực hiện những thay đổi triệt để về cách tôi cung cấp các khóa đào tạo của mình. Về cơ bản, tôi đã tuân theo thiết kế chung được hướng dẫn bởi các tổ chức sáng lập NLP mà tôi có mối quan hệ chặt chẽ, cụ thể là NLP & ABNLP.

Vì đây không phải là mục đích và với sức hút đến từ tầm nhìn mới của tôi, giờ đây có một quá trình thay đổi hoàn toàn mới. Tôi đã quyết định củng cố những kinh nghiệm của mình trong 15 năm qua và tạo ra Life University, từ đó, một quá trình hoàn toàn mới để Tốt nghiệp cuộc sống, đồng bộ với tầm nhìn mới của tôi. Nền tảng mà chúng tôi sẽ cung cấp chương trình “tốt nghiệp cuộc sống” hiện đã ra đời và được gọi là “Life University - Đại học Cuộc đời”.

Vas NLP & Mind-Sciences - Là một Huấn luyện viên, Nhà tư vấn & Nhà phát triển NLP bậc thầy, Vas đã giúp hàng trăm nghìn người từ Châu Á cải thiện cuộc sống của họ. Với sự tinh tế trong Tầm nhìn của mình, đồng thời vẫn duy trì các nguyên tắc cốt lõi đến từ NLP, Vas đã tạo ra một quy trình từng bước để “Graduating from life” - Tốt nghiệp cuộc sống.

How did Coach Vas help Viet Kien Nong develop his foster father Van Loi Bui 's ideas?

Coach Vas đã giúp Việt Kiến Nông phát-triển ý của bố Bùi Văn Lợi như thế nào?

In NLP, there is a set of four quantum questions:

- What will happen if you was healed?

- What will not happen if you was healed?
- What will happen if you have not been healed?
- What will not happen if you have not been healed?

Thanks to the practice of applying the set of four quantum questions, I have developed the idea of my foster father Van Loi Bui:

- Will -> the "Want - Don't Want" principle of binary opposition.
- Ability -> the "Can - Can't" principle of binary opposition.

From there, I clearly explained the reason for the failure I encountered when working on digital transformation for the Central Highlands agricultural enterprises. That is, they "Want & Can't".

Once I had a clear understanding of the problem, I began to come up with a specific approach plan for digital transformation for the Central Highlands agricultural enterprises: turning Don't Want into Want, turning Can't into Can.

The principle of binary opposition of “will - ability” when developed into two principles of binary opposition of “Want - Don’t Want” and “Can - Can’t” can combine to create a set of operating principles consisting of four states:

Trong NLP có bộ bốn câu hỏi lượng tử:

Điều gì sẽ xảy ra nếu như bạn đã được chữa lành?

Điều gì sẽ không xảy ra nếu như bạn đã được chữa lành?

Điều gì sẽ xảy ra nếu như bạn chưa được chữa lành?

Điều gì sẽ không xảy ra nếu như bạn chưa được chữa lành?

Nhờ thực hành ứng dụng bộ bốn câu hỏi lượng tử mà tôi đã phát triển được ý của bố Bùi Văn Lợi:

Ý chí -> lý đối đãi “Muốn - Không Muốn”.

Nghị lực -> lý đối đãi “Có Thể - Không Thể”.

Từ đó, tôi đã giải-thích rõ-ràng lý-do thất-bại mà tôi gặp phải khi làm chuyển-đổi-số cho các doanh nghiệp nông-nghiệp Tây Nguyên. Đó là họ “Muốn & Không thể”.

Khi đã nhận-thức chính-xác vấn-đề, tôi bắt đầu đưa ra kế-hoạch tiếp-cận cụ-thể trong chuyển-đổi-số cho doanh-nghiệp Tây Nguyên: biến Không Muốn thành Muốn, biến Không Thể thành Có Thể.

Lý đối đãi “Ý chí - Nghị lực” khi được phát triển thành hai lý đối đãi “Muốn - Không Muốn” và “Có Thể - Không Thể” đã có thể phối hợp tạo ra một bộ lý vận hành gồm bốn trạng thái:

Want and Can - *Muốn và Có Thể*

Want and Can't - *Muốn và Không Thể*

Don't Want and Can - *Không Muốn và Có Thể*

Don't Want and Can't - *Không Muốn và Không Thể*

I understood the I Ching better in Coach Vas's class even though Coach Vas didn't teach anything about the I Ching.

(Adler's translation)

In Change there is the Supreme Polarity - Yì yǒu tàijí - 易有太極

Which generates the Two Modes - shì shēng liǎngyí - 是生兩儀

The Two Modes generate the Four Images - liǎngyí shēng sìxiàng - 兩儀生四象

and the Four Images generate the Eight Trigrams - sìxiàng shēng bāguà - 四象生八卦

Tôi đã hiểu rõ hơn về dịch-lý trong lớp học của coach Vas dù coach Vas không dạy gì về dịch-lý.

(bản dịch của Adler)

Dịch hữu thái cực

Thị sinh lưỡng nghi

Lưỡng nghi sinh tứ tượng

Tứ tượng sinh bát quái

1.3 The relationship between the Studied Textbook of Change and the Life-University course program

Mối quan-hệ giữa Giáo-trình Dịch-học và chương-trình khóa-học Đại-học Cuộc-đời

Alike / Giống nhau:

- Shares a focus on personal development.

Có cùng trọng tâm là phát triển cá nhân.

- Provides a step-by-step guide to personal development.

Cung cấp từng bước đi trong hành trình phát triển cá nhân.

- Provides principles for each stage of development.

Cung cấp các nguyên tắc cho từng giai đoạn phát triển.

Different - Khác nhau:

- The Studied Textbook of Change is taught in the Vietnamese verbal, in the Vietnamese alphabet and in the Viet Confucianism words. The Life-University program is taught in the English voice with the Vietnamese voice consecutive translation, in the English writing and the Vietnamese alphabet.

- The Studied Textbook of Change is a uni-nature-multi-use. The Life-University program is compiled in a very specific, precise language from NLP.

Giáo-trình Dịch-học được dạy bằng Tiếng Việt, chữ Quốc ngữ abc và chữ Nho. Đại học Cuộc đời được dạy bằng Tiếng Anh có dịch dưới Tiếng Việt kèm theo, chữ Anh và chữ Quốc ngữ abc.

Giáo-trình Dịch-học có tính nhất-thể-bách-dụng. Chương trình Đại-học Cuộc-đời được biên soạn bằng một ngôn ngữ rất cụ thể, chính xác từ NLP.

Summary

Tổng hợp

Thinking about the similarities and differences in language between the Studied Textbook of Change and the Life-University course program helps us better understand principle-operation-harmony and think-do-integration. What Mr. Luu tells is related to the principles Mr. Luu teaches. Mr. Luu tells many stories to illustrate the principles in the Studied Textbook of Change. What Coach Vas tells is related to the principles Coach Vas teaches. Coach Vas tells many stories to illustrate the principles of the University of Life course program. From the outside, it can be seen that Mr. Luu and Coach Vas are very different. But from the inside, Mr. Luu and Coach Vas are very similar. What Mr. Luu thinks, he does, and think-and-do-integration. What Coach Vas thinks, he does, and think-and-do-integration too!

Việc suy tư về sự giống và khác nhau trong ngôn-ngữ giữa Giáo-trình Dịch-học và chương-trình Đại-học Cuộc-đời giúp chúng ta hiểu hơn về lý-sự-viên-dung và tri-hành-hợp-nhất. Cái sự thầy Luu kể gắn với cái lý thầy Luu giảng. Thầy Luu kể nhiều chuyện để minh họa cho cái lý trong Giáo-trình Dịch- học. Cái sự coach Vas kể gắn với cái lý coach Vas giảng. Coach Vas kể nhiều chuyện để minh họa cho các lý của chương-trình Đại-học Cuộc-đời. Ở bên ngoài, có thể thấy thầy Luu và coach Vas rất khác nhau. Nhưng nhìn từ bên trong, thầy Luu và coach Vas rất giống nhau. Thầy Luu tri thể nào thì hành thể ấy, tri -hành-hợp-nhất. Coach Vas tri thể nào thì hành thể ấy, và cũng tri-hành-hợp-nhất!

Summary of chapter 1

Tóm-tắt chương 1

We have studied and compared languages from two main sources: Mr. Hong Trien Luu and Coach Vas. Mr. Luu represents the Vietnamese-Confucian language group with traditional meanings. Coach Vas represents the English-Confucian language group with innovative meanings. Referencing and blending these two language groups helps us to have a firm grasp of the communication, education and practice of Li-based Agro-Architecture in the Central Highlands today.

Chúng tôi đã học và đối chiếu ngôn ngữ từ hai nguồn chính là thầy Lưu Hồng Triền và Coach Vas. Thầy Lưu đại diện cho nhóm ngôn ngữ Việt Nho có ý nghĩa truyền thống. Coach Vas đại diện cho nhóm ngôn ngữ Anh Ngữ có ý cách tân. Sự tham chiếu và hòa trộn hai nhóm ngôn ngữ này giúp chúng ta có thể nắm chắc về việc truyền đạt thông tin, giáo dục và thực hành về Lý-học Kiến-Nông tại Tây Nguyên hiện nay.



Coach VAS and Viet Kien Nong in the course on the Life-University program in 2019

Coach VAS và Việt Kiến Nông trong khóa học về Chương-trình Đại-học Cuộc-đời năm 2019

Chapter 2

Chương 2

FROM FOUR IMAGES (四象) TO FOUR-WORD (四字),

AND VIET CONFUCIANISM QUARTET (越儒四字)

TỪ TỨ-TƯỢNG ĐẾN TỨ-TỰ VÀ BỘ-TỨ VIỆT NHO

2.1 Introduction to Four Symbols and Four-Word Methodology

Giới-thiệu phương pháp luận về Tứ-Tượng và Tứ-Tự

2.2 Viet Confucianism quartet (越儒四字)

Bộ-tứ Việt Nho

2.3 The relationship between the Four-Word and the Viet Confucianism Quartet

Mối quan hệ giữa Tứ-Tự và Bộ-tứ Việt Nho

2.1 Introduction to Four Symbols and Four-Word methodology

Giới-thiệu phương-pháp-luận về Tứ-Tượng và Tứ-Tự

Four Images (四象, Sixiang) are first known as drawings which are created by Fu Xi including Great Yin - Lesser Yang - Lesser Yin - Great Yang.

When two yin-yang concepts interact with each other, they create four phenomena:

Tứ Tượng (四象 bình âm sì xiàng) được biết đến lần đầu tiên qua hình vẽ gồm Thái Âm - Thiếu Dương - Thiếu Âm - Thái Dương.

Khi hai phạm trù âm dương tương tác với nhau ta có bốn hiện tượng xảy ra tương ứng với phân kì tự và tên gọi như bên dưới:

	==	==	==	=
And was named:	Great Yin	Lesser Yang	Lesser Yin	Great Yang
Và được đặt tên:	Thái Âm	Thiếu Dương	Thiếu Âm	Thái Dương

Four Images refers to the principle of operation known as the operation process creates new things which is the principle of change. Four Images describes the principle of operation of all the things. It means Four Images describes the principle of operation of space-time. All the things in space-time interact with each other and change to new many operations and objects. Creating and changing are continuously happening. Therefore, space-time has the principle of change.

Tứ-Tượng đề cập đến lý vận-hành. Có vận-hành mới tạo nên cái mới nên việc ấy còn gọi là lý biến đổi. Nói một cách khái quát hóa hơn, Tứ-Tượng mô tả lý VẬN HÀNH của VẬN VẬT (VỮ TRỤ). Nghĩa là vận-vật ở trong vũ-trụ tương-tác với nhau mà biến thành muôn vàn sự và vật mới. Cứ thế mà sinh sinh, hóa hóa vì thế mới có lý-dịch.

Number 4 is the principle number of operations.

Con số 4 là số lý của sự VẬN HÀNH

Number 2 is the principle number of binary opposition.

Con số 2 là số lý của sự ĐỐI ĐÃI

TWO MODES (YIN-YANG)
LUỒNG NGHỊ (ÂM DƯƠNG)

BINARY OPPOSITION
ĐỐI ĐÃI

FOUR IMAGES
TỨ TƯỢNG

OPERATIONS
VẬN HÀNH

Wet Rice civilization on the southern bank of the Yangtze River

Văn-minh lúa-nước tại bờ Nam sông Dương Tử

Thanks to the Yin-Yang and Four Images thinking, people (and in the early period, mostly farmers) in the area on the southern bank of the Yangtze River could record the phenomena of sunshine and rain, the cycle of the four seasons in a year to calculate the agricultural calendar. Direction (宇 - space) has East, West, South, and North. Time (宙 - time) has Spring, Summer, Autumn, and Winter. These are the two fundamental thoughts that started people's perception of the universe (宇宙 - space-time). From hunting and gathering, people lived in settlements, grew rice and created a rice civilization. Writing was formed early to record the cycle of weather changes, calculate the seasonal farming calendar. Agricultural experience was gradually recorded into proverbs and folk songs.

February plant beans, March plant eggplants

April is the month to plow the fields...

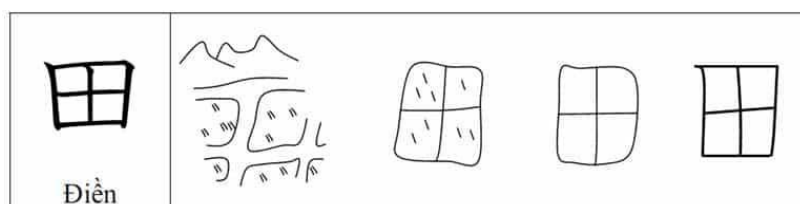
The fundamental foundation of agricultural production is “rice fields, paddy fields, land, and upland fields” which is recorded in Vietnamese as the word “Field” (田 - field). This is a very profound philosophical picture (哲画).

Nhờ có tư duy Âm Dương, Tứ Tượng, người dân (và thời kỳ đầu đa phần là nông dân) tại khu vực bờ Nam sông Dương Tử có thể ghi nhận lại những hiện tượng nắng - mưa, chu kỳ thay đổi bốn mùa trong năm để tính lịch làm nông nghiệp. Phương vị (vũ - 宇 - space) thì có Đông Tây Nam Bắc. Thời gian (trụ - 宙 - time) thì có Xuân Hạ Thu Đông. Đó là hai tư-duy nền-tảng khởi đầu để con người nhận-thức về vũ-trụ (宇宙 - space-time). Từ săn bắt - hái lượm, người dân sống định cư, trồng lúa nước và tạo ra nền văn- minh lúa-nước. Chữ viết đã hình thành sớm để ghi nhận lại chu kỳ thay đổi của thời tiết, tính lịch canh tác theo mùa. Kinh-nghiệm nông-nghiệp hình thành được ghi nhận dần thành tục-ngữ, ca-dao.

Tháng hai trồng đậu, tháng ba trồng cà

Tháng tư thì vỡ ruộng ra ...

Nền-tảng cơ-bản của sản-xuất nông-nghiệp là “ruộng lúa, ruộng đồng, ruộng đất, ruộng nương” được Việt Nho ghi nhận lại là chữ Điền (田 - field). Đây là một bức triết họa rất sâu sắc.



Agriculture has many tasks from plowing, planting and harvesting; to taxes; to encouragement, rewards, or dismissal or promotion. To thoroughly understand agriculture, one needs an older person who has gone through many profound practical experiences, called "老農

知田 - Old farmer with deep knowledge of the field - Knowing-field-old-farmer" by Viet Confucianism.

Nông nghiệp có nhiều việc từ cây cấy, trồng trọt và gặt hái; đến thuê; đến khuyến khích, khen thưởng, hay cách chức hoặc thăng quan. Nên hiểu thấu đáo nông nghiệp thì cần người lớn tuổi đã qua nhiều trải nghiệm thực tiễn sâu sắc, Việt Nho gọi là "lão nông tri điền".

(Excerpt: Weekend thoughts: Knowing-field-old-farmer - Sports and Culture Newspaper, July 1, 2023)

(Trích: Ngắm ngọc cuối tuần: Lão nông tri điền - Báo Thể Thao Văn Hóa, ngày 01/07/2023)

"Knowing-field-old-farmer", literally means a person who has been farming for many years and knows the most about land and farming.

"Knowing-field-old-farmer" looks at the sky and earth to predict the weather. Seeing ants climbing the wall means a storm is coming, if ants climb the wall and carry eggs and young ants, it means heavy rain and continuous rain. In the past, my father used to sow rice seedlings for the winter-spring crop. At night, he would look at the tassel star to determine the day to plant rice seedlings. If the rice seedlings were sown and it rained heavily, the seeds would sink into the mud and rot. Then he would look at the god of agriculture to predict how long the drought would be. Also look at "A haloed moon means drought, a scattered moon means rain", look at the duck-shaped Saturn star, see its head facing down, drought will last. Look at the water pearl (a short pearl-shaped streak on the rainbow-colored cloud, called a rainbow, there is a saying "A truncated rainbow means no flood, then storm") in the early morning or afternoon to predict rain and wind in the coming days.

"Knowing-field-old-farmer" looked at the thigh bone of a frog during a meal and knew that if the bone was black, the weather would be humid and the rain would last long; if the bone was white, he would be careful of drought. The Dao poet Ban Tai Doan, who was a farmer, wrote a poem with the general idea: In March, hearing the frog croaking makes me feel sick for 3 days... means that the changing weather is very poisonous.

The old farmer went into the forest, knowing what kind of vine to cut and suck to get water to quench his thirst. Knowing which part of the giang tree or bamboo tree to cut will yield a whole tube as clean as distilled water. Knowing how to find brown roots to dye fabric, cut brown vines to make buffalo forks, find coc and gam vines to make plow pipes, rattan vines to weave plow shafts, and song vines to make shoulder poles.

In March, on a hot day, the old farmer went into the forest and unexpectedly found a patch of din (mushrooms) covered with grass and sawdust, not only would the whole family have a delicious meal, but he also knew that one or two days later there would be a shower. Going into the forest, he found wild spinach, so he picked it to make a vegetable soup that was sweeter than MSG water. Knowing how to grill the fruit of the dragon fruit to make crab soup, it is ten times more delicious than tomatoes. Knowing how to pick the sour ear fruit, slice it, dry it, and mix it with water spinach juice, the sour taste is rich and not as harsh as lemon. Looking at the ups and downs of the fallen leaves in the bamboo forest, the giang forest to choose the most delicious

newly sprouted bamboo shoots. No one ever cuts down the bamboo shoots when they have grown taller than a hand.

The old farmer never ignores medicinal plants such as Amomum, Cardamom, Zanthoxylum Rhetsa or Michelia Tonkinensis seeds when he comes across them. There are many edible things such as garcinia, mulberry, stinking tangerine, mua dat, mulberry, black alum... Knowing poisonous plants, poisonous fruits, poisonous leaves to avoid accidental poisoning, and knowing medicinal plants, and vegetables that are useful for meals.

"Knowing-field-old-farmer" listens to the squeaking sound like a wood-destroying bamboo rat gnawing on the bamboo roots, looks at the soil pushing out, finds the cave entrance to guess the exit so that when digging, pouring water, he knows which way the bamboo rat will run to catch it and not miss it! Also know that when night falls, small wild animals often go to drink water on the slope of the stream and part the dry leaves to see the gaps of mice, squirrels, weasels, pheasants to set traps to catch them. Look at the tiny sesame seed-like footprints to distinguish which species to set big and small traps. Wild animals never go into each other's gaps!

"Knowing-field-old-farmer" when making a plow to use on the land they cultivate must understand the thickness of the soil to carve the fish on the plow to leave a few notches, adjust the depth of the plow tip. If the fish is deep, the plow blade will dig up sand on the ground and it will be ruined!

The knowledge of the "knowing-field-old-farmer" is very rich. They are the real folk scientists of the agricultural country. Some people are illiterate but have a very rich knowledge. "Knowing-field-old-farmer" does not talk about "conquering nature" but about relying on the fields, rivers and mountains to live.

Only the "knowing-field-old-farmer" understands the land, understands the sky, understands people!

"Lão nông tri điền", nghĩa đen là người làm ruộng lâu năm hiểu biết nhiều nhất về ruộng đất và canh tác.

"Lão nông tri điền" nhìn trời đất đoán thời tiết. Thấy kiến leo tường biết là sắp mưa bão, nếu kiến leo tường mà cặp theo trứng và kiến non thì sắp mưa to và mưa liên miên. Bỏ tôi ngày trước gieo mạ vụ chiêm, tôi hay nhìn sao tua rua để định ngày làm được mạ. Gieo mạ mà gặp mưa rào thì hạt mầm trầm xuống bùn thối hết. Rồi xem sao thần nông để dự xem rồi đây nắng hạn dài ngắn thế nào. Lại còn nhìn "Trăng quầng thì hạn, trăng tán thì mưa", nhìn sao thần nông hình con vịt, thấy đầu nó chúc xuống thì hạn sẽ kéo dài. Nhìn trai nước (một vết ấn hình con trai trên đám mây có sắc cầu vồng, gọi là móng, có câu "Móng cụt không lụt thì bão") vào các buổi sớm hoặc chiều đoán biết mưa gió những ngày tới.

"Lão nông tri điền" nhìn xương đùi con ếch trong bữa ăn biết xương đen thì trời sẽ âm thấp, mưa kéo dài; xương trắng thì sẽ coi chừng nắng hạn. Nhà thơ người Dao Bàn Tài Đoàn xuất thân nông dân, viết câu thơ đại ý: Tháng 3, nghe tiếng ếch kêu đau người suốt 3 ngày... là nói thời tiết đổi mùa rất độc.

Lão nông vào rừng, biết loại dây gì chặt ra mút lấy nước chống cơn khát. Biết chặt cây giang, cây nứa lấy đoạn nào sẽ được cả ống sạch như nước cất. Biết tìm củ nâu về nhuộm vải, cắt dây nâu về làm chạc trâu, tìm dây cóc, dây gắm về làm điệu cày, dây mây đan ống cày và dây song về làm quang gánh.

Tháng Ba, ngày oi bức, lão nông vào rừng, bắt gặp bãi chóp đin (nấm đất) đội mùn cỏ chui lên thì không những cả nhà được bữa canh ngon mà còn biết ngày một ngày hai sẽ có mưa rào. Vào rừng gặp cây ngót rừng thì hái làm bữa rau canh ngọt hơn nước mì chính. Biết quả độc nướng lên nấu canh cua, thơm ngon hơn cả chua chực lần. Biết hái quả tại chua thái lát phơi khô đánh giấm nước rau muống, vị chua đậm đà chứ không gắt như chanh. Nhìn trời sục của thâm lá rừng trong rừng nửa, rừng giang để chọn đào lấy măng củ mới nhú ngon nhất. Không ai chặt măng khi nó đã mọc cao hơn gang tay bao giờ.

Lão nông bắt gặp những cây thuốc như sa nhân, thảo quả, mắc khén hay hạt dổi thì không bao giờ bỏ qua. Còn bao nhiêu thứ ăn được như bứa, dâu da, quýt hôi, mua đất, dâu đất, phèn đen... Biết cây độc, lá độc để tránh ăn nhầm ngộ độc, và biết những cây thuốc, cây rau canh có ích cho bữa ăn.

"Lão nông tri điền" nghe tiếng khọt khẹt như một phá gỗ của con dúi gặm rế nửa, nhìn đất đùn ra, tìm của hang đoán lối thoát để khi đào, đổ nước biết dúi sặc sẽ chạy ra ngà nào để đón lông không bắt trượt! Còn biết khi đêm xuống, thủ rừng nhỏ thường mò đi uống nước ở triền khe mà vạch lá khó nhìn ra lối lông của con chuột, con sóc, con chồn, gà lôi để đặt cạm bẫy chúng. Nhìn vết móng chân bé xíu hạt vừng mà phân biệt được loại gì để đặt cạm to, cạm bé. Thủ rừng không bao giờ đi vào lồng của nhau!

"Lão nông tri điền" khi làm cái cây dùng trên đất mình canh tác phải hiểu mặt đất thịt dày mỏng để khi đào con cá trên nắng cây để mấy khắc, điều chỉnh độ nông sâu của mũi cày. Cá sâu thì lười cày xới cá cát lên mặt nền thì hồng bét!

Tri thức của "lão nông tri điền" còn nhiều thứ lắm. Họ là nhà khoa học dân gian thực sự của đất nước nông nghiệp. Có người không biết chữ nhưng hiểu biết rất phong phú. "Lão nông tri điền" không nói "chinh phục thiên nhiên" mà nói dựa vào đồng ruộng sông núi mà sống.

Chỉ "lão nông tri điền" hiểu đất, hiểu trời, hiểu người!

Agricultural writing includes the *Thien Tu Van* 千字文 compiled by *Chau Hung Tu* 周興嗣 during the Southern Liang Dynasty, in the section on 治本於農 - The root of national governance is agriculture:

Chữ viết về nông nghiệp có *Thiên Tự Văn* 千字文 được *Châu Hưng Tự* 周興嗣 thời Nam Lương biên soạn, phần *Trị Bản Ư Nông*:

治本於農，務茲稼穡 - *Trị bản ư nông, vụ tư giá sắc*

Governing the country with agriculture as the foundation - Plowing, planting and harvesting

俶載南畝，我藝黍稷 - *Thực tải nam mẫu, ngã nghệ thử tác*

Every year begins again, the vast fields in the South - Our profession is growing summer-autumn rice and barley

稅熟貢新，勸賞黜陟 - *Thuế thực cống tân, khuyến thưởng truất trất*

Pay taxes and tribute in newly ripened rice - Encourage, reward, or dismiss or promote officials.

Roughly translated as:

Tạm dịch là:

Governing the country with agriculture as the foundation, specializing in plowing, planting and harvesting. Every year begins again, the vast fields in the South; our profession is growing summer-autumn rice and barley. When the harvest is good, we pay taxes and tribute in newly ripened rice; encourage, reward, or dismiss or promote officials.

Trị quốc lấy nông nghiệp làm gốc, chuyên việc cày cấy, trồng trọt và gặt hái. Mỗi năm lại bắt đầu, đất ruộng rộng lớn ở phương Nam; nghề của ta là trồng lúa mùa và lúa tẻ. Được mùa thì nộp thuế, cống nạp bằng lúa mới chín; khuyến khích, khen thưởng, hay cách chức hoặc thăng quan.



Photo of Viet Kien Nong and an old farmer in Lak district, Dak Lak province in 2023

Ảnh chụp Việt Kiến Nông và một lão nông tri điền tại huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk vào năm 2023

The innovative meaning of the Four-Word

Ý-nghĩa cách-tân của Tứ-Tự

In today's era, the application of science and technology to record agricultural work has progressed and agricultural experience has accumulated into data in computers, helping people shorten the time to study, practice and summarize experience into agricultural processes. Young people who focus on studying can also "know the field". The content of knowledge of the "knowing-field-old-farmer" is best recorded by the four symbols operating clearly expressed through the philosophy of the word Field 田 - the philosophical picture of the wet rice civilization on agriculture.

Trong thời đại ngày nay, việc ứng-dụng khoa-học công-nghệ ghi-nhận lại việc làm nông-nghiệp đã tiến-bộ và kinh-nghiệm nông-nghiệp tích-lũy thành dữ-liệu trong máy vi tính đã giúp cho con người rút ngắn được thời gian học, thực-hành và đúc kết kinh-nghiệm thành quy-trình trong nông-nghiệp. Người trẻ nếu chuyên tâm học tập cũng có thể “tri điền”. Nội dụng kiến thức của “lão nông” được ghi nhận tốt nhất là

bằng các bộ tứ-tượng vận-hành thể hiện rõ qua triết-lý của chữ Điền - bức triết họa của nền văn-minh lúa-nước về nông-nghiệp.

TỨ TỰ TRI ĐIỀN LÀ GÌ?

KHÔNG CẦN ĐỢI ĐẾN “LÃO NÔNG” MỚI “TRI ĐIỀN”!

Nền tảng cơ bản của nông nghiệp là “ruộng lúa, ruộng đồng, ruộng đất, ruộng nương” được Việt Nho ghi lại bằng chữ Điền (田) gồm hình vuông chia thành 4 ô. Bốn ô này có thể hình thành từ thực tiễn phân chia đất đai được phản ánh lại. Ở một góc nhìn khác, nó chứa đựng triết lý hòa hợp nhiều yếu tố: Xuân Hạ Thu Đông, Nho Y Lý Số, Sĩ Nông Công Thương, Ngũ Tiểu Canh Mục ... Để tả sự suy nghĩ (tư - 思), Việt Nho viết tượng hình là “đặt trái tim xuống ruộng”. Từ việc đặt trái tim vào ruộng đồng này mà trí thức Việt Nam bao đời nay đã “suy nghĩ” thấu đáo mọi vấn đề liên quan đến “Điền”.

Để “tri điền”-uyên bác về đất đai nông nghiệp-có một con đường ngắn là học chữ Nho để tiếp thu những kiến thức đã tích lũy hàng ngàn năm qua. Chúng ta hiểu các khái niệm “Tứ tự tri điền Việt Nho” để mở cánh cửa tri thức tích lũy từ quá khứ để ứng dụng vào hoạt động kinh tế nông nghiệp đương đại **nhẹ nhàng nhất**.






- Nho Y Lý Số (儒醫理數) là gì?
- Sĩ Nông Công Thương (士農工商) là gì?
- Ngũ Tiểu Canh Mục (五小耕牧) là gì?

Kiến Nông Xanh vận dụng hai tư duy từ cổ học tinh hoa để nghiên cứu và thực hành nông nghiệp:

- Lý sự viên dung (理事円融)
- Tri hành hợp nhất (知行合一)


TV-09

To describe thinking (思), Viet Confucianism writes the pictograph as “putting the heart on the field”. From this act of putting the heart on the field, Vietnamese scholars for generations have “thought” thoroughly about all issues related to fields - 田). The square divided into four is the Image, the quartets, written in words, are the Principle explaining that Image. Therefore, to “know the field - 知田” requires “Four-Word - 四字”, that Four-Word are the four-words-set to know the field “Four-Word Thinking of Field - 知田四字”.

Để tả sự suy nghĩ (tư / tư - 思), Việt Nho viết tượng hình là “đặt trái tim xuống ruộng”. Từ việc đặt trái tim xuống ruộng này mà trí thức Việt Nam bao nhiêu đời nay đã “suy nghĩ” thấu đáo mọi vấn đề liên quan đến ruộng - Điền - 田). Hình vuông được chia bốn là cái Tượng, các bộ-tứ, được viết ra bằng chữ, là cái Lý giải thích cho cái Tượng đó. Vì vậy để “tri điền - 知田” cần có “tứ-tự - 四字”, từ-tự đó là tứ-tự để tri điền “Tứ-tự tri điền - 知田四字”.



This is the field where Viet Kien Nong set his heart when he started living and working
in Buon Ma Thuot city in 2018

*Đây là khoảng ruộng mà Việt Kiến Nông đã đặt trái tim xuống ấy
khi bắt đầu sinh sống và làm việc tại thành phố Buôn Ma Thuột vào năm 2018*

Standardizing the Four-Word starts with the book “Four Word Thinking of Field”

Chuẩn-hóa Tứ-Tự bắt đầu từ sách Tứ-Tự Tri Điền

Four-Word (Tứ-Tự - 四字) was first compiled by Viet Kien Nong in “Tứ-Tự Tri Điền - Four-Word Thinking of Field” book, which was published in October 2023 (refer to item #2 - glossary). Four-Word was a set of four letters derived from Fu Xi's drawings and was first recorded in the I Ching (易经), go through the process of use, modernization, and multilingualism, those sets of four letters have new meanings about the things that are not found in the I Ching. The history of the application of the Four Images in the region including Vietnam and East Asia, specifically China, Japan, Vietnam, and Korea, does not have that meaning when using sets of four letters. Therefore, from Four Images in the past, sets of four words in Four-Word Thinking of Field have added new meanings and applied them to scientific and technical means (the most in the computer) creating wider concepts when we compare them with Four Images (Four Images of Operation) of Fu Xi. “Tứ-Tự Tri Điền - Four-Word Thinking of Field” book proposed the concept of Four-Word first, focusing on its application in computers, and expect that people of the same tendency will continue to develop it to serve the common progress of human civilization.

Tứ-Tự (四字) được Việt Kiến Nông biên soạn lần đầu trong sách “Tứ-Tự Tri Điền - Four-Word Thinking of Field” (知田四字), phát hành vào tháng 10 năm 2023 (tham khảo mục 2 - phần chú giải). Tứ-Tự là bộ bốn wochữ bắt nguồn từ hình vẽ của Phục Hi và được ghi nhận đầu tiên trong Kinh Dịch (易經), trải qua quá trình sử dụng, cách tân, đa ngữ hóa, các bộ bốn chữ đã có thêm những nghĩa mới về vận hành mà lý vận hành mới ấy không có trong Kinh Dịch. Lịch sử ứng dụng Tứ-Tượng của khu vực gồm Việt Nam và Đông Á, cụ thể là các nước Trung Quốc, Nhật Bản, Việt Nam, Hàn Quốc không có ý nghĩa ấy khi sử dụng các bộ bốn chữ. Vậy là từ Tứ-Tượng trong quá khứ, các bộ bốn chữ hiện nay đã cộng dồn thêm những nghĩa mới và áp dụng vào các phương-tiện khoa-học kỹ-thuật, nhiều nhất là máy vi tính (computer), tạo ra một phạm trù rộng hơn Tứ-Tượng (Tứ-Tượng Vận Hành) khởi phát từ Phục Hi. Sách “Tứ-Tự Tri Điền - Four-Word Thinking of Field” đề xuất khái niệm Tứ-Tự đầu tiên, tập-trung vào ứng-dụng của nó trong máy vi tính với kỳ vọng sẽ được những người cùng khuynh hướng tiếp tục phát triển nhằm phục-vụ cho sự tiến-bộ chung của nền văn-minh nhân-loại.

Definition

Định nghĩa

Four-Word Thinking of Field (abbreviated as FWTF) is a language system consisting of four-character sets used mainly in agriculture and gradually expanding to related fields.

Tứ-Tự Tri Điền (viết tắt là FWTF) là hệ thống ngôn ngữ gồm các bộ bốn chữ được sử dụng chủ yếu trong lĩnh nông nghiệp và mở rộng dần ra các lĩnh vực liên quan.

Four-Word classification

Phân loại Tứ-Tự

[1] The Four-Word is the principle of operating <i>Tứ-Tự là bộ lý vận hành</i>	[2] The Four-Word have descriptive content about the operating principle <i>Tứ-Tự có nội dung mô tả về lý vận hành</i>	[3] The Four-Word have content unrelated to the principle of operation <i>Tứ-Tự có nội dung không liên quan đến lý vận hành</i>
East - West - South - North <i>Đông Tây Nam Bắc</i>	Four Generations Under One Roof <i>Tứ Đại Đồng Đường</i>	Uni-Nature-Multi-Use <i>Nhất Thể Bách Dụng</i>
Spring - Summer - Autumn - Winter <i>Xuân Hạ Thu Đông</i>		Principle-Operation Harmony <i>Lý Sự Viên Dung</i>
Scholar - Farmer - Artisan - Merchant <i>Sĩ Nông Công Thương</i>		Think-Do-Integration <i>Tri Hành Hợp Nhất</i>
Viet Confucianism - Medicine - Principle of change - Divination <i>Nho Y Lý Số</i>		Agricultural entrepreneur in the Central Highlands <i>Doanh-nông Tây Nguyên</i>
Water - Fertilizer - Care - Breeds and Seeds <i>Nước Phân Cẩn Giống</i>		

Ideology - Community development - Fellow men - Realisation. <i>Tỷ - Sư - Đồng nhân - Đại hữu</i>		
--	--	--

The Four-Word method and its application

Phương-pháp Tứ-Tự và ứng-dụng của nó

The Four-Word method organizes information into succinct four-character phrases that capture the essence of actions, principles, or objects. This method is rooted in the Confucianism tradition of concise communication, where meaning is condensed into short phrases, making it easier to remember and apply.

For instance, common phrases in agriculture might include 'Water-Fertilize-Care-Seed' or 'Plan-Do-Check-Act.' Such phrases serve as reminders of key actions or principles without requiring lengthy explanations. This simplicity enhances efficiency, particularly in agricultural settings, where clear and direct communication is essential.

In agricultural development, the Four-Word method becomes an invaluable tool for summarizing processes, guiding decision-making, and facilitating team coordination. It allows agricultural entrepreneurs and labours to have a shared understanding of essential tasks, contributing to streamlined operations.

Phương-pháp Tứ-Tự sắp xếp thông tin thành các cụm từ bốn ký tự ngắn-gọn, nắm-bắt được bản-chất của hành-động, nguyên-tắc hoặc đối-tượng. Phương-pháp này bắt nguồn từ truyền-thống giao tiếp súc tích của Khổng Tử, trong đó ý-nghĩa được cô-động thành các cụm từ ngắn, giúp dễ nhớ và dễ áp dụng hơn.

Vì dụ, các cụm từ phổ biến trong nông nghiệp có thể bao gồm “Nước - phân - cần - giống” hoặc “Tinh - làm - kiểm - chỉnh”. Các cụm từ như vậy đóng vai trò nhắc nhở về các hành-động hoặc nguyên-tắc chính mà không cần giải-thích dài-dòng. Sự đơn giản này giúp tăng hiệu-quả, đặc-biệt là trong bối-cảnh nông-nghiệp, nơi giao-tiếp rõ-ràng và trực-tiếp là điều cần-thiết.

Trong phát-triển nông-nghiệp, phương-pháp Tứ-Tự trở thành công-cụ vô giá để tóm-tắt các quy-trình, hướng-dẫn ra quyết-định và tạo điều-kiện cho sự phối-hợp nhóm. Nó cho phép các doanh-nông và người lao-động nông-nghiệp có sự hiểu biết chung về các nhiệm-vụ thiết-yếu, góp phần vào hoạt-động theo trình-tự hợp-lý.

Evolution of the Four-Word system in Vietnamese agriculture

Sự tiến hóa của hệ-thống Tứ-Tự trong nông-nghiệp Việt Nam

The Four-Word system has evolved to meet the specific needs of Vietnamese agriculture, especially within the context of the Central Highlands. Adapting this methodology, VKN and his colleagues have tailored Four-Word phrases to fit local agricultural practices, incorporating concepts from the I Ching and British Standards.

This adaptation enhances both communication and process management in Vietnamese agriculture. By standardizing key practices into concise phrases, the Four-Word system supports knowledge transfer, helping farmers and agricultural managers quickly grasp essential steps in

complex workflows. Over time, the Four-Word system has become a defining feature of Li Studies agricultural practices in Vietnam, bridging traditional wisdom with modern industry needs.

Hệ-thống Tứ-Tự đã tiến-hóa để đáp-ứng nhu-cầu cụ-thể của nền nông-nghiệp Việt Nam, đặc biệt là trong bối cảnh Tây Nguyên. Áp dụng phương-pháp này, VKN và các đồng-nghiệp đã điều chỉnh các cụm từ Bốn chữ cho phù hợp với các hoạt-động nông-nghiệp địa-phương, kết-hợp các khái-niệm từ Kinh Dịch và Tiêu chuẩn Anh.

Sự điều chỉnh này giúp tăng-cường cả giao-tiếp và quản-lý quy-trình trong nông-nghiệp Việt Nam. Bằng cách chuẩn-hóa các thông-lệ chính thành các cụm-từ ngắn-gọn, hệ-thống Tứ-Tự hỗ-trợ chuyển-giao kiến-thức, giúp nông-dân và nhà quản-lý nông-nghiệp nắm bắt nhanh các bước thiết-yếu trong quy-trình làm việc phức-tạp. Theo thời gian, hệ-thống Tứ-Tự đã trở thành một đặc-điểm xác-định của các hoạt-động nông nghiệp theo Lý-học tại Việt Nam, kết-nối trí-tuệ truyền-thống với nhu-cầu của ngành công-nghiệp hiện-đại.

Examples of Four-Word phrases for agricultural management

Ví dụ về cụm Tứ-Tự trong quản-lý nông-nghiệp

Below are some examples of Four-Word phrases that are commonly used in agricultural management:

Dưới đây là một số ví-dụ về cụm từ Tứ-Tự thường được sử-dụng trong quản-lý nông-nghiệp:

[1] 'Plan - Organize - Implement - Review' (*Practising hexagram-履*): Used to guide the overall management cycle, reminding teams to systematically plan, organize resources, implement tasks, and review outcomes.

“Lập kế hoạch - Tổ chức - Triển khai - Rà soát” (quẻ Lý - 履): Được sử-dụng để hướng-dẫn toàn bộ chu trình quản-lý, nhắc-nhở các nhóm lập kế-hoạch, tổ-chức nguồn-lực, triển-khai nhiệm-vụ và xem-xét kết-quả một cách có hệ-thống.

[2] 'Inspect - Correct - Improve - Sustain' (*Practising hexagram-履*): Applied in quality control processes, this phrase emphasizes continuous improvement by inspecting work, correcting errors, improving methods, and sustaining high standards.

These Four-Word phrases are part of an extensive vocabulary that supports effective management and communication in agricultural settings. Each phrase serves as a mnemonic device, helping agricultural entrepreneurs maintain focus on critical processes and achieve consistent results.

'Kiểm tra - Sửa chữa - Cải tiến - Duy trì' (quẻ Lý - 履): Được áp-dụng trong các quy-trình kiểm-soát chất lượng, cụm từ này nhấn mạnh việc cải-tiến liên-tục bằng cách kiểm-tra công-việc, sửa lỗi, cải tiến phương pháp và duy-trì các tiêu-chuẩn cao.

Những cụm từ Tứ-Tự này là một phần của vốn từ vựng mở-rộng hỗ-trợ quản-lý và giao-tiếp hiệu quả trong bối-cảnh nông-nghiệp. Mỗi cụm từ đóng vai-trò như một thiết-bị ghi-nhớ, giúp các doanh-nông duy-trì sự tập-trung vào các quy-trình quan-trọng và đạt được kết-quả nhất quán.

2.2 Viet Confucianism quartet (越儒四字)

Bộ-tứ Việt Nho

The concept of “Viet Confucianism” (越儒) in FWTF is applied to the studies of Kim Dinh.

Professor Kim Dinh’s real name is Luong Kim Dinh. He was born on June 15th, 1915 in Trung Thanh village, Nam Dinh province. In 1947, he studied abroad in France to study French civilization, sociology, philosophy, and Confucianism at the Institut des Hautes Etudes Chinoises, Paris. From 1961 - 1975, he was Professor of Oriental Philosophy at Saigon University of Literature, Van Hanh University, Minh Duc, Thanh Nhan, An Giang... He died on March 25, 1997, at the convent retirement home, Overseas Fellowship, Carthage, Missouri, USA. He left behind a lifetime's work, the An Vi Philosophy book series, consisting of 35 books.

“Structure of Viet Confucianism” is the book in which Kim Dinh wrote specific, directive ideas about the concept of “Việt Confucianisme”.

The book is divided into three parts: The first part discusses the structure and points related to Viet Confucianism, although few, it is hoped to have introduced some of the quintessence of the structure. Part two tries to draw from the structure and analyze one or two rules to use to explain some stories as well as make inferences about the structure of Viet Confucianism. Part three focuses on the introduction of philosophy into Vietnamese literature, considering it a necessary direction for the country's current literature.

We followed the path of bringing Viet Confucianism into Viet Literature in the third part of the book "Structure of Viet Confucianism" wrote. Viet Confucianism quartet (越儒四字) is the set of four words belonging to the category of Four Images in the I Ching and the set of four words formed in traditional societies in countries with square writing during the feudal period which are explained according to “Studied Textbook of Change” and Philosophy of An Vi of Kim Dinh.

Arranging to 8 sets of two hexagrams and 12 sets of four hexagrams from the set of 64 hexagrams and explaining the operation of the sets of four hexagrams is the quintessence of the “Studied Textbook of Change” which originated from principles of change that Mr. Hong Tien Luu diligently researched and trained for his students.

Khái niệm Việt Nho (越儒) trong Tứ-Tự Tri Điền được áp dụng từ các nghiên cứu của Kim Định.

Giáo sư Kim Định tên thật là Lương Kim Định. Ông sinh ngày 15-6-1915 tại làng Trung Thành, Nam Định. Năm 1947, ông đi du học ở Pháp nghiên cứu về văn minh Pháp, xã hội học, triết học và Nho giáo tại Institut des Hautes Etudes Chinoises, Paris. Từ năm 1961 - 1975, ông là Giáo sư Triết Đông phương tại Đại học Văn Khoa Sài Gòn, Đại học Vạn Hạnh, Minh Đức, Thành Nhân, An Giang... Ông mất ngày 25-3-1997 tại nhà hưu dưỡng dòng Đồng Công Hải Ngoại, Carthage, Missouri, Hoa Kỳ. Ông để lại công trình một đời người là bộ sách Triết lý An Vi gồm 35 cuốn.

"Cơ cấu Việt Nho" là cuốn ông viết cụ thể, trực tiếp vào khái niệm Việt Nho.

Sách chia ba phần: Phần đầu bàn về cơ cấu và những điểm liên quan đến Việt Nho tuy ít nhưng hy vọng đã giới thiệu được phần nào cái tinh hoa của cơ cấu. Phần hai thử rút ra từ cơ cấu và phân tâm một hai quy luật để dùng giải nghĩa một số truyện tích cũng như suy diễn về cơ cấu của Việt Nho. Phần ba chú ý đến sự đưa triết lý vào Việt văn, coi đó như hướng đi cần thiết cho nền văn học nước nhà hiện nay.

Chúng tôi đi theo con đường đưa Việt Nho vào Việt văn như phần ba của cuốn sách "Cơ cấu Việt Nho" đã viết. Bộ-tứ Việt Nho (越儒四字) là các bộ bốn chữ thuộc phạm trù Tứ-Tượng trong Kinh Dịch và những bộ bốn chữ hình-thành trong xã-hội truyền-thống tại các quốc-gia viết chữ vuông trong thời-kỳ phong-kiến được giảng-giải theo Giáo-trình Dịch-học và Triết lý An Vi - Kim Định.

Sắp xếp thành 8 bộ đôi và 12 bộ bốn trùng quái từ bộ 64 trùng quái và giải thích lý vận hành của các bộ bốn là tinh-hoa trong sách "Giáo-trình Dịch-học" xuất phát từ những lý-dịch mà thầy Lưu Hồng Triễn đã dày công nghiên-cứu và đào-tạo cho học trò.

Group of 8 two-hexagrams-sets includes:

Nhóm 8 bộ đôi trùng quái gồm

1. Self-control development - inclusive loading capacity (乾-坤)
Kiền - Khôn
2. Spread rapidly - Repeated entrapment (離-坎)
Ly - Khâm
3. Providing nourishment - Critical mass (頤-大過)
Di - Đại quá
4. Inner trust - Self reflection (中孚-小過)
Trung phu - Tiểu quá
5. Completion period - Not yet completed period (既濟-未濟)
Ký tế - Vị tế
6. Growth period - Recession period (泰-否)
Thái - Bĩ
7. Step-by-step - Withdrew (漸-歸妹)
Tiệm - Quy muội
8. Correcting - Following (蠱-隨)
Cổ - Tùy

Group of 12 four-hexagrams-sets includes:

Nhóm 12 bộ bốn trùng quái gồm

1. Ideology - Community development - Fellow men - Realisation (比-師-同人-大有)
Tỷ - Sư - Đồng nhân - Đại hữu
2. Demand - Conflict - Fighting - Contingency (需-訟-晉-明夷)
Nhu - Tụng - Tấn - Minh di
3. Difficulty at the beginning - Immaturity - Training - Change method (屯-蒙-鼎-革)
Truân - Mông - Đỉnh - Cách

4. Practising - Successful milestone - Total quality management - Decision making process
(履-小畜-謙-豫)

Lý - Tiểu súc - Khiêm - Dự

5. Joyful exchange - Penetration - Keeping Still - Move (兌-巽-艮-震)

Đoài - Tổn - Cấn - Chấn

6. Abundance - Limitation and moderation - Dispersion - Travelling (豐-節-渙-旅)

Phong - Tiết - Hoán - Lữ

7. Interrupted - Adversity - Civilize - Continuous active activity (噬嗑-困-賁-井)

Phệ hạp - Khốn - Bí - Tỉnh

8. Combine - Constancy - Lose - Gain (咸-恆-損-益)

Hàm - Hằng - Tổn - Ích

9. Naturally - Gathering together - Great Accumulating - Natural development

(無妄-萃-大畜-升)

Vô vọng - Tụy - Đại súc - Thăng

10. Return - Coalition - Stripping - Resoluteness (復-姤-剝-夬)

Phục - Cửu - Bác - Quyết

11. Approach - Viewing - Retreat - Selective development (臨-觀-遯-大壯)

Lâm - Quan - Độn - Đại tráng

12. Problem - Release - SMARTgoal - Providing continuous support (蹇-解-睽-家人)

Kiến - Giải - Khuê - Gia nhân

I was first taught “bī - shī - tóngrén - dà yǒu - 比-師-同人-大有” by Mr. Hong Trien Luu in 2015 and early applied this Viet Confucianism quartet to agricultural development. In 2024, Viet Kien Nong could study the rest eleven of the quartets. In FWTF book, Viet Kien Nong spent the most time writing about the set “Ideology - Community development - Fellow men - Realisation” because he owns a multidimensional data set that combines both experiences and pricy lessons related to that quartet.

We inherited the "Studied Textbook of Change" and selected meanings suitable for agricultural development. Because the I Ching is uni-nature-multi-use, we have compiled a set of explanations of 64 trigrams in English - Vietnamese alphabet specifically for application in agricultural development. From this development direction, the "Studied Textbook of Change" has a branch called "Principle of Change in Architecture-Agriculture." This application version specifically focuses on agricultural development.

Tôi được thầy Lưu Hồng Triển dạy cho bộ “Tỷ - Sư - Đồng nhân - Đại hữu” lần đầu tiên vào năm 2015 và ứng dụng bộ-tứ Việt Nho này sớm nhất vào việc phát triển nông nghiệp. Đến năm 2024 thì Việt Kiến Nông mới học xong 11 bộ còn lại. Trong sách Tứ-Tự Tri Điền, Việt Kiến Nông dành nhiều thời lượng nhất để viết về bộ “Tỷ - Sư - Đồng nhân - Đại hữu” vì bản thân ông sở hữu bộ dữ liệu đa chiều tổng hòa cả những trải nghiệm và trả giá cho bài học liên quan bộ-tứ đó.

Chúng tôi kế-thừa Giáo-trình Dịch-học, chọn-lọc nghĩa phù-hợp với phát-triển nông-nghiệp. Vì Dịch-học có tính nhất-thể-bách-dụng, chúng tôi đã biên-soạn một bộ giảng giải 64 trùng quái bằng Anh ngữ - Quốc ngữ ABC đặc-trung để ứng-dụng trong việc phát-triển nông-nghiệp. Từ hướng phát-triển này, Giáo-trình Dịch-học có một nhánh là Dịch-lý Kiến-Nông. Phiên-bản ứng-dụng này đặc-biệt tập-trung vào phát-triển nông-nghiệp.

Group of 8 two-hexagrams-sets in PCAA:

Nhóm 8 bộ đôi trùng quái trong Dịch-lý Kiến-Nông:

1. Self-control development - inclusive loading capacity

Phát triển trong sự tự chủ - Khả năng chứa đựng bao trùm

2. Spread rapidly - Repeated entrapment

Lan tỏa nhanh chóng - Sự mắc kẹt lặp đi lặp lại

3. Providing nourishment - Critical mass

Cung cấp nguồn nuôi dưỡng - Khối lượng tới hạn

4. Inner trust - Self reflection

Niềm tin từ bên trong - Sự phản tỉnh

5. Completion period - Not yet completed period

Thời kỳ đã hoàn thành - Thời kỳ chưa hoàn thành

6. Growth period - Recession period

Thời kỳ phát triển - Thời kỳ suy thoái

7. Step-by-step - Withdrew

Tiến từng bước một - Rút lui

8. Correcting - Following

Điều chỉnh đúng đắn trở lại - Tùy theo điều kiện hiện có

Group of 12 four-hexagrams-set in Principle of Change in Architecture-Agriculture:

Nhóm 12 bộ bốn trùng quái trong Dịch-lý Kiến-Nông:

1. Ideology - Community development - Fellow men - Realisation

Tư tưởng - Phát triển cộng đồng - Những người cùng chung chí hướng - Hiện thực hóa

2. Demand - Conflict - Fighting - Contingency

Nhu cầu - Xung đột - Tranh giành - Quyền biến

3. Difficulty at the beginning - Immaturity - Training - Change method

Khó khăn trong buổi ban đầu - Sự chưa trưởng thành - Rèn luyện - Phương pháp thay đổi

4. Practising - Successful milestone - Total quality management - Decision making process

Hành động thực tiễn - Mốc thành công nhỏ - Quản lý chất lượng toàn diện - Cơ chế thực hiện quyết định

5. Joyful exchange - Penetration - Keeping Still - Move

Trao đổi trong vui vẻ - Thâm nhập - Giữ nguyên - Di chuyển

6. Abundance - Limitation and moderation - Dispersion - Travelling

Sự phong phú - Giới hạn và điều độ - Ly tán - Du lịch

7. Interrupted - Adversity - Civilize - Continuous active activity

Giãn cách - Nghịch cảnh - Văn minh hóa - Hoạt động tích cực liên tục

8. Combine - Constancy - Lose - Gain

Kết hợp - Kiên định - Mất - Được

9. Naturally - Gathering together - Great Accumulating - Natural development

Thuận tự nhiên - Kết hợp lại - Tích lũy lớn - Phát triển thuận tự nhiên

10. Return - Coalition - Stripping - Resoluteness

Khởi lại - Liên minh - Gọt giũa - Sự kiên quyết

11. Approach - Viewing - Retreat - Selective development

Tiếp cận - Quan sát - Quy ẩn - Phát triển có chọn lọc

12. Problem - Release - SMARTgoal - Providing continuous support

Vấn đề - Giải thoát - SMARTgoal - Cung cấp sự hỗ trợ liên tục

The Studied Textbook of Change has helped us grasp the fundamental Viet Confucianism Quartets from the I Ching. Through thousands of years of applying the I Ching in the society of the region including Vietnam and East Asia, more specifically in the four countries of China, Japan, Vietnam, and Korea, from the fundamental Viet Confucianism Quartets in the I Ching, later generations have developed many other quartets with large numbers and very rich content. The book Thousand Character Classic (千字文) by Zhou Xingsi (周興嗣) with 1000 letters divided into 250 quartets is a source of evidence for us to refer to this richness. PCAA prioritized research and continued development of quartets with content close to agricultural development such as: Plowing, planting and harvesting (務茲稼穡), Encourage, reward, or dismiss or promote officials (勸賞黜陟).

Giáo-trình Dịch-học đã giúp cho chúng ta nắm bắt những Bộ-tứ Việt Nho căn bản từ trong sách Dịch-học. Qua nhiều ngàn năm ứng dụng Dịch học trong xã hội thuộc khu vực gồm Việt Nam và Đông Á, cụ thể hơn là tại bốn quốc gia Trung Quốc, Nhật Bản, Việt Nam, Triều Tiên, từ những bộ-tứ Việt Nho nền tảng trong sách Kinh Dịch, người đời sau đã phát triển ra nhiều bộ-tứ khác với số lượng lớn và nội-dung rất phong-phủ. Sách Thiên Tự Văn (千字文) của Chu Hưng Tự (周興嗣) với 1000 chữ được phân vào 250 bộ tứ là một nguồn dẫn chứng để chúng ta có thể tham-khảo về sự phong-phủ này. Dịch lý Kiến Nông ưu tiên nghiên-cứu và phát-triển tiếp các bộ-tứ có nội-dung sát với việc phát-triển nông-nghiệp như: Vụ - Tư - Giá - Sắc (務茲稼穡), Khuyến - Thưởng - Truất - Trắc (勸賞黜陟).

Introduction to the Viet Confucianism Quartet in NCAD

Giới-thiệu về Bộ-tứ Việt Nho trong Lý-học Kiến-Nông

The 'Viet Confucianism Quartet' (越儒四字) builds on traditional Confucianism principles, adapted to the specific cultural and social context of Vietnam. This adaptation emphasizes Confucian ideals of morality, learning, and social responsibility, framed within a Vietnamese perspective.

The quartet includes core concepts that define Vietnamese values and ethics, bringing Confucian philosophy closer to Vietnamese society and practices. These concepts are tailored for practical application, particularly in fields like agriculture, where moral and community-oriented principles are essential.

“Bộ-tứ Việt Nho” (越儒四字) xây-dựng trên các nguyên-tắc Nho-giáo truyền-thống, được điều chỉnh cho phù-hợp với bối-cảnh văn-hóa và xã-hội cụ-thể của Việt Nam. Sự điều-chỉnh này nhấn mạnh đến các lý-tưởng Nho-giáo về đạo-đức, học-vấn và trách-nhiệm xã-hội, được đồng khung trong quan-điểm của người Việt Nam.

Bộ-tứ bao gồm các khái-niệm cốt-lõi định-nghĩa các giá-trị và đạo-đức của người Việt, đưa triết lý Nho-giáo đến gần hơn với xã-hội và thực-hành của người Việt. Các khái-niệm này được thiết-kế để ứng dụng thực-tế, đặc-biệt là trong các lĩnh-vực như nông-nghiệp, nơi các nguyên-tắc đạo-đức và hướng đến cộng-đồng là thiết-yếu.

Core elements of the Viet Confucianism Quartet

Các yếu-tố cốt-lõi của Bộ-tứ Việt Nho

The Viet Confucianism Quartet revolves around four primary virtues:

Bộ-tứ Việt Nho xoay quanh bốn đức tính chính:

[1] Benevolence (仁): Emphasizes kindness, compassion, and care for others. In agriculture, benevolence is reflected in practices that support the well-being of the community and the sustainability of the land.

Nhân (仁): Nhấn mạnh lòng tốt, lòng trắc ẩn và sự quan tâm đến người khác. Trong nông nghiệp, lòng nhân được phản ánh trong các hoạt động hỗ trợ phúc lợi của cộng đồng và sự bền vững của đất đai.

[2] Righteousness (義): Stresses moral integrity and ethical conduct. Farmers and agricultural leaders are encouraged to act with honesty and fairness in their business practices and community interactions.

Chính nghĩa (義): Nhấn mạnh tính chính trực về mặt đạo đức và hành vi đạo đức. Nông dân và các nhà lãnh đạo nông nghiệp được khuyến khích hành động trung thực và công bằng trong hoạt động kinh doanh và tương tác cộng đồng.

[3] Wisdom (智): Represents knowledge and insight. Agricultural entrepreneurs are encouraged to seek continuous learning, applying both traditional and modern knowledge to improve their practices.

Trí tuệ (智): Biểu thị cho kiến thức và hiểu biết sâu sắc. Các doanh-nông được khuyến khích tìm kiếm sự học tập liên tục, áp dụng cả kiến thức truyền thống và hiện đại để cải thiện hoạt động của họ.

[4] Faithfulness (信): Reflects loyalty, trustworthiness, and reliability. Building trust within the community, among workers, and with business partners is crucial for sustainable agricultural development.

These four virtues form the foundation of the Viet Confucianism Quartet, guiding behavior and decision-making in agricultural practices.

Trung thực (信): Thể hiện lòng trung thành, sự đáng tin cậy và sự tín nhiệm. Xây dựng lòng tin trong cộng đồng, giữa những người lao động và với các đối tác kinh doanh là điều cốt yếu cho sự phát triển nông nghiệp bền vững.

Bốn đức tính này tạo thành nền tảng của Bộ-tứ Việt Nho, chi phối hành vi và quyết định trong hoạt động nông nghiệp.

Applying the Viet Confucianism Quartet in agriculture

Ứng dụng Bộ-tứ Việt Nho trong nông nghiệp

In agricultural development, the Viet Confucianism Quartet provides a moral framework that encourages sustainable and ethical practices. Each virtue is associated with specific actions:

Trong phát triển nông nghiệp, Bộ-tứ Việt Nho cung cấp một khuôn khổ đạo đức khuyến khích các hoạt động bền vững và có đạo đức. Mỗi đức tính gắn liền với các hành động cụ thể:

[1] Benevolence (仁): Promotes sustainable farming techniques that care for the environment and benefit the community.

Nhân (仁): Thúc đẩy các kỹ thuật canh tác bền vững, bảo vệ môi trường và mang lại lợi ích cho cộng đồng.

[2] Righteousness (義): Encourages ethical trade practices, ensuring fairness in transactions and integrity in business relationships.

Chính trực (義): Khuyến khích các hoạt động thương mại có đạo đức, đảm bảo sự công bằng trong giao dịch và tính chính trực trong các mối quan hệ kinh doanh.

[3] Wisdom (智): Supports the integration of modern technologies and innovative farming practices, facilitating growth and improvement.

Trí tuệ (智): Hỗ trợ tích hợp công nghệ hiện đại và phương pháp canh tác tiên tiến, thúc đẩy tăng trưởng và cải tiến.

[4] Faithfulness (信): Strengthens relationships with local communities, employees, and customers by building trust and ensuring reliability in all dealings.

The quartet aligns traditional Confucian values with the practical needs of agriculture, fostering a balance between ethical principles and economic growth.

Sự trung thực (信): Tăng cường mối quan hệ với cộng đồng địa phương, nhân viên và khách hàng bằng cách xây dựng lòng tin và đảm bảo độ tin cậy trong mọi giao dịch.

Bộ-tứ này kết hợp các giá trị truyền thống của Nho-giáo với nhu cầu thực tế của ngành nông nghiệp, thúc đẩy sự cân bằng giữa các nguyên tắc đạo đức và tăng trưởng kinh tế.

Examples of the Viet Confucianism Quartet in action

Ví dụ về Bộ-tứ Việt Nho trong thực tế

In real-world agricultural settings, the Viet Confucianism Quartet can be seen in various practices:

Trong bối cảnh thực tiễn nông nghiệp, Bộ-tứ Việt Nho có thể được nhìn thấy trong nhiều hoạt động khác nhau:

[1] Crop rotation and soil care (Benevolence - 仁): Regular crop rotation and soil preservation techniques protect the land and ensure long-term agricultural productivity.

Luân canh cây trồng và chăm sóc đất (Nhân - 仁): Luân canh cây trồng thường xuyên và các kỹ thuật bảo tồn đất giúp bảo vệ đất và đảm bảo năng suất nông nghiệp lâu dài.

[2] Fair pricing (Righteousness - 義): Farmers who price their goods fairly uphold the virtue of righteousness, contributing to equitable markets.

Định giá công bằng (Nghĩa - 義): Những người nông dân định giá hàng hóa của mình một cách công bằng sẽ duy trì được đức tính chính nghĩa, góp phần tạo nên thị trường công bằng.

[3] Adoption of technology (Wisdom - 智): Integrating smart farming technologies, such as IoT and AI, shows the application of wisdom to optimize resources and improve yield.

Áp dụng công nghệ (Trí - 智): Tích hợp các công nghệ nông nghiệp thông minh, như IoT và AI, cho thấy việc ứng dụng trí tuệ để tối ưu hóa tài nguyên và cải thiện năng suất.

[4] Community engagement (Faithfulness - 信): Organizing community events or providing local employment opportunities fosters faithfulness by enhancing social ties and supporting local economies.

These applications demonstrate how the quartet is woven into the agricultural industry, guiding AECHs toward sustainable, ethical, and community-centered practices.

Tham gia cộng đồng (Tin - 信): Tổ chức các sự kiện cộng đồng hoặc cung cấp cơ hội việc làm tại địa phương sẽ thúc đẩy lòng trung thành bằng cách tăng cường mối quan hệ xã hội và hỗ trợ nền kinh tế địa phương.

Những ứng dụng này chứng minh cách bộ-tứ này được lồng-ghép vào ngành nông nghiệp, hướng dẫn doanh-nông Tây Nguyên hướng tới các hoạt động bền vững, có đạo đức và lấy cộng đồng làm trung tâm.

2.3 The relationship between the Four-Word and the Viet Confucianism Quartet

Mối quan-hệ giữa Tứ-Tự và Bộ-tứ Việt Nho

Alike / Giống nhau:

- Having the same structure is a set of four sounds.

Có cùng cấu trúc là một bộ có bốn âm.

- The Viet Confucianism set is a part (detail) of the whole Four-Word.

Bộ-tứ Việt Nho là một bộ phận (chi tiết) trong tổng thể Tứ-Tự.

- Written in square letters.

Được viết ra bằng chữ vuông.

Different / Khác nhau:

- The Viet Confucianism Quartet has a history of development in the region including Vietnam and East Asian region over the past several thousand years. The Four-Word was newly compiled by VKN and his colleagues, initially focusing on serving the development of agricultural production and food processing industry in the Central Highlands of Vietnam and gradually expanding.

- The Four-Word uses English as the main text, Vietnamese alphabet and Viet Confucianism as the translation. The original Viet Confucianism Quartet was Viet Confucianism, then translated into Vietnamese alphabet and English. The English version of the Viet Confucianism Quartet was compiled by VKN and his colleagues in a reformist sense, using actual experience in the Central Highlands of Vietnam as the basis for interpretation.

Bộ-tứ Việt Nho có lịch sử phát triển trong khu vực gồm Việt Nam và Đông Á vài ngàn năm qua. Tứ-Tự do VKN và cộng-sự biên-soạn mới, ban đầu tập-trung phục-vụ cho việc phát-triển ngành sản-xuất nông nghiệp và chế-biến nông-sản tại vùng Tây Nguyên - Việt Nam và mở rộng dân.

Tứ-Tự lấy Anh Ngữ là bản chính, Quốc ngữ ABC và Việt Nho là bản dịch. Bộ-tứ Việt Nho có bản gốc là Việt Nho, sau đó được dịch ra Quốc ngữ ABC và Anh Ngữ. Bản Anh Ngữ của Bộ-tứ Việt Nho được VKN và cộng sự biên soạn theo nghĩa cách-tân, lấy thực tế kiểm-nghiệm tại Tây Nguyên - Việt Nam làm cơ-sở để diễn-gải.

Summary

Tổng hợp

The Four-Word and the Viet Confucianism Quartet are a pair of opposites that help us understand the innovative meaning of the Four Images (Principle of operation) clearly through the scientific and cultural knowledge differences between English, Vietnamese alphabet and Viet Confucianism.

Tứ-Tự và Bộ-tứ Việt Nho là một cặp đối đãi giúp chúng ta hiểu nghĩa cách-tân của Tứ-Tượng (Lý Vận Hành) một cách rõ ràng thông qua tri-thức khoa-học và văn-hóa khác-biệt giữa Anh Ngữ, Quốc ngữ ABC và Việt Nho.

Summary of chapter 2

Tóm tắt chương 2

The Four-Word method is a powerful tool for organizing and simplifying communication in agriculture. By reducing complex ideas into concise phrases, it facilitates a shared understanding among agricultural workers, enabling more efficient management and task coordination.

This system builds on the Confucianism tradition of simplicity and clarity, applying it to modern agricultural processes. As the Four-Word system becomes more integrated into agricultural management practices, it helps bridge traditional knowledge with contemporary industry standards, supporting Vietnam's agricultural development in a globally competitive landscape.

The Viet Confucianism Quartet offers a valuable framework for ethical and sustainable agriculture. By integrating traditional Confucian virtues into modern agricultural practices, it reinforces moral integrity, environmental stewardship, and community responsibility.

Through the quartet, Vietnamese agricultural entrepreneurs and labourers are encouraged to uphold values of benevolence-righteousness-wisdom-faithfulness, supporting a balance between tradition and innovation. This blend of ethics and efficiency positions Vietnamese agriculture for a sustainable future, rooted in cultural heritage and adapted for global standards.

Phương-pháp Tứ-Tự là một công-cụ mạnh-mẽ để tổ-chức và đơn giản hóa giao-tiếp trong nông nghiệp. Bằng cách rút-gọn các ý-tưởng phức-tạp thành các cụm từ ngắn gọn, nó tạo điều-kiện cho sự hiểu biết chung giữa những người lao-động nông-nghiệp, cho phép quản-lý và phối-hợp nhiệm-vụ hiệu-quả hơn.

Hệ-thống này xây-dựng trên truyền-thống Nho-học về sự đơn-giản và rõ-ràng, áp-dụng vào các quy-trình nông-nghiệp hiện-đại. Khi hệ thống Tứ-Tự ngày càng được tích-hợp vào các hoạt-động quản-lý nông-nghiệp, nó giúp kết-nối kiến-thức truyền-thống với các tiêu chuẩn công-nghiệp hiện-đại, hỗ trợ phát triển nông-nghiệp của Việt Nam trong bối-cảnh cạnh-tranh toàn-cầu.

Bộ-tứ Việt Nho cung cấp một khuôn khổ có giá trị cho nền nông nghiệp đạo đức và bền vững. Bằng cách kết hợp các đức tính truyền thống của Nho giáo vào các hoạt động nông nghiệp hiện đại, nó củng cố tính toàn vẹn về mặt đạo đức, quản lý môi trường và trách nhiệm cộng đồng.

Thông qua bộ-tứ, các doanh-nông và nhân công tại Việt Nam được khuyến khích duy trì các giá trị nhân - nghĩa - trí - tín, hỗ-trợ sự cân-bằng giữa truyền-thống và đổi-mới. Sự kết-hợp giữa đạo-đức và hiệu-quả này định-vị nền nông-nghiệp Việt Nam cho một tương-lai bền-vững, bắt nguồn từ di-sản văn hóa và phù-hợp với các tiêu-chuẩn toàn-cầu.

Chapter 3
Chương 3

CRITERIA FOR SELECTING QUARTETS
IN THE SET OF 36 FUNDAMENTAL QUARTETS
TIÊU CHÍ CHỌN CÁC BỘ-TỨ TRONG BỘ 36 BỘ-TỨ NỀN TẢNG

I set out my aspirations for agricultural development with the categories that I were concerned about:

Tôi đã đặt ra nguyện-vọng phát-triển nông-nghiệp với các phạm-trù mà tôi trăn-trở:

[1] Urban ↔ Rural / Đô thị ↔ Nông thôn

[2] Rich ↔ Poor / Giàu ↔ Nghèo

[3] Architecture ↔ Agriculture / Kiến trúc ↔ Nông nghiệp

[4] High-population-density area ↔ Low-population-density area

Khu vực có mật độ dân cư cao ↔ Khu vực có mật độ dân cư thấp

[5] High density of trees area ↔ Low density of trees area

Khu vực có mật độ cây xanh cao ↔ Khu vực có mật độ cây xanh thấp

[6] Urban infrastructure ↔ Rural infrastructure / Hạ tầng đô thị ↔ Hạ tầng nông nghiệp

[7] Domestic consumption ↔ Export / Tiêu thụ trong nước ↔ Xuất khẩu

[8] Architect ↔ Agricultural entrepreneur / Kiến trúc sư ↔ Doanh-nông

[9] Economic planning ↔ Agricultural planning

Quy hoạch kinh tế ↔ Quy hoạch nông nghiệp

[10] Urban planning ↔ Rural planning / Quy hoạch đô thị ↔ Quy hoạch nông thôn

[11] Agriculture ↔ Industry / Nông nghiệp ↔ Công nghiệp

[12] Tradition ↔ Innovation / Truyền thống ↔ Cách tân

[13] Sustainable ↔ Unsustainable / Bền vững ↔ Không bền vững

[14] Infrastructure ↔ Superstructure / Cơ sở hạ tầng ↔ Kiến trúc thượng tầng

[15] People ↔ Management system / Con người ↔ Hệ thống quản lý

[16] Public ↔ Private / Chung ↔ Riêng

[17] Long term ↔ Short term / Dài hạn ↔ Ngắn hạn

- [18] Details ↔ Overall / *Chi tiết ↔ Tổng thể*
- [19] Good harvest ↔ Bad harvest / *Được mùa ↔ Mất mùa*
- [20] High price ↔ Low price / *Giá cao ↔ Giá thấp*
- [21] Old way of growing ↔ New way of growing / *Cách trồng cũ ↔ Cách trồng mới*
- [22] Technology in agriculture ↔ Industry and Trade / *Công nông ↔ Công thương*
- [23] Biological processes ↔ Industrial processes
Quy trình sinh học ↔ Quy trình công nghiệp
- [24] Farming ↔ Trading / *Nông ↔ Thương*
- [25] Sell ↔ Buy / *Bán ↔ Mua*
- [26] Position ↔ Capacity / *Thế ↔ Lực (Địa vị - Năng lực)*
- [27] Men's thinking ↔ Women's thinking
Tư duy nam nhân/dân ông ↔ Tư duy nữ nhân/dân bà
- [28] Macro ↔ Micro / *Vĩ mô ↔ Vi mô*
- [29] Top-down approach ↔ Bottom-up approach
Tiếp cận từ trên xuống ↔ Tiếp cận từ dưới lên
- [30] LV ↔ LB, Leaf veins ↔ Leaf blade / *Gân lá ↔ Phiến lá*
- [31] LVRE ↔ LBRE, Leaf veins real estate ↔ Leaf blade real estate
Bất động sản gân lá ↔ Bất động sản phiến lá
- [32] Input ↔ Output / *Đầu vào ↔ Đầu ra*
- [33] I Ching ↔ British Standards / *Kinh Dịch ↔ Tiêu chuẩn Anh*
- [34] IDE ↔ SME, Innovation-Driven Enterprises ↔ Small and Medium Enterprises
Doanh nghiệp sáng chế đột phá ↔ Doanh nghiệp nhỏ và vừa
- [35] DDM ↔ SDI, Data-Driven Management ↔ Sustainable-Driven Investment
Quản lý theo định hướng dữ liệu ↔ Đầu tư hướng đến sự bền vững

Everything related to these categories in 64 beginning agricultural projects that I have gone through, I paid attention and reflected on to understand clearly. Any ideas from the quartet involved in solving the interaction between these categories such as “good harvest - downward of prices” and “bad harvest - upward of prices” are all recorded and summarized. The set of 36 fundamental quartets of FWTF was selected according to the criteria: not complicated, confusing, must-have-and-enough to be able to identify the above ideas in the agricultural production and food processing industry. After selection, I continued to use the basic version of 36 sets to interact with related projects and personnel to confirm its effectiveness. After 4

projects: Oriental English, An Dien Thien Duong Dak Lak Company, Oriental French and Nghe Tinh Company, I have been "inner trust" to these 36 fundamental quartets and launched them in "Li-based Agro-Architecture" document.

Những việc gì liên-quan đến các phạm-trù này trong hơn 64 dự-án nông-nghiệp ban đầu mà tôi đã trải qua đều được tôi chú-ý và suy-tư để hiểu rõ. Ý nào từ các bộ-tứ tham gia giải-quyết tương-tác giữa các phạm-trù này như "được mùa - giá thấp thì sao?", "Mất mùa - giá cao thì sao?" đều được ghi-nhận và tổng-hợp lại. Bộ 36 bộ-tứ nền-tảng của Tứ-Tự Tri Diễm được lựa-chọn theo tiêu-chí: không rườm rà, không thiếu nghĩa, ắt-có-và-đủ để có thể nhận diện được các ý trên trong dự-án ngành sản-xuất nông-nghiệp và chế-biến thực-phẩm. Sau khi lựa-chọn xong, tôi tiếp tục dùng bản sơ của bộ 36 này tương-tác với các dự-án và nhân sự liên-quan để xác-thực lại tính hiệu-quả. Sau 4 dự án: Anh ngữ Phương Đông, Công ty Ân Diễm Thiên Đường Đắk Lắk, Pháp ngữ Phương Đông và Công ty Nghệ Nghệ Tinh, tôi đã "trung phụ" được với 36 bộ-tứ nền-tảng này và phát-hành trong tài-liệu "Lý-học Kiến-Nông".



Sharing space of Mr. Hong Trien Luu

Viet Kien Nong experiences the life of the mountainous region in Ia Le commune,
Chu Puh district, Gia Lai province, eating grilled chicken, grilled squash, and drying
clothes in front of the fire at night

so they can dry in time to wear them the next morning to continue the journey

*Việt Kiến Nông trải nghiệm đời sống miền sơn cước tại xã Ia Le, huyện Chư Puh, tỉnh Gia Lai,
ăn bí gà nướng, bí nướng, đêm hong đồ trước đồng lửa để kịp khô sáng mai mặc lên đường đi tiếp*

Introduction to quartet selection criteria

Giới-thiệu về tiêu-chí lựa-chọn bộ-tứ

The 36 Fundamental Quartets are structured frameworks that guide thinking, decision-making, and action in various domains, including agriculture, management, and ethics. Selecting the right quartet for a particular context requires understanding the underlying principles and applying them in a way that aligns with both traditional values and modern needs.

Each quartet consists of four elements that represent complementary aspects of a concept or process. These quartets are used to structure thoughts, tasks, and decisions, helping practitioners maintain balance and focus in their actions. The following criteria help determine which quartets are most suitable for specific applications in agricultural development.

36 Bộ-tứ Nền tảng là các khuôn-khố có cấu-trúc hướng-dẫn tư-duy, ra quyết-định và hành-động trong nhiều lĩnh-vực khác nhau, bao gồm nông-nghiệp, quản-lý và đạo-đức. Việc lựa chọn Bộ-tứ phù hợp cho một bối-cảnh cụ-thể đòi hỏi phải hiểu các nguyên-tắc cơ-bản và áp-dụng chúng theo cách phù-hợp với cả các giá-trị truyền-thống và nhu-cầu hiện-đại.

Mỗi bộ-tứ bao gồm bốn yếu tố đại diện cho các khía cạnh bổ sung của một khái-niệm hoặc quy trình. Các bộ-tứ này được sử-dụng để cấu-trúc các suy-nghĩ, nhiệm-vụ và quyết-định, giúp các học-viên duy-trì sự cân-bằng và tập-trung trong hành-động của họ. Các tiêu-chí sau đây giúp xác định bộ-tứ nào phù-hợp nhất cho các ứng-dụng cụ-thể trong phát-triển nông-nghiệp.

Criteria for selecting effective quartets

Các tiêu chí chọn bộ-tứ hiệu quả

The selection criteria for effective quartets are as follows:

Tiêu chí lựa chọn bộ-tứ hiệu quả như sau:

[1] Relevance to Core Values: The quartet should reflect fundamental values, such as benevolence, wisdom, and righteousness, which are central to Confucian ethics.

Liên quan đến các Giá-trị Cốt-lõi: Bộ-tứ này phải phản ánh các giá trị căn bản, chẳng hạn như lòng nhân từ, trí tuệ và sự chính trực, là những giá trị cốt lõi của đạo đức Nho giáo.

[2] Practical Applicability: Quartets should be adaptable to real-life situations, with each element being actionable and easily understood by practitioners.

Khả năng Áp-dụng thực-tế: Bộ-tứ phải có khả năng thích ứng với các tình huống thực tế, trong đó mỗi yếu tố đều có thể thực hiện được và người thực hành dễ hiểu.

[3] Balance and Complementarity: Each element in the quartet must complement the others, creating a harmonious balance that supports sustainable actions and decision-making.

Cân-bằng và bổ-sung: Mỗi yếu tố trong bộ-tứ phải bổ-sung cho nhau, tạo ra sự cân-bằng hài-hòa hỗ-trợ cho các hành-động và quá-trình ra quyết-định bền-vững.

[4] Clarity and Simplicity: The quartet should be concise, with each word or concept being clear and straightforward, making it easy to remember and implement.

By following these four criteria, agricultural managers and entrepreneurs can select quartets that best support their goals, ensuring that their actions align with ethical principles and

practical needs.

Rõ-ràng và đơn-giản: Bộ-tứ phải ngắn gọn, trong đó mỗi từ hoặc khái niệm đều rõ ràng và dễ hiểu, giúp dễ nhớ và dễ thực hiện.

Bằng cách tuân theo bốn tiêu chí này, các nhà quản lý nông nghiệp và doanh nông có thể lựa chọn bộ-tứ hỗ trợ tốt nhất cho mục tiêu của mình, đảm bảo rằng hành động của họ phù hợp với các nguyên tắc đạo đức và nhu cầu thực tế.

Examples of basic Quartets for agricultural applications

Ví dụ về các Bộ-tứ căn bản trong nông nghiệp thực hành

Some examples of quartets specifically selected for agricultural applications include:

Một số ví dụ về bộ-tứ được lựa chọn cụ thể cho các ứng dụng nông nghiệp bao gồm:

[1] 'Prepare - Plant - Nurture - Harvest': This quartet captures the main stages in crop cultivation, serving as a reminder to plan, cultivate, care for, and eventually harvest crops in an organized manner.

“Chuẩn bị - Trồng - Nuôi dưỡng - Thu hoạch”: Bộ-tứ này ghi lại các giai đoạn chính trong việc trồng trọt, đóng vai trò nhắc nhở việc lập kế hoạch, canh tác, chăm sóc và cuối cùng là thu hoạch mùa màng theo cách có tổ chức.

[2] 'Observe - Diagnose - Remedy - Evaluate': Used in pest and disease management, this quartet helps farmers systematically observe potential issues, diagnose the cause, apply remedies, and evaluate the effectiveness of the treatments.

“Quan sát - Chẩn đoán - Khắc phục - Đánh giá”: Được sử dụng trong quản lý dịch hại và bệnh tật, bộ-tứ này giúp nông dân quan sát một cách có hệ thống các vấn đề tiềm ẩn, chẩn đoán nguyên nhân, áp dụng các biện pháp khắc phục và đánh giá hiệu quả của các biện pháp xử lý.

[3] 'Sow - Grow - Reap - Rotate': Applicable in crop rotation and soil health management, this quartet promotes sustainable practices that maintain soil fertility and reduce pest buildup.

These examples illustrate how quartets provide structured guidance in agricultural tasks, helping farmers maintain clarity and focus throughout their work processes.

“Gieo - Trồng - Thu hoạch - Luân canh”: Áp dụng trong luân canh cây trồng và quản lý sức khỏe đất, bộ-tứ này thúc đẩy các biện pháp bền vững giúp duy trì độ phì nhiêu của đất và giảm sự tích tụ của sâu bệnh.

Những ví dụ này minh họa cách nhóm Bộ-tứ cung cấp hướng dẫn có cấu trúc trong các nhiệm vụ nông nghiệp, giúp nông dân duy trì sự sáng suốt và tập trung trong suốt quá trình làm việc.

Summary of chapter 4

Tóm tắt chương 4

The 36 Fundamental Quartets provide a foundation for structured thinking in agriculture and related industries. By adhering to selection criteria that emphasize relevance, applicability, balance, and simplicity, practitioners can choose quartets that align with their values and objectives.

Quartets serve as practical tools that guide actions in a focused, systematic way. They

offer a balance between tradition and practicality, allowing agricultural entrepreneurs and managers to make ethical, efficient decisions in their daily tasks. The flexibility of the quartet system supports both individual growth and the sustainable development of agriculture in Vietnam.

36 Bộ-tứ nền tảng cung cấp nền tảng cho tư duy có cấu trúc trong nông nghiệp và các ngành liên quan. Bằng cách tuân thủ các tiêu chí lựa chọn nhấn mạnh vào tính phù hợp, khả năng áp dụng, sự cân bằng và tính đơn giản, các học viên có thể chọn các Bộ-tứ phù hợp với các giá trị và mục tiêu của mình.

Bộ-tứ đóng vai trò là công cụ thực tế hướng dẫn hành động theo cách tập trung và có hệ thống. Chúng cung cấp sự cân bằng giữa truyền thống và thực tế, cho phép các doanh-nhân và nhà quản lý nông nghiệp đưa ra các quyết định có đạo đức và hiệu quả trong các nhiệm vụ hàng ngày của họ. Tính linh hoạt của hệ thống bộ-tứ hỗ trợ cả sự phát triển cá nhân và phát triển bền vững của ngành nông nghiệp tại Việt Nam.

Chapter 4

Chương 4

18 VIET CONFUCIANISM QUARTETS

18 BỘ-TỨ VIỆT NHO

Introduction to the 18 Viet Confucianism Quartets

Giới-thiệu về 18 Bộ-tứ Việt Nho

The 18 Viet Confucianism Quartets are a set of structured phrases that represent core Vietnamese cultural and ethical values. These quartets are rooted in Confucian philosophy, adapted to the Vietnamese context to support agriculture, community, and ethical business practices.

Each quartet encompasses four complementary elements that together guide thought, behavior, and decision-making. In agricultural practices, the quartets help balance economic goals with environmental sustainability and social responsibility.

Here are 18 Viet Confucianisms Quartet selected and compiled by Viet Kien Nong in LAA:

18 Bộ-tứ Việt Nho là một tập hợp các cụm từ có cấu trúc đại diện cho các giá trị văn hóa và đạo đức cốt lõi của Việt Nam. Các Bộ-tứ này bắt nguồn từ triết lý Nho học, được điều chỉnh cho phù hợp với bối cảnh Việt Nam để hỗ trợ cho nông nghiệp, cộng đồng và các hoạt động kinh doanh có đạo đức.

Mỗi bộ-tứ bao gồm bốn yếu tố bổ sung cùng nhau hướng dẫn suy nghĩ, hành vi và ra quyết định. Trong các hoạt động nông nghiệp, bộ-tứ giúp cân bằng các mục tiêu kinh tế với tính bền vững của môi trường và trách nhiệm xã hội.

Sau đây là 18 Bộ-tứ Việt Nho do Việt Kiến Nông lựa chọn và tổng hợp trong LAA

(1) Đông Tây Nam Bắc

East - West - South - North

東西南北

(2) Xuân Hạ Thu Đông

Spring - Summer - Autumn - Winter

春夏秋冬

(3) Sĩ Nông Công Thương

Scholar - Farmer - Artisan - Merchant

士農工商

(4) Ngư Tiều Canh Mục

Fisherman - Woodcutter - Horticulturist - Animal Breeder

漁樵埂牧

(5) *Nước Phân Càn Giống*

Water - Fertilizer - Care - Breeds and Seeds

水 - 肥料 - 關心 - 種子

(6) *Sơ Thành Trường Thục*

Basic - Standard - Custom - Professional

初成長熟

(7) *Nhất Thể Bách Dụng*

Uni-nature-multi-use

一體百用

(8) *Tứ Đại Đồng Đường*

Four Generations Under One Roof

四大同堂 / 四世同堂 - Sì Shì Tóng Táng

(9) *Nho Y Lý Số*

Viet Confucianism - Medicine - Principle of change - Divination

儒醫理數

(10) *Lý Sự Viên Dung*

Principle-Operation Harmony

理事圓庸

(11) *Tri Hành Hợp Nhất*

Think-Do-Integration

知行合一

(12) *Tỷ - Sư - Đồng nhân - Đại hữu*

Ideology - Community development - Fellow men - Realisation

比 - 師 - 同人 - 大有

(13) *Quân thần tá sứ*

Gentleman - Mentor - Assistant - Messenger

君臣佐使

(14) *Tĩnh tại đối đãi*

靖在對待

Static binary opposition

(15) *Lấy Thục Làm Sơ*

Take the professional as the lead of fundamental

返璞歸真

Phân phác quy chân

(16) *Xem Sơ Rồi Tĩnh*

Look-First Decide-Then

(17) *Làm Thứ Xem Sao*

Try it out

(18) *Phải Làm Mới Hiểu*

One Must Do To Understand

The explanation and interpretation of these classic concepts require detailed explanatory documents for each content. The Oriental English project was formed in the process of translating FWTF as an indispensable need to be able to clarify Four-Word. Within the scope of FWTF, we only note the meaning that we have applied to explain Four-Word to personnel who have ever participated in agricultural development projects:

Việc cắt nghĩa, diễn-giải cho các khái-niệm kinh-diễn này cần có các tài-liệu diễn-giải chi-tiết cho từng nội-dung đó. Dự án Anh ngữ Phương Đông (Oriental English project) hình-thành trong quá trình chuyển ngữ cho Tứ-Tự Tri Điền là một nhu-cầu tất yếu để có thể tường minh cho Tứ-Tự. Trong phạm vi của Tứ-Tự Tri Điền, chúng tôi chỉ chủ thích phân nghĩa mà chúng tôi đã ứng-dụng để giải-thích về Tứ-Tự cho những nhân-sự đã từng tham-gia vào các dự-án phát-triển nông-nghiệp:

(1) (2) East - West - South - North (abbreviated as EWSN) / Spring - Summer - Autumn - Winter (abbreviated as SSAW): the two fundamental quartets of Space and Time. Everything in space-time needs to be considered in space and time to be able to understand it. The four images of space "East, West, South, North", the four images of time "Spring, Summer, Autumn, Winter" combined with the three "Heaven - Earth - Human, 天地人" are the first group of three which FWTF used for starting to compile operations and objects in the WAA in the order "Time - Space - People - Phenomena - 宙宇人生".

Đông - Tây - Nam - Bắc / Xuân - Hạ - Thu - Đông: hai bộ-tứ căn bản về Không gian và Thời gian. Mọi sự vật trong vũ trụ đều cần xem xét trong không gian và thời gian để có thể hiểu nó. Bộ-tứ tượng về không gian "Đông Tây Nam Bắc", bộ tứ-tượng về thời gian "Xuân Hạ Thu Đông" kết hợp với bộ ba "Trời - Đất - Con người, Thiên Địa Nhân, 天地人" là nhóm ba bộ đầu tiên mà Tứ-Tự Tri Điền làm cơ sở khởi đầu

biên soạn sự và vật trong WAA theo trật tự “Thời gian - Không gian - Con người - Hiện tượng phát sinh, Trụ Vũ Nhân Sinh, 宇宙人生”.

(3) Scholar - Farmer - Artisan - Merchant (abbreviated as SFAM): The way how to assign roles and responsibilities in a traditional agricultural society, including paperwork and planning activities (Scholar - S), farming activities (Farmer - F), technological activities (Artisan - A), buy and sell (Merchant - M). During feudal times, four corresponding classes of people were formed. With the innovative meaning in FWTF, SFAM is four groups of tasks in the Integrated Administration of SFAM that every individual involved in the agricultural production and food processing industry needs to grasp. These Four Images of those S-F-A-M-tasks have re-formed new principles of binary opposition:

Technology in agriculture - Industry and trade (工農 - 工商)

Biological processes - Industrial processes

Technology-in-agricultural activities brings science and technology into the daily agricultural life of rural farmers, associated with biological-processes. Industry-and-trade activities provide quality standards for agricultural products and food, associated with industrial-processes. In a circular economy, biological-processes and industrial-processes are two groups of closed processes for the circulation of green matter.

Sĩ - Nông - Công - Thương: cách phân vai, phân nhiệm trong xã hội nông nghiệp truyền thống gồm việc giấy tờ và kế hoạch - hoạt động làm nông - hoạt động công nghệ - hoạt động mua bán, trong thời phong kiến đã hình thành bốn tầng lớp dân chúng tương ứng. Với hàm nghĩa cách tân trong Tứ-Tự Tri Điền, Sĩ Nông Công Thương là bốn nhóm việc trong Quản trị tích hợp Sĩ Nông Công Thương mà mỗi cá nhân tham gia trong ngành sản xuất nông nghiệp và chế biến thực phẩm đều cần phải nắm bắt. Tứ-Tượng về các việc S-N-C-T này đã hình thành lại các lý đối đãi mới:

Công Nông - Công Thương

Quy trình sinh học - Quy trình công nghiệp

Hoạt động Công-Nông đưa khoa-học kỹ-thuật vào trong đời sống nông-nghiệp tại nông-thôn, của nông dân hàng ngày, gắn với quy-trình-sinh-học. Hoạt động Công-Thương đưa ra tiêu-chuẩn chất-lượng nông-sản và thực-phẩm, gắn với quy-trình-công-nghiệp. Trong kinh-tế tuần-hoàn, quy-trình-sinh-học và quy-trình-công-nghiệp là hai nhóm quy-trình khép-kín cho sự tuần-hoàn của vật chất xanh.

(4) Fisherman - Woodcutter - Horticulturist - Animal Breeder (abbreviated as FWHA): the quartet started society's awareness of groups of people working in fundamental and specific occupations in agriculture. These include fishermen who fishes (F), Woodcutters who gathers firewood (W), and horticulturists who plows (H). The word ‘埂’ has a whip shape below it, which is the image of a plowman holding a whip to hit a buffalo to adjust the plowing direction (H) and the Animal Breeder is a buffalo herder (A).

The FWHA quartet was mentioned by Le Quy Don in his work "Fubian Miscellanies " and appeared in four poems written by Cu Trinh Nguyen to recite in the group "Four Beasts of Poetry". In the sense of innovation, FWHA is Farming - Forestry - Fishery - Livestock raising.

The quartet "Ngu - Tieu - Canh - Doc - 漁樵埂讀" is derived from the original quartet "Fisherman - Woodcutter - Horticulturist - Animal Breeder." This classification divides citizen into four groups:

- Ngu (漁): People whose jobs are unstable, change frequently, or move according to fluctuations in the economy.
- Tieu (樵): People with stable jobs that rarely change.
- Canh (埂): People who do leadership or administration.
- Doc (讀): People who focus on following and observing social trends or events.

The strategy discussion was carried out in the "Canh - Doc - 埂讀" group and applied to the "Ngu - Tieu - 漁樵" group.

Ngu - Tieu - Canh - Mục (漁樵埂牧): bộ-tứ khởi đầu nhận-thức của xã-hội về những nhóm người làm các nghề nền-tảng và đặc-thù trong nông-nghiệp. Bao gồm Ngu là người đi câu, Tieu là người hái củi, Canh là người đi cây. Chữ 埂 (canh) có hình cái roi bên dưới là hình ảnh người cây ruộng cầm roi quất vào con trâu để điều chỉnh hướng cây và Mục là người chăn trâu.

Bộ Ngu - Tieu - Canh - Mục được Lê Quý Đôn nhắc đến trong tác phẩm “Phủ Biên Tạp Lục” và xuất hiện trong bốn bài thơ do Nguyễn Cư Trinh làm để ngâm (vịnh) trong nhóm “thư vịnh tứ thú”. Trong hàm nghĩa cách tân, Ngu - Tieu - Canh - Mục trở thành Nông - Lâm - Ngư - Súc gồm: nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và chăn nuôi gia súc.

Ngu - Tieu - Canh - Độc (漁樵埂讀): bộ-tứ phát triển nâng cao từ bộ Ngu - Tieu - Canh - Mục, trong đó chia dân chúng trong xã hội thành 4 nhóm người:

Ngu: nhóm người có công việc chưa ổn định, hay thay đổi, hay dịch chuyển theo những biến động trong nền kinh tế.

Tieu: nhóm người có công việc ổn định, hiếm khi thay đổi.

Canh: nhóm người làm quản lý.

Độc: nhóm người chuyên tâm theo dõi, quan sát hoạt động xã hội.

Việc bàn bạc chiến lược thực hiện trong nhóm “Canh - Độc” và áp dụng triển khai cho nhóm “Ngu - Tieu”.

(5) Nước Phân Cẩn Giống (Water - Fertilizer - Care - Breeds and Seeds): the quartet summarizes the proverb "first water, second fertilize, three care, four seeds" (which is equivalently abbreviated in English as WFCS) which is a Vietnamese proverb pointing out four important factors to create a bumper crop in wet rice agriculture. From traditional wet rice agriculture, WFCS experience applied in the Central Highlands breeds and seeds groups has been compiled into 8 main groups:

Nước - Phân - Cẩn - Giống: bộ-tứ ghi nhận gọn lại từ câu tục ngữ “Nhất nước, nhì phân, tam cần, tứ giống” là câu tục ngữ của người Việt chỉ ra bốn yếu tố quan trọng để làm nên một vụ mùa bội thu trong nông nghiệp lúa nước. Từ nông nghiệp lúa nước truyền thống, kinh nghiệm Nước Phân Cẩn Giống áp dụng tại nhóm các bộ giống Tây Nguyên đã được chúng tôi biên soạn vào 8 nhóm giống chính:

1. Medicinal Plants / *Dược liệu*
2. Vegetable / *Rau củ quả*
3. Fruit tree / *Cây ăn trái*
4. Rice and beans / *Lúa và các loại đậu*
5. Food Forest: bamboo shoots, ... / *Nhóm giống trong vườn rừng: măng, củ ráy,...*
6. Industrial crops: coffee tree, tea tree, cocoa tree, and so on / *Cây công nghiệp: cà phê, chè, ca cao,...*
7. Cattle and poultry / *Gia súc, gia cầm*
8. Freshwater aquaculture / *Thủy sản nước ngọt*

Regarding livestock, poultry, and aquaculture, If we replace the word "fertilizer" with "animal feed", the WFCS still keeps quickness and effectiveness in conveying information.

Với gia súc, gia cầm, thủy sản nếu thay chữ “phân” thành chữ “thức ăn chăn nuôi” thì bộ Nước Phân Cỏ Giống vẫn còn phát huy tác dụng truyền đạt thông tin nhanh chóng và hiệu quả.

(6) (15) (16) (17) (18) Basic - Standard - Custom - Professional (abbreviated as BSCP), Take the professional as the lead of fundamental, Look-first decide-then, Try it out, One must do to understand:

The quartet initiates an awareness of the procedure in Vietnamese culture.

The working procedure that ISO 9001:2015 takes as its basis is Plan-Do-Check-Act (PDCA), which in Vietnamese called Tính-Làm-Kiểm-Chỉnh with the mindset of always measuring things and events from the beginning. into the process, through the process to the process output. There is another system of things and events that are only in the thinking and attached to the culture of each labourer, but when taking action there is no way to measure it until it is completed, then the story can be packaged and returned to orbit Plan-Do-Check-Act. It is recognized by Vietnamese culture in the Viet Confucianism language family as “**so thanh truong thuc** - 初成長熟 - basic-standard-custom-professional. Vietnamese people come from a wet rice civilization and are very close to nature, so they observe the cycle of spring-summer-autumn-winter and the spatial cycle of movement of the moon and stars in the east-west-south-north direction.

The philosophy of following nature to form a perspective of looking at things with a cycle from birth to formation to prosperity to destruction to revival has left a deep mark on the labor culture in the agricultural production and food processing industry. Therefore, when talking about basic-standard-custom-professional, Vietnamese labourers all know that it is the process of operating things through the stages of formation and development and then repeating, but they have not identified the transition point between periods. Thanks to that, things and events can be defined in a temporary form, enough so that when put into practice, a measurement system can be applied and then progress to a complete definition. This mindset allows individuals and businesses to implement business strategies, working processes, and operations in a state of accepting "blind spots" and making them clearer the more they work.

Kien Nong Xanh Company Limited uses the quartet basic-standard-custom-professional to record the distribution that cannot be measured 100% (close to the concept of fuzzy logic) in

the working process. For example, when customers do not know anything about Kien Nong Xanh Co., Ltd., the Company sends them the Basic set of quality management standards of Kien Nong Xanh Co., Ltd. so that they can refer to it in advance and have any further questions. So, thanks to the Basic set, things that have not yet been measured as to what customers need can be turned into specific requirements and questions that can be included in the Plan-Do-Check-Act process to resolve. Without the Basic set, there is no starting place to enter the Plan step in Plan-Do-Check-Act. At the beginning of a working relationship, Vietnamese people often say "**xem so roi tinh** - Look-first-decide-then". This way of thinking will be clarified into a general overview of the initial maturity of the job first, then continue to Plan-Do-Check-Act it.

After "**xem so roi tinh** - look-first decide-then", Vietnamese people share "**lam thu xem sao** - get it a try", and "**phai lam moi hieu** - one must do to understand" to talk about R&D, Labo, Pilot, and Launching activities and the great conclusion is "**lay thuc lam so** - Take the professional as the lead of fundamental" starting from the beginning with past experiences. Group of 5 quartets "Basic - Standard - Custom - Professional, Take the professional as the lead of fundamental, Look-first decide-then, Try it out, One must do to understand" is used every day in Vietnamese communication, whoever does it well is said "**thanh thuc** - 成熟 - Standard-Professional", anyone who is mature is called "**truong thanh** - 長成 - Custom-Standard". When compiled into text form, those quartets will help many people understand more deeply (phase 1 of knowledge management: turning tacit knowledge into explicit knowledge) and then, these ideas return to everyday communication (phase 2 of knowledge management: turning explicit knowledge into tacit knowledge) in the agricultural production and food processing industries that will promote the process of quality improvement effectively.

Sơ Thành Trưởng Thục (初成長熟), Láy Thục Làm Sơ, Xem Sơ Rồi Tinh, Làm Thử Xem Sao, Phải Làm Mới Hiểu:

Bộ-tứ khởi đầu nhận thức về quy-trình trong văn-hóa Việt Nam

Quy trình làm việc được ISO 9001:2015 lấy làm căn bản là Plan-Do-Check-Act (PDCA) nghĩa tiếng Việt là tính-làm-kiểm-chỉnh với tư duy là luôn đo lường được sự vật, sự việc từ đầu vào quy trình, trải qua quy trình đến đầu ra quy trình. Còn một hệ sự-vật, sự-việc khác chỉ nằm trong tư-duy và gắn kèm với văn-hóa mỗi người lao-động mà khi hành-động chưa có cách đo-lường, để đến khi hoàn-thành thì mới đóng gói câu chuyện trở về lại quỹ đạo tính-làm-kiểm-chỉnh được văn-hóa Việt Nam ghi nhận trong ngữ hệ Việt Nho là sơ-thành-trưởng-thục. Người Việt xuất phát từ văn-mình lúa-nước rất gần gũi với thiên nhiên nên họ quan-sát thấy tuần-hoàn thời-gian xuân-hạ-thu-đông và tuần-hoàn không-gian chuyển động của trăng sao đông-tây-nam-bắc.

Triết lý thuận tự nhiên hình thành nhân quan nhìn sự vật sự việc với chu kỳ từ sinh ra đến thành hình đến phát triển thịnh vượng đến lụi tàn rồi đến hồi sinh đã ghi đậm dấu ấn trong văn hóa lao động trong ngành nông nghiệp và công nghiệp thực phẩm. Vì vậy khi nói sơ-thành-trưởng-thục những người lao động Việt đều biết đó là quá trình vận hành sự vật sự việc qua các giai đoạn hình thành và phát triển rồi lặp lại mà chính họ chưa phân định rõ điểm chuyển đổi giữa các thời kỳ. Nhờ vậy, sự vật sự việc có thể định nghĩa ở dạng ghi nhận tạm đủ để khi đưa vào làm việc thì mới có thể áp hệ thống đo lường rồi tiến đến định nghĩa hoàn chỉnh. Tư duy này cho phép cá nhân và doanh nghiệp thực hiện chiến lược kinh doanh, quy trình làm việc, thao tác nghiệp vụ trong trạng thái chấp nhận "điểm mù" và càng làm càng sáng rõ nó.

Công ty TNHH MTV Kiến Nông Xanh dùng bộ-tứ sơ-thành-trưởng-thực để ghi nhận sự phân bố chưa thể đo lường 100% (gần với khái niệm fuzzy-logic) trong quy trình làm việc. Chẳng hạn, khi khách hàng chưa biết gì về Công ty TNHH MTV Kiến Nông Xanh thì Công ty gửi họ Bộ Sơ – Quy chuẩn quản lý chất lượng Công ty TNHH MTV Kiến Nông Xanh để họ có thể tham khảo trước và cần gì hỏi thêm. Vậy là nhờ Bộ Sơ điều chưa đo lường được là khách-hàng-cần-gì đã có thể thành những yêu cầu và thắc mắc cụ thể để có thể đưa vào quy trình tính-làm-kiểm-chỉnh (PDCA) giải quyết. Nếu không có Bộ Sơ thì không có chỗ khởi đầu để đi vào bước Tính trong tính-làm-kiểm-chỉnh. Khởi đầu cho quan hệ công việc mà người Việt thường nói “**xem sơ rồi tính**” theo cách tư duy này sẽ được làm rõ thành xem khái quát sơ-thành-trưởng-thực của công việc trước đi rồi hãy tính-làm-kiểm-chỉnh nó.

Sau “**xem sơ rồi tính**”, người Việt chia sẻ “**làm thử xem sao**”, “**phải làm mới hiểu**” để nói về các hoạt động R&D, Labo, Pilot, Launching và kết luận rất tuyệt vời là “**lấy thực làm sơ**” lại từ đầu bằng những kinh nghiệm đã có. Nhóm 5 bộ-tứ Sơ Thành Trưởng Thực, Lấy Thực Làm Sơ, Xem Sơ Rồi Tính, Làm Thử Xem Sao, Phải Làm Mới Hiểu được dùng hàng ngày trong lời nói giao tiếp của người Việt, ai làm giỏi thì gọi là làm Thành Thực, ai chín chắn rồi thì gọi là Trưởng Thành. Khi được biên soạn lại dạng văn bản, các bộ-tứ đó sẽ giúp nhiều người hiểu sâu sắc hơn (giai đoạn 1 của quản trị tri thức: biến kiến thức ẩn thành kiến thức hiện) và sau đó, các ý này quay về với lời nói giao tiếp hàng ngày (giai đoạn 2 của quản trị tri thức: biến kiến thức hiện thành kiến thức ẩn) trong ngành nông nghiệp và công nghiệp thực phẩm sẽ thúc đẩy quá trình cải tiến chất lượng một cách hiệu quả.

(7) Uni-nature-multi-use: the key quartet that Mr. Hong Trien Luu used to teach VKN about the I Ching. Uni-nature-multi-use is explained in Chapter 1 - Linguistic Foundations - Studied Textbook of Change - Nomination item. Main idea: an object has many applications depending on the user, the time of use, and each situation of use. This quartet helps students of “Studied Textbook of Change” to understand and describe the principle of change. Nature and Use are the fundamental principle of binary opposition that will be used throughout all the concepts of the Four-Word.

Nhất Thể Bách Dụng: Là bộ-tứ trọng yếu mà thầy Lưu Hồng Triễn dùng để dạy VKN về dịch học. **Nhất Thể Bách Dụng** được giảng giải trong Chương 1 - **Nền tảng ngôn ngữ - Giáo-trình Dịch-học** - bài đặt tên. Ý chính: một thể thì có rất nhiều ứng dụng tùy vào từng người sử dụng, từng thời điểm sử dụng, từng tính huống sử dụng. Bộ-tứ này giúp cho người học **Giáo-trình Dịch-học** hiểu, mô tả được cái lẽ biến hóa của Dịch. Thể (nature) và Dụng (use) là lý đối đãi căn bản sẽ được sử dụng xuyên suốt trong toàn bộ các khái niệm Tứ-Tự.

(8) Four Generations Under One Roof:

Tứ đại đồng đường:

(**四大同堂 / 四世同堂** - Sì Shì Tóng Táng)

- Four generations live in harmony in a selective multi-purpose residence, still, having enough roles to form the group of gentleman-mentor-assistant-messenger, preserving the classic culture of the whole big family to reach wealth, honor, longevity, health, and tranquility.

- How to preserve and transmit the experiences of the previous generation to the next generation in a clan. They live together in a spacious, comfortable space, a complete environment in which grandparents and parents is the one who directly educate to their children and grandchildren. Centuries of information are thus preserved and summarized into profound experiences, passed down through whole clan.

Bốn thế hệ cùng chung sống hòa thuận trong một khu nhà đa năng độc đáo, vẫn đủ vai trò để hình thành nhóm chủ sự - cổ vấn - trợ lý - phát ngôn, gìn giữ nét văn hóa cổ điển của cả đại gia đình để đạt đến Phú 富, Quý 貴, Thọ 壽, Khang 康 và Ninh 寧

Cách để gìn giữ và truyền đạt kinh nghiệm của thế hệ trước cho thế hệ sau trong một dòng họ. Họ sống cùng nhau trong một không gian rộng rãi, thoải mái, một môi trường đầy đủ để ông bà, cha mẹ trực tiếp truyền đạt cho con cháu. Thông tin của hàng thế kỷ nhờ đó được giữ gìn và đúc kết thành những kinh nghiệm sâu sắc, lưu truyền trong cả dòng họ.

(9) Viet Confucianism - Medicine - Principle of change - Divination (VMPD): The four classic academic subjects of Li Studies.

- Viet Confucianism: Four Books and Five Classics and the ceremonial subjects to understand the basics as well as study to take the exam to be an official.

- Medicine: Learn about Medicinal Plants as a life-saving medicine.

- Principle of change: I Ching, and updated knowledge of the time about I Ching.

- Divination: Fortune telling, Horoscopes, Four Pillars to have orientation in life.

FWTF recorded the quartet: Viet Confucianism - Medicine - Principle - Divination to help readers remember and preserve the roots of Viet Confucianism Intellect in Vietnamese Li Studies. The next generation needs to inherit, absorb - modify, and refine - programs to update into today's digital economy.

Nho Y Lý Số: bốn bộ môn học văn kinh điển của Lý-học.

Nho: Tứ thư, Ngũ kinh, những môn Lễ giáo để hiểu căn bản, học để thi ra làm Quan.

Y: Học về cây cỏ làm thuốc chữa bệnh cứu người.

Lý: Kinh Dịch, và kiến thức cập nhật của thời đại về Kinh Dịch.

Số: Các môn bói toán Tứ vi, Tứ trụ định hướng đi trong cuộc đời.

Tứ-Tư Tri Diên ghi nhận lại bộ-tứ Nho Y Lý Số để giúp người đọc ghi nhớ, giữ gìn gốc học văn từ Việt Nho trong nền Lý-học Việt Nam. Thế hệ sau cần kế thừa, tiếp thu - cải biến, tinh chỉnh - lập trình để cập nhật vào nền kinh tế số hiện nay.

(10) Principle-Operation-Harmony: It is the quartet that Mr. Hong Trien Luu used to teach Việt Kiến Nông about I Ching. The Principle is the key thing in all Operations. These Operations are the outward manifestations of Principle. It needs to have the harmony of the Principle and Operation to complete awareness. There are leading thoughts, there are experimental actions so the awareness is complete. In the I Ching, Yin - Yang and the Four Symbols belong to the Principle section, while the Eight Trigrams and the 64 Hexagrams belong to the Operation section.

Lý - Sự - Viên - Dung: bộ-tứ mà thầy Lưu Hồng Triễn dùng để dạy Việt Kiến Nông về dịch học. Lý là cái chính giữa mọi Sự. Sự là những biểu hiện bên ngoài của Lý. Có Lý và có Sự thì mới hoàn chỉnh nhận thức. Có suy nghĩ dẫn dắt, có hành động thực nghiệm thì nhận thức mới tròn đầy. Trong Kinh Dịch, Âm Dương và Tứ Tượng thuộc phần Lý, Bát Quái và Trùng Quái thuộc phần Sự.

(11) Think-Do-Integration: is the doctrine of Wang Yangming (1472-1528), a Ming dynasty politician, philosopher, and thinker in Chinese history. The main content is that thoughts and actions must be integrated. The doctrine of Think-and-Do-Integration was transmitted to Japan, creating the Yang Ming sectarianism (陽明學), which trained many Japanese innovative scholars, contributing to building the successful Japanese reform movement. The word innovation (革新) in the innovation quartet (革新四字) must be understood with the thought of Think-and-Do Integration.

Tri Hành Hợp Nhất: Là học thuyết của thầy Vương Dương Minh (1472-1528), một nhà chính trị, nhà triết học, nhà tư tưởng xuất sắc thời nhà Minh trong lịch sử Trung Quốc. Nội dung chính của thuyết này là suy nghĩ và hành động phải đi đôi với nhau. Học thuyết Tri Hành Hợp Nhất được truyền qua Nhật Bản, tạo ra phái Dương Minh Học (陽明學), là phái đào tạo ra nhiều tri thức tân học của Nhật Bản, góp phần xây dựng nên phong trào duy tân Nhật Bản thành công. Chữ cách tân (革新 - innovation) trong bộ- tứ cách tân (革新四字 - innovative quartet) phải hiểu kèm với tư tưởng Tri Hành Hợp Nhất.

(12) Ideology - Community development - Fellow men - Realisation (ICFR): the first quartet consisting of four hexagrams out of the sixty-four hexagrams that Mr. Hong Trien Luu taught Viet Kien Nong first. After three years of practicing "Ideology - Community development - Fellow men - Realisation", Viet Kien Nong recorded and discussed with Mr. Hong Trien Luu about the use of this quartet in the low-population-density area that Viet Kien Nong had learned after "living in the countryside and doing some agriculture-related things". Viet Kien Nong compiled the bilingual English-Vietnamese book Four-Word Thinking of Field - Tứ-Tự Tri Điền, at that time Viet Kien Nong deeply understood and thought out of the box and then took it translated into English as Ideology - Community development - Fellow men - Realisation.

+ Ideology (比): The business idea has been concretized in computer software so that people can rely on it to install and participate in digital economic development in low-population-density areas.

+ Community development (師): Gathering cooperative groups, cooperatives, private enterprises, limited companies, and joint stock companies to do business.

+ Fellow men (同人): People who get the same business idea, use the same platform, and participate in an economic organization.

+ Realisation (大有): work effectively and create repeatable and scalable business models in today's deeply globalized economy.

Tỷ - Sư - Đồng nhân - Đại hữu: bộ-tứ gồm bốn trong sáu mươi bốn trigram quái mà thầy Lưu Hồng Triễn đã dạy Việt Kiến Nông đầu tiên. Sau ba năm thực hành Tỷ - Sư - Đồng nhân - Đại hữu, Việt Kiến Nông đã ghi nhận và hội thoại với thầy Lưu Hồng Triễn về cái dụng của bộ-tứ này tại khu vực có mật độ dân cư thấp mà Việt Kiến Nông đã đúc kết sau quãng thời gian "sống tại nông thôn và làm một số việc liên quan đến nông nghiệp". Khi biên soạn song ngữ Anh - Việt sách Four-Word Thinking of Field - Tứ-Tự Tri Điền, Việt Kiến Nông đã hiểu thoát ý từ các diễn dịch trước đó và dịch ra Anh ngữ thành: Tư tưởng - Phát triển cộng đồng - Những người cùng chung chí hướng - Hiện thực hóa.

Tư tưởng - Ideology: ý tưởng kinh doanh đã được cụ thể hóa trong phần mềm vi tính để mọi người có thể dựa vào đó để cài đặt và tham gia phát triển kinh tế số tại khu vực có mật độ dân cư thấp.

Phát triển cộng đồng - Community development: sự tập hợp lập tổ hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp tư nhân, công ty Trách nhiệm hữu hạn, công ty Cổ phần để cùng nhau làm kinh tế với Tư tưởng /Ideology bên trên.

Những người cùng chung chí hướng - Fellow men: những người cùng ý tưởng kinh doanh, sử dụng cùng phần mềm nền tảng, tham gia vào một tổ chức kinh tế.

Hiện thực hóa - Realisation: làm hiệu quả và tạo ra được các mô hình kinh doanh có tính lặp lại và nhân rộng “repeatable & scalable” trong bối cảnh nền kinh tế đã toàn cầu hóa sâu rộng như hiện nay.

(13) Gentleman - Mentor - Assistant - Messenger (GMAM): four roles in an economic organization to be able to perform all tasks that lead to success for the organization.

+ Gentleman: the person in charge of the company is the Chairman/Director. In a working group, he is the Team Leader. In the project, he is the Project Director.

+ Mentor: the person who compiles strategies, plans, and job descriptions, criticizes the organization and conducts consulting and training for the Gentleman, Assistant, and Messenger.

+ Assistant: the person who works directly to help Gentleman complete the job.

+ Messenger: The person who represents the organization, and transmits the ideas of Gentleman, Mentor, and Assistant to other people and other organizations. In the company, he is the marketing person. In the government, it is someone who works as a diplomat. In the project, it is the person who connects and coordinates - the coordinator.

The innovative meaning of Gentleman - Mentor - Assistant - Messenger is a complete organizational structure, suitable for a business purpose, and can be changed according to each specific goal.

Quân - Thần - Tá - Sứ: bốn vai trò trong một tổ chức kinh tế để có thể thực hiện toàn bộ các đầu việc dẫn đến thành công cho tổ chức.

Quân: người chủ sự, trong công ty đó là Chủ tịch hội đồng quản trị, Giám đốc. Trong đội nhóm làm việc đó là Đội trưởng và trong dự án thì đó là Giám đốc dự án.

Thần: người biên soạn chiến lược, kế hoạch, mô tả công việc, phân biện trong tổ chức và thực hiện tư vấn, huấn luyện cho Quân, Tá, Sứ.

Tá: người làm việc trực tiếp giúp cho Quân hoàn thành công việc.

Sứ: người đại diện cho tổ chức, phát ý của Quân, Thần, Tá cho người khác, tổ chức khác. Trong công ty, đó là người làm Tiếp thị, trong nhà nước đó là người làm Ngoại giao. Trong dự án đó là người kết nối và điều phối (co-ordinator).

Nghĩa cách tân của Quân Thần Tá Sứ là một hệ thống tổ chức hoàn chỉnh, phù hợp với một mục đích kinh doanh đề ra, có thể thay đổi quyền biến theo từng mục tiêu cụ thể.

(14) Static binary opposition: “Studied Textbook of Change” calls the principles of Yin and Yang or the principle of binary opposition (對待理). Words expressing a principle of binary

opposition "hot-cold", or "long-short" are called categories. The two categories are static binary opposite until the principle of operation arises (four images), formation (eight trigrams), and operational machine (64 hexagrams).

Tĩnh-Tại Đối-Đãi: Giáo-trình Dịch-học luận lý-âm-dương là lý-đối-đãi. Từ ngữ thể hiện một lý đối đãi "nóng - lạnh", "dài - ngắn" gọi là một phạm-trù. Hai phạm trù tĩnh-tại-đối-đãi với nhau đến khi nó phát sinh lý vận hành (tứ tượng), sự hình thành (bát quái) và cơ cấu vận hành (trùng quái).

Applying the Viet Confucianism Quartets in agricultural settings

Ứng-dụng các Bộ-tứ Việt Nho trong bối-cảnh nông-nghiệp

In agriculture, the Viet Confucianism Quartets offer guidance for sustainable and ethical practices, supporting balanced growth that benefits the community and environment. Some practical applications include:

Trong nông-nghiệp, Bộ-tứ Việt Nho đưa ra hướng dẫn cho các hoạt-động bền-vững và có đạo-đức, hỗ-trợ tăng-trưởng cân-bằng có lợi cho cộng-đồng và môi-trường. Một số ứng-dụng thực-tế bao gồm:

[1] Learning and Reflection (Learning - Understanding - Applying - Reflecting) (*Training hexagram - 鼎*): Encourages farmers to adopt a lifelong learning approach, continuously improving and adapting their practices based on experience and feedback.

Học-tập và suy-ngẫm (Học tập - Hiểu biết - Áp dụng - Suy ngẫm) (quẻ Đỉnh - 鼎): Khuyến-khích nông-dân áp-dụng phương-pháp học tập suốt đời, liên tục cải-thiện và điều-chỉnh các hoạt-động của mình dựa trên kinh-nghiệm và phản-hồi.

[2] Building Trust (Honesty - Integrity - Loyalty - Respect) (*Inner trust hexagram - 中孚*): Strengthens relationships with customers, suppliers, and community members by fostering a culture of honesty and mutual respect.

Xây-dựng lòng-tin (Trung thực - Chính trực - Trung thành - Tôn trọng) (quẻ Trung Phu - 中孚): Tăng cường mối quan-hệ với khách-hàng, nhà cung cấp và thành-viên cộng-đồng bằng cách nuôi-dưỡng văn-hóa trung-thực và tôn-trọng lẫn nhau.

[3] Strategic Decision-Making (Listen - Analyze - Decide - Act) (*Decision making process hexagram - 豫*): Provides a structured process for making informed decisions in complex or uncertain situations, which is essential for sustainable agricultural management.

The application of these quartets allows agricultural entrepreneurs to integrate ethical values into everyday practices, contributing to the overall resilience and prosperity of the agricultural sector.

Ra quyết-định chiến lược (Lắng nghe - Phân tích - Quyết định - Hành động) (quẻ Dự - 豫): Cung-cấp một quy trình có cấu-trúc để đưa ra quyết-định sáng suốt trong những tình-huống phức-tạp hoặc không chắc chắn, điều này rất cần-thiết cho việc quản-lý nông-nghiệp bền-vững.

Việc áp dụng bộ-tứ này cho phép các doanh-nông tích-hợp các giá-trị đạo-đức vào hoạt-động hàng ngày, góp phần vào khả-năng phục-hồi và thịnh-vượng chung của ngành nông-nghiệp.

Summary of chapter 4

Tóm-tắt chương 4

The 18 Viet Confucianism Quartets reflect essential Vietnamese values, offering a framework for ethical decision-making and sustainable practices. Each quartet captures core virtues that promote community well-being, personal growth, and balanced development.

By applying these quartets in agriculture, practitioners can uphold traditional ethics while adapting to modern industry demands. The quartets guide Vietnamese agricultural entrepreneurs in maintaining integrity, responsibility, and innovation in their work, fostering an agricultural landscape that is both culturally rooted and future-ready.

18 Bộ-tứ Việt Nho phản-ánh các giá-trị cốt-lõi của Việt Nam, cung-cấp khuôn-khó cho việc ra quyết định có đạo-đức và các hoạt-động bền-vững. Mỗi bộ-tứ đều nắm-bắt các đức-tính cốt-lõi thúc-đẩy phúc lợi cộng-đồng, sự phát-triển cá-nhân và sự phát-triển cân-bằng.

Bằng cách áp-dụng các bộ-tứ này vào nông-nghiệp, những người thực-hành có thể duy-trì đạo-đức truyền-thống trong khi thích-ứng với nhu-cầu của ngành công-nghiệp hiện-đại. Các bộ-tứ hướng-dẫn các doanh-nông Việt Nam duy-trì tính chính-trực, trách-nhiệm và đổi-mới trong công-việc của họ, thúc-đẩy một cảnh-quan nông-nghiệp vừa có gốc-rễ văn-hóa vừa sẵn-sàng cho tương-lai.

Chapter 5
Chương 5

18 INNOVATIVE QUARTETS (革新四字)

18 BỘ-TỬ CÁCH TÂN

The innovative quartets are sets of four innovative words selected, collected, and compiled by us to express new meanings about operations in the agricultural and food industry, which are not mentioned in the I Ching and have not been commonly used in traditional society in countries that used square writing during the feudal period. In the innovative quartets, there are no two principles of binary opposition that interact with each other like in the Four Images. The word “Innovative - 革新” comes from “Change method” Hexagrams, which means change for the better (Change method ䷰ 澤火革).

The classic Viet Confucianism quartets are our ancestors' solution for thousands of years of existence and development in Vietnam.

Scholar - Farmer - Artisan - Merchant: how to assign roles and responsibilities in a traditional agricultural society.

Four Generations Under One Roof: how to preserve and transmit the experiences of the previous generation to the next generation in a family line. They live together in a spacious, comfortable space, a complete environment for grandparents and parents to directly impart to their children and grandchildren.

Ideology - Community development - Fellow men - Realisation: how to build the organization, arrange work, and treat personnel to execute the vision and mission.

These solutions have created solid work, building the foundation of wet rice civilization to this day. When the wave of globalization covers countries around the world, especially countries with a high proportion of agricultural structures, countries must innovate thinking and improve models in the agriculture and food industry for good integration and export of goods. To understand the word 新 in 革新, which means new in innovation, we need to understand the original meaning of civilization and the concept of Civilization (文明) formed in the Japanese reform movement (維新). The person who wrote the earliest work writing about civilization in this movement was Fukuzawa Gukichi with the work 文明論概略 - Summary of Civilization. The concept of Civilization (文明) was initiated in Japan and then widely popularized in Vietnam through the Dong Du movement initiated by Mr. Phan Boi Chau. From the new logic and knowledge acquired from Western studies, Japanese scholars following the Japanese reform movement translated many new terms into Kanji which are also used in modern Chinese today:

Bộ-tử Cách-tân là các bộ bốn chữ cách-tân do chúng tôi lựa-chọn, sưu-tầm và biên-tập để diễn-tả thêm những nghĩa mới về vận-hành trong ngành nông-nghiệp và công-nghiệp thực-phẩm, điều mà không

được nhắc đến trong Kinh Dịch và chưa được sử-dụng phổ-biến trong xã-hội truyền-thống tại các quốc-gia sử dụng chữ viết là chữ vuông trong thời-kỳ phong-kiến. Bên trong Bộ-tứ Cách-tân không có hai lý đối-đãi tương-tác nhau như trong Tứ Tượng. Chữ “Cách” trong cách tân được lấy từ quẻ Cách nghĩa là thay đổi để tốt hơn (Trạch Hỏa Cách ䷰ 澤火革).

Những bộ-tứ Việt Nho kinh-diễn là giải-pháp của cha ông trong hàng nghìn năm tồn-tại và phát-triển tại Việt Nam.

Sĩ Nông Công Thương: cách phân vai, phân nhiệm trong xã-hội nông-nghiệp truyền-thống.

Tứ Đại Đồng Đường: cách lưu-giữ và truyền-dạy kinh-nghiệm của thế-hệ những người đi trước cho thế hệ những người đi sau trong một dòng họ. Họ cùng sống chung trong một không gian rộng rãi, tiện nghi, môi trường hoàn chỉnh để ông-bà-cha-mẹ truyền-thụ trực tiếp cho con và cháu.

Tỷ - Sư - Đồng nhân - Đại hữu: cách xây dựng tổ chức, sắp xếp công việc và đối xử với nhân sự để hiện thực được tầm nhìn, sứ mệnh.

Những giải pháp này đã tạo được sự nghiệp vững chắc, xây dựng nên nền tảng văn minh lúa nước đến tận ngày nay. Khi làn sóng toàn cầu hóa (globalization) phủ lên các quốc gia trên thế giới, đặc biệt là các quốc gia có tỉ trọng kinh tế nông nghiệp cao, quốc gia đó phải cách tân tư duy, cải tiến mô hình trong ngành nông nghiệp và công nghiệp thực phẩm để hội nhập tốt và xuất khẩu được hàng hóa. Để hiểu chữ Tân (新) trong Cách Tân (革新) nghĩa là mới trong đổi mới cần hiểu ý nghĩa gốc của văn minh và khái niệm Văn Minh (文明) được hình thành trong phong trào duy tân (維新) Nhật Bản. Người đã có tác phẩm sớm nhất viết rõ về văn minh trong phong trào này là Fukuzawa Gukichi với tác phẩm 文明論概略 - Văn minh luận khái lược. Khái niệm Văn Minh (文明) được khởi xướng từ Nhật Bản sau đó phổ biến/truyền bá rộng rãi vào Việt Nam qua phong trào Đông Du do Phan Bội Châu khởi xướng. Từ những luận lý và tri thức mới thu nạp từ Tây học, các trí thức Nhật Bản theo phong trào duy tân Nhật Bản đã dịch ra nhiều thuật ngữ mới trong chữ Kanji và cũng được dùng trong Hán ngữ hiện đại ngày nay:

Philosophy - 哲学 - triết học

Illustration - 说明 - thuyết minh

Method - 方法 - phương pháp

Economics - 经济学 - kinh tế học

Unification - 一元化 - nhất nguyên hóa

Academia - 学术界 - giới học thuật

View - 观点 - quan điểm

Frequency - 频率 - tần suất

The innovative quartets compiled by us are part of a set of similar innovation concepts. Viet Confucianism in the form of the Vietnamese alphabet brings new meanings appropriate to the context of the innovation quartet:

Các bộ-tứ cách tân được chúng tôi biên soạn nằm trong bộ các khái niệm đổi mới tương tự. Việt Nho ở dạng Quốc Ngữ ABC mang thêm nghĩa mới phù hợp với bối cảnh nằm trong bộ-tứ cách tân:

List - Kê - 計.

Description - Biên - 編.

Supplier - Cung - 供.

Specification - Chính - 正.

List - Description - Supplier - Specification: Kê Biên Cung Chính - 計編供正.

Research and development - Nghiên cứu và phát triển - Nghiên 攷.

Branding - Định vị thương hiệu - Định 定.

Customer experience - Thỏa mãn khách hàng - Thỏa 妥.

Sale channel - Ứng dụng vào kênh bán hàng - Dụng 用.

Research and development - Branding - Customer experience - Sale channel: Nghiên - Định - Thỏa - Dụng 攷定妥用.

Introduction to the 18 Innovative Quartets

Giới-thiệu về 18 Bộ-tứ Cách-tân

The 18 Innovative Quartets are modern adaptations of the traditional Confucianism quartet framework, designed to address the evolving needs of today's agricultural and business environments. These quartets blend traditional Vietnamese values with innovative approaches, enabling agricultural entrepreneurs to adapt to global trends and technological advancements.

Each quartet provides a structured approach to tackling contemporary challenges, from technological integration to environmental sustainability. The innovative quartets offer practical solutions and strategies for navigating modern-day complexities in agriculture, while staying true to foundational values.

The 18 innovative quartets are 18 operating principles that supplement the set of operating principles contained in the I Ching in application to innovation in the agricultural and food industry. The before-after order of the lists below shows how we learned those operating principles from Vietnamese - English - Chinese sources:

18 Bộ-tứ Cách-tân là những cải-biên hiện-đại theo khuôn-khố bộ-tứ Nho-giáo truyền thống, được thiết-kế để giải-quyết nhu-cầu đang thay-đổi của môi-trường kinh-doanh và nông-nghiệp ngày nay. Những bộ-tứ này kết-hợp các giá trị truyền thống của Việt Nam với các phương-pháp tiếp-cận đổi-mới, giúp các AECH thích ứng với xu-hướng toàn-cầu và tiến-bộ công-nghệ.

Mỗi bộ-tứ cung-cấp một cách tiếp-cận có cấu-trúc để giải-quyết các thách-thức đương-đại, từ tích hợp công-nghệ đến tính bền-vững của môi-trường. Các Bộ-tứ Cách-tân này cung-cấp các giải-pháp và chiến-lược thực-tế để điều hướng sự phức-tạp hiện-đại trong nông-nghiệp, đồng thời vẫn trung-thành với các giá-trị nền-tảng.

18 Bộ-từ Cách-tân là 18 lý vận hành bổ-sung cho bộ các lý vận hành đã có trong Kinh Dịch trong việc áp-dụng vào việc cách-tân ngành nông-nghiệp và công-nghiệp thực-phẩm. Thứ tự trước - sau của các liệt-kê bên dưới thể-hiện chúng tôi đã học các lý vận hành đó từ nguồn Việt - Anh - Hoa như thế nào:

1. List - Description - Supplier - Specification

Kê Biên Cung Chính

計編供正

2. Sự Vật Tĩnh Động

Operation - Object - Static - Active

事材靖働

3. R&D - Branding - Customer experience - Sale channel

Nghiên Định Thỏa Dụng

掣定妥用

4. Khối Diện Tuyến Điểm

Sphere - Surface - Line - Point

塊線面點

5. Doanh-nông Tây Nguyên

Agricultural entrepreneur in the Central Highlands

西原營農

6. Intake - Compression - Combustion - Exhaust

Nạp Nén Nổ Xả

納-壓縮-燃燒-捨

7. Piston-Cylinder-Spark plug-Soupape

Pít-tông, Xi-lanh, Bu-gi, Xú-páp

活塞 - 圓柱 - 火星塞 - 湯鍋

8. Hạ Nhân Thực Động

下人食動

Infrastructure - People - Plant - Animal

9. Owner - Employee - Customer - Community

Lãnh Nhân Khách Hội

領人客會

10. Urgency - Coalition - Creation - Communication

Cáp Kết Kiến Truyền

急結建傳

11. Du Đào Viện Lãm

Tourism - Training - Library - Exhibition

遊陶院覽

12. Lực Thuật Công Đạo

力術功導

Strength - Technique - Mastery - Tao

13. Điển Hỏa Khí Như

典火氣如

Fundamentals - Fundamental Fire - Fundamental Air - Tathatā

14. Trí Quản Dịch Liên

Specific knowledge management - Specific management experience - Competitive products & services - Coalition

智管易聯

15. Foundation - Funding - Human resource - Management

Căn Tài Nhân Quản

根財人管

16. Balance sheet - Income Statement - Cash flow statement - Notes to the financial statements

Cân Kết Lưu Thuyết

平結流說

17. Tài Sức Trí Tác

Operating profit - Financial health - Strategic leadership - Environmental effect

財力智作

18. Dịch Chăm Dung Viễn

Products and services - Care - Customer portrait - E-business

易-關心-真容-遠

Notes:

Chú thích:

(1) List - Description - Supplier - Specification (LDSS) learned by Viet Kien Nong from Mr. Sammy, project director of Eastern International General Hospital from 2010-2014. After applying this quartet to argitecture in many provinces and cities across the country, most concentrated in the Central Highlands, by 2019, Viet Kien Nong was translated into Kê Biên Cung Chính (計編供正).

List - Description - Supplier - Specification: Bộ-tứ Việt Kiến Nông học từ Mr. Sam, giám đốc dự án Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Miền Đông từ năm 2010-2014. Sau khi ứng dụng bộ-tứ này vào việc phát triển nông nghiệp tại nhiều tỉnh thành trên cả nước, tập trung nhiều nhất tại Tây Nguyên đến 2019 thì Việt Kiến Nông chuyển ngữ thành Kê Biên Cung Chính (計編供正).

(2) Operation - Object - Static - Active (OOSA): after writing the basic version “Four-Word Thinking of Field” - with 35 quartets and sending it to Mr. Truong Chien Ly for his comments in 2023, Viet Kien Nong continuous learned from Mr. Truong Chien Ly the quartet “Operation - Object - Static - Active” written about the application of Four-Word in business operations, becoming a set of 36 and packaged in standard version “Four-Word Thinking of Field”.

+ Operation: The center of operations is the man. Operations create work.

+ Object: The center of objects is called goods/services. Works, around goods/services, create price/cost.

+ Static: Operations and Objects in planning state (Four-Word Thinking of Field helps people build their plan). Those are information, technologies for measuring (The fifth M of 5M1E framework) all of Operations and Objects.

+ Active: Operations and Objects are operating (organism) including do, check, and act. (time/timing/transform/in-out/exchange)

Sự Vật Tĩnh Động: Sau khi đã viết xong bản Sơ - Tứ-Tự Tri Điền (với 35 bộ-tứ và gửi ông Lý Trường Chiến đọc vào năm 2023), Việt Kiến Nông học được từ ông Lý Trường Chiến bộ-tứ Sự Vật Tĩnh Động viết về ứng dụng Tứ-Tự trong vận-hành doanh-nghiệp, trở thành bộ 36 và được đóng gói trong bản Thành - Tứ-Tự Tri Điền.

Sự (Sự vận hành): Lấy con người (man) làm trung tâm và các sự phát ra gọi là việc (working).

Vật: Lấy hàng hóa (goods) làm trung tâm và các nội dung xung quanh hàng hóa tạo thành Giá (Price).

Tĩnh: Các Sự và Vật ở trạng thái kế hoạch (Tứ-Tự Tri Điền giúp mọi người lập kế hoạch) bao gồm/trong đó thông tin và công nghệ để đo lường (M5-measure trong 5M1E) toàn bộ Sự và Vật.

Động: các Sự và Vật đang trong sự vận hành (organism) gồm làm (do), kiểm (check), chỉnh (act) cùng với đó là Thời gian - Xuất - Nhập. (Timeline - Output - Input)

(3) R&D - Branding - Customer experience - Sale channel (RBCS): is a quartet compiled by VKN to describe key issues in agricultural and food industry marketing in 2019.

Nghiên cứu và phát triển - Nhận dạng thương hiệu - Trải nghiệm khách hàng - Ứng dụng vào kênh bán hàng (Nghiên Định Thỏa Dưng) là bộ-tứ được VKN biên soạn để mô tả những việc chính trong tiếp thị ngành nông nghiệp và công nghiệp thực phẩm vào năm 2019.

(4) “Sphere - Surface - Line - Point” (SSLP): a quartet compiled by us to describe how to quickly communicate key issues in the agricultural and food industry in 2019.

Khối - Diện - Tuyến - Điểm: bộ-tứ được chúng tôi biên soạn để mô tả cách truyền thông những việc chính trong ngành nông nghiệp và công nghiệp thực phẩm một cách nhanh chóng vào năm 2019.

(5) Agricultural entrepreneur in the Central Highlands (AECH): Is the person who manages the daily agricultural production and/or agricultural processing activities, pays workers, and produces agricultural products and/or food in the Central Highlands of Vietnam today. This concept in “Principle of Change in Architecture-Agriculture” is equivalent to the concept of “gentleman - 君” in the I Ching.

Doanh-nông Tây Nguyên (西原營農 - AECH): Là người hàng ngày quản lý hoạt động sản xuất nông nghiệp và/hoặc chế biến nông sản, trả lương cho công nhân, sản xuất ra nông sản và/hoặc thực phẩm tại Tây Nguyên hiện nay. Khái niệm này trong Dịch Lý Kiến Nông tương đương với khái niệm “quân tử - 君子” trong Kinh Dịch.

(6) Intake - Compression - Combustion - Exhaust (ICCE): a four-stroke operation in a four-stroke internal combustion engine. Farmers in mountainous areas always have at least one motorbike to be able to go to the fields in steep hill conditions. We chose the “Intake - Compression - Combustion - Exhaust” set so that farmers in the Central Highlands can quickly understand the Four Images of Operation through the Intake, Compression, Explosion, and Exhaust operating phases of the motorcycle engines that they use every day. These four cycles are performed sequentially and continuously throughout the vehicle's operation to ensure that farming and food processing also comply with the four-step process of Basic - Standard - Custom - Professional and Plan - Do - Check - Act.

Nạp - Nén - Nổ - Xả: bốn kỳ vận hành trong động cơ đốt trong bốn thì. Người làm nông ở miền núi luôn có ít nhất là một chiếc xe gắn máy để có thể đi rầy trong điều kiện đồi dốc. Chúng tôi chọn bộ Intake - Compression - Combustion - Exhaust để nông dân Tây Nguyên có thể hiểu nhanh về Tứ Tượng Vận Hành thông qua các pha vận hành Nạp Nén Nổ Xả của động cơ xe gắn máy mà họ sử dụng hàng ngày. Bốn chu kỳ này thực hiện lần lượt và liên tục trong suốt quá trình xe chạy để cụ thể hóa cho việc làm nông và chế biến thực phẩm cũng tuân thủ quy trình bốn bước Sơ Thành Trưởng Thực và Tính Làm Kiểm Chỉnh.

(7) Piston - Cylinder - Spark plug - Soupape (PCSS): the materials that make up the engine system. There must be a complete set of four objects: Piston, Cylinder, Spark Plug, and Soupape, then operating in “Intake - Compression - Combustion - Exhaust” cycles can take place. Gasoline used as fuel for engines is an illustration of consumable inputs (such as fertilizer, and rice flour) of the agricultural and food production process.

Piston - Cylinder - Spark plug - Soupape: những vật chất cấu tạo nên hệ thống động cơ. Phải có đủ bộ bốn vật: Pít-tông, Xi-lanh, Bu-gi, Xú-páp thì các sự là chu kỳ Nạp Nén Nổ Xả mới có thể diễn ra được. Xăng để làm nguyên liệu đốt của động cơ là hình tượng minh họa cho vật tư tiêu hao đầu vào (như phân bón, như nguyên liệu bột gạo) của quá trình sản xuất nông nghiệp và thực phẩm.

(8) Infrastructure - People - Plant - Animal (IPPA): the quartet that describes the components of the environment in which agricultural activities take place. It affirms that plants and animals are two indispensable components in a sustainable agricultural production environment.

Hạ tầng - Con người - Thực vật - Động vật (Hạ - Nhân - Thực - Động - 下人食動): bộ-tứ mô tả các thành phần trong môi trường mà hoạt động nông nghiệp diễn ra. Trong đó khẳng định, thực vật và động vật là hai thành phần không thể thiếu trong môi trường sản xuất nông nghiệp bền vững.

(9) Owner - Employee - Customer - Community (OECC): a set of four pillars in the Business House model author Mr. Truong Chien Ly. Chúng tôi has applied this set since 2015 and in 2019 compiled it into the quartet “Owner - Employee - Customer - Community”.

Lãnh đạo - Nhân sự - Khách hàng - Cộng đồng: bộ bốn trụ cột trong mô hình Ngôi nhà doanh nghiệp Lý Trường Chiến. Chúng tôi áp dụng bộ này từ năm 2015 và đến 2019 thì biên soạn thành bộ-tứ Lãnh Nhân Khách Hội.

(10) Urgency - Coalition - Creation - Communication (UCCC): the first four steps in the set of 8 transformation steps in Kotter's 8-step Change Model.

Cấp bách - Liên kết - Kiến tạo tầm nhìn - Truyền thông tầm nhìn (Cấp - Kết - Kiến - Truyền - 急結建傳): bốn bước đầu trong bộ 8 bước chuyển đổi trong mô hình chuyển đổi Kotter's 8 step Change Model.

(11) Tourism - Training - Library - Exhibition (TTLE): a set of four things about Tourism, Training, Library, and Exhibition that a person imbued with the Think-Do-Intergration and Principle of Change in Architecture-Agriculture must go through to reach a complete understanding.

Du - Đào - Viện - Lãm: bộ bốn sự về Du lịch, Đào tạo, Thư viện, Thường lãm mà một người thám nhuần Tri Hành Hợp Nhất và Dịch Lý Kiến Nông phải trải qua để đạt đến sự hiểu biết hoàn chỉnh.

(12) Strength - Technique - Mastery - Tao (STMT): the quartet formed from the four groups: “martial arts strength - martial arts technique - martial arts mastery - martial arts Tao” that Mr. Khac Kim Tran taught Viet Kien Nong in 2015. These four groups briefly describe four development phases as follows:

Lực - Thuật - Công - Đạo: bộ-tứ hình thành từ bốn nhóm võ lực - võ thuật - võ công - võ đạo mà ông Trần Khắc Kim đã dạy Việt Kiến Nông năm 2015. Bốn nhóm này mô tả ngắn gọn cho bốn giai đoạn phát triển của nông dân như sau:

Strength (Referred to Martial Art): The phase when farmer practice farming daily such as watering, fertilizing, taking care of crops and livestock. During this period, communication between farmers was mostly oral. Common Vietnamese proverbs related to communication and advice included "Look-first decide-then," "Try it out," "One must do to understand," and "Take the professional as the lead of fundamental".

Lực (võ lực): giai đoạn nông dân hàng ngày thực hành làm nông như tưới nước, bón phân, chăm sóc cây trồng và vật nuôi. Trong giai đoạn này, trao đổi giữa nông dân với nhau đa phần là tiếng nói. Những lời truyền đạt, khuyên lơn đã hình thành phổ quát trong văn hóa Việt là “xem sơ rồi tính”, “làm thử xem sao”, “phải làm mới hiểu”, “lấy thực làm sơ”.

Technique (Referred to Martial Art): The phase when farmer has mastered daily tasks and compiled a set of procedures for managing agricultural practices. Farmer hired other workers to support them as needed. The farmer became an agricultural entrepreneur, working for himself and paying others. During this period, communication between agricultural entrepreneur and farmers (or agricultural workers) relied heavily on written documents, including regulations, contracts, and feedback forms. The management approach shifted from "Look-first decide-then" to the "Plan-Do-Check-Act" cycle.

Thuật (võ thuật): giai đoạn người nông dân đã thành thạo công việc hàng ngày và biên soạn ra được bộ quy trình về những việc đó, sử dụng để quản lý việc thực hành nông nghiệp, thuê được nhân công hỗ trợ mình đúng ý. Người nông dân lúc này đã trở thành một doanh- nông, vừa tự làm vừa trả lương cho người khác. Trong giai đoạn này, trao đổi giữa doanh- nông và nông dân (công nhân nông nghiệp) đã ứng dụng chữ viết nhiều, những quy định được gửi bằng văn bản giấy tờ và một trong số đó được ký, điền thông tin, gửi phản hồi. Từ “xem sơ rồi tính”, công việc bắt đầu đưa vào quy trình “tính - làm - kiểm - chỉnh”.

Mastery (Referred to Martial Art): The phase when the agricultural entrepreneur has managed his work proficiently and has developed a unique mindset about agricultural economic management. The agricultural entrepreneur becomes a successful person in society. During this period, the relationship between agricultural entrepreneur and agricultural workers is standardized into a company culture, and the document system incorporates many English elements to integrate global best practices into the work.

Công (võ công): giai đoạn doanh-nông đã quản lý công việc thành thạo và đã hình thành tư duy đặc trưng về quản lý kinh tế nông nghiệp, là người thành đạt trong xã hội. Trong giai đoạn này, quan hệ ứng xử giữa doanh-nông và nông dân (công nhân nông nghiệp) đã chuẩn hóa thành văn hóa doanh nghiệp, hệ thống văn bản đã có nhiều yếu tố Anh ngữ để hấp thụ những tinh hoa của toàn cầu hóa vào công việc.

Tao (Referred to Martial Art): The phase when agricultural managers and administrators become trainers and share their knowledge about agricultural practices and agricultural management experiences with the community. Agricultural entrepreneur achieve the qualities of global citizens and use English extensively in their work.

Đạo (võ đạo): giai đoạn nhà quản lý, quản trị nông nghiệp đã trở thành nhà đào tạo, người chia sẻ cho cộng đồng về kinh nghiệm thực hành nông nghiệp, quản lý nông nghiệp. Doanh-nông đã đạt những tố chất của công dân toàn cầu và ứng dụng Anh ngữ nhiều trong công việc.

(13) Fundamentals - Fire - Air - Tathatā (FFAT): a set of three groups of Fundamental fire - Fundamental air - Tathatā that Mr. Khac Kim Tran taught me in 2015 and the concept of Fundamentals was enlightened by me when sitting and chatting with Mr. Triem An Huynh in Pleiku city - Gia Lai province in 2017. The "Fundamentals - Fundamental fire - Fundamental air - Tathatā" set summarizes the thinking journey from personal perspective, local perspective, national perspective to global perspective of agricultural entrepreneurs as follows:

Điển - Hỏa - Khí - Như là bộ gồm ba nhóm Chân Hỏa - Chân Khí - Chân Như mà ông Trần Khắc Kim đã dạy tôi năm 2015 và khái niệm Chân Điển được tôi tự ngộ ra khi ngồi trò chuyện với ông Huỳnh Triêm Ân tại thành phố Pleiku – tỉnh Gia Lai năm 2017. Bộ Điển - Hỏa - Khí - Như khái quát hành trình tư duy từ góc nhìn cá nhân, góc nhìn địa phương, góc nhìn quốc gia đến góc nhìn toàn cầu của doanh-nông như sau:

- Phase of Fundamentals practice (真典): Agricultural entrepreneurs develop their skills, overcome adversity, and accumulate material and knowledge. Their resilience is influenced by genetics and family tradition.

Thời kỳ rèn luyện Chân Điển: doanh-nông bằng những tổ chất tự thân cố gắng hết sức, vượt lên nghịch cảnh, tích lũy vật chất và tri thức. Sức chịu đựng của doanh-nông lúc này có từ di truyền, truyền thống gia đình.

- Phase of Fundamental fire practice (真火): Agricultural entrepreneurs develop themselves, attract others to their ideas, and build influence in the community.

Thời kỳ rèn luyện Chân Hỏa: doanh-nông đã khai phát được bản thân, tạo được sức hút ra xung quanh, tạo dựng ảnh hưởng trong cộng đồng.

- Phase of Fundamental air practice (真氣): Agricultural entrepreneurs achieve success, accumulate resources, participate in solving social problems, and build a strong reputation and personal brand.

Thời kỳ rèn luyện Chân Khí: doanh-nông đã có thành tựu, tích lũy được tài chính - đất đai - nguồn nhân lực, tham gia giải quyết vấn đề xã hội và giải quyết thành công, đạt được uy tín cao, xây dựng được nhân hiệu trong cộng đồng.

- Phase of Tathatā practice (真如): Agricultural entrepreneurs shift their focus from personal gain to contributing to society as a whole. They work for the betterment of society rather than competing for individual economic goals.

Master Khắc Kim Tran defines the Tathatā (True Nature - 真如):

From nothingness comes,

Because of nothingness go,

And only nothingness remains.

Thời kỳ rèn luyện Chân Như: doanh-nông không còn đua tranh, bon chen kinh tế đơn thuần mà đã định vị được mình trong xã hội, hoạt động vì xã hội.

Thầy Kim định nghĩa Chân Như:

Từ hư không mà đến,

Vì hư không mà đi,

Và chỉ còn lại hư không.

(14) Specific knowledge management - Specific management experience - Competitive products & services - Coalition (SSCC): a set of four core intangible assets that we concluded after working on the Labafarm project - 150 hectares in Ka Don commune, Don Duong district, Lam Dong province from 2018 to 2020.

+ Specialized knowledge and characteristics of the industry business.

+ Management systems have been constructed based on practical business experience.

+ Specific services and products that the company has created get customers' satisfaction, and become the unique services and products of the company that competitors find difficult to overcome.

+ The coalition with the specific community has been formed and accumulated during the operation process.

Trí - Quản - Dịch - Liên là bộ bốn tài sản vô hình cốt lõi mà chúng tôi đúc kết ra được sau khi làm dự án Labafarm - 150 ha tại xã Ka Đơn, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng từ năm 2018 đến năm 2020.

Tri thức chuyên ngành và đặc thù kinh doanh của ngành hàng.

Hệ thống quản lý được xây dựng dựa vào kinh nghiệm thực tiễn kinh doanh.

Dịch vụ và sản phẩm mà công ty đã sáng tạo nên và đạt thỏa mãn khách hàng, trở thành những dịch vụ - sản phẩm đặc thù của công ty mà các đối thủ cạnh tranh khó vượt lên được.

Mối liên kết với cộng đồng đặc thù đã được hình thành và tích lũy trong suốt quá trình hoạt động.

(15) Foundation - Funding - Human resources - Management (FFHM): a set of tangible and intangible assets that Mr. Nguyen Truong Cao shared with Viet Kien Nong in 2019, then compiled by Viet Kien Nong into Can Tai Nhan Quan (根財人管). The quartet recognizes the asset structure of an enterprise including fundamental physical infrastructure serving business (foundation), investment capital and cash flow (funding), human resources, and management system. The asset structure of the enterprise is recorded using these four elements to confirm that people are an important asset of the enterprise and can be converted into tangible value. Next, the management system based on technology applications, including data assets and business ideas digitized into operating processes on the information technology system, is also clearly recorded and redeemable into tangible value.

Foundation - Funding - Human resources - Management là bộ các tài sản hữu hình, vô hình mà ông Cao Nguyên Trường chia sẻ cho Việt Kiến Nông vào năm 2019, sau đó được Việt Kiến Nông biên soạn thành bộ Căn Tài Nhân Quản. Bộ-tứ ghi nhận cấu trúc tài sản của doanh nghiệp gồm: hạ tầng vật chất cơ bản phục vụ việc kinh doanh (căn), vốn đầu tư và lưu chuyển tiền tệ (tài), nguồn nhân lực (nhân), hệ thống quản trị (quản). Cấu trúc tài sản của doanh nghiệp được ghi nhận bằng bốn yếu tố này để khẳng định con người là phần tài sản quan trọng của doanh nghiệp và có thể quy đổi thành giá trị hữu hình. Kể đến hệ thống quản trị dựa vào ứng-dụng-công-nghệ gồm tài sản dữ liệu và ý tưởng kinh doanh đã được số hóa thành quy trình hoạt động trên hệ thống công nghệ thông tin cũng được ghi nhận rõ và quy đổi được thành giá trị hữu hình.

(16) Balance sheet - Income Statement - Cash flow statement - Notes to the financial statements (BICN) is a set of four tasks in the accounting industry that VKN compiled into the set of Can - Ket - Luu - Thuyet (平結流説). The quartet recognizes four parts of the financial statement:

+ The balance sheet presents the details of the data, assets, liabilities, and equity of the enterprise at the time of reporting.

+ The income statement presents the scale of business activities and business results in a month, quarter, or year.

+ The statement of cash flows shows the nature of cash at the beginning of the period, at the end of the period, and the reasons for the increase and decrease.

+ The notes to the financial statement explain in more detail some of the goals set in the financial statements.

Balance sheet - Income Statement - Cash flow statement - Notes to the financial statements là bộ bốn việc trong ngành kế toán mà VKN biên soạn thành bộ Cấn Kết Lưu Thuyết (平結流説). Bộ-tứ ghi nhận bốn phần của báo cáo tài chính gồm:

Bảng cân đối kế toán trình bày chi tiết số liệu, tài sản, công nợ và vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp tại thời điểm lập báo cáo.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trình bày quy mô hoạt động kinh doanh và kết quả kinh doanh trong một thời kỳ tháng, quý hay năm.

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ đưa ra tình trạng tiền đầu kỳ, cuối kỳ và tăng giảm trong kỳ vì những lý do nào.

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giải thích chi tiết hơn một số chỉ tiêu đã lên trong Báo cáo tài chính.

(17) Operating profit - Financial health - Strategic leadership - Environmental effect (OFSE): a set of four core performance assessment factors that VKN concluded after working on the Labafarm project - 150 hectares in Ka Don commune, Don Duong district, Lam Dong province from 2018 to 2020. The quartet recorded four important contents of the business that investors need to consider to make an investment decision:

+ Report the financial results of business activities for the period to be rendered.

+ Report on the health of the business on capital status, asset status, funding status, payment status, capital use status of the enterprise, and profitability of the enterprise.

+ Record and analyze the strategic leadership work that is forming and developing in the company.

+ Interaction of the company's Specific knowledge management - Specific management experience - Competitive products & services - Coalition in the global business environment, which is attracting the attention of any group of businesses and individuals.

Tài - Sức - Trí - Tác là bộ bốn yếu tố đánh giá hiệu quả cốt lõi mà VKN đúc kết ra được sau khi làm dự án Labafarm diện tích 150 ha tại xã Ka Đơn, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng từ năm 2018 đến năm 2020. Bộ-tứ ghi nhận bốn nội dung quan trọng của doanh nghiệp mà nhà đầu tư cần xem xét để quyết định đầu tư:

Báo cáo kết quả tài chính của hoạt động kinh doanh trong khoảng thời gian cần kết xuất.

Báo cáo sức khỏe doanh nghiệp về: Tình hình nguồn vốn, Tình hình tài sản, Tình hình tài trợ, Tình hình thanh toán, Tình hình sử dụng vốn của doanh nghiệp, Tình hình sinh lời của doanh nghiệp.

Ghi nhận và phân tích công tác lãnh-đạo-chiến-lược đang hình thành và phát triển trong Công ty.

Tương tác về tri-quản-dịch-liên của Công ty trong môi trường kinh doanh toàn cầu, đang thu hút sự quan tâm của nhóm doanh nghiệp và cá nhân nào.

(18) Products and services - Care - Customer portrait - E-business (PCCE): a set of four specific work elements that create a business model that we concluded after working on the Labafarm project - 150 hectares in Ka Don commune, Don Duong district, Lam Dong province from 2018 to 2020. The quartet recognizes four important business contents that customers care about when deciding to buy products or use services:

- + What is the company's service or product? (products & services).
- + How is the company's marketing, promotion, after-sales, gifts, and customer service work done (Customer relationship management)?
- + What is a customer portrait? How are they interested in a service or product?
- + How to interact online and the company's customer service activities are carried out. (E-business).

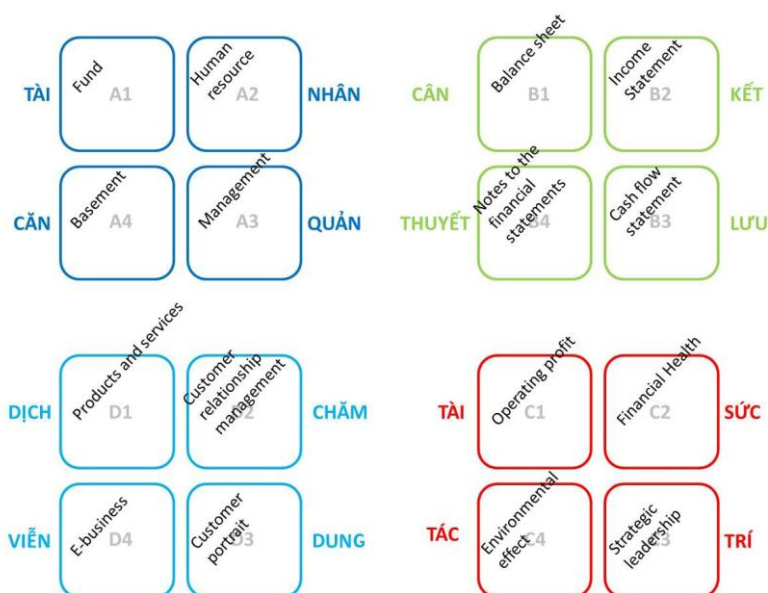
Dịch - Chăm - Dung - Viễn là bộ bốn yếu tố công việc cụ thể tạo ra một mô hình kinh doanh mà VKN đúc kết ra được sau khi làm dự án Labafarm - 150 ha tại xã Ka Đơn, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng từ năm 2018 đến năm 2020. Bộ-tứ ghi nhận bốn nội dung quan trọng của doanh nghiệp mà khách hàng quan tâm khi quyết định mua sản phẩm hay sử dụng dịch vụ:

Dịch vụ hay sản phẩm của Công ty là gì.

Công tác đưa tin tức, khuyến mãi, hậu mãi, quà tặng, chăm sóc khách hàng của Công ty được thực hiện như thế nào.

Chân-dung-khách-hàng (customer portrait) đang lưu tâm đến dịch vụ hay sản phẩm của Công ty là như thế nào.

Tương tác trực tuyến về tất cả các hoạt động phục vụ khách hàng của công ty được thực hiện như thế nào. (E-business)



The four quartets of Foundation - Funding - Human resources – Management (FFHM), Balance sheet - Income Statement - Cash flow statement - Notes to the financial statements (BICN), Operating profit - Financial health - Strategic leadership - Environmental effect (OFSE), and Products and services - Care - Customer portrait - E-business (PCCE) (abbreviated as FFHM-BICN-OFSE- PCCE) combine to form the most basic set of Principle-Digital of an innovation-driven-enterprise (IDE) that LAA has summarized for agricultural entrepreneurs in the Central Highlands to refer to.

Bốn bộ-tứ Căn - Tài - Nhân - Quản, Cân - Kết - Lưu - Thuyết, Tài - Sức - Trí - Tác, Dịch - Chăm - Dung - Viện (viết tắt là FFHM-BICN-OFSE- PCCE) phối hợp với nhau tạo thành bộ Lý Số căn bản nhất của doanh nghiệp phát triển theo định hướng đổi mới sáng tạo (IDE) mà Lý-học Kiến-Nông đã đúc kết để doanh-nông Tây Nguyên tham khảo.

Implementing Innovative Quartets in agriculture

Triển-khai các Bộ-tứ Cách-tân trong nông-nghiệp

The innovative quartets provide a framework for implementing modern agricultural practices while preserving cultural integrity. Some specific applications in agriculture include:

Bộ-tứ Cách-tân cung-cấp một khuôn-khó để thực-hiện các hoạt-động nông-nghiệp hiện-đại trong khi vẫn bảo-tồn tính toàn-vẹn văn-hóa. Một số ứng-dụng cụ-thể trong nông-nghiệp bao gồm:

[1] Innovation Cycle (Research - Develop - Implement - Review)(Change method hexagram-革): Encourages continuous improvement, with farmers testing and refining new techniques and

technologies to increase efficiency and yield.

Chu trình đổi mới (Nghiên cứu - Phát triển - Triển khai - Đánh giá) (quẻ Cách - 革): Khuyến-khích cải-tiến liên tục, với việc nông dân thử-nghiệm và tinh-chỉnh các kỹ-thuật và công-nghệ mới để tăng hiệu-quả và năng-suất.

[2] Project Management (Plan - Collaborate - Execute - Optimize) (*Practising hexagram-履*): Offers a structured approach to managing agricultural projects, from crop planting to harvest, helping farmers streamline operations and maximize productivity.

Quản lý dự án (Lập kế hoạch - Hợp tác - Thực hiện - Tối ưu hóa) (quẻ Lý - 履): Cung-cấp phương-pháp tiếp-cận có cấu-trúc để quản-lý các dự-án nông-nghiệp, từ trồng-trọt đến thu-hoạch, giúp nông dân hợp lý hóa hoạt-động và tối đa hóa năng-suất.

[3] Environmental Stewardship (Sustain - Protect - Conserve - Restore) (*Practising hexagram-履*): Guides practices for soil health, water conservation, and biodiversity protection, ensuring that agricultural activities are ecologically sustainable.

By implementing these innovative quartets, AECHs can modernize their practices while adhering to ethical and sustainable principles. This approach positions them to meet both domestic and international standards, enhancing Vietnam's competitiveness in the global agricultural market.

Quản lý môi trường (Duy trì - Bảo vệ - Bảo tồn - Phục hồi) (quẻ Lý - 履): Hướng dẫn các hoạt-động thực-hành về sức khỏe đất, bảo tồn nước và bảo-vệ đa-dạng sinh-học, đảm-bảo các hoạt-động nông-nghiệp bền-vững về mặt sinh-thái.

Bằng cách triển-khai Bộ-tứ Cách-tân này, doanh-nông Tây Nguyên có thể hiện đại hóa hoạt-động của mình trong khi vẫn tuân thủ các nguyên tắc đạo-đức và bền-vững. Cách tiếp-cận này giúp họ đáp-ứng các tiêu-chuẩn trong-nước và quốc-tế, nâng-cao khả-năng cạnh-tranh của Việt Nam trên thị-trường nông sản toàn-cầu.

Summary of chapter 5

Tóm-tắt chương 5

The 18 Innovative Quartets offer Vietnamese agriculture a pathway to integrate traditional values with contemporary innovation. Each quartet provides a structured approach to modern challenges, including technological advancement, environmental sustainability, and project management.

By using these quartets, agricultural practitioners can navigate complex business and environmental landscapes while preserving their cultural heritage. This combination of innovation and tradition empowers Vietnamese agriculture to adapt and thrive, ensuring a sustainable and competitive future for the industry.

18 Bộ-tứ Cách-tân cung cấp cho ngành nông nghiệp Việt Nam một con đường để kết hợp các giá trị truyền-thống với sự đổi mới hiện-đại. Mỗi bộ-tứ cung-cấp một cách tiếp-cận có cấu-trúc đối với các thách-thức hiện-đại, bao gồm tiến-bộ công-nghệ, tính bền-vững của môi-trường và quản lý dự án.

Bằng cách sử-dụng các bộ-tứ này, những người hành nghề nông-nghiệp có thể điều hướng bối cảnh kinh-doanh và môi-trường phức-tạp trong khi vẫn bảo-tồn được di-sản văn-hóa của họ. Sự kết hợp giữa đổi-

mới và truyền-thống này giúp nông-nghiệp Việt Nam thích-nghi và phát-triển, đảm-bảo tương-lai bền-vững và cạnh-tranh cho ngành.

Chapter 6
Chương 6

PRINCIPLE OF CHANGE IN ARCHITECTURE-AGRICULTURE

DỊCH-LÝ KIẾN-NÔNG

(建農易理)

6.1 An introduction to Principle of Change in Architecture-Agriculture

Giới-thiệu về Dịch-lý Kiến-Nông

I had read the I Ching twice before meeting Mr. Hong Trien Luu. The first time was in my second year of college, when I was 20 years old. The second time was in 2012, when I was 30 years old. Both times I read the I Ching, I did not understand the principles of change. It was only in 2015, when Mr. Hong Trien Luu gave me a brief lecture on the first day we met, that I formed some concepts and thoughts about the I Ching more clearly. After that, I went to his house and was taught six consecutive sessions, each session lasting eight hours, that I began to realize many things about the I Ching.

Tôi đã đọc sách Dịch-học hai lần trước khi được gặp thầy Lưu Hồng Triển. Lần thứ nhất là năm hai đại học, lúc 20 tuổi. Lần thứ hai là năm 2012, lúc 30 tuổi. Trong cả hai lần đọc sách Dịch-học, tôi đều không hiểu được nguyên-lý của Dịch. Chỉ khi đến năm 2015, khi được thầy Lưu Hồng Triển giảng cho một ít trong hôm đầu gặp gỡ, tôi mới hình thành một số khái-niệm và suy-tư về Dịch rõ ràng hơn. Sau đó, tôi tranh thủ đến nhà thầy và được dạy cho sáu buổi liên tục, mỗi buổi tám tiếng thì tôi mới bắt đầu nhận ra nhiều điều về Dịch-lý.

During those forty-eight hours, Mr. Luu explained many things to me. I noted down some of the main ideas:

Trong bốn mươi tám giờ ấy, thầy Lưu đã giảng giải cho tôi rất nhiều điều, tôi ghi nhận lại một số ý chính:

- Farming is a great and fundamental thing in the world.

(Nóng zhě tiānxià zhī dà běn - 農者天下之大本)

Nông dã thiên hạ chi đại bản.

- Structure and organism. 構築 - 運行

Cấu-trúc và sự vận-hành.

- Principle-operation-harmony. 理事圓庸

Lý-sự viên-dung.

- Think-do-integration. 知行合一

Tri-hành hợp-nhất.

- Ideology - community development - fellow men - realisation. 比 - 師 - 同人 - 大有

Tỷ - sư - đồng nhân - đại hữu.

- Observe - space-time - erudite. 觀察 - 宇宙 - 淵博

Quan sát - vũ trụ - uyên bác.

Three years earlier, in 2012, Mr. Van Hoan Nguyen taught me about the operation of the Later Heaven Bagua. From then on, I have been thinking about agricultural development with many concepts: green architecture, urban agriculture, green communication, green real estate, etc. Thanks to the new insights from Mr. Hong Trien Luu, I have synthesized the Global Green mind map from those scattered ideas.

Trước đó ba năm, năm 2012, thầy Nguyễn Văn Hoàn đã dạy tôi về sự vận hành của Bát Quái Hậu Thiên. Từ đó trở đi, tôi suy tư về phát triển nông nghiệp với nhiều khái niệm: kiến trúc xanh, nông nghiệp đô thị, truyền thông xanh, bất động sản xanh,... Nhờ những nhận thức mới từ thầy Lưu Hồng Triền, tôi đã tổng hợp lại được sơ đồ tư duy Xanh Toàn Cầu từ những ý rời rạc đó.



Thinking about the quartet through “Ideology - community development - fellow men - realisation” has helped me to organize my thoughts about agricultural development more concisely. But that is only the first step in understanding the operation of the quartet.

Tư duy bộ bốn thông qua “Tỷ - sư - đồng nhân - đại hữu” đã giúp tôi sắp xếp lại những ý nghĩ về phát-triển nông-nghiệp gọn hơn. Nhưng đó cũng chỉ là những bước đầu của nhận thức về sự vận hành của bộ bốn.

I was again introduced to Mr. Khac Kim Tran by my friends. He was a person who had accumulated a lot of knowledge in many fields. With my background, he focused on teaching me about literature, language and history. Mr. Tran opened up for me my first understanding of hieroglyphics and harmonics through: “rì - market” (日), “yuè - moon” (月), “míng - bright” (明), “mén - door” (門), “jiàn - leisure” (閒), “nào - bustling” (鬧). He used two lines of poetry in Nguyen Cong Tru's poem Word Jiàn (閒字) to teach me about how to form words from the radicals in Viet Confucianism letters.

Tôi lại được bạn bè giới thiệu tiếp cho thầy Trần Khắc Kim. Thầy là người đã tích-lũy được nhiều tri-thức đa-ngành. Với căn-cơ của tôi, thầy tập-trung giảng cho tôi về văn-chương, ngôn-ngữ và lịch-sử. Thầy Trần khai mở lại cho tôi những hiểu biết đầu tiên về chữ tượng-hình, hài-thanh qua: chữ Nhật - mặt trời (日), chữ Nguyệt - mặt trăng (月), chữ Minh - sáng (明), chữ Môn - cửa (門), chữ Nhàn - rảnh rỗi (閒), chữ Náo - nhộn nhịp (鬧). Thầy dùng hai câu thơ trong bài Chữ Nhàn của Nguyễn Công Trứ để dạy tôi về cách hình thành chữ từ các bộ trong chữ Nho.

市在門前鬧 The market in front of the door is bustling

Thị tại môn tiền náo

月來門下閒 The moon shining under the door is leisurely

Nguyệt lai môn hạ nhàn

The market (市) in front of the door (門) is bustling (鬧); the moon (月) shining under the door (門) is leisurely (閒). In this sentence, Cong Tru Nguyen intended to play with words: The word "market - 市" is in the word "door - 門" to become the word "bustling - 鬧"; while the word "moon - 月" is in the word "door - 門" to become the word "leisure - 閒".

Chợ nằm trước cửa thì huyền náo; trăng soi dưới cửa thì thanh nhàn. Câu này Nguyễn Công Trứ có ý chơi chữ: Chữ "thị - 市" nằm trong chữ "môn - 門" thành chữ "náo - 鬧"; trong khi chữ "nguyệt - 月" nằm trong chữ "môn - 門" thì thành chữ "nhàn - 閒".

Since then, I learned many Viet Confucianism words from Mr. Khac Kim Tran. Later, some of Mr. Hong Trien Luu's students often ridiculed me for being able to write so much about Viet Confucianism words and the I Ching on Facebook after studying with Mr. Hong Trien Luu in such a short time. That was because I had time to learn Viet Confucianism letters using a multilingual method that they could not understand. Meanwhile, I could not meet each person to explain. So, about the meaning of Viet Confucianism letters, I learned from my foster father Mr. Van Loi Bui, Tang poetry and Mr. Van Hoan Nguyen in the Vietnamese alphabet. After that, I learned the I Ching through Viet Confucianism letters from Mr. Hong Trien Luu. Later, I learned Viet Confucianism letters using a multilingual method of Vietnamese/English/Viet Confucianism/French in the same lesson from Mr. Khac Kim Tran. Through Mr. Tran's lectures, I thoroughly understood the poems "Ke si - The scholar" and "Han Nho phong vi phu - Poem on the Confucian scholar's joyful inspiration in poverty" by Cong Tru Nguyen. If before, I learned about Cong Tru Nguyen's poetry and literature from Mr. Van Truong Nguyen in the eighth grade with the poem "Chi lam trai - Aspirations to be a man" and his "ngong - arrogance", then in 2015, Mr. Khac Kim Tran taught me a more multi-dimensional and complete Cong Tru Nguyen.

Through Cong Tru Nguyen, Mr. Khac Kim Tran saw that I could feel literature, so he took advantage of his free time at the mechanical workshop to continue teaching me about the poetry and literature of Khuyen Nguyen, Quy Don Le, and Binh Khiem Nguyen. In addition, he also told a very interesting "alternative version" of The Heaven Sword and Dragon Saber, with a lot of historical data. Mr. Khac Kim Tran also taught me about The Vinh Luong and the story of integral and differential calculus: weighing a big elephant, measuring a small piece of paper. He summarized the principles learned from those predecessors into the concept of Vietnamese Cybernetics. Mr. Khac Kim Tran did not like to talk about the I Ching. He advocated empirical evidence and rejected prediction. So I had a fair amount of knowledge of Viet Confucianism and I Ching to start my career in the Central Highlands on my 36th birthday, March 31, 2017.

Kể từ đó, tôi học được nhiều chữ Nho từ thầy Trần Khắc Kim. Sau này, có một số học trò của thầy Lưu Hồng Triền hay đùa tôi là sao học thầy Lưu Hồng Triền trong một thời gian ngắn mà sao có thể viết về Nho và Dịch trên facebook nhiều như vậy. Đó là do tôi có thời gian học chữ Nho theo phương pháp đa ngữ mà các bạn ấy không thể hiểu được. Trong khi đó, tôi cũng không có thể gặp mặt từng người để giải thích. Như vậy, về ý nghĩa của chữ Nho, tôi học được từ bố Bùi Văn Lợi, thơ Đường và thầy Hoàn trong mặt chữ Quốc ngữ ABC. Sau đó, tôi học dịch-lý thông qua chữ Nho từ thầy Lưu Hồng Triền. Sau nữa, tôi lại được học chữ Nho bằng phương pháp đa ngữ Việt/Anh/Nho/Pháp trong cùng một bài học từ thầy Trần Khắc Kim. Qua bài giảng của thầy Trần, tôi thấu đáo được bài thơ “Kê sĩ” và “Hàn Nho phong vị phú” của Nguyễn Công Trứ. Nếu như trước đây, tôi học về thơ văn Nguyễn Công Trứ từ thầy Nguyễn Văn Trương vào năm lớp tám với bài thơ “Chỉ làm trai” và tính “ngông” của ông, thì đến năm 2015, tôi được thầy Trần Khắc Kim dạy cho một con người Nguyễn Công Trứ đa chiều hơn, tròn vẹn hơn. Qua Nguyễn Công Trứ, thầy Trần thấy tôi có thể cảm được văn-chương nên thầy tranh thủ giờ rảnh tại xưởng cơ-khí, dạy tiếp cho tôi về thơ văn Nguyễn Khuyến, Lê Quý Đôn, Nguyễn Bình Khiêm. Ngoài ra thầy còn kể một “đị bản” về Ý Thiên Đồ Long Ký rất hấp dẫn và nhiều cú-liệu lịch-sử. Thầy Trần còn dạy tôi về Lương Thế Vinh và chuyện tích-phân, vi-phân: cân voi to, đo giấy nhỏ. Thầy rút gọn những nguyên-lý học được từ những tiền nhân ấy vào khái-niệm Vận Trù Học Việt Nam, tiếng Anh là Vietnamese Cybernetics. Thầy Trần Khắc Kim không thích nói về Dịch-học. Thầy đề xướng thực-chứng, bác-bỏ chuyện dự-đoán. Vậy là tôi đã có một hành-trang Việt Nho và Dịch khá khá để bắt đầu lên Tây Nguyên lập-nghiệp vào đúng sinh nhật 36 tuổi, ngày 31/3/2017.

Principle of Change in Architecture-Agriculture (PCAA) is a set of explanations of 78 phenomenon that I have been able to contemplate since I started working in Pleiku in 2017 until 2024. Facing the history of the development of the I Ching in the region including Vietnam and East Asian, specifically the four countries of China - Vietnam - Korea - Japan, I am too small. To write a sentence or a paragraph in the I Ching that today's readers can read and find valuable is a whole problem. However, I have escaped that burden in my "Jiàn Nóng - 建農 - agricultural development" niche. In the horizon of PCAA, where I have spent a lot of time, effort and sacrifice, I have a unique freedom. In that area, I faced my predecessors without feeling ashamed.

Dịch-lý Kiến-Nông là một bộ giảng giải 78 dịch-tượng mà tôi có thể chiêm-nghiệm được từ khi bắt đầu làm việc tại Pleiku năm 2017 cho đến năm 2024. Đứng trước lịch sử phát triển của Dịch-học tại khu vực gồm Việt Nam và Đông Á, cụ thể là khối bốn nước Trung Quốc - Việt Nam - Triều Tiên - Nhật bản, tôi thật là bé nhỏ. Để viết một câu, một đoạn văn vào Dịch-học mà độc-giả hôm nay đọc và thấy có giá trị là cả một vấn đề. Song, tôi đã thoát khỏi gánh nặng đó trong cái ngách “kiến-nông” của mình. Trong chân trời của Dịch-lý Kiến-Nông, nơi tôi đã dành nhiều thời gian, tâm sức và đánh đổi ở đó, tôi có được một sự tự do riêng. Ở miền ấy, tôi đối diện với những người đi trước mà không thấy hổ thẹn.

In the poem “The Scholar”, Cong Tru Nguyen wrote:

Trong bài thơ “Kẻ Sĩ”, Nguyễn Công Trứ viết:

“When I was not enlightened, I hid in the wilderness,

“Lúc vị ngộ, hồi tàng nơi bồng tẩu,

I naturally fish as “Vi” [a] and practice farming as “San” [b].

Hiều hiều nhiên điều Vi [a], canh Săn [b].

Although I had not yet met Thang [c] and Van [d],

Xe bỏ luân dù chưa gặp Thang [c], Văn [d],

I have a few words of advice from the teachings of the place.”

Phù thế giáo một vài câu thanh nghị”

Legend:

Chú thích

[a] The story of Lu Wang (Jiang Ziya - 姜子牙) fishing on the banks of the Wei River.

Diễn tích Lã Vọng (Khương Tử Nha) xưa ngồi câu cá bên bờ sông Vị.

[b] The story of Yi Yin (伊尹) farming in the land of San.

Diễn tích Y Doãn xưa làm ruộng ở đất Săn.

[c] King Tang (成湯), who welcomed Yi Yin to assist him and established the Shang Dynasty.

Tức vua Thang, người đã đón Y Doãn về phò tá và lập ra nhà Thương.

[d] King Wen (周文王), who welcomed Lu Wang to assist him and established the Zhou Dynasty.

Tức vua Văn Vương, người đã đón Lã Vọng về phò tá và lập ra nhà Chu.

The literal translation of this poem is:

Dịch xuôi ý thơ này là:

When I have not met the person who will help me succeed, I hide in the wilderness

(hexagram Dun - 遯 - Retreat)

Khi tôi chưa gặp được người sẽ giúp tôi thành công, tôi ẩn núp trong nơi hoang dã (quẻ Độn)

**I am at ease fishing like Jiang Ziya in the past fishing on the banks of the Wei River,
farming like Yi Yin in the past farming in the land of San.**

(Hexagram Wu Wang - 無妄 - Naturally)

Tôi an nhiên câu cá như Khương Tử Nha ngày xưa câu cá bên bờ sông Vị, làm ruộng như Y Doãn ngày xưa làm ruộng tại đất Sần.

(quẻ Vô Vọng)

Although I have not been welcomed by my great master (who helped me succeed) as King Tang of the Shang Dynasty welcomed Yi Yin, as King Wen of the Zhou Dynasty welcomed Jiang Ziya,

(Line 1 - Hexagram 乾 qián - Hidden dragon objects - 潛龍勿用 - The dragon lies hidden in the deep; it is not the time for active doing)

Mặc dù tôi chưa được đại nhân của tôi (là người giúp tôi thành công) đến đón như vua Thang nhà Thương đã đón Y Doãn, như vua Văn Vương nhà Chu đã đón Khương Tử Nha,

(hào 1 - quẻ Thuần Càn - tiềm long vật dụng - Con rồng ẩn núp trong vực sâu; đây không phải là lúc để hành động tích cực)

Occasionally I also contribute a few sincere words to develop local education

(Hexagram 觀 guan - Viewing - The former kings took charge of the local government, the people set up education - 先王以省方, 觀民設教)

Thỉnh thoảng tôi cũng góp vài lời chân thành để phát triển giáo dục tại địa phương

(quẻ Quan - Viewing - Tiên vương dĩ tỉnh phương, quan dân thiết giáo)

I wrote PCAA with the spirit of “a few words of advice to help the world”! PCAA will be compiled in a separate book. Within the scope of one chapter in this book, I will first write down some binary opposite principles and some specific principles of operation. Through that, readers can have a better grasp of the PCAA that I want to lay the foundation for in the Central Highlands today. From there, I will have a basis for interacting with friends, colleagues, customers, readers and collecting information for further research.

Tôi viết Dịch-lý Kiến-Nông với tinh thần “phù thế giáo một vài câu thanh nghị” ấy! Dịch-lý Kiến - Nông sẽ được biên-soạn trong một cuốn sách riêng. Trong phạm vi một chương trong sách này, tôi viết ra trước một số lý đối-đãi, một số lý vận-hành đặc trưng. Qua đó, độc-giả có thể nắm chắc hơn về Lý-học Kiến-Nông mà tôi muốn đặt tiền đề tại Tây Nguyên hiện nay. Để từ đó, tôi có cơ-sở tương-tác với bạn bè, đồng-nghiệp, khách-hàng, độc-giả và thu-thập thông-tin cho việc nghiên-cứu tiếp theo.

About the “Ideology - community development - Fellow men - Realisation - 比-師-同人-大有” quartet

Về bộ tứ “tỷ - sư - đồng nhân - đại hữu”

I am an architect. I can quickly feel the “師 - shí - community development” in this quartet first. Before Master Hong Tien Luu taught me about the “師 - shí” hexagram, I understood that a “師 - shí” is someone who is good at a certain profession, such as: architect, engineer, martial artist, etc. After Master Hong Tien Luu taught me, the word “師 - shí” in the “師 - shí” hexagram also means “division” (in the army) - a large group of people gathered together. The “師 - shí”

hexagram generally means a large gathering of people. The great image of the “師 - shī” hexagram is “dung dan suc chung - 容民畜眾” which means having to nurture many groups of people when they gather together.

But why is there a gathering into groups, into communities? It is because those individuals share a common ideology that guides their actions: this is the category of the hexagram bì - 比. The word bì - 比 has the image of two spoons neatly arranged next to each other. In folklore, there is a similar meaning about a way of sleeping together between a husband and wife, which is the "spooning" style. Why can those two spoons, those two people, be in harmony, arranged closely together: this is the category of the hexagram bì - 比, the hexagram bì - 比 shows the principle by which those things can be in harmony and rearranged into such a highly unified entity.

So who are the people who follow the principle of the bì - 比 hexagram and gather into groups according to the principle of the bì - 比 hexagram? They are the “fellow men”. The general symbol of the tong ren - 同人 hexagram is “classifying objects, arranging them in layers, and organizing them systematically. The leader, the gentleman, is in the center. Which group belongs to the “close” relationship group? Which group belongs to the “initial” relationship group? The “close” circle is close to the leader. The “initial” circle is outside the “close” circle. So everyone is placed in their right place to participate in the community and work in harmony. This arrangement of personnel in layers belongs to the category of the tong ren - 同人 hexagram.

And so, this community can realize the main contents that the leader has outlined, the guide, the implementer just act accordingly. That is the principle of the “Da You - 大有” hexagram. The combination “Ideology - Community development - Fellow men - Realisation - 比-師-同人-大有” indicates the structure of a system and its organism.

“Each structure is binary in opposition to its organism.”

That is a very profound saying, imbued with the principles of I Ching that Master Hong Trien Luu taught, which took Viet Kien Nong nine years to understand and translate into English.

Tôi là một kiến trúc sư. Tôi có thể cảm nhận nhanh được “quê sư” trong bộ-tử này trước tiên. Trước khi được thầy Lưu Hồng Triền giảng về quê Sư, tôi hiểu sư là người giỏi một chuyên môn nào đó, chẳng hạn như: kiến trúc sư, kỹ sư, võ sư, ... Sau khi được thầy Lưu Hồng Triền giảng, chữ Sư trong quê Sư còn có nghĩa là “sư đoàn” - nhóm đông người quy tụ lại. Quê Sư có nghĩa chung là sự tập hợp đông người. Đại tượng truyền của quê Sư là “dung dân súc chúng” nghĩa là phải nuôi dưỡng được nhiều nhóm người khi cùng tụ tập lại.

Nhưng tại sao có sự tụ tập thành nhóm, thành cộng đồng? là bởi vì những cá nhân đó có cùng chung một ý thức hệ dẫn dắt hành động: là phạm-trù của quê Tỷ. Chữ Tỷ (比) có hình tượng là hai cái muống xếp ngay ngắn cạnh nhau. Trong dân gian có ý tương tự nói về một kiểu nằm ngủ chung của hai vợ chồng là kiểu “úp thìa”. Tại sao hai cái muống ấy, hai con người ấy có thể hòa hợp, xếp khít vào nhau: điều này thuộc phạm trù của quê Tỷ, quê Tỷ chỉ ra nguyên-lý để các thứ ấy có thể hòa-hợp và sắp-xếp lại thành một thể thống-nhất cao như vậy.

Vậy ai là người theo nguyên-lý của quẻ Tỳ mà tụ hợp thành nhóm theo nguyên-lý của quẻ Sư? Họ là những “đồng nhân”. Quẻ đồng-nhân có đại tượng truyện là “loại tộc biện vật”: phân-loại đối-tượng, sắp-xếp lớp lang, bài bản. Người chủ sự, người quân tử, nằm ở trung tâm. Nhóm nào thuộc nhóm quan hệ “thân”. Nhóm nào thuộc nhóm quan hệ “sơ”. Vòng thân nằm sát chủ sự. Vòng sơ nằm ngoài vòng thân. Vậy là mọi người được xếp đúng chỗ của mình để tham gia vào cộng-đồng và hoạt-động nhịp-nhàng. Việc sắp-xếp nhân-sự lớp lang ấy thuộc phạm-trù của quẻ Đồng Nhân.

Và như vậy, cộng-đồng này có thể hiện thực hóa những nội-dung chính mà người đứng đầu đã vạch ra, người hướng dẫn, người thực hiện cử thể mà rầm rập hành động. Đó là nguyên lý của quẻ Đại Hữu. Bộ “tỳ - sư - đồng nhân - đại hữu” chỉ ra cấu trúc (structure) của một hệ thống (system) và sự vận hành (organism) của nó.

“Mỗi cấu-trúc đều đối đãi với sự vận-hành của nó.”

Đó là câu nói rất sâu sắc, thấm dẫm dịch-lý mà thầy Lưu Hồng Triền đã giảng mà Việt Kiến Nông cần đủ chín năm để có thể hiểu và dịch ra Anh ngữ như vậy.

About the “Difficulty at the beginning - Immaturity - Training - Change method 屯-蒙-鼎-革” quartet

Về bộ tứ “mông - truân - đỉnh - cách”

The first days when I went to Pleiku, I was completely bewildered. That is the category of the “shān shuǐ mèng - 山水蒙” hexagram. I looked at this, looked at that of nature, Pleiku society and each person in the project. Thanks to Mr. Hong Tien Luu's teaching of "observe - space-time - erudite", I looked at and felt many things. Among them, looking at the clouds in Pleiku with the color change from pure white to dark gray with rich changing tones is the thing I do most in Pleiku. Pleiku's weather changes four seasons in the same day. Spring mornings are cool, summer noons are hot, mid-afternoon turns to autumn and cool in the afternoon and late evening is as cold as winter. Pleiku city has a name: Mountain Town. Poet Huu Dinh Vu and musician Duy Pham collaborated to leave Pleiku an immortal composition:

Những ngày đầu, tôi lên Pleiku thì một trời bỡ ngỡ. Đó là phạm trù của quẻ Sơn Thủy Mông đấy. Tôi nhìn cái này, ngắm cái kia của thiên nhiên, xã hội Pleiku và từng con người trong dự án. Nhờ thầy Lưu Hồng Triền dạy “quan sát - vũ trụ - uyên bác” nên tôi ngắm nghía, cảm nhận nhiều thứ lắm. Trong đó, ngắm mây trời Pleiku với sự chuyển màu từ trắng tinh đến xám đậm với những giai sắc chuyển đổi phong phú là việc ngắm mà tôi hay làm nhất tại Pleiku. Thời tiết Pleiku thay đổi bốn mùa trong cùng một ngày. Sáng mùa xuân mát mẻ, trưa mùa hạ nóng bức, giữa chiều chuyển sang thu mát mẻ và chiều đến sập tối thì lạnh lẽo như mùa đông. Thành phố Pleiku có một cái tên là Phố Núi. Nhà thơ Vũ Hữu Định và nhạc sĩ Phạm Duy đã phối hợp cùng nhau để lại Pleiku một sáng tác bất hủ:

There's a little more to remember

Còn chút gì để nhớ

(poem: Huu Dinh Vu, music: Duy Pham)

(thơ: Vũ Hữu Định, phổ nhạc: Phạm Duy)

High mountain town, foggy mountain town

Mountain town with green trees and low sky so sad
Astrangers walking up and down
If I had you, life would still be cute

You Pleiku, red cheeks and pink lips
in This is winter afternoon all year round
So your hair is wet and your eyes are wet
Your skin is as soft as a clear afternoon cloud

High mountain town, near sky mountain town
The streets are not far, so town are friendly
After a few minutes, you're back to the old place
A heartbreaking afternoon suddenly feeling nostalgic

Thank you to the city where you are
Thank you to a soft hair
Far away on the border post
There's a little more to remember and forget

High mountain town, foggy mountain town
Mountain town with green trees and low sky so sad
Astrangers walking up and down
If I had you, life would still be cute

You Pleiku, red cheeks and pink lips
in This is winter afternoon all year round
So your hair is wet and your eyes are wet
Your skin is as soft as a clear afternoon cloud

High mountain town, near sky mountain town
The streets are not far, so town are friendly
After a few minutes, you're back to the old place
A heartbreaking afternoon suddenly makes me feel nostalgic

Thank you to the city where you are
Thank you to a soft hair
Tomorrow far away on the border post
There's a little more to remember and forget

Thank you to the city where you are
Thank you to a soft hair
Tomorrow far away on the border post
There's a little more to remember and forget

*Phố núi cao phố núi đầy sương
Phố núi cây xanh trời thấp thật buồn
Anh khách lạ đi lên đi xuống
May mà có em đời còn dễ thương*

*Em Pleiku má đỏ môi hồng
Ở đây buổi chiều quanh năm mùa đông
Nên tóc em ướt và mắt em ướt
Nên em mềm như mây chiều trong*

*Phố núi cao phố núi trời gần
Phố xa không xa nên phố tình thân
Đi đêm phút đã về chốn cũ
Một buổi chiều nao lòng bỗng băng khuâng*

*Xin cảm ơn thành phố có em
Xin cảm ơn một mái tóc mềm
Mai xa lắc trên đôn biên giới
Còn một chút gì để nhớ để quên*

*Phố núi cao phố núi đầy sương
Phố núi cây xanh trời thấp thật buồn
Anh khách lạ đi lên đi xuống
May mà có em đời còn dễ thương*

*Em Pleiku má đỏ môi hồng
 Ở đây buổi chiều quanh năm mùa đông
 Nên tóc em ướt và mắt em ướt
 Nên em mềm như mây chiều trong*

*Phố núi cao phố núi trời gần
 Phố xá không xa nên phố tình thân
 Đi dăm phút đã về chốn cũ
 Một buổi chiều nao lòng bỗng băng khuâng*

*Xin cảm ơn thành phố có em
 Xin cảm ơn một mái tóc mềm
 Mai xa lắc trên đôn biên giới
 Còn một chút gì để nhớ để quên*

*Xin cảm ơn thành phố có em
 Xin cảm ơn một mái tóc mềm
 Mai xa lắc trên đôn biên giới
 Còn một chút gì để nhớ để quên*

Còn một chút gì để nhớ để quên!

Until you have been to Pleiku, it is difficult to understand clearly “in This is winter afternoon all year round”. That means you will not have “helped to understand your **Immaturity** - 蒙” yet, and will not have overcome the naivety, bewilderment, and strangeness.

Why are the afternoons in Pleiku all year round like winter weather?

You have to live in Pleiku for a while, to fully feel the nature and people here, then you will fully understand the meaning of the lyrics “There's a little more to remember”. At that time, we have been given the poem by Huu Dinh Vu and the melody by Duy Pham “help to understand” a lot about the mountainous town of Pleiku in the Northern Central Highlands region with its very unique indigenous culture.

In Pleiku, I could only choose to eat Bun Bo Hue to feel full for the whole meal. Otherwise, if I ate other dishes such as Gia Lai Dry Pho, rice rolls, grilled spring rolls, I would still feel a little hungry at the end of each meal. My first days of developing agriculture in the Central Highlands were full of memories.

After the “mèng - 蒙 - Immaturity” hexagram is the “chún - 屯” hexagram, meaning the difficulties of the first days of the journey. In Pleiku, I had difficulty in communication, difficulty in finding a place to print drawings, difficulty in eating and sleeping. I had to overcome those difficulties, adjust my habits and find a way to fit in with Pleiku life, as well as work on the Iabang farm - Dak Doa district.

My seven-year journey in the Central Highlands to develop agriculture was a journey of training: the category of the “dìng - 鼎 - training” hexagram.

And when I achieved initial success in supporting a start-up agricultural entrepreneur to become a farmer scientist, a national excellent farmer, and a farmer innovation award, then I

could sit still to write the book LAA. That is the hexagram “ge - 革 - change method”. LAA shows how a farmer trains to become a agricultural entrepreneur and go beyond to become a successful agricultural entrepreneur.

Pondering the quartet of "chún - mèng - dīng - ge 屯-蒙-鼎-革" helps me review the past seven years of my journey, applying PCAA to solve upcoming problems.

So PCAA is the result of my journey of understanding the I Ching after nine years since the first day I was taught the I Ching by Mr. Hong Trien Luu. From trying to understand, I have applied it to practical work and used these principles to plan, forecast, and predict the future. In the entire compilation of this innovative meaning, the images to explain the 78 phenomenon of change come from nature, society and close-up are each person in the Central Highlands. In which, the main subject, the most important link to develop agriculture is the Central Highlands' agricultural entrepreneur, the gentlemen - 君子, the people who always have to have the mindset of "self-control and unstoppable - 自強不息" to survive and develop in the current difficult economy.

PCAA equips agricultural entrepreneur in the central Highlands with a method to analyze the changing trends and the changing processes of things and objects in the agricultural production and food processing industry. For example, with the cultivation of cabbage and the production of Kim Chi for export to Korea, there are two binary opposite principles: cabbage / Kim Chi; growing area / factory. These two principle of binary opposition interact with each other, then there is a principle of operations with four states of operation:

- What happens when there is a good cabbage raw material growing area and a factory with a good Kim Chi production process?
- What happens when there is a good cabbage raw material growing area but the Kim Chi production factory is not good?
- What happens when there is no good cabbage raw material growing area but the factory has a good Kim Chi production technology line?
- Can the project develop when there is no good cabbage raw material area and the factory does not have a good Kim Chi production line?

Thinking about how to solve these 4 cases helps us to predict and forecast situations that may occur in the project. From there, we will be able to make a good project development plan.

The deeper we understand about PCAA, the more clearly we can identify its application in agricultural development in the Central Highlands.

Khi chưa ở Pleiku, khó có thể hiểu “ở đây buổi chiều quanh năm mùa đông” một cách rõ ràng được. Nghĩ là sẽ chưa được “phát Mông - 蒙”, chưa hết sự ngờ nghệch, bỡ ngỡ, lạ lẫm.

Tại sao buổi chiều ở Pleiku quanh năm đều giống trời mùa đông?

Phải sống ở Pleiku một khoảng thời gian, để cho cảm nhận thiên nhiên, con người ở đây đủ đầy, thì mới hiểu hết ý nghĩa của lời bài hát “còn chút gì để nhớ”. Lúc đó, ta đã được lời thơ Vũ Hữu Định và giai

điệu của Phạm Duy “phát Mông” được rất nhiều về phở núi Pleiku thuộc vùng Bắc Tây Nguyên rất đặc sắc văn hóa bản địa này.

Ở Pleiku, tôi chỉ có thể chọn ăn món Bún Bò Huế thì mới thấy no trọn buổi. Còn lại, nếu tôi ăn các món khác như: Phở Khô Gia Lai, bánh cuốn, nem nướng thì vẫn luôn còn thấy hơi đói cuối mỗi bữa. Những ngày đầu kiến nông Tây Nguyên của tôi đầy đầy những kỷ niệm.

Sau quê Mông là quê Truân, ý nghĩa là khó khăn của những ngày đầu hành trình. Tại Pleiku, tôi gặp khó khăn về giao tiếp, khó khăn trong chuyện tìm chỗ in bản vẽ, khó khăn cả trong chỗ ăn, chỗ ngủ. Tôi phải khắc phục những khó khăn đó, điều chỉnh thói quen và tìm cách hòa nhập với đời sống Pleiku, cũng như việc làm trong trang trại Iabang - huyện Đăk Đoa.

Hành trình bảy năm ở Tây Nguyên để làm phát triển nông nghiệp của tôi vừa qua là một hành trình rèn luyện: phạm trù của quê Đĩnh.

Và khi đạt những thành công bước đầu là hỗ trợ cho một nông-gia thành nhà khoa-học của nhà nông, nông dân sản xuất giỏi toàn quốc, đạt giải thưởng sáng tạo nhà nông thì tôi mới có thể ngồi yên lại để viết ra bộ Lý-học Kiến-Nông. Đó chính là quê Cách. Lý-học Kiến-Nông chỉ ra cách mà một nông dân rèn luyện để thành doanh-nông và vượt lên nữa là một doanh-nông thành đạt.

Nghiên ngắm bộ tứ “mông - truân - đĩnh - cách” giúp tôi rà soát lại hành trình bảy năm qua, ứng dụng Dịch-lý Kiến-Nông để giải quyết cho những vấn đề sắp tới.

Vậy Dịch-lý Kiến-Nông là kết quả của một hành trình nhận thức về Dịch-học của tôi sau chín năm kể từ ngày đầu được thầy Lưu Hồng Triền dạy cho Dịch-học. Từ cố gắng để hiểu, tôi đã áp dụng vào thực tiễn công việc và dùng những nguyên-lý này để lập kế-hoạch, dự-báo, dự-đoán tương-lai. Trong toàn bộ việc biên-soạn ý-nghĩa cách-tân này, hình-ảnh để giải thích 78 dịch-tượng đến từ thiên-nhiên, xã-hội và cận cảnh là từng con người Tây Nguyên. Trong đó, đối tượng chính, mắc xích quan trọng nhất để phát triển nông nghiệp là doanh-nông Tây Nguyên, là người quân tử, người luôn phải có tư duy “tự cường bất tức” để tồn-tại và phát-triển trong nền kinh-tế khó-khăn hiện nay.

Dịch-lý Kiến-Nông trang bị cho doanh-nông Tây Nguyên một phương-pháp phân-tích khuynh hướng biến-đổi, quá-trình biến-đổi của sự và vật trong ngành sản-xuất nông-nghiệp và chế-biến thực-phẩm. Chẳng hạn với việc trồng cải thảo và sản-xuất ra kim chi xuất-khẩu qua Hàn Quốc, có hai lý đối đã là: củ cải / kim chi; vùng trồng / nhà máy. Hai lý đối đãi này tương tác thì có lý vận hành gồm bốn trường hợp vận hành:

Khi có vùng nguyên-liệu củ cải tốt và nhà-máy có quy-trình sản-xuất kim chi tốt thì điều gì sẽ xảy ra?

Khi có vùng nguyên-liệu tốt mà nhà-máy sản-xuất kim chi không tốt thì điều gì sẽ xảy ra?

Khi chưa có vùng trồng nguyên-liệu cải thảo tốt mà nhà-máy có dây-chuyền công-nghệ sản-xuất kim chi tốt thì điều gì sẽ xảy ra?

Khi chưa có vùng trồng nguyên-liệu cải thảo tốt và nhà-máy cũng chưa có dây-chuyền sản-xuất kim chi tốt thì dự-án có phát-triển được không?

Suy-nghĩ cách giải quyết 4 trường hợp như vậy giúp chúng ta có thể dự-đoán, dự-báo được các tình-huống có thể xảy ra trong dự án. Từ đó, chúng ta sẽ lập được kế-hoạch phát-triển dự-án tốt.

Càng hiểu sâu vào Dịch-lý Kiến-Nông, chúng ta càng nhận diện rõ ứng-dụng của nó trong việc phát-triển nông-nghiệp tại Tây Nguyên rõ nét.

6.2 The development journey of AECH following PCAA

Hành trình phát triển của doanh-nông Tây Nguyên trong Dịch-lý Kiến-Nông

Principle of Change in Architecture-Agriculture applies pure Qian hexagram to build the development journey from primitive to prosperous agricultural entrepreneur in the Central Highlands. The closest measure of the success of the agricultural entrepreneur is infrastructure.

Dịch-lý Kiến-Nông áp dụng quẻ thuần càn để xây-dựng hành-trình phát-triển từ sơ-khai đến phồn-thịnh của một doanh-nông Tây Nguyên. Thước đo gần gũi nhất cho sự thành-công của doanh-nông Tây Nguyên là hạ-tầng.

1/ The dragon lies hidden in the deep; it is not the time for active doing;

(潛龍勿用)

Tiềm long vật dụng

Con rồng ẩn núp trong vực sâu; đây không phải là lúc để hành động tích cực;

2/ The dragon appears in the field; the diffusion of virtuous influence has been wide. The leaders take good advantage of summoning the talented dragons.

(見龍在田. 利見大人)

Hiện long tại điền. Lợi kiến đại nhân

Con rồng xuất hiện trên cánh đồng; sự lan tỏa của ảnh hưởng tốt lành đã lan rộng.

3/ Active and vigilant all day; this refers to the treading of the proper path over and over again.

(君子終日乾乾. 夕惕若厲無咎)

Quân tử chung nhật kiên kiên. Tịch dịch nhược lệ vô cữu

Làm quân quật suốt ngày mà đêm về vẫn còn trấn trở.

4/ He seems to be leaping up, but is still in the deep; if he advances, there will be no error.

(或躍在淵. 無咎)

Hoặc dục tại uyên vô cữu

Anh ta có vẻ như đang nhảy lên, nhưng vẫn còn ở dưới sâu; nếu anh ta tiến lên, sẽ không có sai sót.

5/ The dragon is on the wing in the sky; the great man rouses himself to work.

(飛龍在天. 利見大人)

Phi long tại thiên, lợi kiến đại nhân

Con rồng đang bay trên bầu trời; người vĩ đại tự đánh thức mình dậy để làm việc.

6/ The dragon exceeds the proper limits; there will be the occasion for repentance; a nature of fullness, that should not be indulged in long.

(亢龍有悔)

Kháng long hữu hối

Con rồng vượt quá giới hạn thích hợp; sẽ có lúc phải ăn năn; bản chất viên mãn, không nên đắm chìm trong đó quá lâu.



Sharing space of Mr. Hong Trien Luu

Không-gian chia-sẻ của thầy Luu Hồng Triển

From the pure Qian hexagram, the editorial team constructs the training process in Principle of Change in Architecture-Agriculture:

Từ quẻ thuần càn, nhóm biên tập xây dựng tiến trình rèn luyện trong Dịch-lý Kiến-Nông:

1/ Four-Word Thinking of Field

Tứ-Tự Tri Điền

2/ Tourism - Training - Library - Exhibition

Du - Đào - Viện - Lãm

3/ Strength - Technique - Mastery - Tao

Lực - Thuật - Công - Đạo

4/ Fundamentals - Fundamental Fire - Fundamental Air - Tathatā

Điển - Hỏa - Khí - Như

5/ Idealogy - Community development - Fellow men - Realisation

Tỷ - Sư - Đồng nhân - Đại hữu

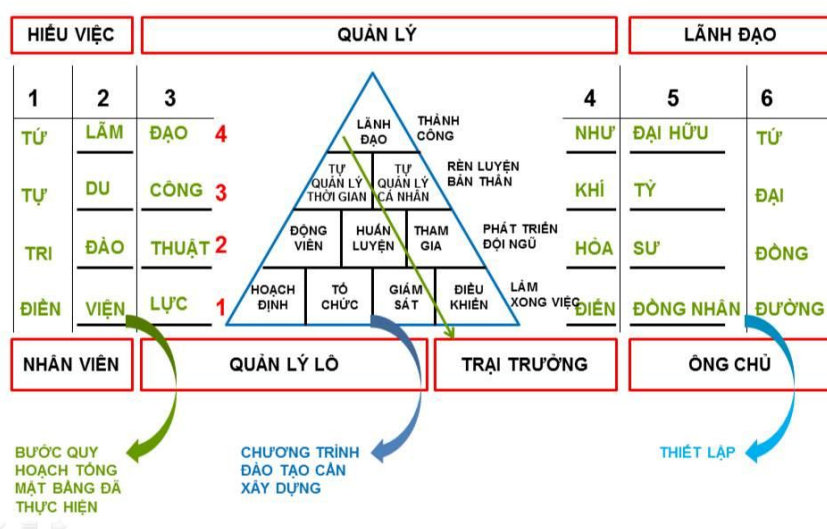
6/ Four Generations Under One Roof

Tứ đại đồng đường

This training process has been applied in many projects in agricultural development in the Central Highlands and Southwest by Viet Kien Nong, creating a fundamental set of awareness and a standard training map for personnel at all levels involved.

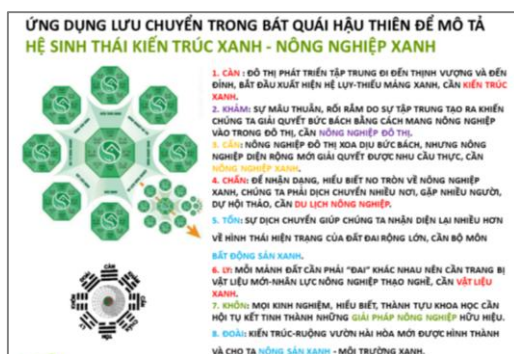
Tiến-trình rèn-luyện này đã áp-dụng trong một số dự-án phát-triển nông-nghiệp tại Tây Nguyên và Tây Nam Bộ bởi Việt Kiến Nông, tạo ra bộ nhận thức căn bản và có lộ-trình rèn-luyện chuẩn cho nhân-sự các cấp tham gia.

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO KỸ NĂNG - QUẢN LÝ - QUẢN TRỊ NHÂN SỰ NGÀNH CHUỐI THEO QUẢN TRỊ SNCT TẠI KHU 06 HA



The training process in Principle of Change in Architecture-Agriculture is the result of a thinking-transmitted process that started with the interpretation of the Later Heaven Bagua by Architect Van Hoan Nguyen in 2012 to the application of that lesson to the green architecture ecosystem - green agriculture ecosystem of Viet Kien Nong in 2016:

Tiến-trình rèn-luyện theo Dịch-lý Kiến-Nông là kết-quả của một quá-trình truyền tải tư-duy mà khởi đầu là diễn-dịch Bát Quái Hậu Thiên của Kiến trúc sư Nguyễn Văn Hoàn năm 2012 đến việc ứng dụng bài học ấy vào hệ sinh thái Kiến trúc xanh - Nông nghiệp xanh của Việt Kiến Nông năm 2016.



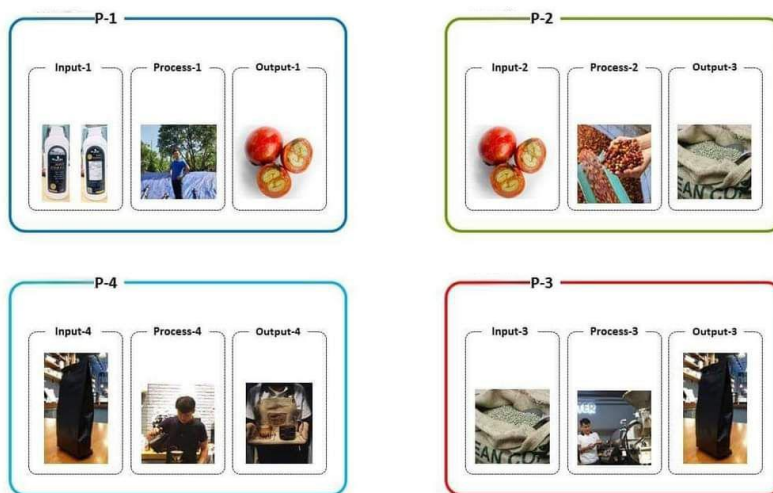
Viet Kien Nong used this diagram as a mind map to do Works in Argicultural Development from March 2017. Together with the John P. Kotter Transformation Model (1) (FWTF records it as the quartets of Urgency - Formation - Creation - Communication) and the Enterprise House Model of Mr. Truong Chien Ly (FWTF records it as the quartets of Owner - Employee - Customer - Community), Viet Kien Nong uses these 3 sets to gradually interact until it reaches more than 64 agricultural projects, then become aware of principle of change, continue to deepen into Studied Textbook of Change, find out Set of principle “Standard - 成” to add to the existing set of principle “Basic - 初”, organize and put microbiological organic farming data into the Four-Word-ERP digital administration system. From the milestone of June 2022, after three years of compiling FWTF, we are well aware of the high application efficiency of the pure Qian hexagram at the low-population-density area and deeper and deeper to come up with the Principle of Change in Architecture-Agriculture. It is a sub-branch from the Studied Textbook of Change by Mr. Hong Trian Luu that is specialized, closely following the practice of low-population-density areas.

To clearly analyze with agricultural entrepreneurs about the journey: (2) Tourism - Training - Library - Exhibition, (3) Strength - Technique - Mastery - Tao, (4) Fundamentals - Fundamental Fire - Fundamental Air - Tathatā, images and data in the coffee industry are the best target group.

It is an industry that is both universal and the most difficult to understand among the varieties and agricultural products of the Central Highlands. After three years of interacting with the coffee industry in the Central Highlands, VKN has summarized the most general Four-Word Process to perceive the coffee industry as "Four Times on Fire". From there, VKN has an effective data framework to continue collecting data and gradually develop this process.

Việt Kiến Nông dùng đồ-hình này làm bản-đồ tư-duy để đi kiến-nông từ tháng 3 năm 2017. Cùng với Mô-hình chuyển-đổi John P. Kotter (Tứ-Tự Tri Điền ghi thành bộ Cấp Kết Kiến Truyền) và mô hình Ngôi Nhà Doanh Nghiệp - Lý Trường Chiến (Tứ-Tự Tri Điền ghi thành bộ Lãnh Nhân Khách Hội), Việt Kiến Nông dùng 3 bộ này tương tác dần đến khi lên tới hơn 64 dự-án nông-nghiệp thì nhận-thức lại được về Dịch-lý, tiếp tục đào sâu thêm Giáo-trình Dịch-học, tìm ra các bộ Lý Thành để bổ sung vào những bộ Lý Sơ vốn đã hằng hữu, tổ-chức và đưa được dữ-liệu nông-nghiệp hữu-cơ vi-sinh vào bộ quản trị số Four-Word-ERP. Từ cột mốc tháng 6 năm 2022, sau ba năm biên soạn Tứ-Tự Tri Điền, chúng tôi nhận thức rõ hiệu quả ứng dụng cao của quẻ Thuần Càn tại khu-vực có mật-độ dân-cư thấp và thăng-hóa tư-duy ra được bộ Dịch-lý Kiến-Nông là một nhánh nhỏ từ Giáo-trình Dịch-học có tính chuyên-biệt, bám sát vào thực-tiễn của những khu vực có mật-độ dân-cư thấp.

Để phân tích rõ với doanh-nông về hành trình: (2) Du Đào Viện Lãm, (3) Lực Thực Công Đạo, (4) Điện Hóa Khí Như, hình-ảnh và dữ-liệu trong ngành cà-phê là nhóm đối-tượng tốt nhất. Đó là ngành vừa phổ-quát nhưng lại vừa khó hiểu hàng đầu trong số các loại giống và nông sản Tây Nguyên. Sau ba năm tương tác với ngành cà phê tại Tây Nguyên, VKN tổng kết được một Quy-trình Tứ-Tự khái quát nhất để nhận thức về ngành cà phê là "Bốn lần đò lửa". Từ đó, VKN có khung dữ-liệu hiệu-quả để tiếp tục thu thập dữ-liệu và phát-triển bộ quy-trình này tiến-bộ dần.



Overview of the Four Times on Fire process

Sơ đồ khái quát về quy trình Bốn Lần Đò Lửa

In 2017, when we first started staying in the Central Highlands, VKN approached the coffee industry by compiling a coffee growing process. Then, in mid-2018, VKN compiled an ISO process for a company that functions as a roaster, sells branded packaged ground coffee, and operates a coffee shop. By the end of the 2019 coffee crop, VKN compiled a green bean processing process using the Natural and Honey methods. From there, VKN summarized the four stages in the coffee industry where specific thermal processes take place.

The first thermal process: sunlight shines on the coffee leaves, the leaves photosynthesize and synthesize nutrients to nourish the plant and finally produce fresh fruit.

Second heat process: when processing green beans using the Natural and Honey methods, fresh fruits in their shelled or peeled form are dried under the sun, gradually draining the water. Then, the fresh fruits become green beans and are stored using the appropriate heat and humidity process.

Third heat process: green beans are fed into a roaster with a suitable heat process depending on the roaster to become roasted beans.

Fourth heat process: roasted beans are ground into powder and the powder is passed through hot water to extract the essence with a heat process specific to each brewing method to produce the highest quality cup of coffee.

These four processes outline the journey from farm to cup in the coffee industry. Understanding the key is the thermal process that occurs on coffee beans, which helps us grasp the series of indicators that make up the quality of the final cup of coffee. In order for the senses from eyes, nose, tongue, and hands to perceive and evaluate the quality of coffee in the processes, we need to “awaken” them with full senses and wisdom. The Heart Sutra is the sutra that guides us to understand and best “awaken” the senses.

Năm 2017, lúc bắt đầu ở lại Tây Nguyên, VKN tiếp cận ngành cà phê qua việc biên-soạn quy-trình trồng cà phê. Sau đó, giữa năm 2018, VKN biên-soạn quy-trình ISO cho một công ty có chức-năng là nhà rang, bán cà phê bột đóng túi thương-hiệu và kinh-doanh quán cà phê. Đến vụ cà phê cuối năm 2019 thì VKN biên-soạn quy-trình sơ-chế nhân-xanh theo phương-pháp Natural và Honey. Từ đó, VKN đúc-kết khái quát về bốn giai-đoạn trong ngành cà phê mà các quy-trình nhiệt đặc-thù được diễn ra.

Quy-trình nhiệt thứ nhất: ánh-sáng mặt-trời chiếu lên lá cà phê, lá quang-hợp và tổng-hợp dinh dưỡng nuôi cây và cho ra đầu cuối là trái tươi.

Quy-trình nhiệt thứ hai: khi sơ-chế nhân-xanh theo phương-pháp Natural và Honey, trái tươi ở dạng còn vỏ hay đã xát vỏ được phơi dưới ánh nắng mặt trời, khô rút nước dần. Sau đó, trái tươi thành nhân-xanh và được cất trữ theo quy-trình nhiệt và độ-âm phù-hợp.

Quy-trình nhiệt thứ ba: hạt nhân xanh được đưa vào máy rang với một quy-trình nhiệt phù-hợp tùy theo nhà rang để thành hạt rang.

Quy-trình nhiệt thứ tư: hạt rang được xay thành bột và bột được đưa qua nước nóng chiết suất tinh chất với một quy-trình nhiệt đặc-trung của từng cách pha chế để cho ra một ly cà phê chất lượng nhất.

Bốn quy-trình này khái-quát hành-trình “from farm to cup - từ nông trại đến ly cà phê” trong ngành cà phê. Hiểu được mấu chốt là quy-trình nhiệt diễn biến trên hạt cà phê giúp chúng ta có thể nắm bắt được

chuỗi các chỉ số làm nên chất lượng của ly cà phê sau cùng. Để các giác quan từ: mắt, mũi, lưỡi, tay có thể cảm nhận, đánh giá được chất lượng cà phê trong các quy trình, chúng ta cần “đánh thức” chúng bằng cảm quan và tri tuệ đầy đủ. Bát Nhã Tâm Kinh là bộ kinh dẫn đường để chúng ta có thể hiểu và thực hiện được việc “đánh thức” các giác quan tốt nhất.

18 boundaries / 18 界 / 18 giới / 18 limites														
Six roots / 六根 / Lục căn / Six racines					Six dusts / 六塵 / Lục trần / six poussières					Six senses / 六識 / Lục thức / six sens				
English	Viet Confucianism	Viet Confucianism in national script	Vietnamese alphabet	French	English	Viet Confucianism	Viet Confucianism in national script	Vietnamese alphabet	French	English	Viet Confucianism	Viet Confucianism in national script	Vietnamese alphabet	French
eyes	眼	Nhãn	Mắt	yeux	color	色	Sắc	Màu sắc	couleur	eye consciousness	眼識	Nhãn thức	Nhận thức từ mắt	conscience oculaire
ears	耳	Nhĩ	Tai	oreilles	sound	聲	Thanh	Âm thanh	son	ear consciousness	耳識	Nhĩ thức	Nhận thức từ tai	conscience auditive
nose	鼻	Tỷ	Mũi	nez	smell	香	Hương	Mùi hương	odeur	nose consciousness	鼻識	Tỷ thức	Nhận thức từ mũi	conscience olfactive
tongue	舌	Thiệt	Lưỡi	langue	taste	味	Vị	Vị	goût	tongue consciousness	舌識	Thiệt thức	Nhận thức từ lưỡi	conscience linguistique
body	身	Thân	Da	corps	touch	觸	Xúc	Xúc giác	touche	body consciousness	身識	Thân thức	Nhận thức từ da	conscience corporelle
mind	意	Ý	Ý	esprit	object of mind	法	Pháp		objet de l'esprit	consciousness	意識	Ý thức	Nhận thức từ suy nghĩ	conscience

Applying the Heart Sutra to “Four Times on Fire” in the coffee industry

Ứng dụng Bát Nhã Tâm Kinh vào “Four times on fire - Bốn lần đồ lửa - Quatre fois en feu” trong ngành cà phê

Studying and practicing the Heart Sutra helps us use our senses to approach and learn about the coffee industry most effectively.

Học-tập và rèn-luyện theo Bát Nhã Tâm Kinh giúp chúng ta sử-dụng các giác-quan của mình để tiếp-cận và học về ngành cà phê hiệu quả nhất.

Introduction to the application of the PCAA in agriculture

Giới-thiệu về tính ứng-dụng của Dịch-lý Kiến-Nông trong nông-nghiệp

The PCAA, as applied in agricultural development, draws from the philosophical concepts found in the I Ching and traditional Confucian thought. This principle emphasizes adaptability, resilience, and harmony with natural cycles-essential elements for sustainable agriculture.

In the context of LAA, the PCAA guides decision-making processes, helping agricultural entrepreneurs respond effectively to environmental, economic, and social fluctuations. It

encourages flexibility and long-term thinking, allowing agricultural practitioners to navigate uncertainties while maintaining ethical standards.

PCAA, khi áp-dụng trong phát-triển nông-nghiệp, lấy từ các khái-niệm triết-học trong Kinh Dịch và tư-tưởng Khổng Tử truyền-thống. Nguyên-tắc này nhấn mạnh khả-năng thích ứng, khả năng phục hồi và sự hài-hòa với các chu kỳ tự nhiên - các yếu tố thiết yếu cho nền nông-nghiệp bền-vững.

Trong bối-cảnh của LAA, PCAA hướng-dẫn các quy-trình ra quyết-định, giúp các doanh-nông phản-ứng hiệu-quả với các biến-động về môi-trường, kinh-tế và xã-hội. Nó khuyến-khích sự linh-hoạt và tư-duy dài hạn, cho phép các học viên nông nghiệp điều-hướng các điều không chắc chắn trong khi vẫn duy-trì các tiêu-chuẩn đạo-đức.

Definition

Định nghĩa

Principle of Change in Agro-Architecture (abbreviated as PCAA) is a set of principles derived from the study of the I Ching that helps farmers improve, upgrade, and develop agricultural infrastructure and enhance their negotiation capacity based on that infrastructure. Principle of Change in Agro-Architecture in the Central Highlands explains 78 symbols of the I Ching using images and events in agricultural life in the Central Highlands of Vietnam.

Dịch-lý Kiến-Nông (viết tắt là PCAA) là bộ nguyên-tắc có nguồn-gốc từ Dịch học giúp doanh-nông cải-tạo, nâng-cấp, phát-triển hạ-tầng nông-nghiệp và nâng-cao năng-lực đàm-phán dựa vào hạ-tầng đó. Dịch-lý Kiến-Nông tại Tây Nguyên giảng giải 78 dịch-tượng trong Kinh Dịch bằng các hình ảnh, sự kiện trong đời sống nông-nghiệp tại Tây Nguyên - Việt Nam.

Key elements of the PCAA

Các yếu tố chính của Dịch-lý Kiến-Nông

The PCAA is based on the following core elements:

PCAA dựa trên các yếu tố cốt lõi sau:

[1] Adaptability (*Following hexagram 隨*): The ability to adjust to changes in climate, market conditions, and technological advancements. Adaptability is essential for maintaining a competitive edge in agriculture.

Khả-năng thích-ứng (quẻ Tùy - 隨): Khả-năng thích-ứng với những thay đổi về khí-hậu, điều-kiện thị-trường và tiến-bộ công-nghệ. Khả-năng thích-ứng là điều cần-thiết để duy-trì lợi-thế cạnh-tranh trong nông-nghiệp.

[2] Harmony with Nature (*Naturally hexagram 無妄*): Emphasizes practices that align with natural cycles, such as seasonal planting and crop rotation, promoting environmental sustainability.

Hòa-hợp với thiên-nhiên (quẻ Vô Vọng - 無妄): Nhấn mạnh các hoạt-động phù hợp với chu-kỳ tự-nhiên, chẳng hạn như trồng trọt theo mùa và luân canh cây trồng, thúc đẩy tính bền-vững của môi-trường.

[3] Continuous Improvement (*Continuous active activity hexagram 井*): Encourages farmers to constantly refine their methods, enhancing productivity while reducing waste and environmental impact.

Cải-tiến liên-tục (quẻ Tỉnh - 井): Khuyến-khích nông-dân liên tục cải-tiến phương-pháp, nâng cao năng-suất đồng thời giảm thiểu chất thải và tác động đến môi-trường.

[4] Resilience (*Withdrew hexagram 歸妹*): The capacity to withstand and recover from adverse conditions, whether they are economic, environmental, or social.

Khả-năng phục-hồi (quẻ Quy muội - 歸妹): Khả-năng chống-chọi và phục-hồi sau những điều kiện bất lợi, dù là kinh-tế, môi-trường hay xã-hội.

By integrating these elements, agricultural entrepreneurs can develop a holistic approach to farming that is sustainable, ethical, and responsive to change.

Bằng cách kết-hợp các yếu-tố này, các doanh-nông có thể phát-triển một phương-pháp canh-tác toàn-diện, bền-vững, có đạo-đức và thích-ứng với sự thay đổi.

Application

Ứng dụng

PCAA uses the LVRE/LBRE (vein-leaf real estate/leaf-leaf real estate) principle of binary opposition to start analyzing the land of a AECH. The functions that can be placed on the land are analyzed according to the Six Harmonies in Architecture-Agriculture (SHAA) including: staying, eating, playing, studying, working, and exchange. From there, the agricultural entrepreneur can analyze himself to clearly understand what he can/cannot do on the land. After that, the agricultural entrepreneur reviews the things he wants to/does not want to do. Thus, the agricultural entrepreneur has a general operating-principle for the land:

Dịch-lý Kiến-Nông dùng lý đối đãi LVRE/LBRE (bất-động-sản gân-lá/bất-động-sản phiến-lá) để khởi đầu việc phân-tích khu-đất của doanh-nông Tây Nguyên. Chức-năng có thể đặt lên khu-đất được phân-tích theo bộ Lục-hợp Kiến-Nông gồm: ở, ăn, chơi, học, làm việc, giao lưu. Từ đó, doanh-nông có thể tự phân-tích để nắm rõ có-thể làm gì / không-thể làm gì trên khu đất. Sau đó, doanh-nông rà soát lại những việc mình muốn làm / không-muốn làm. Vậy là doanh-nông có một bộ lý-vận-hành khái quát cho khu đất:

What I **want** and **can** do on the land is: staying, eating, playing, studying, working, and exchange.

What I **don't want** and **can** do on the land is: staying, eating, playing, studying, working, and exchange.

What I **want** and **can't** do on the land is: staying, eating, playing, studying, working, and exchange.

What I **don't want** and **can't** do on the land is: staying, eating, playing, studying, working, and exchange.

*Điều mà mình **muốn** và **có thể** làm trên khu đất là: ở, ăn, chơi, học, làm việc, giao lưu gì.*

*Điều mà mình **không muốn** và **có thể** làm trên khu đất là: ở, ăn, chơi, học, làm việc, giao lưu gì.*

*Điều mà mình **muốn** và **không thể** làm trên khu đất là: ở, ăn, chơi, học, làm việc, giao lưu gì.*

*Điều mà mình **không muốn** và cũng **không thể** làm trên khu đất là: ở, ăn, chơi, học, làm việc, giao lưu gì.*

After thinking and analyzing according to this operating-principle, the agricultural entrepreneur will gradually come to the right decision on how to behave on the land. The PCAA

points out that: what the farmer **wants** and **can** do on his land is an ideal condition; what the farmer **does not want** and **cannot** do on his land is something that does not need to be thought about. Thus, the agricultural entrepreneur needs to compare the two main things: what he **does not want** and **can** do / what he **wants** and **cannot** do. This thinking helps the farmer quickly overcome the difficulties (the Difficult in the beginning hexagram - 屯) of the initial period of ignorance about land ownership (the Immaturity hexagram - 蒙) to train himself (the Training hexagram - 鼎) to the point where he can think of the right way to do it (the Change method hexagram - 革) and make the right decisions. From there, agricultural entrepreneurs can improve their negotiation skills, accumulate small successes to achieve great success in proactively coordinating daily work (refer to DDM) and develop in the direction of breakthrough innovation (refer to IDE).

*Khi đã suy-tư và phân-tích theo lý-vận-hành này, doanh-nông sẽ dần tiến đến được quyết định chính xác những ứng xử trên khu đất. Dịch-lý Kiến-Nông vạch ra rằng: điều mà doanh-nông **muốn** và **có thể** làm trên khu đất của mình là điều-kiện rất lý-tưởng; điều mà doanh-nông **không muốn** và cũng **không thể** làm trên khu đất của mình là việc không-cần-phải-nghĩ. Như vậy, doanh-nông cần so-sánh giữa hai điều chính: điều **không muốn** và **có thể** / điều **muốn** và **không thể**. Suy-tư này giúp cho doanh-nông nhanh chóng vượt qua khó khăn (quẻ Truân - 屯) của thời kỳ thiếu hiểu biết ban đầu về việc làm chủ đất đai (quẻ Mông - 蒙) để rèn luyện bản thân (quẻ Đỉnh - 鼎) đến chỗ có thể nghĩ ra cách làm đúng (quẻ Cách - 革) và quyết-định chính-xác. Từ đó, doanh-nông tự nâng-cao được năng-lực đàm-phán, tích-lũy được từng thành-công nhỏ để đạt đến thành-công lớn trong sự chủ động điều-phối công việc hàng ngày (tham khảo DDM) và phát triển được theo hướng sáng tạo đột phá (tham khảo IDE).*

Applying the PCAA in agriculture involves practical strategies that align with its core elements:

Việc áp dụng PCAA vào nông-nghiệp bao gồm các chiến-lược thực-tế phù hợp với các yếu-tố cốt lõi của nó:

[1] Adaptive Crop Planning (Following hexagram 隨): Selecting crop varieties that are suited to current environmental conditions and projected climate patterns, ensuring resilience in changing weather conditions.

Kế-hoạch trồng-trọt thích-ứng (quẻ Tùy - 隨): Lựa chọn các giống cây trồng phù-hợp với điều-kiện môi-trường hiện tại và các mô-hình khí-hậu dự-kiến, đảm-bảo khả-năng phục-hồi trong điều-kiện thời-tiết thay đổi.

[2] Ecological Practices (Harmony with Nature) (Naturally hexagram 無妄): Implementing crop rotation, cover cropping, and organic farming to preserve soil health and biodiversity.

Thực-hành sinh-thái (Hòa-hợp với thiên-nhiên) (quẻ Vô Vọng - 無妄): Thực-hiện luân-canh cây trồng, trồng cây che phủ và canh-tác hữu-cơ để bảo vệ sức-khỏe đất và đa-dạng sinh-học.

[3] Ongoing Training and Skill Development (Continuous active activity hexagram 井): Encouraging farmers and workers to continuously learn new techniques and best practices, fostering an environment of continuous improvement.

Đào-tạo liên tục và phát-triển kỹ-năng (quẻ Tỉnh - 井): Khuyến-kích nông-dân và công-nhân liên tục học các kỹ thuật mới và phương-pháp hay nhất, thúc đẩy môi-trường cải-tiến liên-tục.

[4] Risk Management (Resilience) (*Withdrew hexagram 歸妹*): Developing contingency plans and diversifying income sources to safeguard against economic downturns or natural disasters.

Quản lý rủi ro (Khả năng phục hồi) (quẻ Quy muội - 歸妹): Phát-triển các kế-hoạch dự-phòng và đa dạng hóa các nguồn thu-nhập để bảo-vệ trước suy-thoái kinh-tế hoặc thiên-tai.

By applying these practices, agricultural entrepreneurs can implement the PCAA in ways that enhance sustainability and resilience, preparing them to handle both predictable and unforeseen challenges.

Bằng cách áp-dụng các biện-pháp này, các doanh-nông có thể triển khai PCAA theo cách tăng cường tính bền-vững và khả năng phục-hồi, chuẩn-bị cho họ khả-năng xử-lý cả những thách-thức có thể dự-đoán được và không lường trước được.

Summary of chapter 6

Tóm tắt chương 6

The PCAA offers a philosophical framework for sustainable agricultural development. Rooted in Confucian and I Ching philosophies, it emphasizes adaptability (*Following hexagram 隨*), harmony with nature (*Naturally hexagram 無妄*), continuous improvement (*Continuous active activity hexagram 井*), and resilience (*Withdrew hexagram 歸妹*). These principles provide agricultural entrepreneurs with a robust approach to managing the dynamic and often unpredictable nature of agriculture.

PCAA cung-cấp một khuôn-khố triết-lý cho phát-triển nông-nghiệp bền-vững. Bắt nguồn từ triết-lý Khổng Tử và Kinh Dịch, nó nhấn mạnh khả-năng thích-ứng (quẻ Tùy - 隨), hòa-hợp với thiên-nhiên (quẻ Vô Vọng - 無妄), cải-tiến liên tục (quẻ Tỉnh - 井) và khả-năng phục-hồi (quẻ Quy muội - 歸妹). Những nguyên-tắc này cung-cấp cho các doanh-nông một cách tiếp cận mạnh mẽ để quản-lý bản-chất năng-động và thường không thể đoán trước của nông-nghiệp.

By aligning agricultural practices with the PCAA, AECHs can pursue growth that is not only economically viable but also ecologically responsible. This approach supports a resilient agricultural sector that honors cultural heritage while meeting modern demands.

Bằng cách liên-kết các hoạt-động nông-nghiệp với PCAA, doanh-nông Tây Nguyên có thể theo đuổi sự tăng-trưởng không chỉ khả thi về mặt kinh-tế mà còn có trách-nhiệm về mặt sinh-thái. Cách tiếp cận này hỗ-trợ một ngành nông-nghiệp kiên cường, tôn-vinh di-sản văn-hóa trong khi đáp-ứng nhu-cầu hiện-đại.

Chapter 7
Chương 7

FOUR-WORD PROCESS
QUY-TRÌNH TƯ-TỰ

7.1 ISO 9001 and Versions of ISO 9001

Về ISO 9001 và các phiên bản ISO 9001

7.2 ISO 9001:2015

Về ISO 9001:2015

7.3 Contents of ISO 9001:2015. Content of the document - Quality management system of Tien Phuoc Organic Agricultural Development Co., Ltd. It is according to the layout of 6 chapters.

Nội dung ISO 9001:2015. Nội dung tài liệu - Hệ thống quản lý chất lượng Công ty TNHH PT NN HC Tiên Phước - theo bố cục 6 chương.

7.4 Document content - A quality management system of Tien Phuoc Organic Agricultural Development Co., Ltd. It has been formatted according to the four-word operation of Viet-Confucianism.

Nội dung tài liệu - Hệ thống quản lý chất lượng Công ty TNHH PT NN HC Tiên Phước - Định dạng theo tư tượng vận hành bằng Việt Nho.

7.5 Definition

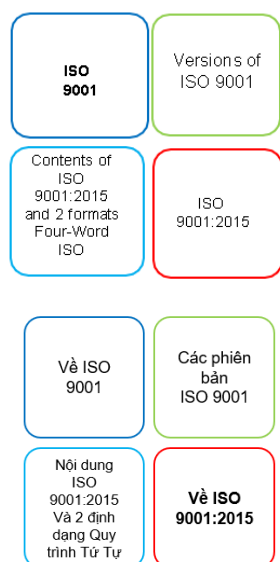
Định nghĩa

7.6 Application

Ứng dụng

7.1 ISO 9001 and Versions of ISO 9001

Về ISO 9001 và các phiên bản ISO 9001



Since ISO 9001 was created, going through the development process to the complete version of ISO 9001:2015, has achieved advantages not only "satisfying customers" but also "satisfying the business itself". Kien Nong Xanh One Member Co., Ltd. advises Tien Phuoc Organic Agricultural Development Co., Ltd to choose to apply TCVN ISO 9001: 2015 to build a Quality Management System in order to fully exploit close-scientific and not be outdated in the 4.0 era to catch up with the digital economy, to manage and develop existing resources effectively.

Bộ ISO 9001 từ khi ra đời, qua các quá trình phát triển đến phiên bản hoàn chỉnh ISO 9001:2015 đã đạt đến ưu điểm: bên cạnh hướng đến “thỏa mãn khách hàng” còn “thỏa mãn bản thân doanh nghiệp”. Công ty TNHH Kiến Nông Xanh tư vấn công ty TNHH PT NN HC Tiên Phước lựa chọn áp dụng TCVN ISO 9001:2015 để xây dựng Hệ thống quản lý chất lượng nhằm khai thác triệt để tinh khoa học chặt chẽ, không bị lạc hậu trong thời đại 4.0 để bắt kịp nền kinh tế số, sử dụng và phát huy hiệu quả nguồn lực hiện có.

ISO 9001:

Về ISO 9001:

ISO 9001 is the international standard for creating Quality Management Systems (QMS), published by ISO (the International Organization for Standardization). The standard was most recently updated in 2015, and it is referred to as ISO 9001:2015 - Quality Management Systems - Requirements. Organizations and businesses that apply ISO 9001 certification will help increasingly improve productivity as well as profits for their production and business activities. This standard is also used for assessment and certification according to an organization's quality management system and the ISO 9001 standard widely used in the world.

ISO 9001 là một tiêu chuẩn về hệ thống quản lý chất lượng do Tổ chức Tiêu chuẩn hóa quốc tế ISO phát triển và ban hành. Tiêu chuẩn ISO 9001 có phiên bản mới nhất là ISO 9001:2015 - Hệ thống quản lý chất lượng - Các yêu cầu. Tổ chức doanh nghiệp áp dụng đạt chứng nhận ISO 9001 sẽ giúp doanh nghiệp ngày càng nâng cao năng suất cũng như lợi nhuận cho hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. Tiêu chuẩn này cũng được sử dụng cho việc đánh giá chứng nhận phù hợp với hệ thống quản lý chất lượng của một tổ chức và tiêu chuẩn ISO 9001 được sử dụng rộng rãi trên thế giới.

Versions of ISO 9001:

Về các phiên bản ISO 9001:

ISO 9001:1987 Quality systems - Model for quality assurance in design/development, production, installation, and servicing.

Quản lý chất lượng - Mô hình đảm bảo chất lượng trong thiết kế/triển khai, sản xuất, lắp đặt và dịch vụ kỹ thuật).

ISO 9001:1994 Equivalent as TCVN ISO 9001:1996 Quality systems - Model for quality assurance in design, development, production, installation, and servicing.

Tương đương: TCVN ISO 9001:1996 Quản lý chất lượng - Mô hình đảm bảo chất lượng trong thiết kế, triển khai, sản xuất, lắp đặt và dịch vụ kỹ thuật.

ISO 9001:2000 Quality Management Systems – Requirements

Quản lý chất lượng - Các yêu cầu.

ISO 9001:2008 Quality management systems - Requirements. This is the current version of ISO 9001.

Quản lý chất lượng - Các yêu cầu). Đây là phiên bản hiện hành của ISO 9001.

ISO 9001:2015 equivalent to TCVN ISO 9001:2015 Quality management systems - Requirements. This is the latest version that replaces the ISO 9001:2008 version.

Tương đương: TCVN ISO 9001:2015 Quản lý chất lượng - Các yêu cầu. Đây là phiên bản mới nhất thay thế phiên bản ISO 9001:2008.

Management application:

Ứng dụng quản lý:

Studying the development history of ISO 9001 standards helps Kien Nong Xanh to grasp the process of formation and development of the language and thinking system of this set of standards. Thereby, Kien Nong Xanh could convey the core spirit of the set of standards to the language and thinking system which is closest to the workforces and managers in the fields of agriculture and food industry the most effective.

Nghiên cứu lịch sử phát triển của Tiêu chuẩn ISO 9001 giúp Kiến Nông Xanh nắm bắt quá trình hình thành và phát triển hệ thống ngôn ngữ và tư duy của bộ tiêu chuẩn này. Qua đó, Kiến Nông Xanh chuyển tải tinh thần cốt lõi của bộ tiêu chuẩn ra hệ thống ngôn ngữ và tư duy gần nhất với người lao động và nhà quản lý trong ngành nông nghiệp và công nghiệp thực phẩm một cách tốt nhất.

7.2 ISO 9001:2015

Về ISO 9001:2015

ISO 9001:2015 (Quality management systems - Requirements), is the fifth version of the ISO 9001 standard, it has become the global standard for ensuring the ability to satisfy quality requirements and enhance customer satisfaction in supplier and customer relationships.

(là tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng - Các yêu cầu), là phiên bản thứ năm của tiêu chuẩn ISO 9001, nó đã trở thành chuẩn mực toàn cầu đảm bảo khả năng thỏa mãn các yêu cầu về chất lượng và nâng cao sự thỏa mãn của khách hàng trong các mối quan hệ nhà cung cấp và khách hàng.

ISO 9001 version 2015 compared with previous versions, the difference is that it helps Enterprises/Organizations around the world when applying ISO 9001:2015 standard will increasingly improve profits/operational efficiency which ISO 9001:2008 has not been mentioned before. The previous ISO 9001:2008 was aimed at "satisfying customers" but almost did not mention "satisfying the business itself" such as business profits, efficiency other activities of the enterprise is almost not mentioned".

ISO 9001 version 2015 so với các phiên bản trước đó nó khác biệt ở chỗ giúp Doanh nghiệp/Tổ chức trên toàn thế giới khi áp dụng tiêu chuẩn ISO 9001:2015 sẽ ngày càng nâng cao lợi nhuận/hiệu quả cho hoạt động kinh doanh của mình, điều mà trước đây tiêu chuẩn ISO 9001:2008 chưa hướng đến, trước đó ISO 9001:2008 hướng đến "thỏa mãn khách hàng" còn "thỏa mãn bản thân doanh nghiệp" như lợi nhuận của doanh nghiệp, các hiệu quả hoạt động khác của doanh nghiệp thì lại gần như không đề cập đến".

Every organization/enterprise wants to grow and develop continuously, achieve high profits, and continuously maintain that high profit margin, and every Business/Organization understands that they must have a close-scientific management system and a Quality Management System in order to catch up with the digital economy, to manage and develop existing resources effectively. ISO 9001:2015 is definitely the best and most close-scientific management system standard that every Enterprise/Organization should apply.

Mọi Tổ chức/doanh nghiệp đều mong muốn tăng trưởng phát triển liên tục, đạt được lợi nhuận cao và liên tục duy trì tỷ suất lợi nhuận cao đó và điều mọi Doanh nghiệp/Tổ chức đều hiểu rõ phải có một hệ thống quản lý khoa học chặt chẽ không bị lạc hậu trong thời đại để bắt kịp nền kinh tế sử dụng và phát huy hiệu quả nguồn nhân lực hiện có. Tiêu chuẩn ISO 9001:2015 chắc chắn là tiêu chuẩn về hệ thống quản lý khoa học, chặt chẽ tốt nhất mà mọi Doanh nghiệp/Tổ chức nên tìm đến để áp dụng.

Management application:

Ứng dụng quản lý:

Exploiting the "scientific and close" of the ISO 9001:2015 Standard is an important premise for Kien Nong Xanh to compile the Quality Management Regulations - Tien Phuoc Organic Agricultural Development Co., Ltd to the integrated ISO-ERP Vision.

Khai thác tính "khoa học, chặt chẽ" của Tiêu chuẩn ISO 9001:2015 là tiền đề quan trọng để Kiến Nông Xanh biên soạn Quy chuẩn quản lý chất lượng - Công ty TNHH PT NN HC Tiên Phước theo định hướng Chuyển đổi số tiến tới Tầm nhìn ISO-ERP-hợp-nhất

7.3 Contents of ISO 9001:2015. Content of the document - Quality management system of Tien Phuoc Organic Agricultural Development Co., Ltd. It is according to the layout of 6 chapters.

Nội dung ISO 9001:2015. Nội dung tài liệu - Hệ thống quản lý chất lượng Công ty TNHH PT NN HC Tiên Phước - theo bố cục 6 chương.

Content of ISO 9001:2015

Nội dung ISO 9001:2015

Article 0: Introduction

Điều khoản 0: Lời giới thiệu

Article 1. Scope of application

Điều khoản 1. Phạm vi áp dụng

Article 2. References

Điều khoản 2. Tài liệu viện dẫn

Article 3: Terms and Definitions

Điều khoản 3: Thuật ngữ và định nghĩa

Article 4: Context of the Organization

Điều khoản 4: Bối cảnh của tổ chức

Article 5: Leadership

Điều khoản 5: Sự lãnh đạo

Article 6: Planning

Điều khoản 6: Hoạch định

Article 7: Support

Điều khoản 7: Hỗ trợ

Article 8: Operating

Điều khoản 8: Điều hành

Article 9: Performance Evaluation

Điều khoản 9: Đánh giá kết quả hoạt động

Article 10: Improvement

Điều khoản 10: Cải tiến

Content of the document - Quality management system of Tien Phuoc Organic Agricultural Development Co., Ltd:

Nội dung tài liệu - Hệ thống quản lý chất lượng Công ty TNHH PT NN HC Tiên Phước:

Chapter A: Way to Build Set of Documents

Chương A: Quy cách xây dựng bộ tài liệu

Chapter B: Business Organization and Operations

Chương B: Tổ chức và Hoạt động kinh doanh

Chapter C: Strategy, Execution, Coaching, and Improvement

Chương C: Chiến lược, Thực thi, Huấn luyện và Cải tiến

Chapter D: Standards, Technology, Brands, and HR Competence

Chương D: Tiêu chuẩn, Công nghệ, Thương hiệu và Năng lực nhân sự

Chapter E: ISO->ERP Digital Transformation

Chương E: Chuyển đổi số ISO->ERP

Chapter F: Periodic System Evaluation and Improvement

Chương F: Đánh giá và cải tiến Hệ thống định kỳ

Management application:

Ứng dụng quản lý:

Format of 06 chapters in the document set: Quality management standards of Tien Phuoc Organic Agricultural Development Co., Ltd. It is integrated following a cubic structure, adhering to the core spirit of ISO 9001:2015 and adding some content from ISO 9004 – managing the sustained success of an organization – Quality management approach has been detailed in sections A.5 and A.6 on how to read and use this document.

Định dạng 06 chương trong Bộ tài liệu: Quy chuẩn quản lý chất lượng Công ty TNHH PT NN HC Tiên Phước được tích hợp theo cấu trúc lập phương, tuân thủ tinh thần cốt lõi của ISO 9001:2015 và bổ sung một số nội dung từ ISO 9004 - quản lý sự thành công bền vững của một tổ chức - Phương pháp tiếp cận quản lý chất lượng được làm rõ trong mục A.5 và A.6 về cách đọc bộ tài liệu và cách sử dụng bộ tài liệu.

7.4 Document content - A quality management system of Tien Phuoc Organic Agricultural Development Co., Ltd. It has been formatted according to the four-word operation of Viet-Confucianism.

Nội dung tài liệu - Hệ thống quản lý chất lượng Công ty TNHH PT NN HC Tiên Phước - Định dạng theo tứ tượng vận hành bằng Việt Nho.

From the thinking of Four Symbol operation, we edits the frame of 3rd information in the Four-Word Process according to a square matrix, taking the set of 16 letters (abbreviated as FFHM-BICN-OFSE- PCCE) as the center to develop the branches:

Từ tư duy Tứ tượng vận hành, chúng tôi biên tập cách định khung thông tin thứ ba trong Quy-trình Tứ-Tự theo ma trận vuông, lấy bộ 16 chữ (viết tắt là FFHM-BICN-OFSE- PCCE) làm trung tâm để phát triển ra các nhánh:

The integrated administration of SFAM and accumulated intangible assets are two sets that can be quickly analyzed and rendered using this framework.

Quản trị tích hợp SNCT và tài sản vô hình tích lũy là hai bộ được phân tích và kết xuất nhanh được bằng định khung này.

Chapter A: Foudation - Fund - Human Resource - Management (FFHM)

Chương A: Căn Tàì Nhân Quản

Chapter B: Balance sheet - Income statement - Cash flow statement - Notes to the financial statements (BICN)

Chương B: Cân Kết Lưu Thuyết

Chapter C: Operating profit - Financial health - Strategic leadership - Environmental effect (OFSE)

Chương C: Tài Sức Trí Tác

Chapter D: Products and services - Care - Customer portrait - E-business (PCCE)

Chương D: Dịch Chăm Dung Viễn

Chapter E: The Integrated Management of SFAM

Chương E: Quản trị tích hợp SNCT

Chapter F: Specific knowledge management - Specific management experience - Competitive products & services - Coalition (SSCC)

Chương F: Trí Quản Dịch Liên

Management application:

Ứng dụng quản lý:

The Viet-Confucianism format is a framework for Four-Word Process to do strategic analysis and fast "data mining" from the database. This format acts as a framework to minimize the discrepancy between the versions of the Vietnamese alphabet and English.

Định dạng Việt Nho là bộ khung để để Quy-trình Tứ-Tự có thể phân tích chiến lược và "data mining" nhanh các dữ liệu trong database. Định dạng này đóng vai trò khung để giảm thiểu sai lệch giữa bản Quốc ngữ ABC và Anh ngữ.

Introduction to the Four-Word Process

Giới thiệu về Quy-trình Tứ-Tự

The Four-Word Process (abbreviated as FWP) is a set of processes that apply the Principle of Change in Architecture-Agriculture and the Four-Word Thinking of Field to record and synthesize discrete events in low-density areas to comply with international standards, starting with ISO 9001:2015.

Quy-trình Tứ-Tự (viết tắt là FWP) là bộ quy trình ứng dụng Dịch-lý Kiến-Nông và Tứ-Tự Tri Điền để ghi nhận và tổng hợp các sự việc rời rạc tại khu vực có mật độ dân cư thấp nhằm tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế, khởi đầu là ISO 9001:2015.

In agricultural development, the Four-Word Process provides a concise framework for planning, executing, and reviewing tasks, making it particularly effective in guiding routine and large-scale agricultural activities. This approach ensures that all team members can follow

a structured process, which is essential for efficiency and consistency.

Trong phát-triển nông-nghiệp, Quy-trình Từ-Tự cung cấp một khuôn-khó ngắn gọn để lập kế-hoạch, thực hiện và xem xét các nhiệm-vụ, khiến nó đặc-biệt hiệu-quả trong việc hướng-dẫn các hoạt-động nông-nghiệp thường xuyên và quy mô lớn. Cách tiếp cận này đảm bảo rằng tất cả các thành viên trong nhóm có thể tuân theo một quy-trình có cấu-trúc, điều này rất cần thiết cho hiệu quả và tính nhất quán.

7.5 Definition

Định nghĩa

The Four-Word Process is a structured approach that breaks down complex tasks into clear, actionable steps. Each step is represented by a single word, simplifying communication and ensuring a shared understanding across teams. This method draws from the Four-Word method's roots in Confucian philosophy, adapted to modern agricultural needs.

Quy-trình Từ-Tự là một phương-pháp tiếp-cận có cấu-trúc, chia nhỏ các nhiệm vụ phức tạp thành các bước rõ ràng, có thể thực hiện được. Mỗi bước được diễn đạt bằng một từ duy nhất, giúp đơn giản hóa giao tiếp và đảm bảo sự hiểu biết chung giữa các nhóm. Phương-pháp này bắt nguồn từ nguồn-gốc của phương-pháp Từ-Tự trong triết học Khổng Tử, được điều chỉnh cho phù hợp với nhu cầu nông-nghiệp hiện đại.

Examples of Four-Word Processes in agriculture

Ví dụ về Quy-trình Từ-Tự trong nông-nghiệp

Here are several examples of FWP applicable in various agricultural activities:

Sau đây là một số ví dụ về Quy-trình Từ-Tự có thể áp dụng trong nhiều hoạt động nông nghiệp khác nhau:

- 'Prepare - Plant - Maintain - Harvest': This sequence covers the primary stages in crop production, from initial preparations to final harvest, ensuring a clear workflow for planting.

“Chuẩn bị - Trồng - Bảo dưỡng - Thu hoạch”: Trình tự này bao gồm các giai đoạn chính trong sản xuất cây trồng, từ khâu chuẩn bị ban đầu đến khâu thu hoạch cuối cùng, đảm bảo quy trình trồng trọt rõ ràng.

- 'Plan - Execute - Monitor - Adjust': Used for project management in agricultural settings, this process helps teams stay on track and make necessary adjustments based on monitoring results.

“Lập kế hoạch - Thực hiện - Giám sát - Điều chỉnh”: Được sử dụng để quản lý dự án trong lĩnh vực nông nghiệp, quy trình này giúp các nhóm đi đúng hướng và thực hiện các điều chỉnh cần thiết dựa trên kết quả giám sát.

- 'Observe - Identify - Treat - Prevent': Effective for pest and disease management, this process guides farmers in early detection and treatment to maintain crop health.

“Quan sát - Xác định - Xử lý - Phòng ngừa”: Có hiệu quả trong việc quản lý sâu bệnh, quy trình này hướng dẫn nông dân phát hiện và xử lý sớm để duy trì sức khỏe cây trồng.

Each of these processes serves as a straightforward guide for agricultural tasks, helping workers stay focused and aligned in their efforts.

Mỗi quy trình này đóng vai trò như hướng dẫn trực tiếp cho các công việc nông nghiệp, giúp người lao động tập trung và thống nhất trong nỗ lực của mình.

7.6 Application

Ứng dụng

From the analysis of SHAA, deciding what is **wanted** and **can** on the land of the AECH, he needs to use the Four-Word Process to standardize the work. For example, he needs List - Description - Supplier - Specification (LDSS) land data to be able to enter the data into the calculation of total investment, cash flow of income and expenditure in a crop season. Land resource in the Central Highlands often has a certain slope, so the area in the red-book is often a little smaller than the actual land because the red-book is calculated according to the vertical projection of the land surface. When he has accurate area data, he can calculate the number of seeds that need to be ordered / purchased in advance and sent to the seed supplier so that when the weather and labor are favorable, he can plant seeds immediately. If LDSS is not careful, when planting, he may lack seeds and have to leave the land empty, and sometimes he may have excess seeds, wasting money. When there is an accurate plan, the agricultural entrepreneur can also buy quality seeds at a good price. Thus, applying the LDSS process will help agricultural entrepreneurs improve investment efficiency and achieve better profits.

*Từ những phân-tích về Lục-hợp Kiến-Nông, quyết-định được đều **muốn** và **có thể** làm được trên khu đất của doanh-nông Tây Nguyên, anh ta cần dùng các Quy-trình Từ-Tự để chuẩn-hóa những công việc. Ví dụ, anh ta cần Kế Biên Cung Chính (LDSS) dữ-liệu đất-đai thì mới có thể đưa số-liệu vào tính-toán tổng đầu-tư, dòng tiền thu - chi trong một mùa vụ. Quỹ đất tại Tây Nguyên hay có độ dốc nghiêng nhất định nên diện-tích trong sổ-đỏ thường nhỏ hơn đất thực tế một chút vì sổ-đỏ tính theo hình chiếu đứng của bề mặt khu đất. Khi có số-liệu diện-tích chính-xác, anh ta mới có thể tính được số giống cần đặt trước / mua trước gửi tại nhà cung cấp giống để khi có thời-tiết và nhân-công thuận-lợi thì có thể xuống giống liền. Nếu không LDSS cẩn-thận, đến lúc trồng, anh ta có thể bị thiếu giống phải để đất trống và cũng có khi bị thừa giống thì phí tiền. Khi có kế hoạch chính xác thì doanh-nông cũng có thể mua được giống chất lượng với giá tốt. Như vậy việc áp dụng quy trình LDSS sẽ giúp doanh-nông nâng cao hiệu quả đầu tư và đạt được lợi nhuận tốt hơn.*

Similar to the LDSS set, the sets of R&D - Branding - Customer experience - Sale channel (RBCS), Foundation - Funding - Human resources - Management (FFHM), Operating profit - Financial health - Strategic leadership - Environmental effect (OFSE), and Products and services - Care - Customer portrait - E-business (PCCE), when put into effect, will also help agricultural entrepreneurs improve investment efficiency and achieve better profits.

Tương tự bộ LDSS, các bộ Nghiên Định Thỏa Dụng, Căn Tài Nhân Quản, Tài Sức Trí Tác, Dịch Chăm Dung Viễn khi phát-huy được tác-dụng cũng sẽ giúp doanh-nông nâng cao hiệu-quả đầu-tư và đạt được lợi-nhuận tốt hơn.

The Four-Word Process can be arranged in three ways to help farmers interact well with:

Quy-trình Từ-Tự có thể sắp xếp theo 3 cách sẽ giúp cho doanh-nông tương tác tốt với:

- English speaking group: need to be arranged according to ISO 9001:2015.
Nhóm sử dụng Anh Ngữ: cần sắp xếp theo ISO 9001:2015.
- Vietnamese language group: need to arrange according to 6 chapter layout.

Nhóm sử dụng Việt Ngữ: cần sắp xếp theo bố cục 6 chương.

- Daily conversation used with labourers at the field: should be arranged according to the ABCDEF framework.

Ngôn ngữ nói chuyện hàng ngày với nhân công trên cánh đồng: cần sắp xếp theo định khung ABCDEF.

Implementing the Four-Word Process for consistency

Triển-khai Quy-trình Tứ-Tự để đảm bảo tính nhất quán

Implementing the FWP in agricultural operations promotes consistency by standardizing essential tasks. For example:

Việc triển-khai FWP trong hoạt-động nông-nghiệp thúc-đẩy tính nhất-quán bằng cách chuẩn-hóa các nhiệm-vụ thiết-yếu. Ví dụ:

- Consistency in cultivation: Using a process like 'Prepare - Plant - Maintain - Harvest' ensures that each phase is completed methodically, reducing the likelihood of errors and improving yields.

Tính nhất-quán trong canh-tác: Áp-dụng quy-trình như “Chuẩn bị - Trồng - Bảo dưỡng - Thu hoạch” đảm bảo rằng mỗi giai-đoạn được hoàn-thành theo phương-pháp, giảm khả-năng xảy ra lỗi và cải thiện năng-suất.

- Efficient resource management: With processes like 'Plan - Execute - Monitor - Adjust,' resources are allocated effectively, and waste is minimized through continuous monitoring and adjustments.

Quản-lý tài-nguyên hiệu-quả: Với các quy-trình như “Tính - làm - kiểm - chỉnh”, tài-nguyên được phân-bố hiệu-quả và lãng-phí được giảm thiểu thông qua việc giám-sát và điều-chỉnh liên tục.

- Proactive problem solving: Processes like 'Observe - Identify - Treat - Prevent' enable proactive action against pests and diseases, improving the overall health of crops.

Giải-quyết vấn-đề chủ-động: Các quy-trình như “Quan sát - Xác định - Xử lý - Phòng ngừa” giúp chủ-động hành-động chống lại sâu-bệnh, cải thiện sức-khỏe tổng-thể của cây-trồng.

The structured nature of the FWP enables agricultural entrepreneurs to streamline operations, maintain high standards, and enhance productivity.

Bản-chất có cấu-trúc của FWP cho phép các doanh-nông tinh giản hoạt-động, duy trì các tiêu chuẩn-cao và nâng-cao năng-suất.

Summary of chapter 7

Tóm tắt chương 7

The FWP offers a simplified, structured approach to managing agricultural tasks. By breaking down tasks into four actionable steps, this method fosters consistency and efficiency across various activities in agricultural settings.

Through examples like 'Prepare - Plant - Maintain - Harvest' and 'Plan - Execute - Monitor - Adjust,' the FWP provides a straightforward framework for routine and large-scale agricultural operations. This approach ensures that Vietnamese farmers and agricultural

managers can maintain high standards, promote efficiency, and address challenges proactively, ultimately supporting sustainable agricultural development.

Quy-trình Tứ-Tự cung cấp một cách tiếp cận đơn giản, có cấu-trúc để quản-lý các nhiệm-vụ nông nghiệp. Bằng cách chia nhỏ các nhiệm-vụ thành bốn bước có thể thực hiện được, phương-pháp này thúc đẩy tính nhất-quán và hiệu-quả trong nhiều hoạt-động khác nhau trong bối-cảnh nông-nghiệp.

Thông qua các ví dụ như “Chuẩn bị - Trồng - Duy trì - Thu hoạch” và “Tính - Làm - Kiểm – Chỉnh”, Quy-trình Tứ-Tự cung-cấp một khuôn-khó đơn-giản cho các hoạt-động nông-nghiệp thường xuyên và quy-mô lớn. Cách tiếp-cận này đảm-bảo rằng nông dân và nhà quản lý nông nghiệp Việt Nam có thể duy trì các tiêu chuẩn cao, thúc đẩy hiệu quả và giải-quyết các thách-thức một cách chủ động, cuối cùng là hỗ-trợ phát-triển nông-nghiệp bền-vững.



ISO 9001:2015 kick-off meeting for Daklac Coffee in 2018

Họp triển khai ISO 9001:2015 cho Daklac Coffee năm 2018

Chapter 8
Chương 8

INTEGRATED ADMINISTRATION OF SFAM
QUẢN TRỊ TÍCH HỢP SNCT

8.1 The introduction of integrated administration of SFAM

Giới thiệu về quản trị tích hợp SNCT

8.2 Definition

Định nghĩa

8.3 Features

Các đặc điểm

8.4 Application

Ứng dụng

8.1 The introduction of integrated administration of SFAM

Giới thiệu về quản trị tích hợp SNCT

From the need of agricultural development to the discovery of the Integrated administration of SFAM

(Viet Kien Nong, 22/10/2019)

Từ nhu cầu phát triển nông nghiệp đến phát hiện Quản-trị-tích-hợp SNCT

(Việt Kiến Nông, 22/10/2019)

A structure always has an operating mechanism that Mr. Luu calls Structure and Organism. Each Structure is binary in opposition to its Organism. For example, said that our arm refers to a structure that includes: the wrist, hand, tendon, five fingers, blood, vitality, and nerves... to perform grip, grasp, squeeze, feel, touch, and sensory, ... So when we talk about a Structure, actually we talk about its Organism at the same time. Without the Organism, the Structure has no value.

Một cấu trúc luôn có cơ chế vận hành mà thầy Lưu Hồng Triển gọi là Structure và Organism. Mỗi Structure đều tình-tại-đối-đãi với Organism của nó. Ví dụ nói cánh tay của chúng ta là nói đến một hệ thống gồm: cổ tay, bàn tay, gân, năm ngón, máu huyết, dây thần kinh... để thực hiện cầm, nắm, bóp, cảm-nhận-xúc-giác,... Nên nói đến một cấu trúc, thực ra chúng ta nói đồng thời đến sự vận hành của nó. Không có sự vận hành, cấu trúc đó không còn giá trị.

The question raised in WAA is what is each point in agricultural work doing in their 24 hours a day?

Câu hỏi đặt ra trong WAA là: Mỗi mắt xích tham gia công việc canh nông đang làm gì trong 24h mỗi ngày của họ?

I spent enough time observing the operation of farming based on assembling the people's work in involved chains. That needs to be done along with the farming production and agri-products distribution of the two markets: agricultural investment and agri-products trade. From there, when designing the farm, I can arrange the space to implement the entire list of agricultural work for a given group of people. The main point of a farming complex is that it is not possible to spread enough human resources along the procedure of work. It is difficult to have marketing, sales, accounting, and delivery separated. So in fact, anyone who is directly involved in farming finds themselves "working hard all day, but still worrying at night". The group of Scholar - Farmer - Artisan - Merchant like the heart that runs goods-money flows smoothly, but when asked about the specific work of each person, they falter. They cannot describe what they themselves are doing every day.

Tôi đã dành thời lượng tạm đủ để quan sát sự vận hành nông nghiệp dựa vào ráp nối những động tác mà những mắt xích con người tham gia thực hiện. Điều đó cần thực hiện dọc theo trục công việc sản-xuất-nông-nghiệp và phân-phối-nông-sản trên hai thị trường đầu-tư-nông-nghiệp và thương-mại-nông-sản. Để từ đó, khi thiết kế trang trại, tôi có thể sắp xếp không gian thực hiện toàn bộ danh mục công việc canh nông cho một nhóm người đề ra. Đặt điểm chính của một tổ-hợp-canh-nông là không thể dàn trải đủ nhân lực theo suốt dọc-dài-công-việc: khó tách tiếp thị riêng, bán hàng riêng,

kế toán riêng, giao nhận riêng... Vì thế trên thực tế, ai trực tiếp tham gia canh nông đều thấy mình "làm quần quật suốt ngày mà đêm về vẫn còn trần trọc" (1). Nhóm người sĩ-nông-công-thương như trái tim điều hành hàng-hoá-tiền-bạc lưu chuyển nhịp nhàng nhưng khi hỏi về công việc cụ thể của từng người, họ đều ấp úng. Họ không tả được điều mà chính họ đang làm mỗi ngày.

The question "What is each point in agricultural work doing in their 24 hours a day?" sounds very easy and the answer is right in the reality in front of us but it is not that easy to "write it down".

Câu hỏi "Mỗi mắt xích tham gia công việc canh nông đang làm gì trong 24h mỗi ngày của họ?" nghe có vẻ rất dễ và câu trả lời nằm trong hiện thực trước mắt mà để "viết ra thành văn bản" thì không biết viết ra sao.

We often meet somewhere in the daily conversation:

Chúng ta, hay gặp ở đó những câu thường nhật:

"What are you doing today?"

"Bữa giờ làm gì vậy?"

"Oh, Nothing much!"

"Ừ, cũng làm công chuyện vậy đó!"

Or / Hay:

"How's it going?"

"Bữa giờ sao rồi?"

"Also live!"

"Cũng sống được!"

It is difficult to say clearly, each person's job is to be a farmer, a artisan, a merchant, or a scholar. They do farming, they also do processing, they also do business, they also support someone on the same day. In order to digitalize that ambiguous workload, the first thing is to respect that daily reality is the right mix of work and it has been born out of practical need, do not take the imaginary professionalism to set it down. Second, we have to find a way to quantify it. Along with the discovery and editing of FWTF, I find that base 4 is the common point of many agricultural stories, it reflects both generalization and specificity for each job, so it reflects "the ambiguous" needs a structure of 1-2-3-4 ratio in the quartets such as spring-summer-autumn-winter, fisherman - woodcutter - plant breeder - animal breeder, Confucianism - medicine - principle - divination, sliced layer, and SFAM are easy-to-understand representations of a structure of many overlapping squares divided by four and need to be linked vertically to create a structure (system) with the most perfect operation (organism). So when we mention the integrated administration of SFAM, also understood as the integrated administration of fisherman - woodcutter - plant breeder - animal breeder, the integrated administration of Confucianism - medicine - principle - divination. And the words I chose to represent is SFAM. The integrated administration of

SFAM was created taking typical ongoing reality as the basis to complete agricultural system.

Khó mà nói rõ ràng được, việc của từng người là làm thuần nông, làm công, làm thương mại hay làm dịch vụ. Họ có làm nông, cũng có làm chế biến, cũng có buôn bán, cũng có hỗ-trợ-khuyên-lơn ai đó trong cùng một ngày. Để số hoá khối công việc nhùng nhằng đó, điều thứ nhất là phải tôn trọng, rằng hiện thực mỗi ngày đó là tổ hợp công việc đúng và đã được hình thành từ nhu cầu thực tiễn, không lấy sự chuyên nghiệp tưởng tượng áp đặt lên nó. Điều thứ hai, chúng ta phải tìm cách lượng hoá nó. Cùng với phát hiện và biên tập Tư Tri Điền, tôi thấy cơ sở 4 là điểm chung của rất nhiều câu chuyện nông nghiệp, nó phản ánh vừa khái quát được vừa cụ thể được cho từng mỗi công việc nên để phản ánh "khối nhùng nhằng" cần một tỷ lệ phối thành phần 1,2,3,4 trong các bộ tứ Xuân-hạ-thu-đông, Ngự-tiêu-canh-mục, Nho-y-lý-số, ... theo cắt lớp và Sĩ Nông Công Thương là bộ đại diện dễ hiểu của một cấu trúc nhiều hình-vuông-chia-bốn chồng lên nhau và cần xỏ dọc để tạo ra một cấu trúc (system) có sự vận hành (organism) hoàn hảo nhất. Nên nói quản trị tích hợp Sĩ Nông Công Thương, cũng hiểu là Quản trị tích hợp Ngự Tiêu Canh Mục, cũng là Quản trị tích hợp Nho Y Lý Số,... Và chữ tôi chọn làm đại diện là Sĩ Nông Công Thương.

Since having this SFAM measure, we can temporarily determine:

Từ khi có bộ đo lường SNCT này, chúng ta tạm có thể xác định:

- Mr. A does 60% as a merchant, 15% as a artisan, 15% as a farmer, and 10% as an scholar.

Anh A làm 60% thương, 15% công, 15% nông và 10% sĩ.

- Ms. B works 55% as a scholar, 20% as a farmer, 20% as a merchant, and 5% as a artisan

Chị B làm 55% sĩ, 20% nông, 20% thương, 5% công.

...

The composition of S-F-A-M in each person's work changes every day, now it's 60-15-15-10, tomorrow it's 55-20-5-20, and one day it will be ...

Cấu thành S-N-C-T trong công việc của từng người lại biến động mỗi ngày, nay thì 60-15-15-10, mai thì 55-20-5-20, một thì sẽ ... nữa.

It is not easy to control this S-F-A-M ratio, but managing its results to gain experience daily is essential. At this point, the secret of why you have to "work hard all day but still worry at night" (1) is clearer. Every night, you guys take a review of the 60-15-15-10 work of the day and mutter that they have done S-F-A-M which is right and which is wrong, and tomorrow the S-F-A-M ratio 55-20-5-20 would be? If you have the FWTF handbook and the integrated administration of the SFAM handbook "my house story", either you will have ready-made note boxes to mentally calculate very quickly, or you will have a way to take notes right after a day's work.

Kiểm soát tỉ lệ S-N-C-T này không dễ, nhưng quản lý kết quả của nó để rút kinh nghiệm mỗi ngày là rất cần thiết. Đến đây, bí mật tại sao phải "làm quần quật suốt ngày mà đêm về vẫn còn trần trối" của quý anh chị tham gia canh nông đã rõ hơn. Tối nào mấy anh chị cũng kiểm kê công việc 60-

15-15-10 của ngày qua và lầm nhấm đã làm S-N-C-T cái nào đúng cái nào sai và mai sẽ có tỉ lệ S-N-C-T của ngày mai 55-20-5-20 như thế nào. Nếu có cuốn sổ tay Từ-Tự Tri Điển và sổ tay Quản trị tích hợp SNCT “chuyện nhà tôi” thì hoặc anh chị sẽ có những ô ghi chủ sẵn để lầm nhấm rất nhanh, hoặc anh chị đã có cách ghi chép ngay sau lúc thực hiện công việc trong ngày./.

Note: (1) Active and vigilant all day; this refers to the treading of the proper path over and over again. (君子終日乾乾. 夕惕若厲無咎) (item: 6.2)

Chú thích: (1): diễn ý từ “quân tử chung nhật kiến kiến, tịch dịch nhược lệ vô cữu” trong quẻ thuần cần (xem mục 6.2)

8.2 Definition

Định nghĩa

Integrated Management of Scholars, Farmers, Artisan and Merchant (abbreviated as Integrated Management of SFAM) is a set of management principles that integrates the traditional roles of agricultural labours in Vietnam into a modern administrative framework that supports comprehensive agricultural management. Each role represents a distinct set of skills and responsibilities, contributing to the overall success of agricultural enterprises.

Quản trị tích hợp Sĩ Nông Công Thương (viết tắt là Quản trị tích hợp SNCT) là một tập-hợp các nguyên-lý quản-trị kết-hợp các vai-trò truyền-thống của lao-động trong nông-nghiệp tại Việt Nam vào một khuôn-khố hành-chính hiện-đại hỗ-trợ quản-lý nông-nghiệp toàn-diện. Mỗi vai trò đại diện cho một tập-hợp các kỹ-năng và trách-nhiệm riêng biệt, góp phần vào thành-công chung của các doanh nghiệp nông-nghiệp.

Roles in the SFAM framework

Vai-trò trong khung SNCT

The SFAM framework is designed to integrate these roles, providing a balanced approach to managing resources, production, innovation, and market connections. By incorporating the strengths of each role, agricultural entrepreneurs can build resilient, adaptable, and efficient operations.

Khung SNCT được thiết-kế để tích-hợp các vai-trò này, cung-cấp cách tiếp-cận cân-bằng để quản-lý tài-nguyên, sản-xuất, đổi-mới và kết-nối thị-trường. Bằng cách kết-hợp thế-mạnh của từng vai trò, các doanh-nông có thể xây-dựng các hoạt-động có khả-năng phục-hồi, thích-ứng và hiệu-quả.

The four roles in the SFAM framework are as follows:

Bốn vai-trò trong khuôn-khố SNCT như sau:

[1] Scholar (S): Represents knowledge, research, and innovation. Scholars focus on continuous learning and applying new technologies and methods in agriculture to enhance productivity and sustainability.

Sĩ (S): Đại diện cho kiến thức, nghiên cứu và đổi mới. Học giả tập trung vào việc học tập liên tục và áp dụng các công nghệ và phương pháp mới trong nông nghiệp để nâng cao năng suất và tính bền vững.

[2] Farmer (F): Represents cultivation, care, and direct involvement in production. Farmers maintain the health of the crops and livestock, ensuring high-quality yields.

Nông (N): Đại diện cho việc canh tác, chăm sóc và tham gia trực tiếp vào sản xuất. Nông dân duy trì sức khỏe của cây trồng và vật nuôi, đảm bảo năng suất chất lượng cao.

[3] Artisan (A): Represents skill, craftsmanship, and quality control. Artisans ensure that agricultural products are processed and refined to meet market standards.

Công (C): Biểu thị kỹ năng, tay nghề thủ công và kiểm soát chất lượng. Nghệ nhân đảm bảo rằng các sản phẩm nông nghiệp được chế biến và tinh chế để đáp ứng các tiêu chuẩn thị trường.

[4] Merchant (M): Represents trade, distribution, and market connections. Merchants handle the sale and promotion of products, building relationships with consumers and business partners.

Each role has distinct responsibilities, but they work together as an integrated unit, ensuring that all aspects of the agricultural enterprise are addressed.

Thương (T): Đại diện cho thương mại, phân phối và kết nối thị trường. Thương nhân xử lý việc bán và quảng bá sản phẩm, xây dựng mối quan hệ với người tiêu dùng và đối tác kinh doanh.

Mỗi vai trò có trách nhiệm riêng biệt, nhưng họ cùng nhau làm việc như một đơn vị thống nhất, đảm bảo giải quyết mọi khía cạnh của doanh nghiệp nông-nghiệp.

8.3 Features

Các đặc-điểm

Integrated administration of SFAM was created from the question "What is each point in farming doing in their 24 hours a day?" Therefore, it needs to have an economic thinking system in line with the principles and concepts of sustainable agriculture as a living practice for the editorial team "Observe - Space-time - Erudite" to compile the FWTF language system. Integrated administration of SFAM takes the quartet of infrastructure - people - plant - animal as the basis: humans are placed in an infrastructure that is inseparable from plants, and animals and deep inside are microorganisms. This helps Integrated administration of SFAM contain a strong sustainable economic mindset.

Quản trị tích hợp SNCT ra đời từ câu hỏi "Mỗi mắt xích tham gia công việc canh nông đang làm gì trong 24h mỗi ngày của họ?" nên nó cần có một hệ tư-duy kinh-tế phù-hợp với các nguyên-tắc và quan-niệm về nông-nghiệp bền-vững là thực-tiễn sống động để nhóm biên tập "quan sát - vũ trụ - uyên bác" làm nền ngữ-hệ Tứ-Tự Tri Điền. Quản trị tích hợp SNCT lấy bộ tứ Hạ Nhân Thực Động làm căn bản: con người được đặt trong hạ tầng không tách rời thực vật, động vật và sâu bên trong là vi sinh vật. Điều này giúp cho Quản trị tích hợp SNCT chứa đựng tư-duy kinh-tế đậm tính bền-vững.

From the interpretations in the Principle of Change in Architecture-Agriculture about the pure Qian hexagrams in the agricultural environment, development process in the Integrated administration of SFAM applied to a agricultural entrepreneur in the Central Highlands also follows the pure Qian hexagram as follows:

Từ những diễn-dịch trong Dịch-lý Kiến-Nông về quẻ thuần cần trong môi-trường nông-nghiệp, tiến-trình phát-triển trong quản trị tích hợp SNCT áp-dụng cho một doanh-nông Tây Nguyên cũng theo quẻ thuần cần như sau:

1/ The dragon lies hidden in the deep; it is not the time for active doing;

Con rồng ẩn núp trong vực sâu; đây không phải là lúc để hành động tích cực;

2/ The dragon appears in the field; the diffusion of virtuous influence has been wide.

Con rồng xuất hiện trên cánh đồng; sự lan tỏa của ảnh hưởng tốt lành đã lan rộng.

3/ Work hard all day but still have worries at night.

Làm quần quật suốt ngày mà đêm về vẫn còn trăn trở.

4/ He seems to be leaping up, but is still in the deep; if he advances, there will be no error.

Anh ta có vẻ như đang nhảy lên, nhưng vẫn còn ở dưới sâu; nếu anh ta tiến lên, sẽ không có sai sót.

5/ The dragon is on the wing in the sky; the great man rouses himself to work.

Con rồng đang bay trên bầu trời; người vĩ đại tự đánh thức mình dậy để làm việc.

6/ The dragon exceeds the proper limits; there will be the occasion for repentance; a nature of fullness, that should not be indulged in long.

Con rồng vượt quá giới hạn thích hợp; sẽ có lúc phải ăn năn; bản chất viên mãn, không nên đắm chìm trong đó quá lâu.



Image of teacher Hong Trien Luu teaching Viet Kien Nong the pure Qian hexagram

Hình ảnh thầy Lưu Hồng Triển dạy Việt Kiến Nông quẻ thuần kiện

Each stage, in each job has four corresponding flows Operation - Object - Static - Active:

Mỗi giai đoạn, trong mỗi công việc thì có bốn dòng chảy Sự - Vật - Tĩnh - Động tương ứng:

1/ Human and Work Flow (Operation)

Dòng chảy con người và công việc (Sự)

2/ Commodity and Financial Flow (Object)

Dòng chảy hàng hóa và tài chính (Vật)

3/ Information and Technology Flow (Static)

Dòng chảy thông tin và công nghệ (Tĩnh)

4/ Time and In-Out Flow (Active)

Dòng chảy thời gian và xuất nhập (Động)

Thanks to the unified application of pure Qian hexagrams, recorded on six flows, economic thinking from East-West or Asia-Europe can be integrated together in the Integrated administration of SFAM with three main languages: English, Vietnamese alphabet, Viet-Confucian Language so that the local business model applies integrated administration of SFAM can exchanges directly global economic. The enterprise's ISO was initially set up simultaneously in three versions: English version following ISO 9001:2015, Vietnamese alphabet in the form of 6 chapters, the Viet-Confucianism in a set of 16. Since then, the Integrated administration of SFAM has attracted multicultural resources who have a voice and thought in common, and agree to cooperate and work together with agricultural entrepreneur in the Central Highlands on a multilingual digital business platform, Four-Word platform is as the main reference platform. Others will get their corresponding - integration - language adaptations.

Nhờ ứng-dụng thống-nhất quẻ thuần cần, ghi chép trên sáu dòng chảy mà tư-duy kinh-tế Đông - Tây hay Á - Âu tích-hợp được với nhau trong Quản trị tích hợp SNCT với ba hiện-hữu ngôn-ngữ chính: Anh Ngữ, Quốc ngữ ABC, Việt Nho để mô-hình kinh-doanh ứng-dụng Quản trị tích hợp SNCT có thể giao-lưu kinh-tế toàn-cầu một cách trực-diện: Bộ ISO của doanh-nghiệp khởi đầu được lập song ánh (và tiến tới tam ánh, toàn ánh) với bản Anh Ngữ bố cục theo ISO 9001:2015, bản Quốc ngữ ABC bố cục theo 6 chương, bản Việt Nho bố cục theo bộ 16. Từ đó, Quản trị tích hợp SNCT thu hút được nguồn-lực đa văn-hóa có thể đồng-ngôn, đồng-thuận hợp-tác làm việc chung với doanh-nông Tây Nguyên và trên nền-tảng kinh-doanh số đa-ngữ lấy Four-Word Platform làm nền-tảng tham-khảo chủ đạo. Các nền-tảng khác sẽ được chuyển thể ngôn-ngữ-tích-hợp tương-ứng.

In addition, the six courses in Vas's Life-University program are also compatible with pure Qian hexagrams and are applied in personnel training of integrated administration of SFAM.

Kèm theo đó, sáu khóa học trong chương-trình Life-University Đại-học Cuộc-đời của Coach VAS cũng tương-thích với quẻ thuần cần và được ứng-dụng trong huấn-luyện nhân-sự của Quản trị tích hợp SNCT:

1/ Finding life purpose and passion

Tìm lại đam mê và lẽ sống

2/ Perfect relationship

Mối quan hệ hoàn hảo

3/ Ignite your life

Thắp sáng cuộc đời

4/ Perfect health

Sức khỏe hoàn hảo

5/ Mindsets of excellence

Tư duy xuất chúng

6/ Coaching

Coaching

The development process of Integrated administration of SFAM helps to quickly assess the health of the business at each stage of business development, capture the core needs of that stage, and build the right development model, development strategy, and development plan.

The SFAM framework is designed to integrate these roles, providing a balanced approach to managing resources, production, innovation, and market connections. By incorporating the strengths of each role, agricultural entrepreneurs can build resilient, adaptable, and efficient operations.

Tiến-trình phát-triển của Quản trị tích hợp SNCT giúp đánh-giá nhanh sức-khỏe doanh-nghiệp ở từng giai-đoạn phát-triển của doanh-nghiệp, nắm bắt nhu-cầu cốt-lõi của giai-đoạn đó và xây-dựng đúng mô-hình phát-triển, chiến-lược phát-triển, kế-hoạch phát-triển.

Khung SNCT được thiết-kế để tích-hợp các vai-trò này, cung-cấp cách tiếp-cận cân-bằng để quản-lý tài-nguyên, sản-xuất, đổi-mới và kết-nối thị-trường. Bằng cách kết-hợp thế mạnh của từng vai trò, các doanh-nông có thể xây-dựng các hoạt-động có khả-năng phục-hồi, thích-ứng và hiệu-quả.

8.4 Application Applying the SFAM framework in agriculture

Ứng-dụng khung SNCT trong nông-nghiệp

Applying the SFAM framework involves a coordinated effort across all roles:

- Innovation and Research (Scholar): Conducting research to find efficient farming methods, improve crop yields, and implement sustainable practices.

- Efficient Production (Farmer): Following best practices in planting, harvesting, and animal care to maintain quality and productivity.

- Quality Control and Processing (Artisan): Ensuring products are processed with care, maintaining standards that appeal to consumers and meet regulatory requirements.

- Market Expansion (Merchant): Identifying new market opportunities, managing sales channels, and promoting products to increase revenue.

By integrating these roles, agricultural enterprises can create a balanced, holistic approach to operations that leverages the strengths of each area.

In agricultural development, there are two main subjects that need to be solved: land and labor relations. PCAA has helped agricultural entrepreneurs analyze land and labor relations in many dimensions to be able to renovate, upgrade, develop agricultural infrastructure and improve negotiation capacity based on that infrastructure. FWP has helped agricultural entrepreneurs compile separate ideas into a set of standard ISO 9001:2015 procedures. Integrated management of SNCT will synthesize all those ideas and raise them to a more professional level to turn agricultural entrepreneurs' operations into DDM and help the business model fit SDI.

In term of labor relations, a key issue that needs to be solved by agricultural entrepreneurs is the payment of labours in farming. With today's innovative thinking, we call it the total income for agricultural workers. In the Rice Civilization culture, this payment has many forms: work in exchange for work, work paid daily in rice, work paid daily in money, work and have meals provided by the employer, work in plowing, work in transplanting, work in harvesting. With today's innovative thinking, we have the following forms: volunteer, part-time, full-time, man hour, man day, pay by product, pay by revenue, pay by profit, pay by click, ... the most systematic is to fully calculate the income of workers using the 3P salary calculation method. Thus, Integrated Management of SNCT, a management system was born to solve the problem of dividing work and benefits for scholars, farmers, artisans, and merchants when participating in agricultural work. It is necessary to consider all work items (tasks) and how to pay for that work (compensation) to help agricultural entrepreneurs build a compensation system.

For each business model, LAA provides a sequential analysis system: the linguistic foundation of LAA, FWTF, PCAA, FWP so that agricultural entrepreneurs can synthesize into a data set on Integrated Management of SNCT for that business model. From there, agricultural entrepreneurs can accurately understand the positions of GEC, GEP, SEP and GCA in their business model and effectively apply the GEC-GEP-SEP-GCA operating-principle to DDM. The business model of the agricultural entrepreneur will then become an IDE with breakthrough growth.

Việc áp-dụng khuôn-khố SNCT đòi hỏi nỗ lực phối-hợp giữa tất cả các vai trò:

Đổi mới và Nghiên cứu (Sĩ): Tiến hành nghiên cứu để tìm ra phương pháp canh tác hiệu quả, cải thiện năng suất cây trồng và thực hiện các biện pháp bền vững.

Sản xuất hiệu quả (Nông): Áp dụng các biện pháp tốt nhất trong trồng trọt, thu hoạch và chăm sóc vật nuôi để duy trì chất lượng và năng suất.

Kiểm soát chất lượng và chế biến (Công): Đảm bảo sản phẩm được chế biến cẩn thận, duy trì các tiêu chuẩn hấp dẫn người tiêu dùng và đáp ứng các yêu cầu của quy định.

Mở rộng thị trường (Thương gia): Xác định cơ hội thị trường mới, quản lý kênh bán hàng và quảng bá sản phẩm để tăng doanh thu.

Bằng cách tích-hợp các vai trò này, các doanh-nghiệp nông-nghiệp có thể tạo ra một phương pháp tiếp-cận cân-bằng, toàn-diện cho các hoạt-động, tận-dụng thế-mạnh của từng lĩnh-vực.

Trong việc phát triển nông nghiệp có hai đối tượng chính cần giải quyết là đất đai và quan hệ lao động. Dịch-lý Kiến-Nông đã giúp doanh-nông phân tích đa chiều về đất đai và quan hệ lao động để có thể cải tạo, nâng cấp, phát triển hạ tầng nông nghiệp và nâng cao năng lực đàm phán dựa vào hạ tầng đó. Quy-trình Tứ-Tự đã giúp doanh-nông biên soạn lại các ý rời rạc thành một bộ quy trình chuẩn ISO 9001:2015. Quản trị tích hợp SNCT sẽ tổng hợp tất cả các ý đó và nâng lên tầm chuyên nghiệp hơn nữa để đưa việc vận hành của doanh-nông thành DDM và giúp mô hình kinh doanh phù hợp với SDI.

Về quan-hệ lao-động, một vấn đề mấu chốt cần giải-quyết của doanh-nông là việc trả công cho nhân-công làm nông. Với tư-duy cách-tân ngày nay, chúng ta gọi đó là tổng thu nhập cho công nhân nông-nghiệp. Trong văn hóa Văn Minh Lúa Nước, việc trả công này có rất nhiều hình thức: làm đổi công, làm công nhật trả bằng lúa, làm công nhật trả bằng tiền, làm công và được nhà chủ nuôi cơm, làm công trong việc cày, làm công trong việc cấy, làm công trong vụ gặt. Với tư-duy cách-tân ngày nay, chúng ta có các hình-thức: làm tình nguyện viên (volunteer), làm bán thời gian (part-time), làm toàn thời gian (full-time), làm theo giờ (man hour), làm theo ngày (man day), làm theo khoán sản phẩm (pay by product), làm theo kết quả doanh thu (pay by revenue), làm theo kết quả lợi nhuận (pay by profit), làm theo kết quả số người quan tâm (pay by click), ... bài bản nhất là tính đầy đủ các thu nhập của người lao động bằng phương pháp tính lương 3P. Như vậy, Quản trị tích hợp SNCT, hệ thống quản trị ra đời để giải quyết bài toán chia việc, chia lợi ích cho sĩ, nông, công, thương khi tham gia vào công việc ngành nông nghiệp, phải xem xét toàn bộ các đầu mục công việc (tasks) và cách trả công cho phần việc đó (thủ lao - compensation) để giúp doanh-nông xây dựng được hệ thống trả công.

Với mỗi mô-hình kinh-doanh, Lý-học Kiến-Nông cung-cấp một hệ-thống phân-tích theo trình tự: nền tảng ngôn-ngữ của Lý-học Kiến-Nông, Tứ-Tự Tri Điền, Dịch-lý Kiến-Nông, Quy-trình Tứ-Tự để doanh-nông có thể tổng-hợp lại thành bộ dữ-liệu về Quản trị tích hợp SNCT cho mô-hình kinh-doanh đó. Từ đó, doanh-nông có thể hiểu chính xác các vị trí GEC, GEP, SEP và GCA trong mô hình kinh-doanh của mình và ứng-dụng lý vận hành GEC-GEP-SEP-GCA vào DDM một cách hiệu quả. Mô hình kinh-doanh của doanh-nông khi đó sẽ thành một IDE tăng-trưởng đột-phá.

Summary of chapter 8

Tóm-tắt chương 8

The SFAM framework provides a cohesive approach to agricultural management, combining the traditional roles of Scholar, Farmer, Artisan, and Merchant. Each role contributes unique skills and responsibilities that, when integrated, enhance the overall effectiveness of agricultural operations.

By applying the SFAM framework, AECHs can achieve a well-rounded approach that supports innovation, quality, efficiency, and market growth. This integrated method ensures that all aspects of the agricultural value chain are optimized, leading to a sustainable and successful enterprise.

Khung SNCT cung cấp một cách tiếp-cận gắn kết đối với quản-lý nông-nghiệp, kết hợp các vai trò truyền thống của Sĩ - Nông - Công - Thương. Mỗi vai trò đóng góp các kỹ-năng và trách-nhiệm riêng biệt, khi được tích-hợp, sẽ nâng-cao hiệu-quả chung của các hoạt-động nông-nghiệp.

Bằng cách áp-dụng khuôn-khổ SNCT, các doanh-nông Tây Nguyên có thể đạt được một cách tiếp-cận toàn-diện hỗ-trợ đổi-mới, chất-lượng, hiệu-quả và tăng-trưởng thị-trường. Phương-pháp tích hợp này đảm bảo rằng tất cả các khía cạnh của chuỗi giá trị nông-nghiệp được tối ưu hóa, dẫn đến một doanh-nghiệp bền-vững và thành-công.

Chapter 9
Chương 9

SEVEN-STEP THINKING METHOD

PHƯƠNG-PHÁP BẢY BƯỚC TƯ DUY

(七步思維方法)

Master Khắc Kim Tran offers the Seven-step thinking method:

Thầy Trần Khắc Kim đưa ra phương pháp Bảy bước tư duy:

Form - *Thể hiện* - 體現

Feelings - *Cảm thụ* - 感受

Perceptions - *Trí tri* - 智知

Speech - *Ngôn luận* - 言論

Consciousness - *Nhận thức* - 認識

Deeper and deeper - *Thăng hóa* - 升化

Enlightenment - *Giác ngộ* - 覺悟

Thanks to this method, the Oriental English team (OE team) was able to compile a multilingual English - Vietnamese - Chinese document on Li-based Agro-Architecture at the Central Highlands of Vietnam (LAA).

Nhờ phương pháp này nhóm Anh Ngữ Phương Đông (OE team) đã có thể biên soạn bộ đa ngữ Anh - Việt - Hoa tài liệu Lý-học Kiến-Nông tại Tây Nguyên (Li-based Agro-Architecture in the Central Highlands of Vietnam - LAA)

Truth anylisis model - Khắc Kim Tran

Mô-hình phân-tích Chân-lý - Trần Khắc Kim

Master Khắc Kim Tran proposed a philosophy to define Truth: anything that satisfies the correctness of all 05 following systems is called Truth:

Thầy Trần Khắc Kim đưa ra một triết-thuyết để định-nghĩa Chân-lý (真理): bất cứ sự việc nào thỏa mãn tính đúng đắn trên cả 05 hệ thống sau đây thì gọi là Chân-lý:

1. **Cosmology** - *Vũ trụ luận* (宇宙論)
2. **Anthropology** - *Nhân sinh luận* (人生論)
3. **Methodology** - *Phương pháp luận* (方法論)
4. **Structuralism** - *Cấu trúc luận* (構筑論)

5. Interactionism - Tương tác luận (相作論)

This gives the Oriental English team a yardstick when naming things and objects across the entire LAA language family.

Điều này giúp nhóm Anh Ngữ Phương Đông làm thước đo khi đặt tên cho sự và vật trong toàn bộ ngữ hệ LAA.

An innovative application of LAA in applying Khắc Kim Tran 's Seven Steps of Thinking method to the agricultural industry

Một áp-dụng cách-tân của LAA trong ứng-dụng phương-pháp Bảy bước tư duy Trần Khắc Kim vào ngành nông-nghiệp

The Seven-Step Thinking Method is a structured approach to problem-solving and decision-making, designed to help agricultural entrepreneurs navigate complex challenges. This method encourages systematic thinking, ensuring that each step is carefully considered and followed through to achieve effective results.

The Seven-Step Thinking Method provides clarity and structure, helping individuals and teams approach issues logically and avoid impulsive decisions. It can be applied to a range of agricultural tasks, from daily operations to strategic planning, supporting a disciplined and thorough approach to problem-solving.

Phương pháp Bảy bước tư duy là một phương-pháp tiếp-cận có cấu-trúc để giải-quyết vấn-đề và ra quyết-định, được thiết-kế để giúp các doanh-nông vượt qua những thách-thức phức-tạp. Phương pháp này khuyến-khích tư-duy có hệ-thống, đảm bảo rằng mỗi bước được cân nhắc kỹ lưỡng và thực hiện theo để đạt được kết quả hiệu quả.

Phương-pháp Bảy bước tư duy cung-cấp sự rõ ràng và cấu-trúc, giúp cá nhân và nhóm tiếp cận vấn đề một cách hợp-lý và tránh các quyết-định bốc đồng. Nó có thể được áp dụng cho nhiều nhiệm-vụ nông-nghiệp, từ hoạt-động hàng-ngày đến lập kế-hoạch chiến-lược, hỗ-trợ cách tiếp-cận có kỷ-luật và toàn-diện để giải-quyết vấn-đề.

The Innovative Seven-step thinking method

Phương-pháp Bảy bước tư duy Cách-tân

The seven steps are as follows:

Bảy bước như sau:

[1] Identify the Issue (*corresponding to the Form*): Clearly define the problem or decision that needs to be addressed.

Xác-định vấn-đề (tương ứng với Thể Hiện): Xác-định rõ ràng vấn-đề hoặc quyết-định cần giải-quyết.

[2] Gather Information (*corresponding to the Feelings*): Collect all relevant data and insights that could impact the decision.

Thu-thập thông-tin (tương ứng với Cảm Thụ): Thu-thập tất cả dữ-liệu và thông-tin chi-tiết có liên quan có thể tác động đến quyết định.

[3] Analyze Options (*corresponding to the Perceptions*): Evaluate different approaches or solutions based on the information gathered.

Phân-tích các lựa chọn (tương ứng với Trí Tri): Đánh-giá các cách tiếp cận hoặc giải-pháp khác nhau dựa trên thông-tin thu thập được.

[4] Choose a Solution (*corresponding to the Speech*): Decide on the most appropriate option to address the issue effectively.

Chọn giải-pháp (tương ứng với Ngôn Luận): Quyết-định phương-án phù hợp nhất để giải-quyết vấn-đề một cách hiệu quả.

[5] Implement the Solution (*corresponding to the Consciousness*): Take action by putting the chosen solution into practice.

Thực-hiện giải-pháp (tương ứng với Nhận Thức): Hành-động bằng cách đưa giải-pháp đã chọn vào thực tiễn.

[6] Monitor Progress (*corresponding to the Deeper and deeper*): Track the results of the implementation, ensuring that the desired outcomes are achieved.

Theo-dõi tiến-độ (tương ứng với Thăng Hóa): Theo dõi kết-quả thực hiện, đảm bảo đạt được kết-quả mong muốn.

[7] Review and Reflect (*corresponding to the Enlightenment*): Reflect on the process and outcomes, identifying any lessons learned to improve future decisions.

Each step is designed to build upon the previous one, creating a logical and consistent framework for decision-making and problem-solving.

Xem-xét và suy-ngẫm (tương ứng với Giác Ngộ): Suy-ngẫm về quá-trình và kết-quả, xác-định những bài-học kinh-nghiệm để cải thiện các quyết-định trong tương lai.

Mỗi bước được thiết-kế dựa trên bước trước đó, tạo ra một khuôn-khó hợp-lý và nhất-quán cho việc ra quyết-định và giải-quyết vấn-đề.

Applying the Innovative seven steps of thinking in agricultural practice

Ứng-dụng phương-pháp Bảy bước tư duy Cách-tân trong thực tiễn nông nghiệp

In agriculture, the Innovative seven-step thinking method can be used to address a variety of challenges:

Trong nông nghiệp, Phương-pháp Bảy bước tư duy Cách-tân có thể được sử-dụng để giải quyết nhiều thách-thức khác nhau:

[1] Pest and Disease Management (*Correcting hexagram - ䷡*): Identify the issue (specific pest or disease), gather information (symptoms, affected areas), analyze options (treatment methods), choose a solution (best treatment option), implement (apply treatment), monitor progress (track crop health), and review (assess effectiveness for future cases).

Quản-lý dịch-hại và bệnh-tật (quẻ Cổ - ䷡): Xác định vấn đề (dịch hại hoặc bệnh tật cụ thể), thu thập thông tin (triệu chứng, khu vực bị ảnh hưởng), phân tích các phương án (phương pháp xử lý), chọn giải pháp (phương án xử lý tốt nhất), thực hiện (áp dụng biện pháp xử lý), theo dõi tiến độ (theo dõi sức khỏe cây trồng) và xem xét (đánh giá hiệu quả cho các trường hợp trong tương lai).

[2] Resource Allocation (*Total quality management hexagram - 謙*): For resource management, each step helps in analyzing requirements, evaluating availability, choosing optimal resource allocation, and monitoring usage.

Phân-bố tài-nguyên (quẻ Khiêm - 謙): Đối với quản-lý tài-nguyên, mỗi bước đều giúp phân tích các yêu-cầu, đánh-giá tính khả dụng, lựa chọn phân-bố tài-nguyên tối ưu và theo-dõi việc sử-dụng.

[3] Market Expansion (*Approach hexagram - 臨*): This method can help in making strategic decisions for entering new markets, where each step ensures that decisions are well-informed and grounded in thorough research.

By applying this method, agricultural entrepreneurs can approach issues with a clear, systematic process, reducing risks and increasing the likelihood of successful outcomes.

Mở-rộng thị-trường (quẻ Lâm - 臨): Phương-pháp này có thể giúp đưa ra các quyết-định chiến-lược khi thâm nhập thị-trường mới, trong đó mỗi bước đều đảm bảo rằng các quyết-định đều được đưa ra dựa trên cơ-sở nghiên-cứu kỹ-luỡng và có thông-tin đầy đủ.

Bằng cách áp-dụng phương-pháp này, các doanh-nông có thể tiếp cận các vấn đề theo quy trình rõ ràng, có hệ-thống, giảm thiểu rủi ro và tăng khả-năng đạt được kết-quả thành-công.

Summary of chapter 9

Tóm-tắt chương 9

The Seven-step thinking method provides a structured, logical approach to problem-solving in agriculture. By following each step - from identifying the issue to reflecting on the outcomes - agricultural entrepreneurs can make informed, effective decisions.

This method is versatile, applicable to a range of tasks, from daily farm operations to strategic market decisions. Its systematic nature promotes thorough analysis and thoughtful action, supporting sustainable growth and resilience in agricultural enterprises.

Phương-pháp Bảy bước tư duy cung cấp một cách tiếp-cận có cấu trúc, hợp-lý để giải quyết vấn-đề trong nông-nghiệp. Bằng cách thực hiện từng bước - từ xác định vấn đề đến phản ánh kết quả - các doanh-nông có thể đưa ra quyết định sáng-suốt và hiệu-quả.

Phương-pháp này linh hoạt, có thể áp dụng cho nhiều nhiệm-vụ, từ hoạt-động nông-trại hàng ngày đến các quyết-định chiến-lược về thị-trường. Bản-chất có hệ-thống của nó thúc-dẩy phân-tích kỹ lưỡng và hành-động chu-đáo, hỗ trợ tăng-trưởng bền-vững và khả năng phục hồi trong các doanh nghiệp nông nghiệp.

Chapter 10
Chương 10

360 FUNDAMENTAL VIET CONFUCIANISM LETTERS IN LAA

360 CHỮ VIỆT NHO NỀN-TẢNG TRONG LÝ-HỌC KIẾN-NÔNG

10.1 29 Viet Confucianism letters in Seven-step thinking method

29 chữ Việt Nho trong Phương pháp Bảy bước tư duy

10.2 115 Viet Confucianism letters in FWTF

115 chữ Việt Nho trong Tứ-Tự Tri Điền

10.3 36 original radicals according to the LAA system

36 bộ thủ gốc theo hệ thống Lý-học Kiến-Nông

10.4 42 Viet Confucianism letters in Introduction to the PCAA

42 chữ Việt Nho trong Dẫn-nhập Dịch-lý Kiến-Nông

10.5 Set of 78 phenomena of change

Bộ 78 dịch-tượng

10.6 59 Viet Confucianism letters in single-meaning interpretation set of 78 phenomena of change according to PCAA

59 chữ Việt Nho trong Bộ 78 dịch-tượng diễn dịch đơn nghĩa theo PCAA

10.7 85 Viet Confucianism letters in Great wisdom beyond wisdom heart sutra

85 chữ Việt Nho trong Bát nhã ba la mật đa tâm kinh

10.8 30 modern Chinese letters

30 chữ Hán ngữ hiện đại

10.9 Exploring 360 fundamental Viet Confucianism letters in the Li-based Agro-Architecture in the Central Highlands of Vietnam (LAA 360)

Khám phá 360 chữ Nho căn bản trong Lý-học Kiến-Nông tại Tây Nguyên - Việt Nam

10.10 Distinguishing similar letters in LAA 360

Phân biệt những từ gần giống trong LAA 360

10.11 Economic thinking "from bipolarity to multipolarity" in LAA

Tư-duy kinh-tế "từ lưỡng-cực đến đa-cực" trong Lý-học Kiến-Nông

10.1 29 Viet Confucianism letters in Seven-step thinking method

29 chữ Việt Nho trong Phương pháp Bảy bước tư duy

體現 / Form / Thể hiện

感受 / Feelings / Cảm thụ

智知 / Perceptions / Trí tri

言論 / Speech / Ngôn luận

認識 / Consciousness / Nhận thức

升华 / Deeper and deeper / Thăng hóa

覺悟 / Enlightenment / Giác ngộ

宇宙論 / Cosmology / Vũ trụ luận

人生論 / Anthropology / Nhân sinh luận

方法論 / Methodology / Phương pháp luận

構築論 / Structuralism / Cấu trúc luận

相作論 / Interactionism / Tương tác luận

From these concepts, LAA summarized the 29 opening letters in LAA360 as follows:

Từ những khái niệm này, Lý-học Kiến-Nông ghi nhận gọn lại 29 chữ mở đầu trong LAA360 như sau:

七步思法體現感受智知言論認識升华覺悟真理宇宙人生方構築相作

10.2 115 Viet Confucianism letters in FWTF

115 chữ Việt Nho trong Tứ-Tự Tri Điền

36 fundamental quartets in FWTF

36 bộ tứ nền tảng trong Tứ-Tự Tri Điền

東西南北 / Đông Tây Nam Bắc	計編供正 / Kế Biên Cung Chính
春夏秋冬 / Xuân Hạ Thu Đông	事物靖働 / Sự Vật Tĩnh Động
士農工商 / Sĩ Nông Công Thương	擘定妥用 / Nghiên Định Thỏa Dụng
漁樵埂牧 / Ngư Tiều Canh Mục	點線面塊 / Khôi Diện Tuyến Điểm
水-肥料-關心-種子 / Nước Phân Cẩn Giống	西原營農 / Tây Nguyên Doanh-Nông
初成長熟	拏-壓縮-燃燒-捨 / Nạp Nén Nổ Xả

一體百用 / Nhất Thể Bách Dụng	活塞-圓柱-火星塞-湯鍋 / Xi-lanh - Pit-tông - Bugi - Xú-páp
四大同堂 / 四世同堂 / Tứ Đại Đồng Đường	下人食動 / Hạ Nhân Thực Động
儒醫理數 / Nho Y Lý Số	領人客會 / Lĩnh Nhân Khách Hội
理事圓庸 / Lý Sự Viên Dung	急結建傳 / Cấp Kết Kiến Truyền
知行合一 / Tri Hành Hợp Nhất	遊陶院覽 / Du Đào Viện Lãm
比-師-同人-大有 / Tỷ - Sư - Đồng Nhân - Đại Hữu	力術功道 / Lực Thuật Công Đạo
君臣佐使 / Quân Thần Tá Sứ	典火氣如 / Điển Hỏa Khí Như
靖在對待 / Tĩnh Tại Đối Đãi	智管易聯/ Trí Quản Dịch Liên
Lấy Thục Làm Sơ / 返璞歸真 Xem Sơ Rồi Tĩnh	根財人管 / Căn Tài Nhân Quản
Làm Thử Xem Sao	平結流說 / Cân Kết Lưu Thuyết
Phải Làm Mới Hiểu	財力智乍 / Tài Sức Trí Tác
	易-關心-真容-遠 / Dịch Chăm Dung Viễn

From the 36 fundamental quartets in FWTF, we briefly recorded the next 115 letters in LAA360 as follows:

Từ 36 bộ tứ nền tảng trong Tứ-Tự Tri Điền, chúng tôi ghi nhận gọn lại 115 chữ tiếp theo trong LAA360 như sau:

田四字東西南北春夏秋冬士農工商漁樵埂牧水肥料關心種子初成長熟一百用世同堂儒醫數事圓庸行合比師大有君臣佐使靖在對待計編供正物働擎定妥點線面塊山夫拈壓縮燃燒捨活塞柱火星湯鍋下食領客會急結建傳遊陶院覽力術功道典氣如管易聯根財平流說容遠部

10.3 36 original radicals according to the PCAA system

36 bộ thủ gốc theo hệ-thống Lý-học Kiến-Nông

We have counted and compiled a group of 36 most common radicals in the LAA so that readers can quickly recognize fundamental Viet Confucianism letters. Learning Viet Confucianism letters takes time and is the core barrier for readers to understand the principles of changes. Once familiar with onomatopoeia (Latin language), readers will encounter the principles of construction of hieroglyphics in the region including Vietnam and East Asia (abbreviated as 六書 - liùshū) including: Ideogram (𠄎指事), Pictogram (𠄎象形), Phono-semantic compound (𠄎形聲), Compound ideographs (𠄎會意), Derivative

cognates (𠄎轉注), Phonetic loan (𠄎假借), and, and will feel confused at first (“蒙 - Immaturity” hexagram, “屯 - Difficulty at the beginning” hexagram). Therefore, readers need summaries to grasp the general spirit of Viet Confucianism letters as quickly as possible.

Chúng tôi thống kê, biên soạn nhóm 36 bộ thủ thường thấy nhất trong Lý-học Kiến-Nông để người đọc có thể nhận dạng mặt chữ Nho nền tảng một cách nhanh nhất. Việc học chữ Nho tốn thời gian là rào cản cốt lõi để người đọc có thể hiểu được Dịch-lý. Khi đã quen với chữ tượng thanh (ngữ hệ La-tinh), người đọc gặp lại những nguyên tắc cấu tạo của chữ tượng hình thuộc khu vực gồm Việt nam và Đông Á (gọi tắt là Lục Thư - 六書) gồm: Chỉ sự (𠄎指事), Tượng hình (𠄎象形), Hình thanh (𠄎形聲), Hội ý (𠄎會意), Chuyển chú (𠄎轉注), Giả tá (𠄎假借), sẽ có những bờ ngõ, ban đầu (quê Mông - 蒙, quê Truân - 屯). Vì vậy, độc giả cần những tóm lược để có thể nắm bắt khái quát tinh thần của chữ Nho một cách nhanh chóng nhất.

After becoming familiar with hieroglyphs in the region including Vietnam and East Asian through practicing writing the original radicals in the LAA, readers will feel the magic and wisdom of hieroglyphs. Each letter is a philosophical painting (哲画) with profound meanings about life. Here are the 36 original radicals according to the LAA system that we have shortened:

Sau khi làm quen với chữ tượng hình thuộc khu vực gồm Việt Nam và Đông Á qua việc tập viết các bộ thủ gốc trong Lý-học Kiến-Nông, người đọc sẽ cảm nhận được sự kỳ-diệu, tính minh-triết của chữ tượng-hình. Mỗi chữ là một bức triết-họa với những ý nghĩa sâu sắc về nhân-sinh. Sau đây là 36 bộ thủ gốc theo hệ thống Lý-học Kiến-Nông mà chúng tôi rút gọn được:

穴 ²⁸	水 ¹⁹	女 ¹⁰	一 ¹
竹 ²⁹	火 ²⁰	子 ¹¹	人 ²
糸 ³⁰	玉 ²¹	宀 ¹²	刀 ³
艸 ³¹	田 ²²	广 ¹³	匕 ⁴
見 ³²	皿 ²³	彳 ¹⁴	口 ⁵
言 ³³	目 ²⁴	心 ¹⁵	口 ⁶
貝 ³⁴	石 ²⁵	手 ¹⁶	土 ⁷
辵 ³⁵	示 ²⁶	日 ¹⁷	夕 ⁸
阜 ³⁶	禾 ²⁷	木 ¹⁸	大 ⁹

10.4 42 Viet Confucianism letters in introduction to the PCAA

42 chữ Việt Nho trong dẫn-nhập về Dịch-lý Kiến-Nông

Viet Kien Nong and his colleagues compiled PCAA, based on the Studied Textbook of Change - Hong Trien Luu, focusing on its application in agricultural development. We need to apply the most fundamental principle of agriculture, which is the sun shining on the leaves, creating the photosynthesis process, producing nutrients that initiate the nutritional cycle in agriculture, which is the root of the circular economy.

Việt Kiến Nông và cộng-sự biên-soạn Dịch-lý Kiến-Nông, dựa vào Giáo-trình Dịch-học - Lưu Hồng Triễn, tập-trung vào việc ứng-dụng trong phát-triển nông-nghiệp. Chúng tôi cần đưa nguyên-lý nền-tảng nhất của nông-nghiệp là mặt-trời chiếu-sáng vào chiếc lá, tạo ra quá-trình quang-hợp, sản-xuất ra dinh-dưỡng khởi đầu cho chuỗi tuần-hoàn dinh-dưỡng trong nông-nghiệp là cái gốc của kinh tế tuần hoàn.

The nomination is the introduction and the part that Viet Kien Nong most respectfully studies in the Studied Textbook of Change. This part shows the erudition of master Hong Trien Luu throughout a lifetime of studying and thinking. From a studious family background, to a well-organized learning environment with many excellent masters, master Hong Trien Luu has become a bridge between the old and new learning of Vietnam. In his lectures, there is a blend of natural science that he studied at a French school, in French, and social science that he learned from many sources in Vietnamese, Viet Confucianism letters, Nom letters, Vietnamese alphabet, French, English, Chinese. From explaining where an unnamed object was named. What does that name represent? When we use those names, we must understand something that comes with it.

Bài đặt tên (nomination) là phần mở đầu và phần mà Việt Kiến Nông kính-cẩn nghiên-cứu nhất trong Giáo-trình Dịch-học. Phần này thể hiện tính uyên-bác của thầy Lưu Hồng Triễn trong suốt một đời học-tập và suy-tư. Từ nguồn-gốc gia-đình hiếu-học, đến môi-trường học-tập bài-bản với nhiều người thầy xuất-sắc, thầy Lưu Hồng Triễn đã trở thành một cầu-nối giữa cựu-học và tân-học của Việt Nam. Trong bài giảng của thầy có sự hòa-trộn giữa khoa-học tự-nhiên mà thầy học tại trường Pháp, bằng tiếng Pháp và khoa-học xã-hội mà thầy học được từ nhiều nguồn bằng Tiếng Việt, chữ Nho, chữ Nôm, chữ Quốc ngữ ABC, Tiếng Pháp, Tiếng Anh, Tiếng Hoa. Từ việc diễn-giải từ đầu một vật chưa có tên đã được đặt tên. Cái tên đó thể hiện điều gì. Khi chúng ta dùng những cái tên đó, chúng ta phải hiểu một điều gì kèm theo.

That is the most basic understanding for a person living in modern society to be able to integrate well into social life.

Đó là những hiểu-biết căn-bản nhất để một người sống trong xã-hội hiện-đại có thể hòa-nhập tốt vào đời-sống xã-hội.

That is the most basic understandings for every citizen to be able to live well in every country around the world.

Đó là những hiểu-biết căn-bản nhất để mọi công-dân có thể sống tốt trong mọi quốc-gia trên toàn thế-giới.

木 林 葉 筋 葉 片	<i>Mộc - Lâm - Diệp Cấn - Diệp Phiến</i>	Tree - Jungle - Leaf veins - Leaf blade
水 稻 文 明	<i>Thủy Đạo Văn Minh</i>	Wet Rice Civilization
無 妄 - 萃 - 大 畜 - 升	<i>Vô vọng - Tụy - Đại Súc - Thăng</i>	Naturally - Gathering together - Great Accumulating - Natural development
臨 - 觀 - 遯 - 大 壯	<i>Lâm - Quan - Độn - Đại Tráng</i>	Approach - Viewing - Retreat - Selective development
天 地 上 下	<i>Thiên Địa Thượng Hạ</i>	Heaven - Earth - Above - Below
土 水 火 金	<i>Thổ Thủy Hỏa Kim</i>	Soil - Water - Fire - Metal
日 月 並 明	<i>Nhật Nguyệt Tịnh Minh</i>	Sun - Moon - Also - Bright
心 猿 意 馬	<i>Tâm Viên Ý Mã</i>	Heart - Monkey - Mind - Horse
萬 象 範 疇	<i>Vạn Tượng Phạm Trù</i>	Ten thousand - Image - Category
經 緯 道 名	<i>Kinh Vĩ Đạo Danh</i>	Vertical - Horizon - Tao - Name
成 見 破 執	<i>Thành Kiến Phá Chấp</i>	Prejudice - Breaking the prejudice
一 體 百 用	<i>Nhất Thể Bách Dụng</i>	Uni - Nature - Multi - Use
易 變 也 不 變 也	<i>Dịch Biến Dĩ Bất Biến Dĩ</i>	Change is invariant but also variant
引 水 入 田	<i>Dẫn Thủy Nhập Điền</i>	water the fields

From this introductory content about PCAA, we briefly recorded the next 42 letters in LAA360 as follows:

Từ nội dung dẫn nhập về Dịch-lý Kiến-Nông này, chúng tôi đã ghi nhận gọn lại 42 chữ tiếp theo trong LAA360 như sau:

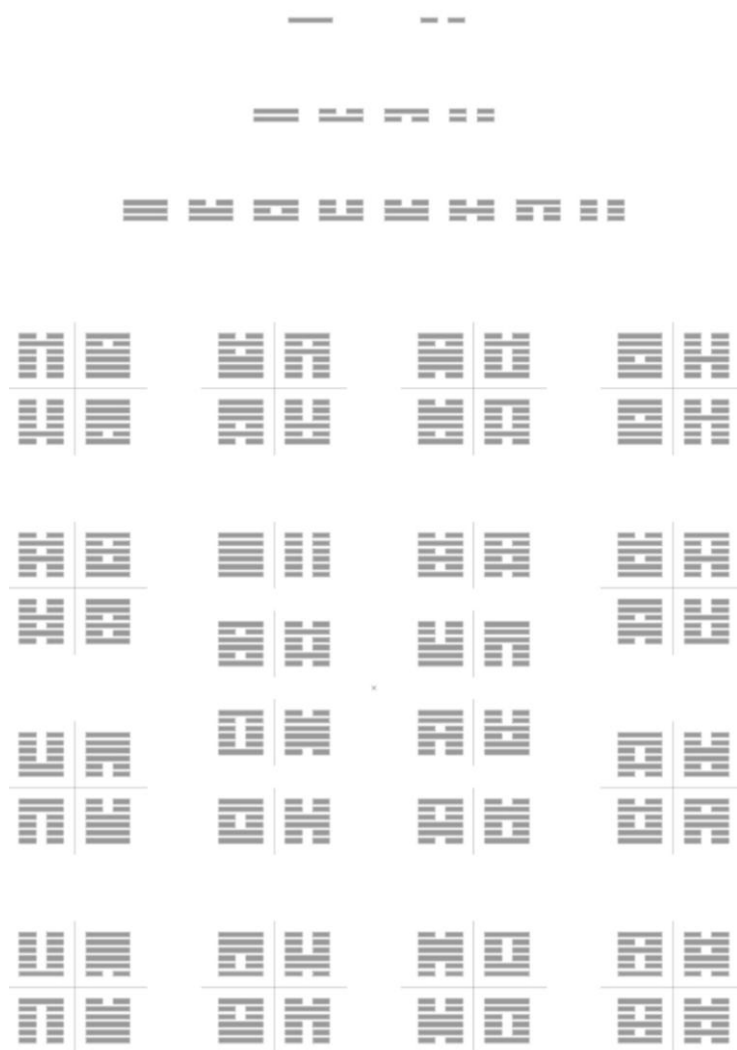
木 林 葉 筋 片 稻 文 明 無 妄 萃 畜 臨 觀 遯 壯 天 地 上 土 金 日 月 並 猿 意 馬 萬 象 範 疇 經 緯
名 見 破 執 變 也 不 引 入

10.5 Set of 78 phenomena of change

Bộ 78 dịch-tượng

The Studied Textbook of Change has condensed the entire core content of the principle of change into a set of 78 phenomenon.

Giáo-trình Dịch-học đã tinh-gon toàn-bộ nội-dung cốt-lõi của dịch-lý vào bộ 78 dịch-tượng.



This is a painting with symbols consisting of solid lines and broken lines from the time of Fu Xi. Looking at this painting, we begin to have a clearer concept of “nomination”.

From the principle contained in the drawing, created by solid lines and broken lines, we begin to name them. In fact, they have no names at all.

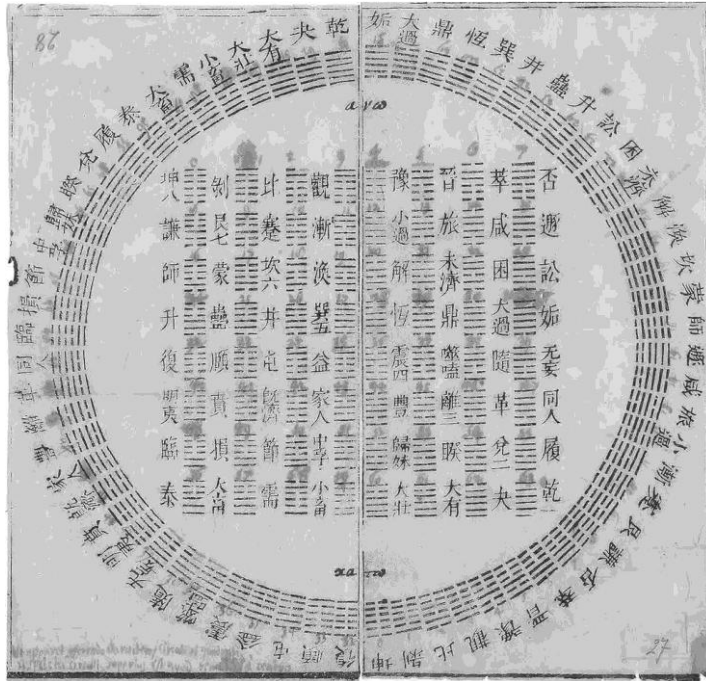
Đây là một bức tranh có những biểu tượng gồm các vạch liền và các vạch đứt từ thời Phục Hi. Nhìn vào bức tranh này, chúng ta bắt đầu có khái niệm rõ hơn về “sự đặt tên - nomination”. Từ nguyên lý chứa đựng trong hình vẽ, do những vạch liền và vạch đứt tạo ra, chúng ta bắt đầu đặt tên cho chúng. Thực ra, chúng không hề có tên gì cả.

When we understand the “namelessness” of the symbols that we call mode (儀), image (象), trigram (卦), hexagram (卦), we begin to understand the meaning of the principle of change. Each symbol is a nature that we apply (use) to interpret the reasoning of the things and objects that we want to talk about. The act of hanging drawings of hexagrams on the wall by Confucian scholars in Viet Confucianism letters is called “卦” pronounced as “guà”. So the trigram (guà) is an image hung on the wall to look at and think and speculate. A set of eight trigrams (baguà) hung on the wall to compare one trigram with another, symbolizing one thing with another is called bagua (八卦 - bāguà). A set of 64 hexagrams hung on the wall to compare one hexagram with another, symbolizing one thing with another is called sixty-four hexagrams.

Khi hiểu về sự “không có tên” của các biểu tượng mà chúng ta gọi là các hào, các tượng, các quẻ đơn (đơn quái), các quẻ đôi (trùng quái) chúng ta bắt đầu thấu đáo ý nghĩa của Dịch Lý. Mỗi biểu tượng là một thể (nature) mà chúng ta ứng dụng (use) nó vào trong việc diễn giải lý lẽ của sự và vật mà chúng ta muốn nói đến. Việc treo các hình vẽ là các hình danh của quẻ lên tường của nhà nho trong chữ Nho gọi là “quái - ...” phát âm là “quái, quái, quẻ”. Vậy quẻ (quái) là hình ảnh treo lên tường để xem vào đó mà suy nghĩ, suy đoán. Một một bộ tám quẻ (quái) treo trên tường để nhìn vào so sánh được quẻ này với quẻ kia, tượng trưng cho sự vật này với sự vật kia thì gọi là bát quái. Một bộ 64 trùng quái treo trên tường để nhìn vào so sánh được quẻ này với quẻ kia, tượng trưng cho sự vật này với sự vật kia thì gọi là trùng quái.

When Vietnamese people encounter something that is not yet determined, they often say, “I don’t know what the trigram is this?”. That shows that the mindset influenced by the I Ching has been deeply ingrained in the Vietnamese brain, deeply embedded in Vietnamese culture. “I don’t know what the trigram is this?” is when Confucian scholars gather around the Eight Trigrams painting hanging on the wall and discuss with each other which trigram the event that is happening belongs to: is it the “qián - the Creative” trigram, the “kūn - the Receptive” trigram, the “lí - the Clinging” trigram, the “kǎn - the Abysmal” trigram, ... which trigram is most similar to this situation!?!

Người Việt Nam khi gặp một điều gì chưa xác định được, hay phát ra một câu “Không biết cái quái gì đây?”. Điều đó thể hiện tư duy ảnh hưởng từ dịch lý đã in hằn sâu trong não bộ của người Việt, trầm tích sâu trong nền văn hóa Việt Nam. “Không biết cái quái gì đây?” chính là lúc các Nho sinh quây quần bên bức triết họa Bát Quái treo trên tường và thảo luận với nhau là cái việc đang xảy ra ấy nó thuộc cái quẻ (quái) nào: là quái “càn”, là quái “khôn” hay là quái “ly”, quái “khâm”, ... cái quái nào là giống với tình huống này nhất!?!



A diagram of I Ching hexagrams sent to Gottfried Wilhelm Leibniz from Joachim Bouvet.
The Arabic numerals were added by Leibniz.

Sơ đồ quẻ Kinh Dịch được gửi đến Gottfried Wilhelm Leibniz từ Joachim Bouvet.

Leibniz đã thêm các chữ số Ả Rập.

When the first words are written next to the first drawings to name them as the trigrams “Qian trigram, Kun trigram,...” then we begin to have a systematic diagram to think clearly.

Khi những chữ đầu tiên được viết vào cạnh những hình vẽ đầu tiên để đặt tên cho nó thành những quẻ có tên “quẻ Càn, quẻ Khôn,...” thì chúng ta bắt đầu có một sơ đồ hệ thống để suy nghĩ một cách rõ ràng.

10.6 59 Viet Confucianism letters in set of 78 phenomena

59 chữ Việt Nho trong bộ 78 dịch-tượng

Among the many multi-dimensional “uni-nature-multi-use” meanings of the hexagrams, we choose the closest single meaning in the agricultural development in the Central Highlands to note the phenomenon.

Trong nhiều nghĩa đa chiều “nhất thể bách dụng” của các trigram quẻ, chúng tôi chọn nghĩa đơn giản nhất trong việc phát triển nông nghiệp tại Tây Nguyên để ghi chú cho các dịch-tượng.

[2]	Lưỡng nghi	Two modes
陰陽	Âm - Dương	Yin - Yang
[4]	Tứ Tượng	Four images
太陽 - 少陰 - 少陽 - 太陰	Thái Dương - Thiếu Dương - Thiếu Âm - Thái Âm	Great Yin - Lesser Yang - Lesser Yin - Great Yang
[8]	Bát quái	Eight trigrams
乾 兌 離 震 巽 坎 艮 坤	Càn Đoài Ly Chấn Tốn Khảm Cấn Khôn	The Creative - the Joyous - the Clinging - the Arousing - the Gentle - the Abysmal - Keeping Still - the Receptive
[16]	8 Bộ đôi trùng quái	8 two-hexagrams-sets
乾-坤	Càn - Khôn. Phát triển trong sự tự chủ - Khả năng chứa đựng bao trùm	Self-control development - inclusive loading capacity
離-坎	Ly - Khảm. Lan tỏa nhanh chóng - Sự mắc kẹt lặp đi lặp lại	Spread rapidly - Repeated entrapment
頤-大過	Đi - Đại quá. Cung cấp nguồn nuôi dưỡng - Khối lượng tới hạn	Providing nourishment - Critical mass
中孚-小過	Trung phu - Tiểu quá. Niềm tin từ bên trong - Sự phản tỉnh	Inner trust - Self reflection
既濟-未濟	Ký tế - Vị tế. Thời kỳ đã hoàn thành - Thời kỳ chưa hoàn thành	Completion period - Not yet completed period
泰-否	Thái - Bĩ. Thời kỳ phát triển - Thời kỳ suy thoái	Growth period - Recession period
漸-歸妹	Tiến - Quy muội. Tiến từng bước một - Rút lui	Step-by-step - Withdrew
蠱-隨	Cổ - Tùy. Điều chỉnh đúng đắn trở lại - Tùy theo điều kiện hiện có	Correcting - Following
[48]	12 bộ bốn trùng quái	12 four-hexagrams-sets
比-師-同人-大有	Tỷ - Sư - Đồng nhân - Đại hữu. Tư tưởng - Phát triển cộng đồng - Những người cùng chung chí hướng - Hiện thực hóa	Ideology - Community development - Liked-mind persons - Realisation
需-訟-晉-明夷	Nhu - Tụng - Tấn - Minh di. Nhu cầu - Xung đột - Tranh giành - Quyền biến	Demand - Conflict - Fighting - Contingency

屯-蒙-鼎-革	<i>Truân - Mông - Đỉnh - Cách. Khó khăn trong buổi ban đầu - Sự chưa trưởng thành - Rèn luyện - Cách thay đổi</i>	Difficulty at the beginning - Immaturity - Training - Change method
履-小畜-謙-豫	<i>Lý - Tiểu súc - Khiêm - Dự. Hành động thực tiễn - Mốc thành công nhỏ - Quản lý chất lượng toàn diện - Cơ chế thực hiện quyết định</i>	Practising - Successful milestone - Total quality management - Decision making process
兌-巽-艮-震	<i>Đoài - Tốn - Cấn - Chấn. Trao đổi trong vui vẻ - Thâm nhập - Giữ nguyên - Di chuyển</i>	Joyful exchange - Penetration - Keeping Still - Move
豐-節-渙-旅	<i>Phong - Tiết - Hoán - Lữ. Sự phong phú - Giới hạn và điều độ - Ly tán - Du lịch</i>	Abundance - Limitation and moderation - Dispersion - Travelling
噬嗑-困-賁-井	<i>Phệ hạp - Khốn - Bí - Tỉnh. Giãn cách - Nghịch cảnh - Văn minh hóa - Hoạt động tích cực liên tục</i>	Interrupted - Adversity - Civilize - Continuous active activity
咸-恆-損-益	<i>Hàm - Hằng - Tồn - Ích. Kết hợp - Kiên định - Mất - Được</i>	Combine - Constancy - Lose - Gain
無妄-萃-大畜-升	<i>Vô vọng - Tụy - Đại súc - Thăng. Thuận tự nhiên - Kết hợp lại - Tích lũy lớn - Phát triển thuận tự nhiên</i>	Naturally - Gathering together - Great Accumulating - Natural development
復-姤-剝-夬	<i>Phục - Cẩu - Bác - Quyết. Khởi lại - Liên minh - Gọt giữa - Sự kiên quyết</i>	Return - Coalition - Stripping - Resoluteness
臨-觀-遯-大壯	<i>Lâm - Quan - Độn - Đại tráng. Tiếp cận - Quan sát - Quy ẩn - Phát triển có chọn lọc</i>	Approach - Viewing - Retreat - Selective development
蹇-解-睽-家人	<i>Kiên - Giải - Khuê - Gia nhân. Vấn đề - Giải thoát - SMARTgoal - Cung cấp sự hỗ trợ liên tục</i>	Problem - Release - SMARTgoal - Providing continuous support

From these set of 78 phenomena, we briefly recorded the next 59 letters in LAA360 as follows:

Từ bộ 78 dịch-tượng này, chúng tôi đã ghi nhận gọn lại 59 chữ tiếp theo trong LAA360 như sau:

Commented [DP71]:

陰陽太少乾兌離震巽坎艮坤頤過中孚小既濟未泰否漸歸妹蠱隨需訟晉夷屯蒙
鼎革履謙豫豐節渙旅噬嗑困賁井咸恆損益復姤剝夬蹇解睽家

10.7 85 Viet Confucianism letters in Great wisdom beyond wisdom heart sutra

(English translation provided by Raja Hornstein to Lotus Library, devaraja@well.com)

85 chữ Việt Nho trong Bát nhã ba la mật đa tâm kinh

(Bản dịch Anh ngữ bởi Raja Hornstein cung cấp cho Thư Viện Hoa Sen, devaraja@well.com)

When Mr. Van Hoan Nguyen taught Viet Kien Nong about the Heart Sutra, the passage:

“Gate Gate Paragate Parasamgate Bodhi Svaha.”

It also means: try hard, try harder, try harder, the other side is the goal!”

Mr. Nguyen added, “Try harder, try harder,... and you will be done!!!” Those were the profound letters of encouragement that he used to motivate Viet Kien Nong to overcome difficulties.

Khi thầy Nguyễn Văn Hoàn dạy Việt Kiến Nông về Bát nhã tâm kinh, đoạn:

“Yết đế yết đế, ba la yết đế, ba la tăng yết đế, bồ đề tát bà ha.”

Cũng tức là: cố gắng cố gắng, cố gắng hơn nữa, cố gắng thêm hơn nữa, bên kia là bến ngạn!”

Thầy Nguyễn nói thêm rằng đi con, rằng lên chút nữa,... rồi cũng xong mà!!!

Đó là những lời động viên sâu sắc mà thầy đã động viên Việt Kiến Nông vượt qua các khó khăn.

To Mr. Luu, he taught the passage:

“Form does not differ from emptiness; emptiness does not differ from form. That which is form is emptiness; that which is emptiness form.”

Đến thầy Lưu, thầy dạy đoạn:

“Sắc bất dị không, không bất dị sắc. Sắc tức thị không, không tức thị sắc.”

To Mr. Tran Khac Kim, he taught the passage: “Avalokiteshvara Bodhisattva, when practicing deeply the Prajna Paramita, perceived that all five skandhas in their own being are empty and was saved from all suffering.”

Đến thầy Trần Khắc Kim, thầy dạy đoạn:

“Quán Tự Tại Bồ Tát hành thâm Bát nhã Ba la mật đa thời, chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhứt thiết khổ ách”.

In the lecture of the Life-University program, Mr. Vas taught that there are three filters of the brain: the selection filter, the typical filter, and the deletion filter to talk about how the brain approaches new things. So it was not until he heard Mr. Vas lecture on the characteristics of the brain that Viet Kien Nong understood how Mr. Tran Khac Kim's Seven-step thinking method helped break the Five Skandhas: Form - Feelings - Perceptions - Speech (external and internal) - Consciousness - Deeper and deeper - Enlightenment. That is the process in which the brain is gradually exposed to multidimensional information until it can model things and events completely. If it only collects one-sided information, the brain cannot overcome the "selective filter, typical filter, and delete filter" and gets stuck in the Five Skandhas. Thanks to the Seven-step thinking method, the learner can achieve "seeing that the five skandhas are all empty". From there, Viet Kien Nong learned more deeply about the Six Senses, the Six Roots, and the Six Consciousnesses. This principle in the Heart Sutra became the fundamental principle in LAA and is listed in LAA360. Viet Kien Nong has summarized the next 85 letters in LAA360 as follows:

Đến thầy Vas, trong bài giảng thuộc chương trình Life-University, thầy dạy có ba bộ lọc của não là: bộ lọc chọn, bộ lọc điển hình, bộ lọc xóa để nói về cách não tiếp cận sự vật mới. Vậy là phải đến khi nghe thầy Vas giảng về đặc tính của não thì Việt Kiến Nông mới hiểu rõ bảy bước tư duy của thầy Trần Khắc Kim đã giúp phá Ngũ Uẩn như thế nào: Thể hiện - Cảm thụ - Trí tri - Ngôn luận (ngoại luận và nội luận) - Nhận thức - Thăng hóa - Giác ngộ. Đó là quá trình mà não được tiếp xúc với thông tin đa chiều dần cho đến khi mô hình hóa được sự và vật hoàn chỉnh. Nếu chỉ thu thập thông tin phiến diện thì não không thể vượt qua “bộ lọc chọn, bộ lọc điển hình, bộ lọc xóa” được và kẹt trong Ngũ Uẩn. Nhờ bảy bước tư duy mà người học tập mới đạt được “chiếu kiến ngũ uẩn giai không”. Từ đó, Việt Kiến Nông học sâu hơn về Lục trần, Lục căn, Lục thức. Cái lý này trong Bát nhã tâm kinh trở thành lý lẽ nền tảng trong Lý-học Kiến-Nông và được liệt kê trong LAA360. Việt Kiến Nông đã ghi nhận gọn lại 85 chữ tiếp theo trong LAA360 như sau:

般若波羅密多自菩薩深時照五蘊皆空度切苦厄舍利色異即是想亦諸滅垢淨增減故眼耳鼻舌身聲香味觸界乃至盡老死集得以所提埵依罣礙恐怖顛倒夢究竟涅槃三佛阿耨藐神咒等能除實虛曰揭帝莎訶

10.8 30 modern Chinese letters

(Excerpt: The Japanese develop modern Chinese, February 7, 2017, nghiencuuquocte.org. Author: Nguyen Hai Hoanh)

30 chữ Hán-ngữ hiện-đại

(Trích: Người Nhật phát triển Hán ngữ hiện đại, 07/02/2017, nghiencuuquocte.org. Tác giả: Nguyễn Hải Hoành)

In the late 19th century, during the exchange with the West, the Japanese found that using classical Chinese words could hardly express new concepts of Western culture. Therefore, some Japanese scholars used their deep understanding of Chinese letters to reform the old words and create many new words that did not exist in Chinese, or existed but had different meanings, to express new concepts and new things that had never existed in Chinese culture. For example, the words hope, case, motto, authority, party cell, religion, extradition, procedure, etc., a total of nearly a thousand words that Chinese people are familiar with today, were created by the Japanese.

Cuối thế kỷ 19, trong quá trình giao lưu với phương Tây, người Nhật thấy việc dùng các từ ngữ văn ngôn của Hán ngữ TQ khó có thể biểu đạt được các khái niệm mới của văn hóa phương Tây. Vì thế một số học giả Nhật đã vận dụng vốn hiểu biết sâu sắc chữ Hán, tiến hành cải tạo từ ngữ cũ và tạo ra nhiều từ ngữ mới không có trong Hán ngữ, hoặc có nhưng với ý nghĩa khác, để thể hiện các khái niệm mới, sự vật mới chưa từng có trong văn hóa TQ. Ví dụ các từ hy vọng, trường hợp, phương châm, quyền uy, chi bộ, tôn giáo, dân độ, thủ tục.... tổng cộng ngót nghìn từ ngữ ngày nay người TQ quen dùng đều là do người Nhật tạo ra.

The Japanese also took the lead in simplifying (reducing strokes) Chinese letters with many strokes. Later, the Chinese adopted this improvement and simplified Chinese letters on a large scale, creating thousands of simplified letters. Mainland China currently only uses simplified letters, not traditional letters (full strokes, complex letters) like Hong Kong and Taiwan.

Người Nhật còn đi đầu trong việc đơn giản hóa (bớt nét) những chữ Hán nhiều nét. Về sau người TQ đã tiếp thu cải tiến này và tiến hành đơn giản hóa chữ Hán với quy mô lớn, tạo ra hàng nghìn chữ giản thể (simplified letter). Đại lục TQ hiện chỉ dùng chữ giản thể, không dùng chữ phồn thể (chữ đủ nét, complex letters) như Hong Kong, Đài Loan.

We selected the next 30 typical modern Chinese letters to package into a set of 360 Viet Confucianism letters in LAA 360;

Chúng tôi chọn 30 chữ Hán ngữ hiện đại điển hình tiếp theo để đóng gói thành bộ 360 chữ Nho trong LAA 360;

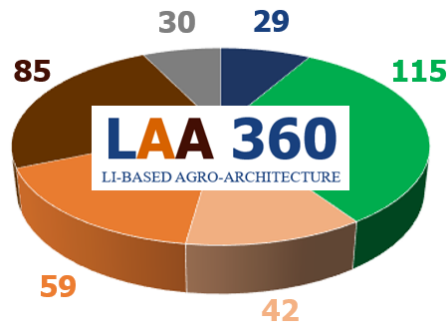
哲学美背景交投资规分代周期习惯主品废进机械者读译社光个汉单词

哲学 (學)	philosophy	triết học
美学 (學)	aesthetics	mỹ học
背景	context	bối cảnh
交流	exchange	giao lưu

说明 (説)	present	<i>thuyết minh</i>
方法	method	<i>phương pháp</i>
投资	invest	<i>đầu tư</i>
规范 (範)	regulations	<i>quy phạm</i>
经济 (經濟)	economic	<i>kinh tế</i>
分配	distribution	<i>phân phối</i>
建筑	architecture	<i>kiến trúc</i>
现代化 (現)	modernize	<i>hiện đại hóa</i>
周期	circle	<i>chu kỳ</i>
习惯性 (習)	custom	<i>tính tập quán</i>
主观性 (觀)	subjectivity	<i>tính chủ quan</i>
客观性 (觀)	objectivity	<i>tính khách quan</i>
成品	finished product/goods	<i>thành phẩm</i>
废品	scrap	<i>phế phẩm</i>
进度	progress	<i>tiến độ</i>
机械	machinery	<i>cơ giới</i>
作者	author	<i>tác giả</i>
读者	reader	<i>độc giả</i>
译者	translator	<i>dịch giả</i>
社会	society	<i>xã hội</i>
光合	photosynthetic	<i>quang hợp</i>
同化	assimilation	<i>đồng hóa</i>
异化 (異)	catabolism	<i>dị hóa</i>
个	classifier for individual objects	<i>cá</i>
漢	Han dynasty	<i>nhà Hán</i>
单词	word	<i>từ đơn</i>

10.9 Exploring 360 fundamental Viet Confucianism letters in the LAA (LAA 360)

Khám-phá 360 chữ Nho nền-tảng trong Lý-học Kiến-Nông



七步思法體現感受智知言論認識升化覺悟真理宇宙人生方構築相乍

(29)

田四字東西南北春夏秋冬土農工商漁樵埂牧水肥料關心種子初成長熟一百用世同堂
儒醫數事圓庸行合比師大有君臣佐使靖在對待計編供正物働擎定妥點線面塊山夫拈
壓縮燃燒捨活塞柱火星湯鍋下食領客会急結建傳遊陶院覽力術功道典氣如管易聯根
財平流說容遠部

(115)

木林葉筋片 稻文明無妄萃畜臨觀遯壯天地上土金日月並猿意馬萬象範疇經緯名見破
執變也不引入

(42)

陰陽太少乾兌離震巽坎艮坤頤過中孚小既濟未泰否漸歸妹蠱隨需訟晉夷屯蒙鼎革履
謙豫豐節渙旅噬嗑困賁井咸恆損益復姤剝夬蹇解睽家

(59)

般若波羅密多自菩薩深時照五蘊皆空度切苦厄舍利色異即是想亦諸滅垢淨增減故眼
耳鼻舌身聲香味觸界乃至盡老死集得以所提埵依罣礙恐怖顛倒夢究竟涅槃三佛阿耨
藐神咒等能除實虛曰揭帝莎訶

(85)

哲学美背景交投资规分代周期习惯主品废进机械者读译社光个漢单词

(30)

七步思法體現感受智知言論認識升化覺悟真理宇宙人生方構築相乍。田四字東西南
北春夏秋冬土農工商漁樵埂牧水肥料關心種子初成長熟一百用世同堂儒醫數事圓庸
行合比師大有君臣佐使靖在對待計編供正物働擎定妥點線面塊山夫拈壓縮燃燒捨活

塞柱火星湯鍋下食領客会急結建傳遊陶院覽力術功道典氣如管易聯根財平流說容遠部。木林葉筋片稻文明無妄萃畜臨觀遯壯天地上土金日月並猿意馬萬象範疇經緯名見破執變也不引入。陰陽太少乾兌離震巽坎艮坤頤過中孚小既濟未泰否漸歸妹蠱隨需訟晉夷屯蒙鼎革履謙豫豐節渙旅噬嗑困賁井咸恆損益復姤剝夬蹇解睽家。般若波羅密多自菩薩深時照五蘊皆空度切苦厄舍利色異即是想亦諸滅垢淨增減故眼耳鼻舌身聲香味觸界乃至盡老死集得以所提埵依罣礙恐怖顛倒夢究竟涅槃三佛阿耨藐神咒等能除實虛曰揭帝莎訶。哲学美背景交投资规分代周期习惯主品废进机械者读译社光个漢单词。

(LAA 360)

LAA 360 - Letters from 1 to 36

LAA 360 - Chữ từ 1 đến 36

相 ²⁸	真 ¹⁹	知 ¹⁰	七 ¹
乍 ²⁹	理 ²⁰	言 ¹¹	步 ²
田 ³⁰	宇 ²¹	論 ¹²	思 ³
四 ³¹	宙 ²²	認 ¹³	法 ⁴
字 ³²	人 ²³	識 ¹⁴	體 ⁵
東 ³³	生 ²⁴	升 ¹⁵	現 ⁶
西 ³⁴	方 ²⁵	化 ¹⁶	感 ⁷
南 ³⁵	構 ²⁶	覺 ¹⁷	受 ⁸
北 ³⁶	筑 ²⁷	悟 ¹⁸	智 ⁹

LAA 360 - Letters from 37 to 72

LAA 360 - Chữ từ 37 đến 72

同 ⁶⁴	子 ⁵⁵	樵 ⁴⁶	春 ³⁷
堂 ⁶⁵	初 ⁵⁶	埂 ⁴⁷	夏 ³⁸
儒 ⁶⁶	成 ⁵⁷	牧 ⁴⁸	秋 ³⁹
醫 ⁶⁷	長 ⁵⁸	水 ⁴⁹	冬 ⁴⁰
數 ⁶⁸	熟 ⁵⁹	肥 ⁵⁰	士 ⁴¹
事 ⁶⁹	一 ⁶⁰	料 ⁵¹	農 ⁴²
圓 ⁷⁰	百 ⁶¹	關 ⁵²	工 ⁴³
庸 ⁷¹	用 ⁶²	心 ⁵³	商 ⁴⁴
行 ⁷²	世 ⁶³	種 ⁵⁴	漁 ⁴⁵

LAA 360 - Letters from 73 to 108

LAA 360 - Chữ từ 73 đến 108

100 夫	91 働	82 靖	73 合
101 拊	92 擘	83 在	74 比
102 壓	93 定	84 對	75 師
103 縮	94 妥	85 待	76 大
104 燃	95 點	86 計	77 有
105 燒	96 線	87 編	78 君
106 捨	97 面	88 供	79 臣
107 活	98 塊	89 正	80 佐
108 塞	99 山	90 物	81 使

LAA 360 - Letters from 109 to 144

LAA 360 - Chữ từ 109 đến 144

聯 ¹³⁶	力 ¹²⁷	會 ¹¹⁸	性 ¹⁰⁹
根 ¹³⁷	術 ¹²⁸	急 ¹¹⁹	火 ¹¹⁰
財 ¹³⁸	功 ¹²⁹	結 ¹²⁰	星 ¹¹¹
平 ¹³⁹	道 ¹³⁰	建 ¹²¹	湯 ¹¹²
流 ¹⁴⁰	典 ¹³¹	傳 ¹²²	鍋 ¹¹³
說 ¹⁴¹	氣 ¹³²	遊 ¹²³	下 ¹¹⁴
容 ¹⁴²	如 ¹³³	陶 ¹²⁴	食 ¹¹⁵
遠 ¹⁴³	管 ¹³⁴	院 ¹²⁵	領 ¹¹⁶
部 ¹⁴⁴	易 ¹³⁵	覽 ¹²⁶	客 ¹¹⁷

LAA 360 - Letters from 145 to 180

LAA 360 - Chữ từ 145 đến 180

萬 ¹⁷²	上 ¹⁶³	妄 ¹⁵⁴	木 ¹⁴⁵
象 ¹⁷³	土 ¹⁶⁴	萃 ¹⁵⁵	林 ¹⁴⁶
範 ¹⁷⁴	金 ¹⁶⁵	畜 ¹⁵⁶	葉 ¹⁴⁷
疇 ¹⁷⁵	日 ¹⁶⁶	臨 ¹⁵⁷	筋 ¹⁴⁸
經 ¹⁷⁶	月 ¹⁶⁷	觀 ¹⁵⁸	片 ¹⁴⁹
緯 ¹⁷⁷	並 ¹⁶⁸	遯 ¹⁵⁹	稻 ¹⁵⁰
名 ¹⁷⁸	猿 ¹⁶⁹	壯 ¹⁶⁰	文 ¹⁵¹
見 ¹⁷⁹	意 ¹⁷⁰	天 ¹⁶¹	明 ¹⁵²
破 ¹⁸⁰	馬 ¹⁷¹	地 ¹⁶²	無 ¹⁵³

LAA 360 - Letters from 181 to 216

LAA 360 - Chữ từ 181 đến 216

否 ²⁰⁸	頤 ¹⁹⁹	少 ¹⁹⁰	執 ¹⁸¹
漸 ²⁰⁹	過 ²⁰⁰	乾 ¹⁹¹	變 ¹⁸²
歸 ²¹⁰	中 ²⁰¹	兌 ¹⁹²	也 ¹⁸³
妹 ²¹¹	孚 ²⁰²	離 ¹⁹³	不 ¹⁸⁴
蠱 ²¹²	小 ²⁰³	震 ¹⁹⁴	引 ¹⁸⁵
隨 ²¹³	既 ²⁰⁴	巽 ¹⁹⁵	入 ¹⁸⁶
需 ²¹⁴	濟 ²⁰⁵	坎 ¹⁹⁶	陰 ¹⁸⁷
訟 ²¹⁵	未 ²⁰⁶	艮 ¹⁹⁷	陽 ¹⁸⁸
晉 ²¹⁶	泰 ²⁰⁷	坤 ¹⁹⁸	太 ¹⁸⁹

LAA 360 - Letters from 217 to 252

LAA 360 - Chữ từ 217 đến 252

²⁴⁴ 睽	²³⁵ 恆	²²⁶ 節	²¹⁷ 夷
²⁴⁵ 家	²³⁶ 損	²²⁷ 渙	²¹⁸ 屯
²⁴⁶ 般	²³⁷ 益	²²⁸ 旅	²¹⁹ 蒙
²⁴⁷ 若	²³⁸ 復	²²⁹ 噬	²²⁰ 鼎
²⁴⁸ 波	²³⁹ 姤	²³⁰ 嗑	²²¹ 革
²⁴⁹ 羅	²⁴⁰ 剝	²³¹ 困	²²² 履
²⁵⁰ 密	²⁴¹ 夬	²³² 賁	²²³ 謙
²⁵¹ 多	²⁴² 蹇	²³³ 井	²²⁴ 豫
²⁵² 自	²⁴³ 解	²³⁴ 咸	²²⁵ 豐

LAA 360 - Letters from 252 to 288

LAA 360 - Chữ từ 253 đến 288

故 ²⁸⁰	是 ²⁷¹	度 ²⁶²	菩 ²⁵³
眼 ²⁸¹	想 ²⁷²	切 ²⁶³	薩 ²⁵⁴
耳 ²⁸²	亦 ²⁷³	苦 ²⁶⁴	深 ²⁵⁵
鼻 ²⁸³	諸 ²⁷⁴	厄 ²⁶⁵	時 ²⁵⁶
舌 ²⁸⁴	滅 ²⁷⁵	舍 ²⁶⁶	照 ²⁵⁷
身 ²⁸⁵	垢 ²⁷⁶	利 ²⁶⁷	五 ²⁵⁸
聲 ²⁸⁶	淨 ²⁷⁷	色 ²⁶⁸	蘊 ²⁵⁹
香 ²⁸⁷	增 ²⁷⁸	異 ²⁶⁹	皆 ²⁶⁰
味 ²⁸⁸	減 ²⁷⁹	即 ²⁷⁰	空 ²⁶¹

LAA 360 - Letters from 289 to 324

LAA 360 - Chữ từ 289 đến 324

阿 ³¹⁶	顛 ³⁰⁷	以 ²⁹⁸	觸 ²⁸⁹
耨 ³¹⁷	倒 ³⁰⁸	所 ²⁹⁹	界 ²⁹⁰
藐 ³¹⁸	夢 ³⁰⁹	提 ³⁰⁰	乃 ²⁹¹
神 ³¹⁹	究 ³¹⁰	埵 ³⁰¹	至 ²⁹²
咒 ³²⁰	竟 ³¹¹	依 ³⁰²	盡 ²⁹³
等 ³²¹	涅 ³¹²	罍 ³⁰³	老 ²⁹⁴
能 ³²²	槃 ³¹³	礙 ³⁰⁴	死 ²⁹⁵
除 ³²³	三 ³¹⁴	恐 ³⁰⁵	集 ²⁹⁶
實 ³²⁴	佛 ³¹⁵	怖 ³⁰⁶	得 ²⁹⁷

LAA 360 - Letters from 315 to 360

LAA 360 - Chữ từ 325 đến 360

者 ³⁵²	期 ³⁴³	背 ³³⁴	虛 ³²⁵
读 ³⁵³	习 ³⁴⁴	景 ³³⁵	曰 ³²⁶
译 ³⁵⁴	惯 ³⁴⁵	交 ³³⁶	揭 ³²⁷
社 ³⁵⁵	主 ³⁴⁶	投 ³³⁷	帝 ³²⁸
光 ³⁵⁶	品 ³⁴⁷	资 ³³⁸	莎 ³²⁹
个 ³⁵⁷	废 ³⁴⁸	规 ³³⁹	訶 ³³⁰
漢 ³⁵⁸	进 ³⁴⁹	分 ³⁴⁰	哲 ³³¹
单 ³⁵⁹	机 ³⁵⁰	代 ³⁴¹	学 ³³²
词 ³⁶⁰	械 ³⁵¹	周 ³⁴²	美 ³³³

10.10 Distinguishing similar letters in LAA 360

Phân biệt những từ gần giống trong LAA 360

Homophones with different meanings / Chữ đồng âm khác nghĩa:

工-功 (gong): artisan - kungfu / công (kỹ thuật) - công (vô công)

太 - 泰 (tài): great - peaceful / thái (lớn) - thái (thái bình / hòa bình)

歸 - 規 (gui): regressive - regulations / quy (quay lui) - quy (quy định)

The letters have similar shapes / Chữ có hình dáng tương tự:

受 - 妥: feelings - satisfy / thụ (thọ / cảm thụ) - thỏa (thỏa mãn)

升 - 井 - 进: development - well - enter / thăng (phát triển) - tỉnh (cái giếng) - tiến (tiến độ)

理 - 種 - 坤 - 埤: principle - species - kūn - duǒ (a sound in Bodhisattva) / lý - chủng - khôn - (tát) đũa (một âm trong Bodhisattva)

字 - 字 - 学: time - word - study / trụ (thời gian) - tự (chữ) - học

相-根-財-眼: mutually - root - finances - eye / tương (tương / tương tác) - căn (căn bản) - tài (tiền) - nhãn (con mắt)

夏-履-復: summer - “practice” hexagrams - return / hạ (mùa hè) - (quê) lý (thực tiễn) - (quê) phục (khởi lại chu kỳ)

士-土: intellectual - soil / sĩ (trí thức) - thổ (đất)

埂-使: plant breeder - messenger / canh (trồng trọt) - sứ (sứ giả)

長 - 艮 - 眼: long - gèn - eye / trường (trường) - (quê) căn - nhãn (con mắt)

定 - 是 - 提: research - is - “tí” (a sound in Bodhisattva) / nghiên (nghiên cứu) - thị (là) - (bồ) đề (một âm trong Bodhisattva)

儒 - 需: Confucianism - demand / Nho - nhu (nhu cầu)

大 - 夫 - 天 - 太: large - husband - heaven - great / đại (to) - phu (chồng) - thiên (trời) - thái (to lớn / vĩ đại)

活 - 舍 - 舌: “huó” - “shè” (a sound in Shariputra) - old / hoạt - xá (trong Xá Lợi Phất) - cổ (cổ hũ)

塞 - 蹇: plug - trouble / tái - kiến (khó khăn)

柱 - 主: pillar (in the cylinder) - Master / trụ - tính

待 - 傳 - 時 - 得: treat - pass - time - to obtain / đãi (đối đãi) - truyền (truyền thông) - thời (thì) - đắc (đạt)

滅 - 減: destroy - reduce / diệt - giảm

易 - 湯: change - broth / dịch (Kinh dịch) – sương (hơi sương)

文 - 交: arts – mutual / văn (văn tự) – giao (giao lưu)

亦 - 界 - 分: as well as - boundary - divide / diệc (cũng / lại) - giới (biên giới) - phân (phân chia)

Letters close in Viet Confucianism meaning / Chữ có nghĩa Việt Nho gần giống:

世 - 時 - 代: world - time - generation (similar to time) / thế - thời (thì) - đại (đều tương tự chữ: thời)

10.11 Economic thinking "from bipolarity to multipolarity" in LAA

Tư-duy kinh-tế "từ lưỡng-cực đến đa-cực" trong Lý-học Kiến Nông (LAA)

[1] The difficult early days of Viet Kien Nong in the Central Highlands

Những ngày đầu gian khó của Việt Kiến Nông tại Tây Nguyên

The Central Highlands has never welcomed Mr. Truong Chien Ly (LTC), but his economic thinking has left a deep mark on agricultural business models. Not many people in Buon Ma Thuot and the Central Highlands know about "operations - objects - static - active", "correct method, all steps, frequently, achieving results, correct - enough - frequent - achieving", "owner - employee - customer - community" ... Because those principles have only developed silently in the Central Highlands for a long time. Viet Kien Nong is a student who brought profound lessons in Li Studies, beyond mere business - intelligence, from his teacher to the Central Highlands to think, experiment, experience and contemplate.

In the early days of working on the farm, VKN lived in a coffee-household's warehouse. On a wooden bench, VKN turned his suitcase upside down to use as a writing desk, with a piece of A4 white paper and a ballpoint pen, the core of LTC's business strategy began to be outlined to apply to coffee industry:

"A business strategy is a plan that helps a agricultural entrepreneur move from current state to goals, accompany the objects, throughout environment, within a specified period of time."

This definition follows VKN on village roads for 5 years, until 2022, when completing the Laba Ecohill project, VKN will set it as the Changing Dragon strategic analysis set, corresponding to the English GAP-planning strategy.

Along with the 'basic-standard-custom-professional' set using images of airports, airplanes, and flights to describe and analyze a task from start to finish, recording journey data, the Changing Dragon strategic analysis set has helped VKN build a "Short Runway" business plan for economic models with a high proportion of agriculture that VKN has participated in.

Plans to "change + grow up" the business status in 3 months, 6 months, 9 months, 1 year, 3 years, 5 years, 9 years for agricultural enterprises have been outlined according to that principle. Some initial successful models have been formed. LTC's business intelligence has begun to take root in the generous and aspirational soul of the Central Highlands.

Mảnh đất Tây Nguyên chưa từng đón chân thầy Lý Trường Chiến (LTC) nhưng tư duy kinh tế của thầy thì đã để lại nơi đây những dấu ấn sâu sắc trong các mô hình kinh doanh ngành nông nghiệp. Không nhiều người dân Buôn Ma Thuột cũng như Tây Nguyên biết đến "sự - vật - tình - động", "đúng phương pháp, đủ các bước, đều thời gian, đạt kết quả, đúng - đủ - đều - đạt", "lành - nhân - khách - hội" ... Vì các nguyên tắc đó chỉ phát triển thâm lặn tại Tây Nguyên trong một quãng thời gian dài. Việt Kiến Nông là người học trò mang những bài học sâu sắc về Lý-học, vượt lên chuyện doanh-trí đơn thuần, của thầy đến với Tây Nguyên để suy tư, thực nghiệm, trải nghiệm và chiêm nghiệm.

Những ngày đầu ở rẫy, VKN sống trong nhà kho của một nông hộ cà phê. Trên chiếc phản gỗ, VKN lật úp va-li lại làm bàn viết, với 1 tờ giấy trắng A4, 1 cây bút bi, những cốt lõi về chiến lược kinh doanh LTC bắt đầu được vạch ra để áp vào nông nghiệp ngành cà phê:

"Chiến-lược kinh-doanh là một kế-hoạch giúp doanh-nông từ hiện-trạng đến mục-tiêu cùng với đối-tượng thông qua môi-trường trong một khoảng thời gian xác định."

Định nghĩa này theo VKN trên các nẻo đường thôn bản trong 5 năm, đến năm 2022, khi hoàn thành đồ án Laba Ecohill thì VKN mới đặt là bộ phân tích chiến lược Dịch Long, tương ứng với Tiếng Anh là GAP-planning strategy.

Cùng với bộ sơ-thành-trường-thực dùng hình ảnh sân bay, máy bay, chuyến bay để diễn tả - phân tích về một việc từ đầu đến cuối, ghi nhận dữ liệu hành trình, bộ phân tích chiến lược Dịch Long đã giúp VKN xây dựng phương án kinh doanh "Đường băng ngắn" cho các mô hình kinh tế có tỉ trọng nông nghiệp cao mà VKN đã tham gia.

Các kế hoạch "dịch + chuyển" trạng thái kinh doanh trong 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng, 1 năm, 3 năm, 5 năm, 9 năm cho doanh-nông đã được vạch ra theo nguyên lý ấy. Một số mô hình thành công ban đầu đã hình thành. Doanh trí LTC bắt đầu có chỗ bám rễ vào tâm hồn Tây Nguyên hào sảng và tràn đầy khát vọng.

[2] Model of applying economic thinking "from bipolarity to multipolarity" in LAA in the Central Highlands

Mô hình ứng dụng tư duy kinh-tế "từ lưỡng-cực đến đa-cực" trong Lý-học Kiến-Nông tại Tây Nguyên

The following is an example of an economic model that is developing according to the principle of "from bipolarity to multipolarity" in the Central Highlands.

Sau đây là thí dụ một mô hình kinh tế đang phát triển theo nguyên lý "lưỡng-cực đến đa-cực" tại Tây Nguyên.



H' Hiep and My Ngoc at Vinh Hoa lake, Cu Kuin district, Dak Lak province
while taking photos for H' Hiep

H' Hiệp và Mỹ Ngọc tại hồ Vinh Hòa, huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk lúc đang chụp ảnh cho H' Hiệp

The An Dien Thien Duong Dak Lak Company (ADTD Company) was formed from the Ede/Kinh bipolar relationship of H' Hiep and My Ngoc. ADTD Company exploits H' Hiep's local resources and My Ngoc's international resources. H' Hiep owns 51%. My Ngoc owns 49%. First, ADTD Company invested in Banme Retreat project from the premises rented by H' Hiep herself. Then, My Ngoc connected with Diep Nong, Phong Kim, Chan Tam to build business model. H' Hiep connected with friends to provide financial support. From there, Banme Retreat welcomed international volunteers from the WorldPackers platform operated by My Ngoc, increasing brand reputation and attracting domestic customers. From H' Hiep, ADTD Company has a partner in a good quality coffee growing area to be able to buy and resell to Daklac Coffee, My Ngoc's partner. Next, H' Hiep attracted investment interest from Minh Hong. So from the initial Ede/Kinh bipolar, ADTD company has developed a multipolar system of “domestic/foreign”, “domestic consumption/export”, “volunteers/guests”,... and become a partner in developing Netzero Tourism with the organization NetZeroNomy.

Công ty Ân Điển Thiên Đường Đắk Lắk (Cty ADTD) được hình thành từ quan hệ lưỡng cực Ê Đê / Kinh của H' Hiệp và Mỹ Ngọc. Cty ADTD khai thác nguồn lực bản địa của H' Hiệp và nguồn lực quốc tế của Mỹ Ngọc. H' Hiệp sở hữu 51%. Mỹ Ngọc sở hữu 49%. Đầu tiên, cty ADTD đầu tư dự án Banme Retreat từ mặt bằng thuê của chính H' Hiệp. Sau đó, Mỹ Ngọc kết nối với Diệp Nông, Phong Kim, Chân Tâm để xây dựng mô hình kinh doanh. H' Hiệp nối với bạn bè để hỗ trợ tài chính. Từ đó, Banme Retreat đón tình nguyện viên quốc tế từ nền tảng WorldPackers do Mỹ Ngọc vận hành, tăng uy tín thương hiệu và thu hút được khách nội địa. Từ H' Hiệp, cty ADTD có đối tác vùng trồng cà phê chất lượng tốt để có thể mua về và bán lại cho Daklac Coffee là đối tác của Mỹ Ngọc. Kế đến, H' Hiệp thu hút được quan tâm đầu tư từ Minh Hồng. Vậy là từ lưỡng cực Ê Đê / Kinh ban đầu, cty ADTD đã phát triển ra một hệ thống lưỡng cực “trong nước / ngoài nước”, “tiêu thụ trong nước / xuất khẩu”,

“tình nguyện viên / khách lưu trú”,... và thành đối tác phát triển Du lịch Netzero với tổ chức NetZeroNomy.

[3] Applying "operations - objects - static - active" and "correct - enough - frequent - achieving" to the LTC Business House model "owner - staff - customer - community" in the Central Highlands.

Ứng dụng sự-vật-tĩnh-động và đúng-đủ-đều-đạt vào mô hình Ngôi nhà doanh nghiệp LTC "Lãnh - nhân - khách - hội" tại Tây Nguyên.



Mr. Truong Chien Ly and Viet Kien Nong when editing the Laba Ecohill project in 2019

Thầy Lý Trường Chiến và Việt Kiến Nông khi chỉnh sửa đồ án Laba Ecohill năm 2019

The LTC business house model has been trained in courses at Tri Tri Group and YUP academy starting from Hochiminh city. To facilitate quick exchanges on the ‘high-low-up-down’ fields, or while driving on ‘sunny-dusty-rainy-muddy’ roads, VKN has transformed the LTC business house model into the Viet Confucian quartet of "Owner - employee - customer - community". The roles of owner, employee, customer and community are clearly calculated by static events, which when put into action interact with material products. Arranging static events in advance helps the agricultural enterprise organize and operate the exchange of goods, which are active objects, in a rhythmic manner. LAA summarizes into the set of ‘operation - object - static - active’ as the starting point for the agricultural enterprise to begin to be able to do things correctly and sufficiently, which Mr. Ly said ‘will-reach-the-top’. When everything in general in the agricultural model is divided into operations and objects (first bipolarize), then these two poles are divided into two states ‘static and active’ (second bipolarize), we begin to clearly identify the system including structure (land and people) and the operation (organism) including the work that people do on the land.

Small tasks such as sowing, fertilizing, and watering, when put together, gradually become larger tasks such as planting a 1-hectare coffee plantation. We call them projects. Projects must be managed by "correct - enough - frequent - achieving" process. Tasks and projects from such bipolar factors are further divided into a multipolar system consisting of many bipolar pairs at different levels. The opportunity for farmers to own land, infrastructure, and operate an agricultural economy on which the efficiency "bipolarity to multipolarity" has become increasingly clear. When the work develops well beyond the limit of being able to do it themselves, and earn money by working for themselves, farmers can start hiring labours and become agricultural entrepreneurs.

Mô hình ngôi nhà doanh nghiệp LTC đã được đào tạo trong các khóa học tại Trí Tri Group và học viện YUP khởi đầu từ thành phố Hồ Chí Minh. Để tiện trao đổi nhanh trên rây vốn cao-thấp-chấp-chùng, hay trong lúc lái xe trên những nẻo đường nắng-bụi-mưa-lầy, VKN đã chuyển thể mô hình ngôi nhà doanh nghiệp LTC sang cách nói theo Việt Nho là bộ tứ "Lãnh - nhân - khách - hội". Các vai trò lãnh đạo, nhân sự, khách hàng và cộng đồng được tính toán rõ bởi các sự-tình, các sự này đưa vào hành động thì tương tác với sản phẩm vật chất. Sắp xếp trước các sự-tình giúp doanh-nông tổ chức và vận hành trao đổi hàng hóa, là các vật-động, trở nên nhịp nhàng. LAA ghi gọn thành bộ sự - vật - tình - động là mốc khởi đầu để doanh-nông bắt đầu có thể làm một cách đúng-đủ-đều-đạt mà thầy Lý nói sẽ đi-được-đến-đỉnh. Khi mọi thứ chung chung trong mô-hình nông-nghiệp được phân thành sự và vật (lượng cực lần 1), rồi sau đó hai cực này lại phân thành hai trạng-thái tĩnh và động (lượng cực lần 2), chúng ta bắt đầu nhận diện rõ tính hệ thống (system) gồm cấu trúc (đất đai và con người) và sự vận hành (organism) gồm các công việc mà con người làm lụng trên đất.

Các việc từ nhỏ như xuống giống, bón phân, tưới nước khi nói gom chung lại thì lớn dần thành việc như trông một rẫy cà phê 1 héc-ta. Chúng ta gọi đó là dự-án. Các dự-án phải được quản lý đúng-đủ-đều-đạt. Các việc và các dự-án từ các yếu tố lượng-cực như thể phân chia tiếp thì thành hệ thống đa-cực gồm nhiều cặp lượng cực trong các tầng nấc khác nhau. Cơ hội để nông-dân làm chủ đất đai, hạ tầng và vận hành kinh-tế nông-nghiệp trên đó hiệu quả "lượng-cực đến đa-cực" đã sáng rõ dần. Khi công việc phát triển tốt vượt ra ngoài hạn mức có thể tự làm, tự lấy-công-làm-lời, nông-dân đã có thể bắt đầu thuê công và trở thành doanh-nông.

[4] Leaf-vein plot, leaf-blade plot and set of 'tree - forest - leaf vein - leaf blade / 木 林 葉 筋 葉片'

Lô đất gân-lá, lô đất phiến-lá và bộ mộc - lâm - cân - phiến



A leaf with distinct veins and blade

Một chiếc lá với gân lá và phiến lá rõ ràng

The most fundamental principle of agriculture is that the sun shines on the leaves, creating the process of photosynthesis, producing nutrients that start the nutritional cycle in agriculture. That is the root of green economy and circular economy. The Central Highlands of the past was a jungle (forest - 林), through the process of developing the agricultural and forestry economy, part of the jungle land has been converted into land for growing industrial crops, agricultural crops (tree - 木) and land for livestock farms.

The first thing to do when doing agricultural economics is to evaluate the potential of the land. After 4 years of traveling all over the Central Highlands to develop organic microbial agriculture, by 2021, VKN began to summarize the most concise classification to analyze the potential of Central Highlands agricultural land plots based on the criteria of convenient transportation. Land plots with convenient transportation will have the potential for trade and services, called leaf vein real estate (葉筋). Land plots with inconvenient transportation, which can only be used for agriculture or static services, are called leaf blade real estate (葉片). The elements in the "tree - forest - leaf vein - leaf blade / 木 林 葉筋 葉片" set together contribute to creating the Central Highlands as the "green area" - the "leaf". The leaf-vein and leaf-blade plots play a complementary and supportive role for each other. The leaf-vein plots serves as a fertilizer warehouse to serve the leaf-blade plots. The leaf-blade plots produce goods and bring them to the leaf-vein plots. From the far 'blade' to the near 'blade'. From the small 'vein' to the large 'vein'. Finally, all of them return to the 'leaf-roll' plots, which is the Central Highlands warehouse, or Dak Lak dry port.

Once we are familiar with the concept of 'vein' and 'blade' in the Central Highlands real estate, we are no longer confused in the vastness of the mountain area. We can build finer criteria systems based on two main groups: veins and blades. The blades are distributed everywhere. The lack of agricultural entrepreneurs and labours to create farming-models is a reality that we need to solve to optimize land resources. For the blades to operate, there needs to be a suitable system of veins to supply input products and services to the blades.

Nguyên lý nền tảng nhất của nông nghiệp là mặt trời chiếu sáng vào chiếc lá, tạo ra quá trình quang hợp, sản xuất ra dinh dưỡng khởi đầu cho chuỗi tuần hoàn dinh dưỡng trong nông nghiệp. Đó là cái gốc của kinh tế xanh và kinh tế tuần hoàn. Tây Nguyên của quá khứ là một cánh rừng (lâm), qua quá trình phát triển kinh tế nông lâm nghiệp, một phần đất rừng đã chuyển thành đất trồng cây công nghiệp, cây nông nghiệp (mộc) và đất làm chuồng trại chăn nuôi.

Việc đầu tiên khi làm kinh tế nông nghiệp là đánh giá tiềm năng của đất. Sau 04 năm ngược xuôi khắp các nẻo đường Tây Nguyên để phát triển nông nghiệp hữu cơ vi sinh, đến năm 2021, VKN bắt đầu tóm lược vắn tắt nhất cách phân loại để phân tích tiềm năng của các lô đất nông nghiệp Tây Nguyên dựa vào tiêu chí thuận lợi giao thông. Lô đất thuận lợi về giao thông sẽ có tiềm năng về làm thương mại, dịch vụ gọi là bất động sản gân lá (cân - 筋). Lô đất không thuận lợi về giao thông, chỉ

có thể làm nông nghiệp hoặc dịch vụ tình, có tính chất dài ngày gọi là bất động sản phiến lá (phiến - 片). Các thành tố trong bộ "mộc - lâm - cân - phiến / 木 林 葉 筋 葉 片" cùng tham gia góp phần tạo ra "vùng xanh" - "chiếc lá" Tây Nguyên. Các lô đất dạng gân và dạng phiến giữ vai trò bổ sung và tương trợ cho nhau. Lô-gân làm kho phân để phục vụ các lô-phiến. Lô-phiến sản xuất hàng hóa mang tập trung về lô-gân. Từ phiến xa gom về phiến gần. Từ gân nhỏ gom về gân lớn. Cuối cùng về hết ở lô đất cuốn-lá là tổng kho Tây Nguyên, hoặc cảng khô Đắk Lắk.

Khi đã dùng quen khái niệm gân và phiến trong bất động sản Tây Nguyên, chúng ta không còn mông lung trong bao la rộng lớn của đại ngàn nữa. Chúng ta xây dựng được các hệ tiêu chí mịn hơn dựa vào hai nhóm chính là gân và phiến đó. Các phiến lá phân bố khắp nơi. Thiếu doanh-nông và công để tạo ra mô-hình là thực trạng mà chúng ta cần giải quyết để tối ưu tài nguyên đất. Để các phiến vận hành được, cần hệ gân phù hợp tương ứng để cung ứng sản phẩm đầu vào và dịch vụ cho các phiến.

[5] Six-functions Harmony in Architecture-Agriculture (SHAA) system (staying, eating, playing, learning, working, socializing) - a closed set of functions on a plot of land

Lục hợp Kiến Nông (ở, ăn, chơi, học, làm việc, giao lưu) - bộ chức năng khép kín trên một khu đất



Viet Kien Nong presented on the application of SHAA to build specific functions in 122 plots distributed on a 150-hectare land in the Laba Ecohill project to the multidisciplinary technical group on sustainable development in District 1, Ho Chi Minh City, 2021

Việt Kiến Nông thuyết trình về ứng dụng Lục-hợp Kiến-Nông để xây dựng các chức năng chi tiết trong 122 lô đất phân bố trên khu đất 150 ha trong dự án Laba Ecohill với nhóm kỹ thuật đa ngành về phát triển bền vững tại quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, năm 2021

After 8 months of intensive work at the Labafarm farm, with a scale of 150 hectares in Don Duong district - Lam Dong province, VKN has listed a set of 6 functions that cover all activities of the farm, including: staying, eating, playing, learning, working, and socializing. When applying this set of 6 functions, also known as Six-functions Harmony in Architecture-Agriculture (SHAA), VKN has been able to count the functions on many plots of land in the Central Highlands. The more detailed the accumulated functions are, also known as the finer, the more accurate the analysis of the potential value of a new plot of land becomes. Examples of residential functions, residential states: field guard huts, field

houses, tree houses, houses, homestays, farmstays, camping areas, motels, hotels, etc. interwoven to provide residential space for more than 6 million Central Highlands residents, irregular labours and tourists. The deeper we delve into the details, the more clearly we can see the nature and cash flow in each type. The cash flow in the residential function is closely related to the cash flow in the 'food and drink' function, the cash flow in the 'playing' function, the 'learning' function, the 'working' function, the 'socializing' function. Thanks to the SHAA framework, we have a way to read the often quite complicated cash flow running on a plot of land. This is the basic basis for building a plan to organize activities and operate businesses on the land.

Sau 08 tháng làm việc tập trung tại trang trại Labafarm, quy mô 150 héc-ta tại huyện Đơn Dương - tỉnh Lâm Đồng, VKN đã liệt kê được bộ 06 chức năng khép kín toàn bộ hoạt động của trang-trại, gồm: ở, ăn, chơi, học, làm việc, giao lưu. Khi áp dụng bộ 06 chức-năng này, còn gọi là Lục-hợp-Kiến-Nông, VKN đã có thể thống kê được chức-năng trên nhiều lô đất tại Tây Nguyên. Khi các chức-năng tích lũy càng chi-tiết, còn gọi là càng mịn, việc phân-tích giá trị tiềm năng của một lô đất mới càng trở nên chính-xác. Ví dụ về chức-năng ở, các trạng-thái ở: chòi canh rẫy, nhà trên rẫy, nhà trên cây, nhà ở, homestay, farmstay, khu cắm trại, nhà nghỉ, khách sạn, ... đan xen cung cấp không-gian ở cho hơn 06 triệu cư-dân Tây Nguyên, lao-động không thường xuyên và du-khách. Càng đi sâu vào các nội dung chi-tiết, chúng ta càng nhận rõ tính-chất và dòng-tiền lưu-chuyển trong mỗi loại hình đó. Dòng tiền trong chức-năng ở có quan-hệ liên-đới với dòng tiền trong chức năng ăn - uống, dòng tiền trong chức năng vui chơi, chức năng học, chức năng làm việc, chức năng giao lưu. Nhờ khung chức năng lục-hợp-kiến-nông, chúng ta có cách đọc dòng tiền thường khá phức tạp chạy trên một lô đất.

Đây là cơ sở căn bản để xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động và vận hành kinh doanh trên đất.



BAN ME RETREAT HOUSE MODEL / MÔ HÌNH CĂN NHÀ BANME RETREAT



STAYING / Ở



EATING / ĂN



PLAYING / CHƠI



LEARNING / HỌC



WORKING / LÀM VIỆC



SOCIALIZING / GIAO LƯU

Returning to the LTC strategic analysis, the concepts in the business strategy in the Central Highlands need to be clarified:

Về lại bộ phân-tích chiến-lược LTC, các khái-niệm trong chiến-lược kinh-doanh tại Tây Nguyên cần làm rõ:

Plan

Kế-hoạch

In agricultural economics, planning is based on land, breeds, technology, management, and finance.

Trong kinh tế nông nghiệp, kế hoạch được xây dựng dựa vào đất đai, con giống, công nghệ, quản trị, tài chính.

Agricultural entrepreneur

Doanh-nông

An agricultural entrepreneur refers to an individual who organizes production and business activities and, based on the characteristic value systems of the business model, determines the level of wages paid to manual workers in the agricultural and food industries.

Doanh-nông là người tổ chức hoạt động sản xuất - kinh doanh và dựa trên các hệ giá trị đặc trưng của mô hình kinh doanh, quyết định mức trả công cho lao động chân tay trong ngành nông nghiệp và thực phẩm.

Current state

Hiện-trạng

It is the reality that records the natural state: infrastructure including external traffic, internal traffic, slope, soil quality, climate, weather, water resources, etc.; and society: local labor distribution, farming practices, labor culture, education quality.

Là thực tế ghi nhận tình trạng tự nhiên: hạ tầng gồm giao thông đối ngoại, giao thông nội bộ, độ dốc, chất đất, khí hậu, thời tiết, nguồn nước,...; và xã hội: phân bố lao động địa phương, tập quán canh tác, văn hóa lao động, chất lượng giáo dục.

Goal

Mục-tiêu

Economic goals such as annual revenue - profit, accumulating value on real estate; social goals: helping land-owner's relatives have jobs, surrounding people enjoy common benefits; environmental goals: protecting land, protecting the clean environment on the plot of land.

Là mục tiêu kinh tế như doanh thu - lợi nhuận hàng năm, tích lũy giá trị trên bất động sản; mục tiêu xã hội: giúp con cháu có việc làm, bà con xung quanh hưởng lợi chung; mục tiêu môi trường: bảo vệ đất, bảo vệ môi trường trong lành trên lô đất.

Objects

Đối-tượng

As a general investor, permanent worker, seasonal worker, day laborer, farm worker, local manager.

Là người đầu tư làm chung, lao động cơ hữu, lao động thời vụ, công nhật, thợ công nông, quản lý địa phương.

Môi-trường

Environment

Including legal environment, cultural environment, natural environment surrounding directly and indirectly affect business.

Gồm môi trường pháp lý, môi trường văn hóa, môi trường tự nhiên bao quanh ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp đến việc kinh doanh.

Specified period of time

Khoảng thời gian xác định

It is 3 months, 6 months, 9 months, 1 year, 3 years, 5 years, 9 years, or longer... depending on the current needs and vision of the AECH. For each of these time periods, the strategy is divided into the high, middle, and low strategies that the AECH needs to consider and choose the appropriate plan to apply.

Là 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng, 1 năm, 3 năm, 5 năm, 9 năm, hay lâu hơn nữa ... tùy theo nhu cầu hiện tại và tầm nhìn của doanh-nông. Với từng khoảng thời gian này, chiến lược được phân thành thượng sách, trung sách, hạ sách mà doanh-nông cần xem xét, lựa chọn phương án áp dụng.

Conclusion of chapter 10:

Kết-luận của chương 10:

To thoroughly understand the LAA, one must understand the 360 fundamental Viet Confucianism letters. From there, the reader can recognize the principles contained in those 360 Viet Confucianism letters according to the thinking of the region including Vietnam and East Asia.

Although there were specific instructions before going to the Central Highlands countryside, Viet Kien Nong still needed 9 years to clarify the details and rewrite it into a complete agricultural economic thinking system.

Để thấu đáo Lý-học Kiến-Nông, mỗi người phải hiểu được 360 chữ Nho nền tảng. Từ đó, người đọc mới nhận dạng ra những nguyên-lý nằm trong 360 chữ Nho đó đúng theo tư-duy của khu vực gồm Việt Nam và Đông Á.

Dù đã có những hướng-dẫn cụ-thể trước khi về nông-thôn Tây Nguyên, Việt Kiến Nông cũng cần 09 năm để có thể làm rõ các chi-tiết và viết lại thành một hệ tư-duy kinh-tế nông-nghiệp hoàn chỉnh.



Viet Kien Nong chose the image of the Austroasiatic carrying basket
as the representative image for this LAA set.

*Việt Kiến Nông chọn hình ảnh chiếc gùi của người dân vùng Nam Á
để làm hình ảnh đại diện cho bộ Lý-học Kiến Nông này*

CONCLUSION

KẾT LUẬN

Li-based Agro-Architecture (LAA) combines traditional Confucian values with modern agricultural practices, providing a unique framework to guide ethical, sustainable, and productive agricultural growth in Vietnam. Through this “bipolarity to multipolarity” approach, AECHs are encouraged to balance economic goals with environmental stewardship and community well-being.

By applying frameworks like the Four-Word method, Viet Confucianism Quartets, Intergated administration of SFAM, and the Seven-Step Thinking Method, LAA offers practical tools for managing agricultural processes in a structured and culturally rooted manner. These frameworks promote clarity, consistency, and adaptability, allowing agricultural practitioners to respond to challenges and opportunities thoughtfully.

The journey to sustainable agricultural development is ongoing, requiring both innovation and a deep respect for traditional wisdom. LAA serves as a bridge, connecting past knowledge with future aspirations. This philosophy not only supports Vietnam’s agricultural industry in navigating modern demands but also preserves cultural heritage through the values embedded in each practice.

Li-based Agro-Architecture was created to solve practical problems in the agriculture and food industry. We hope that readers will mainly focus on the four-word application in production and business practice first and have talks about theory later when we have much more time so that we understand and act correctly according to Think-and-Do-Integration. Going into theory, the Four-Word will return to the Four Images, the Yin and Yang Five Elements, the I Ching, and the Traditional Experience of Wet Rice Civilization, which are classic ideas that we - juniors just try to understand but hardly reach to deep awareness.

Since it was created, Li-based Agro-Architecture has improved business models in the agricultural and food industries processes, bringing practical results. Thank you for applying the Li-based Agro-Architecture. It not only brings economic efficiency but also shares valuable data with us. It is not anybody else but you active readers helping us truly understand what we have written about Li-based Agro-Architecture.

Lý-học Kiến-Nông (LAA) kết-hợp các giá-trị Nho giáo truyền-thống với các hoạt-động nông nghiệp hiện-đại, cung cấp một khuôn-khố độc-đáo để hướng-dẫn tăng trưởng nông-nghiệp có đạo-đức, bền-vững và hiệu-quả tại Việt Nam. Thông qua cách tiếp-cận “lưỡng-cực đến đa-cực” này, các doanh-nông Tây Nguyên được khuyến-khích cân-bằng các mục tiêu kinh-tế với quản-lý môi-trường và phúc-lợi cộng-đồng.

Bằng cách áp-dụng các khuôn-khố như phương-pháp Tứ-Tự, Bộ-tứ Việt Nho, Quản trị tích hợp SNCT và Phương-pháp Bảy bước tư duy, LAA cung-cấp các công-cụ thực-tế để quản-lý các quy-trình nông-nghiệp theo cách có cấu-trúc và có gốc-rễ văn-hóa. Các khuôn-khố này thúc đẩy sự rõ ràng, nhất quán và khả-năng thích-ứng, cho phép những người hành nghề nông nghiệp phản-ứng với các thách-thức và cơ-hội một cách chu-đáo.

Hành-trình phát-triển nông-nghiệp bền-vững vẫn đang tiếp diễn, đòi hỏi cả sự đổi-mới và sự tôn-trọng sâu-sắc đối với tri-tuệ truyền-thống. LAA đóng vai trò là cầu nối, kết-nối kiến-thức trong quá-khứ với những khát-vọng trong tương-lai. Triết-lý này không chỉ hỗ-trợ ngành nông-nghiệp Việt Nam trong việc đáp-ứng nhu-cầu hiện-đại mà còn bảo-tồn di-sản văn-hóa thông-qua các giá-trị được tích-hợp trong từng hoạt-động.

Lý-học Kiến-Nông ra đời để giải-quyết những vấn-đề thực-tiễn trong ngành nông-nghiệp và công-nghiệp thực-phẩm. Khi bàn về Tứ-Tự, chúng tôi mong độc giả bàn về sự ứng-dụng của nó trong thực-tiễn sản xuất - kinh doanh. Sau đó, khi trả đũa từ hậu, chúng ta hãy bàn đến lý-thuyết. Như vậy, chúng ta mới hiểu và làm đúng theo tri-hành-hợp-nhất. Khi đi vào lý-thuyết, Tứ-Tự sẽ về lại Tứ-Tượng, Âm Dương Ngũ Hành, Kinh Dịch, Kinh Nghiệm Truyền Thống Văn Minh Lúa Nước là những ý kinh điển mà chúng tôi chỉ là hậu-bối để có thể cố-gắng tìm hiểu và khó lòng có thể đạt đến nhận-thức sâu sắc.

Lý-học Kiến-Nông từ khi ra đời đã giúp cho các mô-hình kinh-doanh trong ngành nông-nghiệp và công-nghiệp thực-phẩm cải-tiến quy-trình tốt, mang lại hiệu quả thiết-thực. Cảm ơn bạn đã ứng dụng Lý-học Kiến-Nông. Điều đó không những giúp mang lại hiệu quả kinh tế mà còn giúp chia sẻ dữ liệu thành công đến chúng tôi. Có thể thấy rằng, độc giả có tinh-thần chủ-động mới là người giúp cho chúng tôi thực sự hiểu về những điều mình đã viết về Lý-học Kiến-Nông.

Viet Kien Nong, September 2025

Việt Kiến Nông, tháng 9 năm 2025

TABLE OF CATEGORIES

BẢNG THỐNG KÊ CÁC PHẠM TRÙ

No. STT	English / Anh ngữ	Vietnamese / Việt ngữ	Innovative interpretation / Legend <i>Diễn giải cách tân / Chủ thích</i>
1	bipolariry - multipolarity, bipolar - multipolar	<i>lưỡng cực - đa cực</i>	<i>noun & adjective / danh từ & tính từ</i>
2	agriculture - food	<i>nông nghiệp - thực phẩm</i>	
3	will - ability	<i>ý chí - nghị lực</i>	
4	old knowledge - new knowledge	<i>học vấn cũ - học vấn mới</i>	
5	East - West	<i>Đông - Tây</i>	
6	Asia - Western	<i>Châu Á – Phương Tây</i>	
7	SME / IDE, Small and Medium Enterprises / Innovation-Driven Enterprises	<i>doanh nghiệp vừa và nhỏ - doanh nghiệp đổi mới sáng tạo</i>	The bipolarity of enterprises in the Vietnamese economy in the context of moving towards Netzero 2050 / <i>phạm-trù về lưỡng-cực của các doanh nghiệp trong nền kinh tế Việt Nam trong bối cảnh hướng đến Netzero 2050</i>
8	developed country - developing country	<i>quốc gia phát triển - quốc gia đang phát triển</i>	
9	agriculture - industry	<i>nông nghiệp - công nghiệp</i>	
10	internal trade - foreign trade	<i>nội thương - ngoại thương</i>	
11	verbal - hand writing	<i>tiếng nói - chữ viết</i>	言語
12	operation - object	<i>sự - vật</i>	事物
13	inpatient - outpatient	<i>bệnh nhân nội trú - bệnh nhân ngoại trú</i>	
14	Architecture - Agriculture	<i>Kiến Trúc - Nông Nghiệp (Kiến - Nông)</i>	The core bipolarity in the LAA / <i>phạm-trù về lưỡng-cực cốt lõi trong LAA</i>
15	top-down - bottom-up	<i>từ trên xuống - từ dưới lên</i>	
16	majestic - small	<i>hùng vĩ - nhỏ bé</i>	
17	detail - overall	<i>chi tiết - tổng thể</i>	
18	input - output	<i>đầu vào - đầu ra</i>	
19	Four Images - Four- Word	<i>Tứ-Tượng - Tứ-Tự / 四象 - 四 字</i>	The fundamental bipolarity in the LAA / <i>phạm-trù về lưỡng-cực nền tảng trong LAA</i>
20	Viet Confucianism - innovative	<i>Việt Nho - cách tân / 越儒 - 革 新</i>	The fundamental bipolarity in the LAA / <i>phạm-trù về lưỡng-cực nền tảng trong LAA</i>

21	voice - writing	<i>ngôn - ngữ</i>	言 - 語
22	audio - visual	<i>âm thanh - hình ảnh</i>	聲 - 色
23	vivant language - dead language	<i>sinh ngữ - tử ngữ</i>	
24	space - time	<i>vũ - trụ</i>	宇宙
25	bright - dark	<i>sáng - tối</i>	明 -
26	nature - use	<i>thể - dụng</i>	體 - 用
27	sun - moon	<i>nhật - nguyệt</i>	日月
28	sun - moon	<i>mặt trời - mặt trăng</i>	日月
29	invariant - variant	<i>biến đổi - không biến đổi</i>	變 - 不 變
30	broken line - unbroken line	<i>vạch liền - vạch đứt</i>	
31	right - wrong	<i>đúng - sai</i>	
32	happen - not happen	<i>xảy ra - không xảy ra</i>	
33	was healed - have not been healed	<i>được chữa lành - chưa được chữa lành</i>	
34	Want - Don't Want	<i>Muốn - Không Muốn</i>	
35	Can - Can't	<i>Có Thể - Không Thể</i>	
36	outside - inside	<i>bên ngoài - bên trong</i>	
37	think - do	<i>nghĩ - làm</i>	
38	principle - operation	<i>lý - sự</i>	
39	yin - yang	<i>âm - dương</i>	陰 - 陽
40	Great Yin - Great Yang	<i>Thái Âm - Thái Dương</i>	太陰 - 太陽
41	Lesser Yang - Lesser Yin	<i>Thiếu Dương - Thiếu Âm</i>	少陰 - 少陽
42	the Creative - the Receptive	<i>kiến - khôn</i>	乾 - 坤 (<i>sáng tạo - chấp nhận</i>)
43	the Abysmal - the Clinging	<i>khâm - ly</i>	坎 - 離 (<i>vực thăm - bám víu</i>)
44	Keeping Still - the Joyous	<i>cấn - đoài</i>	艮 - 兌 (<i>giữ nguyên - vui vẻ</i>)
45	the Arousing - the Gentle	<i>chấn - tốn</i>	震 - 巽 (<i>khơi dậy - nhẹ nhàng</i>)
46	Self-control development - inclusive loading capacity	<i>Thuần Kiềm - Thuần Khôn</i>	<i>Phát triển trong sự tự chủ – Khả năng chứa đựng bao trùm</i>
47	Spread rapidly - Repeated entrapment	<i>Thuần Ly - Thuần Khâm</i>	<i>Lan tỏa nhanh chóng - Sự mắc kẹt lặp đi lặp lại</i>
48	Providing nourishment - Critical mass	<i>Di - Đại quá</i>	<i>Cung cấp nguồn nuôi dưỡng - Khối lượng tới hạn</i>

49	Inner trust - Self reflection	<i>Trung phụ - Tiểu quá</i>	<i>Niềm tin từ bên trong - Sự phản tỉnh</i>
50	Completion period - Not yet completed period	<i>Kỷ tế - Vị tế</i>	<i>Thời kỳ đã hoàn thành - Thời kỳ chưa hoàn thành</i>
51	Growth period - Recession period	<i>Thái - Bĩ</i>	<i>Thời kỳ phát triển - Thời kỳ suy thoái</i>
52	Step-by-step - Withdrew	<i>Tiến - Quy lui</i>	<i>Tiến từng bước một - Rút lui</i>
53	Correcting - Following	<i>Cổ - Tùy</i>	<i>Điều chỉnh đúng đắn trở lại - Tùy theo điều kiện hiện có</i>
54	Urban - Rural	<i>Đô thị - Nông thôn</i>	
55	Rich - Poor	<i>Giàu - Nghèo</i>	
56	High-population-density area - Low-population-density area	<i>Khu vực có mật độ dân cư cao - KVCMDDC thấp</i>	<i>The fundamental bipolarity in the LAA / phạm-trù về lưỡng-cực nền tảng trong LAA</i>
57	High density of trees area - Low density of trees area	<i>Khu vực có mật độ cây xanh cao - KVCMDCX thấp</i>	
58	Urban infrastructure - Rural infrastructure	<i>Hạ tầng đô thị - Hạ tầng nông nghiệp</i>	
59	Domestic consumption - Export	<i>Tiêu thụ trong nước - Xuất khẩu</i>	
60	Architect - Agricultural entrepreneur	<i>Kiến trúc sư - Doanh-nông</i>	
61	Economic planning - Agricultural planning	<i>Quy hoạch kinh tế - Quy hoạch nông nghiệp</i>	
62	Urban planning - Rural planning	<i>Quy hoạch đô thị - Quy hoạch nông thôn</i>	
63	Agriculture - Industry	<i>Nông nghiệp - Công nghiệp</i>	<i>The fundamental bipolarity in the LAA / phạm-trù về lưỡng-cực nền tảng trong LAA</i>
64	Tradition - Innovation	<i>Truyền thống - Cách tân</i>	<i>The fundamental bipolarity in the LAA / phạm-trù về lưỡng-cực nền tảng trong LAA</i>
65	sustainable - unsustainable	<i>bền vững - không bền vững</i>	
66	infrastructure - superstructure	<i>cơ sở hạ tầng - kiến trúc thượng tầng</i>	
67	people - management system	<i>con người - hệ thống quản lý</i>	

68	public - private	chung – riêng / công - tư / 公 - 私	This is the principle of binary opposition that VKN has used a lot with AECHs to be able to encourage AECHs to think more about common goals. Đây là lý đối đãi mà VKN đã dùng rất nhiều với các AECHs để có thể thúc đẩy các AECHs suy nghĩ về mục tiêu chung nhiều hơn.
69	long term - short term	dài hạn - ngắn hạn	
70	details - overall	chi tiết - tổng thể	
71	good harvest - bad harvest	được mùa - mất mùa	
72	high price - low price	giá cao - giá thấp	
73	old way of growing - new way of growing	cách trồng cũ - cách trồng mới	
74	technology in agriculture - industry and trade	công nông - công thương	Fundamental principle of binary opposition in agricultural development of a locality or an AECH. Lý đối đãi nền tảng trong phát triển nông nghiệp của một địa phương hay một AECH.
75	biological processes - industrial processes	quy trình sinh học - quy trình công nghiệp	These are two fundamental processes in the circular economy. Đây là 2 quy trình nền tảng trong kinh tế tuần hoàn.
76	farming - trading	nông - thương	Fundamental binary opposite principle in agricultural development of a locality or an AECH. Lý đối đãi nền tảng trong phát triển nông nghiệp của một địa phương hay một AECH.
77	sell - buy	bán - mua / mại - mại	
78	position - capacity	thế - lực (Vị thế - Năng lực) 勢 - 力	This is the binary opposite principle that helps AECHs identify their current position and current capacity to find a way to rise up, skillfully operating when to use position, when to use capacity, and when

			to use both position and capacity. <i>Đây là lý đối đãi giúp các AECH nhận định ra chỗ đứng hiện tại và năng lực hiện tại của mình để tìm ra cách vươn lên, vận hành khéo léo lúc nào dùng thế, lúc nào dùng lực, lúc nào dùng cả thế và lực</i>
79	men's mindset - women's mindset	<i>tư duy nam nhân/đàn ông - tư duy nữ nhân/đàn bà</i>	This is the fundamental principle of binary opposition in making decisions about agricultural development. <i>Đây là lý đối đãi nền tảng trong cách thực hiện các quyết định về phát triển nông nghiệp</i>
80	macro - micro	<i>vĩ mô - vi mô</i>	
81	LV ↔ LB, leaf veins - leaf blade	<i>gân lá - phiến lá, 葉筋 - 葉片</i>	The original meaning is the relationship between nutrient synthesis and nutrient transport in the same leaf, which is the most fundamental unit of green matter synthesis in LAA. The extended meaning is transportation-friendly or transportation-unfavorable. <i>Nghĩa gốc là quan hệ giữa tổng hợp dinh dưỡng và vận chuyển dinh dưỡng trong cùng một chiếc lá, là một đơn vị tổ hợp vật chất xanh nền tảng nhất trong LAA. Nghĩa mở rộng là thuận lợi về mặt giao thông hay không thuận lợi về mặt giao thông.</i>
82	LVRE ↔ LBRE, Leaf veins real estate ↔ Leaf blade real estate	<i>Bất động sản gân lá ↔ Bất động sản phiến lá</i>	The fundamental binary opposite principle for the value of land proposed for agricultural development by LAA <i>Lý đối đãi nền tảng trong nhận thức về giá trị của khu đất muốn đưa vào phát triển nông nghiệp mà LAA đề xuất</i>

83	I Ching - British Standards	<i>Kinh Dịch - Tiêu chuẩn Anh</i>	Representing “Tradition and Modernity,” ”Agriculture and Industry.” <i>Đại diện cho Truyền thống và Hiện đại, Nông nghiệp và Công nghiệp</i>
84	tacit knowledge - explicit knowledge	<i>kiến thức ẩn - kiến thức hiện</i>	This principle of binary opposition helps agricultural entrepreneurs doing knowledge management in business model <i>Lý đối đãi này giúp doanh nông quản trị tri thức trong mô hình kinh doanh</i>
85	father - mother	<i>cha - mẹ</i>	
86	principle - operation	<i>lý - sự</i>	
87	think - do	<i>suy nghĩ - hành động</i>	
88	hot - cold	<i>nóng - lạnh</i>	
89	long - short	<i>dài - ngắn</i>	
90	static - active	<i>tĩnh - động</i>	
91	agricultural entrepreneur - farmer	<i>doanh-nông - nông dân</i>	Corresponding to employer / employee <i>Tương ứng với nhà tuyển dụng và người lao động</i>
92	material - knowledge	<i>vật chất - tri thức</i>	
93	service - product	<i>dịch vụ - sản phẩm</i>	Corresponding to Consciousness and Matter <i>Tương ứng với Ý thức và Vật chất</i>
94	practical - theory	<i>thực tiễn - lý thuyết</i>	Corresponding to Operation and Principle in Principle-Operation-Harmony <i>Tương ứng với Sự và Lý trong Lý Sự Viên Dung</i>
95	structure - organism	<i>cấu trúc - sự vận hành</i>	Fundamental principle of binary opposition in Studied Textbook in Change <i>Lý đối đãi nền tảng trong Giáo trình Dịch Học</i>
96	farming complex - along the procedure of work	<i>tổ-hợp-canh-nông - dọc-dài-công-việc</i>	Corresponding to structure and organism <i>Tương ứng với cấu trúc và sự vận hành</i>

97	agricultural production - agri-products distribution	<i>sản-xuất-nông-nghiệp - phân-phối-nông-sản</i>	Corresponding to Input and Output <i>Tương ứng với đầu vào / đầu ra</i>
98	agricultural investment - agri-products trade	<i>đầu-tư-nông-nghiệp</i> và <i>thương-mại-nông-sản</i>	Corresponding to EVIPA and FTAs. <i>Tương ứng với EVIPA và FTAs.</i>
99	DDM / SDI, Data-Driven Management / Sustainable-Driven Investment	<i>Quản lý theo định hướng dữ liệu / Đầu tư hướng đến sự bền vững</i>	LAA promotes AECHs towards operational capability according to this binary opposite principle. <i>LAA thúc đẩy các AECH tiến đến năng lực vận hành theo lý đối đãi này.</i>
100	Concern circle / Influence circle	<i>Vòng tròn quan tâm / Vòng tròn ảnh hưởng</i>	This principle of binary opposition was learned by Viet Kien Nong from Mr. Ta Han Vo. It helps us to awaken, to waste less time on broad concerns and to focus on things we can specifically influence. <i>Lý đối đãi này được Việt Kiến Nông học từ ông Võ Tá Hán. Nó giúp cho chúng ta thức tỉnh, bớt hao phí thời gian vào những quan tâm rộng lớn mà tập trung vào những điều chúng ta có thể ảnh hưởng cụ thể.</i>
101	repeatable / scalable	<i>lặp lại được / nhân rộng được</i>	This binary opposite principle is learned by VKN in the definition of start-up business model in YUP academy. In LAA, it is the foundation of building IDE (distinguished from SME). <i>Lý đối đãi này được VKN học trong định nghĩa về mô hình kinh doanh khởi nghiệp trong học viện YUP. Trong LAA nó là nền tảng của việc xây dựng IDE (phân biệt với SME)</i>

STATISTICAL TABLE BY ORDER OF BIRTH YEAR OF INDIVIDUALS

(TIME AXIS)

BẢNG THỐNG KÊ THEO THỨ TỰ NĂM SINH CỦA CÁC CÁ NHÂN

(TRỤC TRỤ - 宙)

No. STT	English / Anh ngữ	Vietnamese / Việt ngữ	Year / Năm
1	Fuxi - Fu Hsi - 伏羲	Phục Hi	?
2	Cheng Tang - 成湯 / 子履	Thành Thang / Tử Lý	1847 BC - 1760
3	Yi Yin - 伊尹	Y Doãn	?
4	Jiang Ziya - 姜子牙	Khương Tử Nha / Lã Vọng	1156 BC - 1017
5	King Wen - King Wen of Zhou - 周文王	Chu Văn Vương / Cơ Xương	1154 BC - 1046
6	The Duke of Zhou - 周公 / 姬旦	Chu Công / Cơ Đán	1143 BC
7	Zhu Wu Wang - 周武王/姬發	Chu Vũ Vương / Cơ Phát	1110 BC - 1043
8	Lao Tzu - 老子	Lão Tử	580 BC - 500
9	Confucious - 孔子 / 孔夫子	Khổng Tử / Khổng Phu Tử	551 BC - 479
10	Zhou Xingsi - 周興嗣	Châu Hưng Tự	469-537
11	Han Yu - 韓愈	Hàn Dũ	768-824
12	Li Ao - 李翱	Lý Ngao	772-841
13	Shao Kangjie - 邵康節	Thiệu Khang Tiết	1011-1077
14	Zhou Dunyi - 周敦頤	Chu Đôn Di	1017-1073
15	Zhang Zai - 張載 / 子厚 / 橫渠先生	Trương Tải / Tử Hậu / Hoành Cừ tiên sinh	1020-1077
16	Cheng Hao - 程顥	Trình Hạo	1032-1085
17	Cheng Yi - 程頤	Trình Di	1033-1107
18	Zhu Xi / Chu Hsi 朱熹	Chu Hy	1130-1200
19	Ruan Zhi - 阮廌	Nguyễn Trãi	1380-1442
20	Wang Yangming - 王陽明	Vương Dương Minh	1472-1529

21	Ruan Bingquan - 阮秉謙	<i>Nguyễn Bình Khiêm</i>	1491-1585
22	Gottfried Wilhelm Leibniz	<i>Gottfried Wilhelm Leibniz</i>	1646-1716
23	Joachim Bouvet - Bai Jin - 白晋 / 白進	<i>Bạch Cẩm</i>	1656-1730
24	Cu Trinh Nguyen - 阮居貞	<i>Nguyễn Cư Trinh</i>	1716-1767
25	Li Gui Dun - 黎貴惇	<i>Lê Quý Đôn</i>	1726-1784
26	Francisco de Pina	<i>Francisco de Pina</i>	1585-1625
27	Alexandre de Rhodes	<i>Đắc Lộ</i>	1591-1660
28	Gaspar do Amaral	<i>Gaspar do Amaral</i>	1592-1646
29	Gardner D. Hiscox	<i>Gardner D. Hiscox</i>	1823-1908
30	Fukuzawa Gukichi - 福澤 諭吉	<i>Phúc Trạch Dụ Cát</i>	1835-1901
31	Rabindranath Tagore	<i>Rabindranath Tagore</i>	1861-1941
32	Boi Chau Phan - 潘佩珠	<i>Phan Bội Châu</i>	1867-1940
33	Tat To Ngo - 吳必做	<i>Ngô Tất Tố</i>	1893-1954
34	Khanh Giu Tran	<i>Trần Khánh Giư / Khái Hưng</i>	1896-1947
35	Trong Hieu Ho	<i>Hồ Trọng Hiếu / Tú Mỡ</i>	1900-1976
36	Cyril O'Donnell	<i>Cyril O'Donnell</i>	1900-1976
37	Tuong Tam Nguyen - 阮祥三 / 一灵	<i>Nguyễn Tường Tam / Nhất Linh</i>	1906-1963
38	Tuong Long Nguyen	<i>Nguyễn Tường Long / Hoàng Đạo</i>	1907-1948
39	Thu Le Nguyen	<i>Nguyễn Thứ Lễ / Thế Lữ</i>	1907-1989
40	Harold Koontz	<i>Harold Koontz</i>	1909-1984
41	Tuong Vinh Nguyen	<i>Nguyễn Tường Vinh / Thạch Lam</i>	1910-1942
42	Quach Tan	<i>Quách Tấn</i>	1910-1992
43	Han Mac Tu	<i>Nguyễn Trọng Trí / Hàn Mặc Tử</i>	1912-1942
44	Thieu Tuoc Duong	<i>Dương Thiệu Tước</i>	1915-1995
45	Kim Dinh Luong	<i>Lương Kim Định</i>	1915-1997
46	Xuan Dieu Ngo	<i>Ngô Xuân Diệu / Xuân Diệu</i>	1916-1985
47	Thanh Lang Lam	<i>Lâm Thanh Lang / Yến Lan</i>	1916-1998
48	Huy Can Cu	<i>Cù Huy Cận / Huy Cận</i>	1919-2005
49	Ngoc Hoan Phan	<i>Phan Ngọc Hoan / Chế Lan Viên</i>	1920-1989
50	Duy Pham	<i>Phạm Duy</i>	1921-2013
51	Huu Dinh Vu	<i>Vũ Hữu Định</i>	1942-1981
52	Francis D.K. Ching	<i>Francis D.K. Ching</i>	1943

53	Hong Trien Luu - 劉鴻展	Luu Hồng Triển	1946
54	Van Hoan Nguyen	Nguyễn Văn Hoàn	1946
55	Van Tho Nguyen	Nguyễn Văn Thọ	?
56	John P. Kotter	John P. Kotter	1947
57	Khac Kim Tran	Trần Khắc Kim	?
58	Ta Han Vo	Vô Tả Hán	1948
59	Van Phuc Vo	Vô Văn Phúc	?
60	Thomas L. Friedman	Thomas L. Friedman	1953
61	Van Loi Bui	Bùi Văn Lợi	1956-2010
62	Tim Nguyen		1958
63	Sammy	Sammy	?
64	Vinh Hao Nguyen	Nguyễn Vĩnh Hào	?
65	Vasanth Gopalan	Vasanth Gopalan	?
66	Triem An Huynh	Huỳnh Triêm An	?
67	Dich Minh Tuc	Túc Dịch Minh	?
68	Thanh Hai Nguyen	Nguyễn Thanh Hải	?
69	Hai Hoanh Nguyen	Nguyễn Hải Hoành	?
70	Truong Chien Ly	Lý Trường Chiến	1965
71	Manh Quan Nguyen	Nguyễn Mạnh Quân	1968
72	The Lam Ung	Ứng Thế Lâm	1969
73	Duy Them Vo	Vô Duy Thêm	?
74	Kamal Garg	Kamal Garg	1970
75	Cong Huan Huynh	Huỳnh Công Huân	1974
76	Van Quang Vo	Vô Văn Quang	?
77	Cao Lanh Nguyen	Nguyễn Cao Lân	1975
78	Viet Kien Nong - 越建農 - Thanh Viet Vo	Việt Kiến Nông / Võ Thanh Việt	1981
79	Nguyen My Ngoc Nguyen - 葉美齡	Nguyễn Nguyên Mỹ Ngọc / Diệp Mỹ Linh	1987
80	Thi Bich Thao Tran - 葉真心	Trần Thị Bích Thảo / Diệp Chân Tâm	1993

STATISTICAL TABLE OF LOCAL NAMES (SPACE AXIS)

BẢNG THỐNG KÊ TÊN CÁC ĐỊA PHƯƠNG (TRỤC VỮ - 宇)

No. STT	English / Anh ngữ	Vietnamese / Việt ngữ	Position / Vị trí
1	The Central Highlands of Vietnam	Tây Nguyên	
2	Vietnam	Việt Nam	
3	Seoul	Đặc biệt thị Xơ-un	
4	South Korea	Hàn Quốc	
5	France	Nước Pháp	
6	East Asia	Đông Á	
7	Columbia	Columbia	
8	Stanford	Stanford	
9	Great Britain	Vương quốc Anh	
10	Long Mountain	Trường Sơn	
11	Western	Phương Tây / Tây Phương	
12	China	Trung Quốc	
13	Duu Ly	Đầu Lý	
14	German	Nước Đức	
15	Korea	Triều Tiên	
16	Japan	Nhật Bản	
17	Shanghai	Thượng Hải	
18	America	Hoa Kỳ	
19	Asia	Châu Á	
20	The southern bank of the Yangtze River	Bờ Nam sông Dương Tử	
21	Saigon city / Ho Chi Minh city	Thành phố Sài Gòn / Thành phố Hồ Chí Minh	
22	Carthage	Carthage	
23	Missouri	Missouri	
24	Daklak province	Tỉnh Đắk Lắk	
25	Eastern	Phương Đông	
26	Binh Duong province	Tỉnh Bình Dương	
27	Ka Don commune	Xã Ka Đơn	huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng
28	Canada	Canada	
29	Bank of Vi River	Bờ Sông Vị	
30	Land of San	Đất Sản	
31	Pleiku city	Thành phố Pleiku	
32	Hue city	Thành phố Huế	
33	Iabang commune	Xã Iabang	
34	Dak Doa district	Huyện Đắk Doa	

35	Duc Hue district	<i>Huyện Đức Huệ</i>	
36	Tien Phuoc district	<i>Huyện Tiên Phước</i>	
35	Europe	<i>Châu Âu / Âu Châu</i>	
36	Singapore	<i>Nước Singapore</i>	
37	German	<i>Nước Đức</i>	
38	Arab	<i>Nước Ả Rập</i>	
39	India	<i>Nước Ấn Độ</i>	
40	Hongkong island	<i>Đảo Hồng Kông</i>	
41	Taiwan	<i>Nước Đài Loan</i>	
42	Hoboken	Hoboken	
43	New Jersey state	Bang New Jersey (nước Mỹ)	
44	Hiep Phuoc commune	<i>Xã Hiệp Phước</i>	
45	Nha Be district	<i>Huyện Nhà Bè</i>	
46	Binh Dinh province	<i>Tỉnh Bình Định</i>	
47	Hoai Tan commune	<i>Xã Hoài Tân</i>	
48	Hoai Nhon district	<i>Huyện Hoài Nhơn</i>	
49	An Giang province	<i>Tỉnh An Giang</i>	
50	Hau Giang province	<i>Tỉnh Hậu Giang</i>	
51	Ha Nam province	<i>Tỉnh Hà Nam</i>	
52	Thai Nguyen province	<i>Tỉnh Thái Nguyên</i>	
53	Nga Nam	<i>Ngã Năm</i>	
54	Tay Ninh province	<i>Tỉnh Tây Ninh</i>	
55	Dak Nong province	<i>Tỉnh Đắk Nông</i>	
56	Kon Tum province	<i>Tỉnh Kon Tum</i>	
57	The Northern Central Highlands	<i>Bắc Tây Nguyên</i>	
58	T' Mang Deeng town	<i>Thị trấn T' Mang Deeng</i>	
59	Buon Ma Thuot city	<i>Thành phố Buôn Ma Thuột</i>	
60	Quy Nhon city	<i>Thành phố Quy Nhơn</i>	
61	Hai Cang ward	<i>Phường Hải Cảng</i>	
62	Ngo May ward	<i>Phường Ngô Mỹ</i>	
63	Quy Hoa commune	<i>Xã Quy Hòa</i>	
64	Ghenh Rang ward	<i>Phường Ghềnh Ráng</i>	
65	Cam Ranh district	<i>Huyện Cam Ranh</i>	
66	Mediterranean	<i>Địa Trung Hải</i>	
67	Southern Italia	<i>Miền nam nước Ý</i>	
68	Southern France	<i>Miền nam nước Pháp</i>	
69	Spain	<i>Tây Ban Nha</i>	
70	Phu My Hung new city	<i>Khu đô thị mới Phú Mỹ Hưng</i>	
71	Great Wall	<i>Vạn Lý Trường Thành</i>	
72	Beijing	<i>Bắc Kinh</i>	
73	Long Xuyen city	<i>Thành phố Long Xuyên</i>	
74	Ha Tien province	<i>Tỉnh Hà Tiên</i>	

75	Kien Giang province	<i>Tỉnh Kiên Giang</i>	
76	Tonkin	<i>Bắc Kỳ</i>	
77	Do Ban citadel	<i>Thành Đồ Bàn</i>	
78	Massachusetts state	<i>Bang Massachusetts</i>	
79	Montreal city	<i>Thành phố Montreal</i>	
80	Toronto city	<i>Thành phố Toronto</i>	
81	Manila capital	<i>Thủ đô Manila</i>	
82	Phillipines	<i>Nước Phillipines</i>	

REFERENCE BOOKS

Sách tham khảo

1. Classic of Changes - Columbia University Press. Published in March 2004.
Triết Dịch - Nhà xuất bản Đại học Columbia - Xuất bản tháng 3 năm 2004.
2. Studied Textbook of Change - Hong Trien Luu - Internal Used in 2023.
Giáo-trình Dịch-học - Lưu Hồng Triền - phát hành nội bộ năm 2023.
3. Tứ-Tự Tri Điền - Four-Word Thinking of Field - Viet Kien Nong. Copyright registration complete by November 2023.
Tứ-Tự Tri Điền - Four-Word Thinking of Field - Việt Kiến Nông. Hoàn tất đăng ký bản quyền vào tháng 11 năm 2023.
4. Confucianism Gate - Kim Dinh. Ra Khoi Publisher. Published in 1965.
Cửa Khổng - Kim Định. Nhà xuất bản Ra Khoi năm 1965.
5. Structure of Viet Confucianism - Kim Dinh. Nguon Sang Publisher. Published in 1973.
Cơ cấu Việt Nho - Kim Định. Nhà xuất bản Nguồn Sáng. Năm 1973.
6. The Complete Works of Wang Yangming - Tuc Dich Minh. Information and Communications Publisher. Published in 2023.
Vương Dương Minh Toàn Thư - Túc Dịch Minh - Nhà xuất bản Thông tin và Truyền thông. Năm 2023.
7. An Outline of a Theory of Civilization by Fukuzawa Yukichi. Translated by David A. Dilworth and G. Cameron Hurst III. New York: Columbia University Press, 2009.
文明论概略 - Văn minh luận khái lược - Fukuzawa Gukichi. Bản dịch Anh Ngữ bởi David A. Dilworth and G. Cameron Hurst III. Newyork: Nhà xuất bản Đại học Columbia. Năm 2009.
8. The Explanation of the Zhou Yi in Nation Language - Sao Nam Phan Boi Chau.
Quốc văn Chu Dịch diễn giải - Sào Nam Phan Bội Châu.
9. The Lexus and the Olive Tree - Thomas L. Friedman. Vietnamese translation by Social Science Publisher and Phuong Nam Cultural Company - 2005.
Chiếc Lexus và cây ô-liu - Richard Friedman. Bản dịch tiếng Việt do NXB Khoa Học Xã Hội và Công ty văn hóa Phương Nam phối hợp thực hiện - 2005.
10. The World Is Flat - Thomas L. Friedman. Youth Publisher
Thế giới phẳng - Richard Friedman. Nhà xuất bản Trẻ xuất bản
11. 22 Basic principles of brand marketing - Vo Van Quang - World Publishers - in October 2017.

22 Nguyên tắc cơ bản của Marketing thương hiệu - Võ Văn Quang - NXB Thế Giới - Xuất bản tháng 10 năm 2017.

12. Architecture Form, Space, and Order. Francis D. K. Ching.

Architecture Form, Space and Order - Francis D. K. Ching.

13. 1800 Mechanical Movements, Devices, and Appliances. Gardner D. Hiscox.

1800 Mechanical Movements, Devices and Appliances - Gardner D. Hiscox.

14. Leading Change. John P. Kotter.

Leading Change - John P. Kotter.

15. Accounting Standards & IFRS. CA. Kamal Garg.

Accounting Standards & IFRS - CA. Kamal Garg.

16. Business Park Development Planning - An indispensable model for modern urban areas - Author Nguyen Cao Lanh - Construction Publisher - in 2005.

Quy hoạch phát triển các Business Park: mô hình tất yếu cho đô thị hiện đại - Nguyễn Cao Lãnh - NXB Xây Dựng - Xuất bản năm 2005.

17. Principles of Management. Open Stax.

Principles of Management - Open Stax.

18. Principles of management: An Analysis of Managerial Function. Harold Koontz & Cyril O'Donnell. McGraw Hill Publisher.

Nguyên tắc quản trị: phân tích các chức vụ quản trị. Harold Koontz & Cyril O'Donnell. Nhà xuất bản McGraw Hill.

19. Disciplined Entrepreneurship - Bill Aulet. Published by John Wiley & Son. Inc., Hoboken, New Jersey.

Kinh điển về khởi nghiệp - Bill Aulet. Cuốn sách được xuất bản theo hợp đồng bản quyền giữa John Wiley & Son International Rights, Inc., và Công ty Cổ phần Sách Thái Hà.

20. Fubian Miscellanies - Le Quy Don - Social Sciences Publisher.

Phủ Biên Tạp Lục - Lê Quý Đôn - Nhà xuất bản Khoa Học Xã Hội.

TECHNICAL TERMINOLOGY

THUẬT NGỮ CHUYÊN NGÀNH

[1] SME: Small and Medium Enterprise / Doanh nghiệp nhỏ và vừa.

SMEs are enterprises whose size is limited by geographical area, personnel, administration, or other factors. SME enterprises are distinguished from IDE enterprises - innovation-driven enterprise. Or according to LAA, SME enterprises and IDE enterprises form a SME/IDE principle of binary opposition.

SME là những doanh nghiệp có quy mô bị hạn chế bởi khu vực địa lý, nhân sự, hành chính, hay những yếu tố khác. Doanh nghiệp SME được phân biệt với doanh nghiệp IDE - doanh nghiệp sáng chế đột phá. Hay nói theo Lý-học Kiến-Nông, doanh nghiệp SME và doanh nghiệp IDE tạo thành một lý đối đãi SME/IDE.

[2] IDE: Innovation-Driven Enterprise / Doanh nghiệp sáng chế đột phá.

IDEs are businesses that can develop breakthroughs and increase their scale without limits (like Facebook, Uber, Google, etc.). IDEs are distinguished from SMEs - small and medium enterprises. Or according to LAA, IDE businesses and SME businesses form an IDE/SME principle of binary opposition.

IDE là những doanh nghiệp có thể phát triển đột phá, tăng quy mô không giới hạn (như Facebook, Uber, Google, ...). IDE được phân biệt với SME - doanh nghiệp nhỏ và vừa. Hay nói theo Lý-học Kiến-Nông, Doanh nghiệp IDE và doanh nghiệp SME tạo thành một lý đối đãi IDE/SME.

[3] LVRE: Leaf veins real estate / Bất động sản gân lá

Leaf-vein real-estate is real-estate that has advantages in terms of transportation and thereby advantages in terms of trade and services. LVRE leaf-vein real-estate is distinguished from LBRE leaf-blade real-estate. Or according to LAA, LVRE leaf-vein real-estate and LBRE leaf-blade real-estate form a LVRE/LBRE binary opposition principle.

Bất-động-sản gân-lá là bất-động-sản có lợi thế về giao-thông và qua đó có lợi thế về thương-mại, dịch-vụ. Bất-động-sản gân-lá LVRE được phân-biệt với bất-động-sản phiến-lá LBRE. Hay nói theo Lý-học Kiến-Nông, bất-động-sản gân-lá LVRE và bất-động-sản phiến-lá LBRE tạo thành một lý-đối-đãi LVRE/LBRE.

[4] LBRE: Leaf blade real estate / Bất động sản phiến lá

Leaf-blade real-estate is real-estate that does not have advantages in terms of transportation and therefore does not have advantages in terms of common commercial and service activities. Therefore, leaf-blade real-estate has advantages in terms of agriculture, resort tourism services, educational services that need to take place over a long period of time with low costs, and food production activities with high indigenous cultural values. LBRE leaf-blade real-estate is distinguished from LVRE leaf-vein real-estate. Or according to LAA, LBRE leaf-blade real-estate and LVRE leaf-vein real-estate form a LBRE/LVRE binary opposition principle.

Bất-động-sản phiến-lá là bất-động-sản không có lợi thế về giao-thông và qua đó không có lợi thế về những hoạt động thương-mại, dịch-vụ phổ biến. Từ đó, bất-động-sản phiến-lá có lợi thế về nông-nghiệp, dịch-vụ du-lịch nghỉ-dưỡng, dịch-vụ giáo-dục cần diễn ra trong quãng thời gian dài với chi-phí thấp, hoạt-động sản-xuất thực-phẩm với giá-trị văn-hóa bản-địa cao. Bất-động-sản phiến-lá LBRE được phân-biệt với bất-động-sản gân-lá LVRE. Hay nói theo Lý-học Kiến-Nông, bất-động-sản phiến-lá LBRE và bất-động-sản gân-lá LVRE tạo thành một lý-đối-đãi LBRE/LVRE.

[5] DDM: Data-Driven Management / Quản-lý theo định-hướng dữ-liệu

(Excerpt: www.linkedin.com/pulse/what-data-driven-management-core-by-esp-macque)

A data-driven approach to management means making decisions using data analysis instead of just relying on gut feelings or experience. It focuses on using numbers, metrics, and insights from different sources to help make better strategic and day-to-day decisions.

Một cách tiếp-cận quản-lý dựa trên dữ-liệu có nghĩa là đưa ra quyết-định bằng cách phân-tích dữ-liệu thay vì chỉ dựa vào cảm-tính hoặc kinh-nghiệm. Nó tập-trung vào việc sử-dụng các con-số, số-liệu và thông-tin chi-tiết từ các nguồn khác nhau để giúp đưa ra các quyết-định chiến-lược và hàng-ngày tốt hơn.

[6] SDI: Sustainable-Driven Investment / Đầu-tư hướng đến sự bền vững

(Excerpt: www.oecd.org)

Sustainable investment supports the expansion of an economy's productive capacity while promoting decarbonisation and preserving our planet's natural assets, driving job creation and skills development, and ensuring equal opportunities for all.

Đầu-tư bền-vững hỗ-trợ việc mở-rộng năng-lực sản-xuất của nền kinh-tế đồng thời thúc -đẩy quá-trình khử cacbon và bảo-tồn tài-sản thiên-nhiên của hành-tinh, thúc-đẩy tạo việc -làm và phát-triển kỹ-năng, đồng thời đảm-bảo cơ-hội bình-đẳng cho tất cả mọi người.

(end of excerpt)

Sustainable-Driven Investment (SDI) is the practice of sustainable investment. Sustainable-Driven Investment (SDI) is binary in opposition to Data-Driven Management (DDM). Or according to LAA, sustainable-driven investment (SDI) and data-driven management (DDM) form a SDI/DDM binary opposition principle.

Đầu-tư hướng đến sự bền-vững (SDI) là hoạt-động thực-thi cho đầu-tư bền-vững. Đầu-tư hướng đến sự bền-vững (SDI) có quan-hệ đối-đãi với quản-lý theo định-hướng dữ-liệu (DDM). Hay nói theo Lý-học Kiến-Nông, đầu-tư hướng đến sự bền-vững (SDI) và quản-lý theo định-hướng dữ-liệu (DDM) tạo thành một lý-đối-đãi SDI/DDM.

STORY ABOUT LI-BASED AGRO-ARCHITECTURE IN THE CENTRAL HIGHLANDS OF VIETNAM

CÂU CHUYỆN VỀ LÝ-HỌC KIẾN-NÔNG TẠI TÂY NGUYÊN

Dear sincere readers,

Kính thưa quý độc giả,

Allow me to share a bit about myself. I am an architect who has worked for many years in the fields of architecture and interior design. Before the age of 33, I had little interest and knowledge of agriculture and the food industry, despite having designed the seafood processing factory for TRANG Joint Stock Company in Hiep Phuoc industrial park, Nha Be district, Ho Chi Minh city, at the age of 22. Today, you can find products of the Dasumy brand in supermarkets, a brand whose production facility and management office I designed.

My childhood memories of agriculture are associated with my elder brother Sau Thiem and my uncle Ba Phuc. My brother raised pigs and cows and made coconut oil, earning a reputation as a skilled farmer in Binh Dinh province. My uncle's family was also a well-known farming household in Hoai Tan Commune, Hoai Nhon District, Binh Dinh province. Yet, I was inspired to explore agriculture differently - and in a different country.

That country was Singapore!

In 2010, while working as the head of the interior design team at the Center for Planning and Architecture under Becamex IDC Corporation, I was assigned to visit hospitals in Singapore to expand my knowledge of hospital design. Standing on the terrace of Khoo Teck Puat Hospital, I saw lush green vegetable beds and read English texts about urban farming. This experience transformed my perspective on architecture, prompting me to realize that 'architecture must be green.'

I later revisited Khoo Teck Puat hospital on a self-funded trip to explore my newfound questions. Walking through all floors of the hospital, I observed scenes that I'd previously only seen in books - patients sitting on benches beneath tall shade trees, reading novels in relaxed postures. There were no signs of fatigue or worry; the patients were regarded as customers who came to the hospital for both outpatient and inpatient care, surrounded by well-designed green spaces with flowers and vegetable gardens.

That's how I got involved with agriculture through urban farming in Singapore!

Upon returning to Ho Chi Minh City, I reorganized my life to 'live green.' I moved from an inner-city home in district 7 to a suburban area in Nha Be district, where I could engage in urban farming. I bought land from Mr. Van Hoan Nguyen, who later introduced me to the concept of the Later Heaven Eight Trigrams. I interacted with suppliers for urban farming inputs. Soon, the banana trees bore fruit, bitter melon vines produced, and water

spinach in foam containers thrived, providing ample vegetables for my family, with some leftover to share with friends. These small things made me feel very happy. It was the happiness of proactively organizing to carry out wishes and achieving the desired results.

By 2016, I formally named my endeavor 'Works in Agricultural Development' and adopted the pen name 'Viet Kien Nong.' I had found a way to live a green life in Ho Chi Minh City, despite economic limitations. My thoughts on establishing an urban farming community to make Ho Chi Minh City's architecture greener grew stronger, leading me to leave my stable job at Becamex IDC.

I studied entrepreneurship at YUP Academy and met master Truong Chien Ly there. I designed for projects that have agricultural functions. I started going on business trips to the provinces: An Giang, Hau Giang, Ha Nam, and Thai Nguyen.

During this time, I designed and created investment projects for Nga Nam rice processing and green energy industrial cluster - Hau Giang province, 51 hectares in scale; An Phu Hung fruit and vegetable processing factory - Ha Nam province, scale of 2 hectares and accompanying fruit and vegetable growing area of 5 hectares; and survey many other agricultural development projects.

From there, I synthesized a set of agricultural development principles to apply to factory design and planting area planning:

Multidisciplinary thinking / *Tư duy đa ngành*

Continuous structure / *Cấu trúc liên hoàn*

Inter-regional cooperation / *Hợp tác liên vùng*

Global connection / *Kết nối toàn cầu*

After meeting Mr. Hong Trien Luu in 2015 and learning about the principle of change, I developed the Green Later Heaven Eight Trigrams, focusing on two primary categories: Green Architecture and Green Agriculture. By then, I had a foundational framework for developing sustainable agriculture through top-down thinking in Ho Chi Minh City.

As my thinking became clearer, my desire to promote sustainable agriculture grew, especially large-scale field projects. After participating in an agricultural transformation project in Tay Ninh province, shifting from traditional to technology-based agriculture, I gained a comprehensive view of the agricultural structure in one province. However, upon being nominated as the director of a Center for Applying Technology in Agriculture on an 83-hectare site, I realized I still had much to learn to fulfill the role effectively.

Moving away from a top-down approach in large projects, I adopted a bottom-up approach to agricultural development, choosing to work directly with farmers. Introduced by Mr. Vinh Hao Nguyen, I collaborated with Agrita An Company in Pleiku City, Gia Lai

Province, and committed to agriculture alongside farmers, designing and operating Iabang Farm (5 hectares) in Dak Doa District, Gia Lai Province.

This journey opened the door to the Central Highlands of Vietnam. The majestic mountains and vast fields of the Central Highlands excited me greatly. It was the ideal environment for the birth of Four-Word Thinking of Field.

National Highway 14 connects the four Central Highlands provinces of Dak Nong, Dak Lak, Gia Lai, and Kon Tum, primarily running north-south. Other highways connect the Central Highlands to the coast, including highways 19, 25, and 26, which run primarily east-west. During the period leading up to Lunar New Year until early summer, wild sunflowers (Da Quy) bloom brightly along the Central Highlands roads, and coffee blossoms with white flowers in March.

I began observing and documenting the Central Highlands through the lenses of “East-West-South-North” and “Spring-Summer-Autumn-Winter,” while also calculating the roles of “Scholar-Farmer-Artisan-Merchant” in various projects.

In October 2017, I completed the project “Golden Curve in the Northern Central Highlands,” using Iabang Farm as the starting point and Mandela Cafe in T’ Mang Deeng as the endpoint. This route linked agricultural products and agrotourism destinations along the Northern Central Highlands with output markets and tourism programs from the big city. Unfortunately, Agrita An Company and some of my colleagues did not fully appreciate the project, though my colleague, Nguyen My Ngoc Nguyen, who worked on brand identity, saw its value. She invited me to Buon Ma Thuot City and introduced me to various project owners.

Since then, I had a broad network with local agricultural entrepreneurs enough to try my best to answer two questions that I was concerned about when I went to the Central Highlands: “whether my architecture career would help agricultural entrepreneur manage infrastructure and whether my urban knowledge would help agricultural entrepreneur strengthen their negotiating ability?”.

Many times standing in front of the majestic nature of the Central Highlands, we saw that the farming households and agricultural production sites scattered on the hillsides and in the valleys became very small and far away. I understood that it is impossible to travel by physical means to get to and connect with these scattered points. It should have a way of thinking to connect quickly, then a quartet of Sphere - Surface - Line - Point do that job: Each household POINT exists according to its formation of LINE and the LINE coordinates to build up a specific SURFACE of agricultural products and foodstuffs to be assembled into the worldwide market SPHERE. Using such a quick expression, the agricultural development story can go deep into the details while still quickly updating the overall macroeconomics. Four-Word Thinking of Field accumulates quartets individually and gradually completes the economic and cultural thinking in low-population-density areas.

In June 2019, I began to focus on writing the book “Tu Tu Tri Dien”. Four years later, in June 2023, I finished the basic version. Diep Chan Tam - Thi Bich Thao Tran is the person who helped me translate into English "Four-Word Thinking of Field". In October 2023, I got the copyright registration certificate for the book "Tu Tu Tri Dien - Four-Word Thinking of Field". The book was born to encapsulate a process in which Viet Kien Nong, from an urban architect, became a specialist in compiling documents in sustainable agriculture in the Central Highlands of Vietnam. After three months of receiving valuable feedback from teachers, colleagues, customers, and readers, he refined it into the book "Li-based Agro-Architecture - LAA - 建農理學". In addition to its application in agriculture (helping us think more deeply about agriculture - 知田), LAA can also help many people compile management processes in the food processing industry, an industry whose input is agricultural products from the agricultural sector. When the input - output is completed, the circular economic process in enterprises in the agricultural production and food processing industry will be basically formed and can become professional.

Tôi xin được phép tự sự rằng tôi là một kiến trúc sư và làm việc nhiều năm trong ngành kiến trúc và nội thất. Trước năm 33 tuổi, tôi ít quan tâm và không có kiến thức gì về ngành nông nghiệp và công nghiệp thực phẩm dù tôi đã thiết kế nhà máy chế biến thủy sản công ty cổ phần TRANG tại khu công nghiệp Hiệp Phước - huyện Nhà Bè - thành phố Hồ Chí Minh từ năm 22 tuổi. Với thương hiệu Dasumy mà chúng ta có thể thấy phổ biến trong các siêu thị hiện nay, độc giả có thể kiểm chứng tính hiệu quả của không gian nhà xưởng sản xuất và khu văn phòng quản lý mà tôi đã thiết kế phần kiến trúc.

Trong ký ức tuổi thơ của tôi, nông nghiệp là việc anh Sáu Thiêm làm, dựng ba Phúc làm. Anh Sáu Thiêm con bác của tôi nuôi heo, nuôi bò, hái dừa làm dầu dừa, trở thành một nông dân sản xuất giỏi của tỉnh Bình Định. Nhà dựng Ba Phúc là một nông hộ nuôi heo có tiếng tại xã Hoài Tân, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định. Nhưng tôi được đánh thức về nông nghiệp bởi một cách khác và tại một quốc gia khác.

Đó là Singapore!

Khi làm trưởng nhóm nội thất, trong Trung tâm quy hoạch - kiến trúc, thuộc tổng công ty Becamex IDC, năm 2010, tôi được công ty đưa qua Singapore tham quan về các bệnh viện để nâng cao kiến thức về thiết kế bệnh viện. Khoảnh khắc đứng tại sân thượng của bệnh viện Khoo Tech Puat, nhìn những luống rau xanh tốt và đọc những dòng chữ Anh ngữ về nông nghiệp đô thị (urban farming) đã làm tôi thay đổi tư duy về kiến trúc. Kiến trúc thì phải “xanh”.

Tôi tự bỏ tiền túi để quay lại bệnh viện Khoo Tech Puat một lần nữa, lần này tôi đi một mình để có thể tự khám phá những thắc mắc đã có trước đó. Tôi đi hết các tầng lầu của bệnh viện Khoo Tech Puat, nhìn ngắm những khung cảnh mà tôi chỉ có thể thấy trong sách: bệnh nhân mang tiểu thuyết ra băng ghế gỗ giữa sân trong sạch sẽ bên dưới tán cây cao phủ bóng để đọc và ngồi thư giãn. Không có cảm giác buồn chán với những gương mặt sầu não vì bệnh tật ở đây. Và bệnh nhân được gọi là khách hàng. Khách hàng vào bệnh viện để được khám và điều trị không lưu trú hoặc có lưu trú. Nhưng, họ vẫn được đảm bảo sự tiện nghi, thoải mái nhờ kiến trúc được thiết kế chính chu và phủ xanh bởi hoa lá và những khoảnh vườn rau.

Tôi bén duyên với nông nghiệp qua nông nghiệp đô thị tại Singapore là như thế đó!

Về lại thành phố Hồ Chí Minh, tôi sắp xếp lại đời sống để có thể “sống xanh”. Tôi đổi nhà từ hẻm (quận 7) trong nội thành ra ngoại ô (huyện Nhà Bè) để có thể có đất trống làm nông nghiệp đô thị. Tôi mua đất của ông Nguyễn Văn Hoàn và ông đã dạy cho tôi về bát quái hậu thiên sau đó. Tôi giao lưu với các nhà hàng cung cấp đầu vào cho nông nghiệp đô thị. Buồng chuối đầu tiên trở trong vườn, giàn khổ qua có trái, mồng tơi trong hộp xốp lớn nhanh đủ rau ăn cho gia đình, thỉnh thoảng có rau dư tặng bạn bè làm cho tôi thấy rất hạnh phúc. Đó là sự hạnh phúc trong sự chủ động tổ chức thực hiện ý nguyện và đạt kết quả như ý.

Đến năm 2016, tôi chính thức đặt tên cho dự án của mình là 'Works in Agricultural Development' và lấy bút danh là 'Việt Kiến Nông'. Tôi đã tìm ra cách để sống một cuộc sống xanh tại Thành phố Hồ Chí Minh, bắt chước những hạn chế về kinh tế. Suy nghĩ của tôi về việc thành lập một cộng đồng nông nghiệp đô thị để làm cho kiến trúc của Thành phố Hồ Chí Minh xanh hơn ngày càng mạnh mẽ, khiến tôi rời bỏ công việc ổn định của mình tại Becamex IDC.

Tôi học khởi nghiệp học viện YUP và được gặp thầy Lý Trường Chiến ở đó. Tôi bắt đầu nhận thiết kế dự án có chức năng nông nghiệp. Tôi bắt đầu đi công tác tại các tỉnh: An Giang, Hậu Giang, Hà Nam, Thái Nguyên.

Trong thời gian này, tôi đã thiết kế và lập các dự án đầu tư Cụm công nghiệp chế biến gạo và năng lượng xanh Ngã Năm - tỉnh Hậu Giang, quy mô 51 ha; Nhà máy chế biến rau quả An Phú Hưng - tỉnh Hà Nam, quy mô 2 ha và vùng trồng rau quả kèm theo 5 ha; và khảo sát nhiều dự án phát triển nông nghiệp khác.

Từ đó, tôi tổng hợp một bộ nguyên tắc phát triển nông nghiệp để áp dụng vào thiết kế nhà máy và quy hoạch vùng trồng:

Multidisciplinary thinking / Tư duy đa ngành

Continuous structure / Cấu trúc liên hoàn

Inter-regional cooperation / Hợp tác liên vùng

Global connection / Kết nối toàn cầu

Sau khi gặp thầy Lưu Hồng Triển vào năm 2015 và tìm hiểu về dịch lý, tôi đã phát triển Bát Quái Hậu Thiên Xanh, tập trung vào hai hạng mục chính: Kiến trúc Xanh và Nông nghiệp Xanh. Khi đó, tôi đã có một khuôn khổ nền tảng để phát triển nông nghiệp bền vững thông qua tư duy từ trên xuống tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Khi suy nghĩ của tôi trở nên rõ ràng hơn, mong muốn thúc đẩy nền nông nghiệp bền vững của tôi ngày càng lớn, đặc biệt là các dự án đồng ruộng quy mô lớn. Sau khi tham gia một dự án chuyển đổi nông nghiệp ở tỉnh Tây Ninh, chuyển từ nông nghiệp truyền thống sang nông nghiệp công nghệ cao, tôi đã có được cái nhìn toàn diện về cơ cấu nông nghiệp ở một tỉnh. Tuy nhiên, khi được đề cử làm giám đốc Trung tâm Ứng dụng Công nghệ trong Nông nghiệp trên một địa điểm rộng 83 ha, tôi nhận ra rằng mình vẫn còn nhiều điều phải học để hoàn thành vai trò một cách hiệu quả.

Từ bỏ cách tiếp cận từ trên xuống trong các dự án lớn, tôi đã áp dụng cách tiếp cận từ dưới lên đối với việc phát triển nông nghiệp, lựa chọn làm việc trực tiếp với nông dân. Được giới thiệu bởi chủ Nguyễn Vĩnh Hào, tôi đã hợp tác với Công ty Agrita An tại Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai và cam kết cùng nông dân phát triển nông nghiệp, thiết kế và vận hành Trang trại Iabang (5 ha) tại Huyện Đăk Đoa, Tỉnh Gia Lai.

Chuyến đi này mở ra cánh cửa đến với vùng Tây Nguyên - Việt Nam. Những ngọn núi hùng vĩ và nương trầy bạt ngàn của Tây Nguyên làm tôi vô cùng phấn khích. Đó là môi trường lý tưởng cho sự ra đời của Tư-Tự Tri Điền.

Đường quốc lộ 14 kết nối bốn tỉnh Tây Nguyên là Đắk Nông, Đắk Lắk, Gia Lai và Kon Tum, chủ yếu chạy theo hướng bắc-nam. Các đường cao tốc khác kết nối Tây Nguyên xuống duyên hải, bao gồm các đường cao tốc 19, 25 và 26, chủ yếu chạy theo hướng đông-tây. Trong thời gian trước Tết Nguyên đán cho đến đầu mùa hè, hoa dã quỳ nở rộ dọc theo các con đường Tây Nguyên và hoa cà phê nở trắng vào tháng Ba.

Tôi bắt đầu quan sát và ghi chép lại vùng Tây Nguyên qua lăng kính “Đông-Tây-Nam-Bắc” và “Xuân-Hạ-Thu-Đông”, đồng thời tính toán vai trò của “Sĩ-Nông-Công-Thương” trong nhiều dự án khác nhau.

Vào tháng 10 năm 2017, tôi đã hoàn thành dự án “Cung đường vàng tại Bắc Tây Nguyên”, sử dụng Nông trại Iabang làm điểm khởi đầu và Mandela Cafe ở T’ Mang Deeng làm điểm cuối. Tuyến đường này kết nối các sản phẩm nông nghiệp và điểm đến du lịch nông nghiệp dọc theo Bắc Tây Nguyên với các thị trường đầu ra và các chương trình du lịch từ thành phố lớn. Thật không may, Công ty Agrita An và một số đồng nghiệp của tôi không đánh giá cao dự án, mặc dù đồng nghiệp của tôi, Nguyễn Nguyên Mỹ Ngọc, người làm về nhận diện thương hiệu, đã thấy được giá trị của nó. Cô ấy đã mời tôi đến Thành phố Buôn Ma Thuột và giới thiệu tôi với nhiều chủ dự án khác nhau.

Từ đó, tôi mới có đủ quan hệ với các doanh-nông địa phương để cố gắng hết sức trả lời hai điều tôi trăn trở khi lên Tây Nguyên “nghề kiến trúc của mình giúp ích gì cho doanh-nông quản lý hạ tầng nông nghiệp và kiến thức kinh tế ở thành thị của mình có giúp ích gì cho doanh-nông nâng cao năng lực đàm phán hay không!?!”.

Nhiều lần đứng trước thiên nhiên Tây Nguyên hùng vĩ, tôi thấy những nông hộ, những điểm sản xuất nông nghiệp rải rác trên các sườn đồi và dưới thung lũng trở nên rất nhỏ bé, xa xăm. Tôi hiểu rằng không thể đi bằng phương tiện vật lý để đến và kết nối với những điểm rải rác này. Cần có một con đường của tư duy để kết nối nhanh chóng, và bộ-tư Khối Diện Tuyến Điểm ra đời: mỗi ĐIỂM nông hộ tồn tại theo TUYẾN hình thành của nó và các tuyến phối hợp xây dựng thành một DIỆN nông sản thực phẩm đặc thù để cung cấp vào KHỐI thị trường nhân loại. Dùng cách diễn đạt nhanh như vậy, câu chuyện phát-triển nông-nghiệp mới có thể đi sâu vào nội-dung chi-tiết mà vẫn cập-nhật nhanh về lại tổng-thể kinh-tế vĩ-mô. Các bộ-tư tích góp từng ý một và diễn-đạt hoàn-chỉnh dần về tư-duy kinh tế - văn hóa tại các khu-vực có mật-độ dân-cư thấp.

Tháng 6 năm 2019, tôi bắt đầu tập-trung viết Tư-Tự Tri Điền. Bốn năm sau, tháng 6 năm 2023, tôi xong bản sơ. Diệp Chân Tâm – Trần Thị Bích Thảo là người đã giúp tôi dịch ra tiếng Anh là “Four-Word Thinking of Field”. Đến tháng 10, tôi đăng-ký xong tác-quyền sách “Tư-Tự Tri Điền - Four-Word Thinking of Field”. Cuốn sách ra đời đóng-gói một quá-trình mà tôi từ một kiến trúc sư trong đô-thị đã thành một người chuyên biên soạn các tài-liệu trong nông-nghiệp bền-vững tại Tây Nguyên. Sau 3 tháng nhận được những phản hồi quý báu từ thầy cô, đồng nghiệp, khách hàng, độc giả, tôi tinh-chỉnh lại thành sách “Li-based Agro-Architecture - Lý-học Kiến-Nông - LAA - 建農理學”. Ngoài ứng-dụng trong nông-nghiệp (giúp chúng ta có thể suy-nghĩ sâu-sắc hơn về nông-nghiệp - tri điền - 知田), Lý-học Kiến-Nông còn có thể giúp cho nhiều người biên-soạn quy-trình quản-lý trong ngành công nghiệp thực-phẩm là ngành có đầu vào là nông-sản từ ngành nông-nghiệp. Khi hoàn-chỉnh đầu vào - đầu ra, quy-trình kinh-tế tuần-hoàn trong các doanh-nghiệp ngành sản-xuất nông-nghiệp và chế-biến thực-phẩm mới cơ bản hình-thành và có thể đi đến chuyên-nghiệp.

AUTOBIOGRAPHY OF VIET KIEN NONG

TỰ TRUYỆN CỦA VIỆT KIẾN NÔNG

- I was born on March 31, 1981 in Quy Nhon city, Binh Dinh province.

- In 1987, I went to kindergarten. During recess, my teacher often gave me a set of park construction toys for me to quickly build for my friends to play with.

- From 1987 to 1991, I was a student from grade 1 to grade 4 at Hai Cang Primary School. Since grade 1, I have read Tagore's poems - the book "The gardener" (2) at Uncle Ba's house. In grade 4, I started my first "long trip" in my life. My teacher took me from Hai Cang ward to Ngo May ward, near Quy Nhon Pedagogical University to participate in the city-level chess competition for excellent students.

- From 1991 to 1992, I was a student from grade 5 at Ngo May Primary School. At the end of the year, I received 3 awards: excellent math pupil at the provincial level, excellent chess pupil at the city level, excellent red star team member.

- From 1992 to 1999, I was a pupil at Quoc Hoc Quy Nhon School. In grade 9, I won the provincial math award. In grade 11, I won the provincial math award. In grade 12, I won the national IT award. Since grade 7, in 1993, my foster father Van Loi Bui taught me about early university literature with topics from the works of the Tu Luc Van Doan group (3), Ho Chi Minh's poetry and literature. Also in grade 7, my eldest brother died of suicide. My family allowed me to take refuge. The abbot of Bach Sa Pagoda gave me the dharma name Van Thang.

- From 1999 to 2004, I studied at University of Architecture Ho Chi Minh City, graduating from the faculty of civil engineering. In my first year of university, I read the book Nanhua Jing (南華經) at Mr. Quan's house, where he taught me art. In my second year of university, I read the book Tao Te Ching (道德經), Confucianism. In 2001, I read the book I Ching for the first time but did not understand it. My initial graduation project was the Museum of Vietnamese Poets. My graduation project was Quy Hoa - Quy Nhon Hotel and Resorts. During my graduation period from 2003 to 2005, I studied "Vietnamese Poets", studied Ghenh Rang hill and poet Han Mac Tu (4). This was the period when I had strong thoughts about architecture and poetry. My architectural design ability could not meet my architectural inspiration from poetry with the block of buildings: "Catch the shooting star! Catch the shooting star!"

- From 2004 to 2005, I did a design internship at the architectural design office of Huan Yoko. This was the time when I read a lot of foreign books about housing projects, Horeca. I designed resorts, villas in Ngoc Suong Cam Ranh in Mediterranean, southern Italian, southern French, and Spanish styles.

- From 2005 to 2006, I was the head of the interior design department of Nha An Cu - Phu My Hung new city.

- From 2006 to 2009, I founded and worked as the director of Dai Khai Minh Company Limited. The name “Dai Khai Minh” was inspired by my standing in front of the Great Wall in Beijing - China. In 2009, after the 2008 economic crisis, I focused on reading about macroeconomics. I was influenced by Mr. Ta Han Vo (5) on the topic "Fighting the oars in the crisis" and “concern circle and influence circle”.

- From 2010 to 2014, I brought two of my employees from Dai Khai Minh Company to Becamex IDC to establish an interior design team under the group's Architecture Planning Center, with me as the team leader. This was the time when I was thinking about the theory of "Business Park Planning" by Master Cao Lanh Nguyen. I met and bought land from Mr. Van Hoan Nguyen in 2012. During that time, Mr. Hoan taught me the operation of the Later Heaven Bagua and the meaning of the Heart Sutra. In 2011, I read the book I Ching for the second time through Tat To Ngo's version but still did not understand the principle of change.

In 2015, I quit my job at Becamex Corporation. I attended the startup course of YUP Academy (6). After that, I participated in the design of the Long Xuyen Cultural Park project with the Southeast Asia Company. This was my first systematic green architecture project. In 2015, I met Mr. Hong Trien Luu. Thanks to the master's six consecutive sessions, each session was eight hours, I initially understood the I Ching. Thanks to that, I completed the Global Green Mind Map with the pair of opposites "Green Architecture / Green Agriculture". A month later, I met master Khac Kim Tran and was taught by him the Heart Sutra, Seven-Step of Thinking and the Truth Analysis Model. From this point on, I took the pen name Viet Kien Nong (VKN).

- In 2016, VKN joined the Business Bridge group. VKN started planning and designing professional agricultural development projects. VKN presented his views on two key issues in agricultural development: "building norms and planning production according to norms" at Lilama's year-end conference in Thai Nguyen province. At the same time, on this occasion, we displayed the planning project "Rice processing and green energy factory cluster in Nga Nam area - 51 ha".

- In 2017, VKN started going to Pleiku city - Gia Lai province to design the 5-hectare Iabang Farm of Agrita An Company. From here, VKN's work in agricultural development was closely linked to the Central Highlands. The subsequent developments began to be closely recorded in terms of data in the Li-based Agro-Architecture (LAA) and in the LAA-platform software system.

- In 2023, VKN completed the copyright registration of the book "Four-Word Thinking of Field".

- In 2024, VKN began to gradually share the Li-based in Agro-Architecture in the Central Highlands of Vietnam with colleagues, friends, and customers at domestic and abroad.

Tôi sinh ngày 31 tháng 3 năm 1981 tại thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Năm 1987, tôi đi học mẫu giáo. Trong giờ ra chơi, cô giáo hay đưa bộ đồ chơi xây dựng công viên để tôi dựng nhanh cho các bạn cùng chơi chung.

Từ năm 1987 đến năm 1991, tôi là học sinh lớp 1 đến lớp 4, trường Phổ thông cơ sở cấp 1 Hải Cảng. Từ năm lớp 1, tôi đã được đọc thơ Tagore - sách “Tâm tình hiền dân” (3) tại nhà Cậu Ba. Lớp 4, tôi bắt đầu có “chuyến đi xa” đầu tiên trong đời. Tôi được thầy giáo chở từ phường Hải Cảng lên phường Ngô Mỹ, gần trường đại học sư phạm Quy Nhơn để dự giải học sinh giỏi cờ vua cấp thành phố.

Từ năm 1991 đến năm 1992, tôi là học sinh lớp 5 trường Phổ thông cơ sở Ngô Mỹ. Cuối năm nhận được 3 giải thưởng: học sinh giỏi toán cấp tỉnh, học sinh giỏi cờ vua cấp thành phố, đội viên sao đỏ thi đua xuất sắc.

Từ năm 1992 đến năm 1999, tôi là học sinh trường Quốc học Quy Nhơn. Lớp 9, tôi đạt giải học sinh giỏi toán cấp tỉnh. Lớp 11, tôi đạt giải học sinh giỏi toán cấp tỉnh. Lớp 12, tôi đạt giải học sinh giỏi tin học cấp quốc gia. Từ năm lớp 7, là năm 1993, tôi đã được bố Bùi Văn Lợi giảng về văn chương đại học sớm với các đề tài từ sáng tác của nhóm Tự lực văn đoàn (4), thơ văn Hồ Chí Minh. Cũng năm lớp 7, anh trai cả của tôi mất vì tự tử. Gia đình cho tôi quy y. Tôi được sư thầy trụ trì chùa Bạch Sa đặt cho pháp danh là Vạn Thắng.

Từ năm 1999 đến năm 2004, tôi học trường Đại học Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh, tốt nghiệp khoa Kiến trúc công trình. Năm nhất đại học, tôi đọc sách Nam Hoa Kinh tại nhà thầy Quân dạy vẽ cho tôi. Năm hai đại học, tôi đọc sách Đạo Đức Kinh, Nho học. Năm 2001, tôi đọc sách Dịch học lần đầu nhưng chưa hiểu được. Đề tài tốt nghiệp nung nấu ban đầu của tôi là Bảo tàng thi nhân Việt Nam. Đề tài đã tốt nghiệp của tôi là Khách sạn nghỉ dưỡng Quy Hòa - Quy Nhơn. Trong suốt thời kỳ làm tốt nghiệp từ năm 2003 đến năm 2005, tôi tìm hiểu về “Thi nhân Việt Nam”, tìm hiểu đôi Ghềnh Ráng và nhà thơ Hàn Mặc Tử (5). Đây là thời kỳ tôi có những suy tư về kiến trúc và thi ca mạnh mẽ. Năng lực thiết kế kiến trúc đã chưa đáp ứng được cảm hứng kiến trúc từ thi ca của tôi với khối nhà: “Hùng lấy sao băng! Hùng lấy sao băng!”

Từ năm 2004 đến năm 2005, tôi thực tập thiết kế tại văn phòng thiết kế kiến trúc Huân Yoko. Đây là thời gian tôi được đọc sách ngoại văn về công trình nhà ở, Horeca rất nhiều. Tôi đã thiết kế resort, biệt thự Ngọc Sương Cam Ranh phong cách Địa Trung Hải, miền nam nước Ý, miền nam nước Pháp, phong cách Tây Ban Nha.

Từ năm 2005 đến năm 2006, tôi là trưởng phòng thiết kế nội thất Công ty Nha An Cư - Khu đô thị mới Phú Mỹ Hưng.

Từ năm 2006 đến năm 2009, tôi thành lập và làm giám đốc Công ty TNHH Đại Khải Minh. Cái tên Đại Khải Minh được tôi nghĩ ra từ cảm hứng khi đứng trước Vạn Lý Trường Thành tại Bắc Kinh - Trung Quốc. Năm 2009, sau khủng hoảng kinh tế 2008, tôi tập trung đọc về kinh tế vĩ mô. Tôi chịu ảnh hưởng từ ông Võ Tá Hân (6) về đề tài “Chống chèo trong khủng hoảng” và “vòng tròn quan tâm - vòng tròn ảnh hưởng”.

Từ năm 2010 đến năm 2014, tôi đưa 2 nhân viên của tôi trong công ty Đại Khải Minh lên Becamex IDC để lập nhóm thiết kế nội thất trực thuộc Trung tâm Quy hoạch Kiến trúc của tập đoàn, do tôi làm trưởng nhóm. Đây là khoảng thời gian tôi suy tư về lý thuyết “Quy hoạch Business Park” của thạc sĩ Nguyễn Cao Lãnh. Tôi gặp và mua đất của thầy Nguyễn Văn Hoàn năm 2012. Trong thời điểm đó, tôi được thầy Hoàn dạy cho sự vận hành của Bát Quái Hậu Thiên và ý nghĩa của Bát Nhã

Tâm Kinh. Năm 2011, tôi đọc sách Dịch học lần hai qua bản của Ngô Tất Tố nhưng cũng không hiểu về dịch lý.

Năm 2015, tôi nghỉ việc trong tập đoàn Becamex. Tôi tham gia khóa khởi nghiệp của Học viện YUP (7). Sau đó, tôi tham gia thiết kế dự án Công viên văn hóa Long Xuyên với Công ty Đông Nam Á. Đây là đồ án kiến trúc xanh bài bản đầu tay của tôi. Năm 2015, tôi được gặp thầy Lưu Hồng Triền. Nhờ thầy giảng cho sáu buổi liền, mỗi buổi tám tiếng, tôi đã bước đầu hiểu về Dịch học. Nhờ đó, tôi xây dựng xong sơ đồ tư duy Xanh Toàn Cầu với cặp-đối-đôi “Kiến trúc xanh / Nông nghiệp xanh”. Sau đó một tháng, tôi được gặp thầy Trần Khắc Kim và được thầy dạy cho Bát Nhã Tâm Kinh, Bảy Bước Tư Duy và Mô hình phân tích chân lý. Từ thời điểm này, tôi lấy bút danh là Việt Kiến Nông (VKN).

Năm 2016, VKN tham gia làm việc cùng với nhóm Nhịp Cầu Doanh Nghiệp. VKN bắt đầu quy hoạch và thiết kế các dự án phát triển nông nghiệp chuyên nghiệp. VKN đã trình bày quan điểm của mình về hai vấn đề mấu chốt trong phát triển nông nghiệp là “xây dựng định mức và lập kế hoạch sản xuất theo định mức” tại Hội nghị tổng kết cuối năm của Lilama tại tỉnh Thái Nguyên. Đồng thời, trong dịp này, chúng tôi trưng bày đồ án quy hoạch “Cụm nhà máy chế biến gạo và năng lượng xanh Khu Ngã Năm - 51 ha”.

Năm 2017, VKN bắt đầu lên thành phố Pleiku - tỉnh Gia Lai để thiết kế Trang trại Iabang - 5 ha của Công ty Agrita An. Từ đây, sự nghiệp kiến nông của VKN gắn liền với Tây Nguyên. Những diễn tiến sau đó bắt đầu được ghi chặt chẽ về mặt dữ liệu trong Lý-học Kiến-Nông và trong hệ thống phần mềm LAA-Platform.

Năm 2023, VKN hoàn thành đăng ký bản quyền sách “Tứ-Tự Tri Điền - Four-Word Thinking of Field”.

Năm 2024, VKN bắt đầu chia sẻ dần về Lý-học Kiến-Nông tại Tây Nguyên với đồng nghiệp, bạn bè, khách hàng trong và ngoài nước.

GLOSSARY

BẢNG CHÚ GIẢI

(1) Refer to BSAS – Project of Criteria for Vietnamese High-Quality Goods - Integration Standards - BSAS (chuanhoinhap.vn)

Xem BSAS - Dự án Bộ tiêu chí Hàng Việt Nam Chất lượng cao - Chuẩn hội nhập - BSAS (chuanhoinhap.vn)

(2) Four-Word Thinking of Field ®

Tứ-Tự Tri Điền®

"Tứ-Tự Tri Điền - Four-Word Thinking of Field" book - Author Viet Kien Nong, the copyright registration certificate has been granted with certainty as the author. The compiled book of 36 quartets including 18 Viet-Confucianism quartets and 18 Innovative quartets which collected over 7 years. Viet Kien Nong has gradually updated it on his Facebook and Tứ-Tự Tri Điền fanpage as well. Then, he compiled it into a complete book to share Four-Word Thinking of Field for a completely non-profit purpose of serving the community.

Sách Tứ-Tự Tri Điền - Four-Word Thinking of Field - tác giả Việt Kiến Nông, đã hoàn thành đăng ký bản quyền tác giả. Bộ sách tổng hợp 36 bộ-tứ bao gồm 18 Bộ-tứ Việt Nho và 18 Bộ-tứ Cách-tân được biên soạn trong 7 năm xuyên suốt. Việt Kiến Nông đã cập nhật/công bố từng phần trên facebook của ông ấy và fanpage Tứ-Tự Tri Điền. Sau đó, ông biên-soạn lại thành bộ sách hoàn-chỉnh với mục-dịch chia-sẻ Tứ-Tự Tri Điền, xuất-phát hoàn-toàn với mục-dịch phi lợi-nhuận nhằm phục-vụ cộng-đồng.

(3) Rabindranath Tagore

Ta-go

(7 May 1861 – 7 August 1941)

Rabindranath Tagore was a Bengali poet, writer, playwright, composer, philosopher, social reformer, and painter of the Bengal Renaissance. He reshaped Bengali literature and music as well as Indian art with Contextual Modernism in the late 19th and early 20th centuries. Author of the "profoundly sensitive, fresh and beautiful" poetry of Gitanjali, in 1913 Tagore became the first non-European and the first lyricist to win the Nobel Prize in Literature. Tagore's poetic songs were viewed as spiritual and mercurial; where his elegant prose and magical poetry were widely popular in the Indian subcontinent. He was a fellow of the Royal Asiatic Society. Referred to as "the Bard of Bengal", Tagore was known by the sobriquets Gurudeb, Kobiguru, and Biswokobi.

Rabindranath Tagore là một nhà thơ, nhà văn, nhà viết kịch, nhà soạn nhạc, nhà triết học, nhà cải cách xã hội và họa sĩ người Bengal của thời kỳ Phục hưng Bengal. Ông đã định hình lại nền văn học và âm nhạc Bengal cũng như nghệ thuật Ấn Độ với Chủ nghĩa hiện đại theo bối cảnh vào cuối thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20. Là tác giả của tác phẩm thơ "sâu sắc, tươi mới và đẹp đẽ" Gitanjali, năm 1913 Tagore trở thành người đầu tiên không phải người châu Âu và là nhà thơ trứ tình đầu tiên giành giải Nobel Văn học. Những bài thơ của Tagore được coi là mang tính tâm linh và phi thường; trong khi văn

xuôi tao nhã và thơ ca đầy ma thuật của ông được ưa chuộng rộng rãi ở tiểu lục địa Ấn Độ. Ông là thành viên của Hội Hoàng gia Châu Á. Được gọi là "Nhà thơ xứ Bengal", Tagore được biết đến với các biệt danh Gurudev, Kobiguru và Biswokobi.

(4) The Self-Reliant Literary Association

Tự lực văn đoàn (Union Littéraire Autonome - 自力文團)

The Self-Reliant Literary Association (Vietnamese: Tự-Lực văn-đoàn, chữ Hán: 自力文團, French: Union Littéraire Autonome) was a centre-left literary association in Tonkin during the 1930s.

The Self-Reliant Literary Association was an influential literary collective founded in 1932-1933 by Nhất Linh and Khái Hưng. They were one of the most significant political and literary movements in twentieth-century Vietnam and published significantly via their two journals, *Phong Hóa* (Mores, 1932–1936) and *Ngày Nay* (Today, 1936–1940, 1945) as well as their own publishing house (Đời Nay). The group used these journals and novels to articulate their social and political ideals, as well as experiment with new literary forms such as the groundbreaking *Thơ mới* (New Poetry Movement), new modes of reportage, and the modern autobiography. The group promoted modernization and Westernization, rejecting Confucian traditions which they deemed anachronistic. The Self-Reliant Literary Association's core members included Nhất Linh, Khái Hưng, Hoàng Đạo, Thạch Lam, Xuân Diệu, Thế Lữ, Huy Cận, and Tú Mỡ.

Tự-Lực văn-đoàn (chữ Hán: 自力文團, tiếng Pháp: Union Littéraire Autonome) là một hiệp hội văn học trung tả ở Bắc Kỳ trong những năm 1930.

*Tự-Lực văn-đoàn là một tập thể văn học có ảnh hưởng được thành lập vào năm 1932-1933 bởi Nhất Linh và Khái Hưng. Họ là một trong những phong trào chính trị và văn học quan trọng nhất ở Việt Nam thế kỷ XX và xuất bản đáng kể thông qua hai tạp chí của họ, *Phong Hóa* (Mores, 1932–1936) và *Ngày Nay* (Today, 1936–1940, 1945) cũng như nhà xuất bản của riêng họ (Đời Nay). Nhóm đã sử dụng các tạp chí và tiểu thuyết này để diễn đạt các lý tưởng xã hội và chính trị của họ, cũng như thử nghiệm các hình thức văn học mới như *Thơ mới* (Phong trào Thơ mới) mang tính đột phá, các phương thức tường thuật mới và tự truyện hiện đại. Nhóm thúc đẩy hiện đại hóa và phương Tây hóa, bác bỏ các truyền thống Nho giáo mà họ cho là lỗi thời. Các thành viên nòng cốt của Tự-Lực văn-đoàn gồm có Nhất Linh, Khái Hưng, Hoàng Đạo, Thạch Lam, Xuân Diệu, Thế Lữ, Huy Cận, Tú Mỡ.*

(5) Poet Han Mac Tu / Trong Tri Nguyen

Nhà thơ Hàn Mặc Tử / Nguyễn Trọng Trí

Trong Tri Nguyen, commonly known by his pen name Han Mac Tu (September 22, 1912 - November 11, 1940), was a Vietnamese poet. He was the founder of the “Loạn - Chaos” School of Poetry and also the pioneer of modern Vietnamese romantic poetry. He also had other pen names in his career including Le Thanh, Phong Tran and Minh Due Thi.

Han Mac Tu, along with Quach Tan, Yen Lan and Che Lan Vien, were called “The quartet of Ban Citadel” by their contemporaries in Binh Dinh province, meaning Four Friends of Do Ban Citadel.

Nguyễn Trọng Trí, thường được biết đến với bút danh Hàn Mặc Tử hay Hàn Mạc Tử (22 tháng 9 năm 1912 - 11 tháng 11 năm 1940), là một nhà thơ người Việt Nam. Là người khởi xướng Trường thơ Loạn và cũng là người tiên phong của dòng thơ lãng mạn hiện đại Việt Nam, ông còn có những bút danh khác trong sự nghiệp gồm Lệ Thanh, Phong Trần và Minh Duệ Thị.

Hàn Mặc Tử cùng với Quách Tấn, Yến Lan, Chế Lan Viên được người đương thời ở Bình Định gọi là Bàn thành tứ hữu, nghĩa là Bốn người bạn ở thành Đồ Bàn.

(6) Ta Han Vo *Võ Tá Hán*

Ta Han Vo (Buddhist name Minh Hoan) was born in Hue in 1948 and grew up in Saigon. While attending high school at Nguyen Trai School (1960-67), he also studied classical guitar with Professor Thieu Tuoc Duong at the Saigon National Conservatory of Music (1962-67). He studied in the United States since 1968.

Graduated with a Bachelor's degree (1972) and a Master's degree (1973) in Business Administration from the Massachusetts Institute of Technology (MIT). Worked in the field of International Banking and Finance in Montreal, Toronto (Canada), Manila (Philippines) and Singapore. In music, he continued to study Harmony, Counterpoint, and Orchestration in the United States and also studied piano, zither, and monochord. He was the president of the Classical Guitar Association in Singapore (1983-2000), performed solo guitar many times and was a judge in many guitar competitions in Singapore and Vietnam. Published more than 50 compositions for classical guitar and piano (<http://vota.com/nhac>). Composed more than 500 songs set to poetry and released 30 CDs including love songs, Buddhist songs, epics, meditation songs, etc. Currently residing in Singapore since 1981.

Ta Han Vo is also a Director on the Board of Directors of CDL Group (one of the largest corporations in Singapore), as well as the Chairman of the Association of Vietnamese Experts in Singapore - Vietnam.

Võ Tá Hán (Pháp Danh Minh Hoan) sinh tại Huế năm 1948 và lớn lên ở Sài Gòn, trong khi học trung học tại trường Nguyễn Trãi (1960-67), anh cũng học thêm về guitar cổ điển với giáo sư Dương Thiệu Tước tại Trường Quốc Gia Âm Nhạc Sài Gòn (1962-67) Du học Hoa Kỳ từ năm 1968.

Tốt nghiệp Cử Nhân (1972) và Cao Học (1973) về Quản Trị Kinh Doanh tại Viện Đại Học Massachusetts Institute of Technology (MIT). Làm việc về ngành Ngân Hàng Quốc Tế và Tài Chính tại Montreal, Toronto (Canada), Manila (Phillipines) và Singapore. Về âm nhạc, anh tiếp tục theo học Harmony, Counterpoint, và Orchestration tại Hoa Kỳ và cũng học thêm về piano, đàn tranh, đàn bầu. Là hội trưởng hội Tây Ban Cầm Cổ Điển ở Singapore (1983-2000), đã trình diễn độc tấu guitar nhiều lần và làm giám khảo trong nhiều cuộc thi guitar ở Singapore và Việt Nam. Xuất bản hơn 50 soạn phẩm cho guitar cổ điển và piano (<http://vota.com/nhac>). Sáng tác hơn 500 ca khúc phổ thơ và đã phát hành 30 CD gồm các tình khúc, ca khúc Phật giáo, Trường Ca, Thiên Ca, v.v... Hiện định cư ở Singapore từ 1981.

Võ Tá Hán còn là một Giám đốc trong Hội đồng quản trị của tập đoàn CDL (một trong những tập đoàn lớn nhất của Singapore), cũng như là Chủ tịch của Hội Chuyên Gia Việt Nam tại Singapore - Vietnam.

(7) YUP INSTITUTE - The School of Entrepreneurs

YUP INSTITUTE - Trường đào tạo Doanh nhân

Founded on November 20, 2011, YUP Institute has quickly become a pioneer in providing the Vietnamese startup market with quality training programs and an effective startup support system.

As a trusted address on the topic of startups, YUP regularly organizes training & startup support programs with measured output results and constantly strives to thoroughly solve current problems of the startup environment in Vietnam.

YUP's lecturers are currently Top Experts on the topic of startups in Vietnam, sharing the same passion and mission: that is, to help and support the younger generation so that they can achieve outstanding success compared to their seniors, thereby developing the country's economy.

Được sáng lập vào ngày 20.11.2011, YUP Institute đã nhanh chóng trở thành một đơn vị đi tiên phong về việc cung cấp cho thị trường khởi nghiệp Việt Nam những chương trình đào tạo chất lượng và hệ thống hỗ trợ khởi nghiệp hiệu quả.

Là địa chỉ đáng tin cậy về chủ đề khởi nghiệp, YUP thường xuyên tổ chức những chương trình đào tạo & hỗ trợ khởi nghiệp có sự đo lường về kết quả đầu ra và không ngừng nỗ lực để giải quyết một cách rõ ràng những vấn đề hiện nay của môi trường khởi nghiệp tại Việt Nam.

Các giảng viên của YUP là những Top Expert hiện nay về chủ đề khởi nghiệp tại Việt Nam, có cùng một đam mê và sứ mệnh: đó là cùng nhau giúp đỡ và hỗ trợ thế hệ trẻ để họ đạt được thành công vượt bậc so với lớp đàn anh, thông qua đó phát triển nền kinh tế của đất nước.

SUMMARY OF FUNDAMENTAL KNOWLEDGE IN LAA

TÓM LƯỢC NỀN TẢNG TRI THỨC TRONG LÝ-HỌC KIẾN-NÔNG

Li-based Agro-Architecture is a system of theory and methodology developed by author Viet Kien Nong, aiming to combine the philosophy of Li (Book of Changes, Viet Confucianism) with modern agricultural management, aiming towards sustainable and effective agriculture in Vietnam. Li-based Agro-Architecture follows closely the Image set in the Central Highlands to explain Li. However, once you have absorbed Li, you can apply it everywhere without depending on the original Image set. Once again, the author reviews the basic Li concepts that you may need on your journey of a thousand miles in life.

Lý học Kiến Nông là một hệ thống lý thuyết và phương pháp luận do tác giả Việt Kiến Nông phát triển, nhằm kết hợp triết lý Lý học (Kinh Dịch, Việt Nho) với quản trị nông nghiệp hiện đại, để hướng tới nền nông nghiệp bền vững và hiệu quả tại Việt Nam. Lý học Kiến Nông bám sát bộ Tượng tại Tây Nguyên để giải thích Lý. Song, khi bạn đã thấm thấu được Lý thì bạn có thể áp dụng được mọi nơi mà không còn lệ thuộc vào bộ Tượng ban đầu nữa. Một lần nữa, tác giả điểm lại những khái niệm về Lý nền tảng mà có thể cần cho bạn trên hành trình cuộc đời vạn dặm.

Definition of the Agricultural Entrepreneur in LAA

Định nghĩa Doanh-nông trong LAA

Within the framework of Li-based Agro-Architecture (LAA), the agricultural entrepreneur (doanh-nông – 營農) is defined as a central figure who integrates organizational, managerial, and decision-making functions in agricultural and food enterprises. Specifically, the agricultural entrepreneur:

1. Organizes production and business activities by aligning resources with the characteristic value systems of the agricultural model.
2. Determines the remuneration of manual laborers in agriculture and food industries, based on both productivity and the sustainable principles of LAA.
3. Represents the dynamic axis within the dual system of agricultural entrepreneur and agricultural infrastructure, which together constitute the essential structure of the agricultural model.
4. Acts as a mediator between traditional knowledge (expressed through Viet Confucianism categories) and modern management standards (such as British Standards and IFRS), ensuring coherence between cultural heritage and international integration. In this sense, the agricultural entrepreneur is not merely an economic actor but also a cultural and intellectual agent. By embodying both structure and organism within the LAA system, the entrepreneur ensures that agricultural enterprises evolve from bipolarity (entrepreneur–

infrastructure) to multipolarity, accommodating broader relationships across sustainability, finance, and socio-cultural development.

Trong khuôn khổ Lý-học Kiến-Nông (LAA), doanh-nông (營農) được định nghĩa là nhân vật trung tâm, tích hợp các chức năng tổ chức, quản lý và ra quyết định trong doanh nghiệp nông nghiệp và thực phẩm. Cụ thể, doanh-nông:

1. Tổ chức hoạt động sản xuất - kinh doanh bằng cách phân bổ nguồn lực phù hợp với hệ giá trị đặc trưng của mô hình nông nghiệp.

2. Quyết định mức thù lao cho lao động chân tay trong ngành nông nghiệp và thực phẩm, dựa trên năng suất và nguyên tắc phát triển bền vững của LAA.

3. Đóng vai trò trực động trong hệ lưỡng-cực doanh-nông - hạ tầng nông nghiệp, vốn cấu thành cấu trúc cốt lõi của mô hình nông nghiệp.

4. Làm trung gian giữa tri thức truyền thống (thể hiện qua hệ chữ Việt Nho) và các tiêu chuẩn quản trị hiện đại (như Tiêu chuẩn Anh, IFRS), đảm bảo sự hài hòa giữa di sản văn hóa và hội nhập quốc tế. Theo nghĩa này, doanh-nông không chỉ là một chủ thể kinh tế mà còn là một tác nhân văn hóa và tư tưởng. Khi vừa đại diện cho cấu trúc vừa là sự vận hành trong hệ thống LAA, doanh-nông đảm bảo cho doanh nghiệp nông nghiệp phát triển từ lưỡng-cực (doanh-nông - hạ tầng) đến đa-cực, mở rộng quan hệ sang các lĩnh vực bền vững, tài chính, và phát triển xã hội - văn hóa.

System in LAA: Structure and Organism

Hệ thống trong LAA: Cấu trúc và Sự vận hành

In Li-based Agro-Architecture (LAA), an agricultural model is conceived as a system composed of two inseparable dimensions:

1. Structure - consisting of two fundamental elements: the agricultural entrepreneur (doanh-nông) and agricultural infrastructure.

2. Organism - the operational dimension, grounded in the binary opposition of agricultural entrepreneur / agricultural infrastructure. This relationship can be expressed in the following equation:

$$\text{System} = \text{Structure} + \text{Organism}$$

A fully documented agricultural model requires the coexistence of at least two core components: the agricultural entrepreneur and agricultural infrastructure. Together, they generate the bipolar logic that governs agricultural activity. From this bipolar foundation, the model evolves into a multipolar system, as relationships within and between the two poles expand, enabling more complex forms of economic reasoning. Accordingly, the economic logic in LAA is best understood as a developmental trajectory that progresses from bipolarity to multipolarity.

Trong Lý-học Kiến-Nông (LAA), mô hình nông nghiệp được quan niệm là một hệ thống gồm hai phương diện không thể tách rời:

1. Cấu trúc - bao gồm hai yếu tố cơ bản: doanh-nông và hạ tầng nông nghiệp.

2. Sự vận hành - phương diện hoạt động, dựa trên lý đối đãi doanh-nông / hạ tầng nông nghiệp.

Mối quan hệ này có thể được diễn đạt bằng phương trình:

$Hệ\ thống = Cấu\ trúc + Sự\ vận\ hành$

Một mô hình nông nghiệp được ghi chép đầy đủ phải bao gồm tối thiểu hai thành phần cốt lõi: doanh-nông và hạ tầng nông nghiệp. Chính sự kết hợp này tạo nên lý lưỡng-cực chi phối toàn bộ hoạt động nông nghiệp. Từ nền tảng lưỡng-cực, mô hình phát triển thành đa-cực, thông qua sự mở rộng các quan hệ bên trong và giữa hai cực, tạo điều kiện cho những hình thức tư duy kinh tế phức tạp hơn. Vì vậy, tư duy kinh tế trong LAA được khái quát như một hành trình phát triển từ lưỡng-cực đến đa-cực.

From Bipolarity to Multipolarity

Từ lưỡng-cực đến đa-cực

The agricultural model in LAA is fundamentally grounded in a bipolar structure - the dynamic relationship between the agricultural entrepreneur and agricultural infrastructure. This bipolarity establishes the foundation upon which agricultural reasoning is constructed. However, agriculture is not static. As relationships between and within the two poles evolve, the system naturally develops into a multipolar framework. Each new pole represents an additional layer of interaction - economic, social, cultural, or environmental - arising from the interplay between entrepreneur and infrastructure. Through this progression, the logic of agricultural development in LAA advances beyond the dualism of bipolar reasoning. It embraces a multipolar mode of thought, characterized by the integration of multiple value systems and diverse stakeholder roles. Thus, the intellectual trajectory of LAA can be broadly summarized as a movement “from bipolarity to multipolarity”, marking a shift from simple dual structures to complex and integrative systems of agricultural development.

Mô hình nông nghiệp trong LAA được đặt nền tảng trên một cấu trúc lưỡng-cực - tức là mối quan hệ động giữa doanh-nông và hạ tầng nông nghiệp. Chính sự lưỡng-cực này tạo nên cơ sở để hình thành lý luận nông nghiệp. Tuy nhiên, nông nghiệp không bao giờ bất biến. Khi các quan hệ bên trong và giữa hai cực phát triển, hệ thống tự nhiên tiến hóa thành một khuôn khổ đa-cực. Mỗi cực mới hình thành đại diện cho một tầng quan hệ bổ sung - kinh tế, xã hội, văn hóa hoặc môi trường - phát sinh từ sự tác động qua lại giữa doanh-nông và hạ tầng. Thông qua tiến trình này, tư duy phát triển nông nghiệp trong LAA vượt lên khỏi nhị nguyên lưỡng-cực, để tiếp nhận một tư duy đa-cực, đặc trưng bởi sự tích hợp của nhiều hệ giá trị và vai trò đa dạng của các chủ thể. Do đó, hành trình trí tuệ của LAA có thể được khái quát như một sự dịch chuyển “từ lưỡng-cực đến đa-cực”, đánh dấu sự chuyển biến từ cấu trúc đơn giản sang hệ thống phức hợp và tích hợp trong phát triển nông nghiệp.

Definition of Four-Word Thinking of Field (FWTF)

Định nghĩa Tứ-Tư Tri-Điền (FWTF)

The concept of Four-Word Thinking of Field (知田四字, abbreviated as FWTF) refers to a language system structured around four-character sets. Initially employed primarily in agriculture, FWTF has gradually expanded to encompass adjacent fields. This linguistic framework facilitates concise and efficient communication, transforming complex agricultural processes and experiential knowledge into accessible forms that can be transmitted, standardized, and applied.

By reducing extended expressions to concise four-character formulas, FWTF allows for faster exchange of ideas, greater precision in practice, and enhanced interdisciplinary connectivity. The adaptation of FWTF into modern contexts demonstrates the potential of traditional linguistic structures, rooted in Viet Confucianism, to serve as effective tools for contemporary agricultural communication and innovation.

Khái niệm Tứ-Tự Tri-Điền (知田四字, viết tắt là FWTF) là một hệ thống ngôn ngữ được cấu trúc bằng các bộ bốn chữ. Ban đầu được sử dụng chủ yếu trong lĩnh vực nông nghiệp, FWTF dần dần mở rộng sang các lĩnh vực liên quan. Hệ thống ngôn ngữ này giúp giao tiếp trở nên ngắn gọn và hiệu quả, biến những quy trình nông nghiệp phức tạp và kinh nghiệm thực tiễn thành những hình thức dễ tiếp cận, có thể truyền đạt, chuẩn hóa và áp dụng.

Việc rút gọn những diễn đạt dài dòng thành các công thức bốn chữ súc tích giúp FWTF tăng tốc độ trao đổi, nâng cao độ chính xác trong thực hành và thúc đẩy kết nối liên ngành. Sự thích ứng của FWTF vào bối cảnh hiện đại cho thấy tiềm năng của các cấu trúc ngôn ngữ truyền thống, vốn bắt nguồn từ Việt Nho, trong việc trở thành công cụ hữu hiệu cho truyền thông nông nghiệp và đổi mới đương đại.

Definition of the Principle of Change in Agro-Architecture (PCAA)

Định nghĩa Dịch-lý Kiến-Nông (PCAA)

The Principle of Change in Agro-Architecture (PCAA) is a theoretical framework derived from the I Ching (易經), adapted to guide the development of agriculture in Vietnam's Central Highlands. PCAA applies the philosophical principles of change to agricultural practice, enabling farmers and agricultural entrepreneurs to improve, upgrade, and expand agricultural infrastructure while enhancing their negotiation and decision-making capacities.

In practice, the PCAA interprets 78 symbolic figures of the I Ching through images, events, and practices from agricultural life in the Central Highlands. By contextualizing ancient principles within contemporary rural settings, the PCAA serves as both a pedagogical and operational tool: a bridge between traditional wisdom and modern agricultural management.

Dịch-lý Kiến-Nông (PCAA) là một khung lý thuyết bắt nguồn từ Kinh Dịch (易經), được điều chỉnh để định hướng sự phát triển nông nghiệp tại Tây Nguyên, Việt Nam. PCAA vận dụng những nguyên lý biến dịch của Kinh Dịch vào thực tiễn nông nghiệp, giúp nông dân và doanh-nông cải tạo, nâng cấp, mở rộng hạ tầng nông nghiệp, đồng thời nâng cao năng lực đàm phán và ra quyết định.

Trong thực tiễn, PCAA diễn giải 78 dịch tượng trong Kinh Dịch thông qua hình ảnh, sự kiện và hoạt động trong đời sống nông nghiệp tại Tây Nguyên. Bằng cách đặt các nguyên lý cổ xưa vào bối cảnh nông thôn đương đại, PCAA vừa đóng vai trò công cụ tư phạm, vừa là công cụ vận hành: chiếc cầu nối giữa trí tuệ truyền thống và quản trị nông nghiệp hiện đại.

Definition of the Four-Word Process (FWP)

Định nghĩa Quy-trình Tứ-Tự (FWP)

The Four-Word Process (FWP) is a structured methodological framework that translates complex agricultural and managerial tasks into clear, actionable steps. Each step is represented by a concise four-word formula, facilitating precision, efficiency, and a shared understanding among stakeholders.

The FWP draws inspiration from the Confucian tradition of four-word sets (四字), reinterpreted for the needs of modern agriculture and business management. By reducing intricate procedures into standardized linguistic units, the process not only streamlines communication but also accelerates training, execution, and evaluation across diverse agricultural and industrial contexts.

Through its systematic design, the FWP provides a common language for interdisciplinary collaboration - linking farmers, managers, financiers, and policymakers in a unified framework of agricultural communication and practice.

Quy-trình Tứ-Tự (FWP) là một khung phương pháp có cấu trúc, chuyển hóa các nhiệm vụ phức tạp trong nông nghiệp và quản lý thành những bước rõ ràng, có thể thực hiện được. Mỗi bước được thể hiện bằng một công thức bốn chữ súc tích, giúp nâng cao tính chính xác, hiệu quả và sự hiểu biết chung giữa các bên liên quan.

FWP được xây dựng dựa trên truyền thống Khổng học về các bộ Tứ-Tự (四字), nhưng được tái diễn giải để phù hợp với nhu cầu nông nghiệp và quản lý hiện đại. Bằng cách quy giản các quy trình phức tạp thành những đơn vị ngôn ngữ chuẩn hóa, FWP không chỉ đơn giản hóa giao tiếp mà còn đẩy nhanh tiến độ đào tạo, triển khai và đánh giá trong nhiều bối cảnh nông nghiệp và công nghiệp khác nhau.

Với thiết kế có hệ thống, FWP cung cấp một ngôn ngữ chung cho sự hợp tác liên ngành - kết nối nông dân, nhà quản lý, giới tài chính và các nhà hoạch định chính sách trong một khuôn khổ thống nhất về truyền thống và thực hành nông nghiệp.

Definition of the Integrated Management of Scholars, Farmers, Artisans, and Merchants (SFAM)

Định nghĩa Quản trị tích hợp Sĩ Nông Công Thương (SFAM)

The Integrated Management of Scholars, Farmers, Artisans, and Merchants (SFAM) is a governance framework that incorporates Vietnam's traditional fourfold social classification - scholars (sĩ), farmers (nông), artisans (công), and merchants (thương) - into a modern system of agricultural and economic management.

Each role within this framework embodies a distinct set of skills, responsibilities, and contributions to agricultural development: Scholars (sĩ) provide knowledge, education, and policy guidance. Farmers (nông) ensure production through cultivation and labor. Artisans (công) contribute through technological innovation, tools, and infrastructure. Merchants (thương) facilitate trade, distribution, and market integration.

By integrating these four roles into a single management system, SFAM creates a holistic model that balances intellectual, productive, technological, and commercial capacities. This integration supports sustainable agricultural growth and strengthens the adaptability of rural economies in the context of globalization.

Quản trị tích hợp Sĩ Nông Công Thương (SFAM) là một khung quản trị kết hợp hệ thống phân loại xã hội truyền thống của Việt Nam - sĩ, nông, công, thương - vào một hệ thống quản lý nông nghiệp và kinh tế hiện đại.

Mỗi vai trò trong khung này đại diện cho một tập hợp kỹ năng, trách nhiệm và đóng góp riêng cho sự phát triển nông nghiệp: Sĩ cung cấp tri thức, giáo dục và định hướng chính sách. Nông bảo đảm sản xuất thông qua canh tác và lao động. Công đóng góp bằng đổi mới công nghệ, công cụ và hạ tầng. Thương thúc đẩy thương mại, phân phối và hội nhập thị trường.

Bằng cách tích hợp bốn vai trò này vào một hệ thống quản trị thống nhất, SFAM xây dựng một mô hình toàn diện cân bằng giữa năng lực tri thức, sản xuất, công nghệ và thương mại. Sự tích hợp này hỗ trợ tăng trưởng nông nghiệp bền vững và tăng cường khả năng thích ứng của kinh tế nông thôn trong bối cảnh toàn cầu hóa.

Definition of Li-based Agro-Architecture (LAA)

Định nghĩa Lý-học Kiến-Nông (LAA)

Li-based Agro-Architecture (LAA) is a theoretical framework that examines the principles (lý - Li) underpinning agricultural development within an architectural perspective. It originates from the bipolar reasoning of “Architecture - Agriculture” (Kiến trúc - Nông nghiệp), also referred to as the Architecture-Agriculture Duality.

From this duality, LAA evolves into a multipolar reasoning system by developing relationships either within each pole or between both poles collectively. These multipolar dynamics generate a layered structure of binary oppositions, which guide the analysis of agricultural infrastructure, entrepreneurial activity, and their interconnections.

LAA is compiled in English, the Vietnamese alphabet, and Viet Confucianism characters, with three main objectives: 1. To inherit the intellectual essence of Vietnamese Li Studies over the past 250 years. 2. To integrate relevant international management knowledge accumulated during the same period. 3. To remain accessible and practical for laborers in agriculture and food processing industries, particularly in regions of low population density.

Thus, LAA serves as both a bridge between traditional and modern knowledge systems and as a practical methodology for advancing sustainable agricultural development in Vietnam and beyond.

Lý-học Kiến-Nông (LAA) là một khung lý luận nghiên cứu các nguyên lý (lý) nền tảng cho sự phát triển nông nghiệp trong tương quan với kiến trúc. Nó bắt nguồn từ lý lẽ lưỡng cực “Kiến trúc - Nông nghiệp”, còn gọi là lưỡng cực Kiến-Nông.

Từ lưỡng cực này, LAA phát triển thành hệ thống lý lẽ đa cực thông qua sự hình thành các mối quan hệ trong từng cực hoặc giữa cả hai cực. Các động lực đa cực này tạo ra một cấu trúc nhiều tầng nấc của những cặp đối đãi, qua đó định hướng phân tích hạ tầng nông nghiệp, hoạt động doanh nông và các mối liên hệ của chúng.

LAA được biên soạn bằng Anh ngữ, Quốc ngữ ABC, và chữ Việt Nho, với ba mục tiêu chính: 1. Kế thừa tinh hoa Lý học Việt Nam trong 250 năm qua. 2. Tiếp thu tri thức quản trị quốc tế tương ứng trong cùng giai đoạn. 3. Gần gũi, thiết thực với người lao động trong ngành sản xuất nông nghiệp và chế biến thực phẩm, đặc biệt tại các vùng có mật độ dân cư thấp.

Như vậy, LAA vừa là chiếc cầu nối giữa hệ thống tri thức truyền thống và hiện đại, vừa là một phương pháp luận thực tiễn để thúc đẩy phát triển nông nghiệp bền vững tại Việt Nam và trên thế giới.

The Five Foundational Concepts of Li-based Agro-Architecture (LAA)

Năm khái niệm nền tảng của Lý-học Kiến-Nông (LAA)

The theoretical framework of Li-based Agro-Architecture (LAA) is constructed upon five interrelated concepts that together provide both methodological clarity and practical applicability for agricultural development:

1. Four-Word Thinking of Field (FWTF - 知田四字) A concise language system structured around four-character sets, primarily applied in agriculture and progressively extended to related sectors.

2. Principle of Change in Agro-Architecture (PCAA - 建農易理) A set of principles derived from the I Ching, enabling farmers to improve, upgrade, and develop agricultural infrastructure, while strengthening negotiation capacity through contextual application.

3. Four-Word Process (FWP - 四字程式) A structured methodology that breaks complex tasks into simple, actionable steps, each expressed in one word, thereby simplifying communication and standardizing agricultural procedures.

4. Integrated Management of Scholars, Farmers, Artisans, and Merchants (SFAM - 士農工商) A management framework that integrates the traditional Vietnamese roles of Sĩ - Nông - Công - Thương into a modern system of comprehensive agricultural administration.

5. Li-based Agro-Architecture (LAA - 建農理學) A discipline that synthesizes the above elements into a coherent theoretical system. It develops from the bipolar reasoning

of Architecture - Agriculture into a multipolar logic, creating a layered structure of oppositions that guide sustainable agricultural development.

Together, these five concepts form the intellectual foundation of LAA, serving as both a theoretical compass and a practical toolkit for advancing Vietnam's agricultural economy in dialogue with global knowledge systems.

Khung lý luận của Lý-học Kiến-Nông (LAA) được kiến tạo trên năm khái niệm liên kết chặt chẽ, vừa mang tính phương pháp luận vừa mang tính ứng dụng thực tiễn cho phát triển nông nghiệp:

1. *Tứ-Tự Tri Điền (FWTF - 知田四字)* là hệ ngôn ngữ tinh gọn dựa trên các bộ bốn chữ, áp dụng chủ yếu trong nông nghiệp và dần mở rộng sang các lĩnh vực liên quan.
2. *Dịch-lý Kiến-Nông (PCAA - 建農易理)* là bộ nguyên tắc dựa trên Kinh Dịch, giúp doanh nông cải tạo, nâng cấp, phát triển hạ tầng nông nghiệp, đồng thời nâng cao năng lực đàm phán qua ứng dụng thực tiễn.
3. *Quy-trình Tứ-Tự (FWP - 四字程式)* là phương pháp có cấu trúc, chia nhỏ nhiệm vụ phức tạp thành những bước đơn giản, khả thi, mỗi bước biểu đạt bằng một chữ, từ đó tinh gọn giao tiếp và chuẩn hóa quy trình nông nghiệp.
4. *Quản trị tích hợp Sĩ Nông Công Thương (SFAM - 士農工商)* là khung quản trị tích hợp vai trò truyền thống Sĩ - Nông - Công - Thương vào hệ thống hành chính hiện đại, phục vụ quản lý nông nghiệp toàn diện.
5. *Lý-học Kiến-Nông (LAA - 建農理學)* là bộ môn tổng hợp bốn yếu tố trên thành một hệ thống lý luận mạch lạc. Nó phát triển từ lý lẽ lưỡng cực Kiến trúc - Nông nghiệp thành tư duy đa cực, kiến tạo hệ tầng đối đãi nhằm định hướng phát triển nông nghiệp bền vững.

Năm khái niệm này hợp thành nền tảng tri thức của LAA, vừa là kim chỉ nam lý luận vừa là bộ công cụ thực tiễn để thúc đẩy kinh tế nông nghiệp Việt Nam trong đối thoại với các hệ tri thức toàn cầu.

NEXT DEVELOPMENT TOPICS

CHỦ ĐỀ PHÁT TRIỂN TIẾP THEO

- Principle of Change in Agro-Architecture
Dịch-lý Kiến-Nông
- Four-Word Process
Quy-trình Tứ-Tự
- LAA 360
LAA 360
- English in Li-based Agro-Architecture
Tiếng Anh trong Lý-học Kiến-Nông
- Vietnamese alphabet and Nom script in Li-based Agro-Architecture
Quốc-ngữ ABC và chữ Nôm trong Lý-học Kiến-Nông
- Agronomy in Agro-Architecture
Nông-học Kiến-Nông

The author is grateful to you for reading the entire document and sending valuable feedback on / Tác giả biết ơn bạn đã đọc hết tài liệu và gửi lại những phản hồi quý giá về:

Việt Kiến Nông

0338 46 8781

vothanviet0381@gmail.com